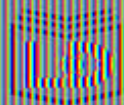
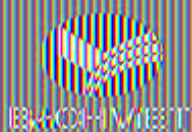


ALAN & IRENE

T hư i nh

Minh Phương



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

TA THUỘC VỀ NHAU

Tác giả: **Alan và Irene Brogan**

Dịch thuật: **Minh Phương**

Phát hành: **Bách Việt**

Nhà xuất bản: **Lao Động**

Ebook: **nguyenthao-cuibap**

Thể loại: **Văn học; Tự truyện**

Nguồn text: **Waka**

Tháng mười một năm 1959

Đó là một ngày trời lạnh và xám xịt. Tôi ngồi trên bậu cửa sổ trong phòng sinh hoạt chung, nhìn ra bên ngoài. Con đường vắng tanh và những cánh đồng ở phía xa.

Tôi bảy tuổi, mồ côi mẹ, không biết bố và các anh trai mình ở đâu, hay liệu tôi có thể gặp lại họ hay không. Tôi đã bị mắc kẹt ở nơi này, nơi có vô số những luật lệ phải tuân theo và chẳng có ai tỏ ra thân thiện.

Vừa lúc đó, một chiếc xe hơi lớn màu đen rẽ vào khúc quanh và dừng lại trước cửa ngôi nhà. Một người đàn ông bước ra, và sau đó là một cô bé. Cô ấy nhỏ hơn tôi, mái tóc đỏ cắt ngắn vuông vắn, mặc một chiếc áo không tay màu xám đậm con gái vẫn mặc, đi đôi giày cao cổ nhỏ màu đen.

Tôi nhìn cô ấy đi theo người đàn ông bước đến cửa trước. Chợt có gì đó vụt lên trong lòng tôi. Tôi biết cô ấy! Tôi không rõ ở đâu hay như thế nào. Chúng tôi chưa bao giờ gặp nhau, nhưng tôi biết cô ấy. Như thể mọi thứ bừng sáng và tôi cảm tưởng mình có thể chạy hàng dặm cùng cô mà không bao giờ mỏi mệt.

Khoảnh khắc ấy tôi hiểu rằng mình sẽ không còn cô đơn nữa. Tôi rời bậu cửa sổ và chạy tới mở cửa...

1- Alan

Không lâu sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc, vùng East End cũ của Sunderland xuất hiện một trong những khu ổ chuột tệ nhất châu Âu - một mê cung gồm toàn những ngôi nhà nhấp nhô xiêu vẹo. Đó là một nơi tối tăm và kinh khủng - nơi mà những gia đình đông người đều sống trong một căn phòng nhỏ.

Chính những dãy nhà ẩm ướt đầy chuột bọ thuộc sở hữu của những người địa chủ không bao giờ chi đủ chỉ một đồng để sửa chữa ấy, là ngôi nhà đầu tiên của tôi. Tôi được sinh ra ở đó, năm 1952, và ngôi nhà trên đường Moorgate của chúng tôi nằm ở nút giao của những con hẻm rải sỏi và những con đường chằng chịt vắt ngang khu ổ chuột.

Ngôi nhà nằm trong một dãy nhà san sát nhau. Chúng tôi ở tầng trên, một gia đình khác ở tầng trệt. Gia đình tôi có bố, mẹ, các anh trai tôi: Michael - 4 tuổi, George - 2 tuổi, và tôi. Ngoài ra thường có một hoặc hai chú của tôi ghé qua, nhất là chú Willie mỗi khi chú bị vợ đánh.

Bố tôi sinh ra trong một gia đình đông người, ông có 3 anh em trai và 6 chị em gái. Ông thường xuyên kể cho chúng tôi nghe về những lần chạy trốn khỏi những trận đòn bạo lực của ông nội - người thích trừng phạt con cái bằng chiếc thắt lưng da của mình. Chúng tôi chưa bao giờ gặp ông nội - ông hẳn đã chết trước khi tôi được sinh ra; chúng tôi chỉ được nghe về những hình phạt kinh khủng ông đã dành cho các con trai mình - và có thể cả con gái nữa - nếu họ làm ông khó chịu.

Chúng tôi có một chiếc giường đơn dành cho mẹ tôi - Eileen - và một chiếc giường đôi dành cho tất cả đám đàn ông, người lớn nằm đầu giường, trẻ con nằm cuối giường. Tôi được ngủ với mẹ cho đến khi lên hai. Khi đó em trai Brian của tôi ra đời, và tôi chuyển sang chiếc giường đôi, gia nhập hội những người đàn ông còn lại trong gia đình.

Thứ đồ nội thất duy nhất mà chúng tôi có là một chiếc bàn hình vuông với hai chiếc ghế gỗ. Chiếc bàn được đặt trước một lò than. Những ngày có đủ than, chúng tôi sẽ sưởi ấm căn phòng và nấu ăn. Ngoài ra, chúng tôi còn có vài cái thùng thiếc và một cái bồn tắm cũng bằng thiếc. Tường và sàn nhà đều chỉ là lớp bê tông trần, thêm vài sợi dây vắt ngang phòng để phơi quần áo. Vào giờ cơm, chúng tôi sẽ đứng quanh bàn đợi mẹ tôi lục tung tìm kiếm bất cứ thứ gì có thể ăn - và thường thì chẳng có nhiều.

Hẳn mọi thứ đã thật khó khăn với mẹ tôi. Bà chắc chắn đã không ít lần nhin đói, nhưng chúng tôi còn quá trẻ con để có thể biết lo lắng. Chúng tôi sẽ chỉ ngấu nghiến bất cứ thứ gì ăn được và rồi lại chạy đi chơi. Những đường phố bản thủ đó là nhà, và miễn là chúng tôi có bố, có mẹ và có ai đó để chơi cùng, thì chẳng còn gì phải bận tâm. Dù có khó khăn, chúng tôi vẫn là một gia đình gắn bó, và chúng tôi đều cảm thấy được yêu thương. Cuối ngày, mẹ sẽ ôm từng đứa chúng tôi khi bà bảo chúng tôi lên giường đi ngủ, cha sẽ vuốt tóc hoặc vỗ lưng chúng tôi và nói “ngủ ngon nhé con trai”, rồi chúng tôi sẽ mau chóng chìm vào giấc ngủ.

Chúng tôi luôn đen như than vì chơi trên những hố bom rải rác trong khu ổ chuột. Những đứa lớn tuổi hơn trèo vào giữa đồng đồ nát, bồn mót trong những căn phòng đã bị chôn vùi và đào sâu bên dưới những lò sưởi cũ nát. Có vài bức tường vẫn còn nguyên giấy dán đầy hình hoa, và đôi khi có những bức tường còn cao tới hai tầng nhà, nằm trơ lại đó trong khi cả ngôi nhà đã đổ sập. Những chỗ đó luôn hấp dẫn với chúng tôi vì chúng tôi chẳng có mẫu giấy dán tường nào ở nhà mình.

Tắm rửa sạch sẽ chưa bao giờ là một công việc dễ dàng đối với chúng tôi ngày ấy, bởi vì không có nhà tắm cũng không có vòi nước. Các nhà đều dùng những nhà giặt công cộng - cứ bốn hay năm dãy nhà mới có một nhà giặt như thế - điều đó cũng có nghĩa là chúng sẽ được dùng chung bởi 10 gia đình. Mỗi buồng giặt được xây như một cái chuồng nhỏ với cánh cửa bằng gỗ lúc nào cũng hỏng. Bên trong mỗi buồng có một vòi nước lạnh được cố định vào một bên tường và một chiếc bồn cầu ở bên còn lại, ngăn cách nhau bởi một tấm ga giường cũ kĩ người ta treo lên cho lịch sự. Một sập báo treo trên tường dùng làm giấy vệ sinh. Giữa buồng là một hàng ấm và

xô để giặt quần áo, cũng có lúc là để tắm rửa cho mấy đứa trẻ mà các bà mẹ phải khó khăn lắm mới túm được. Bên cạnh đám xô là một cái máy cán để vắt đồ.

Vào những ngày giặt, mẹ tôi cũng như tất cả những người phụ nữ khác trong khu phải đi xuống cầu thang, tới nhà giặt, lấy một xô nước xách lên lầu để cho vào lò than đun nóng lên. Sau đó, bà sẽ xách xô nước trở xuống cầu thang một lần nữa để đổ vào các ấm để giặt. Cứ đi đi lại lại như vậy, giặt rồi xả nước. Thỉnh thoảng mẹ tôi sẽ đổ một vài xô nước vào bồn tắm thiếc đặt bên cạnh lò sưởi để bà có thể tắm khi không có ai ở nhà. Sau đó bà sẽ phải xách từng xô nước bần xuống lầu để đổ đi.

Khu ổ chuột của chúng tôi giống như một hòn đảo cách biệt hẳn khỏi đất cuối thị trấn. Chỉ cách đó vài trăm mét về phía Bắc là ba nhà máy đóng tàu được xây dựng bên bờ sông, và vài nhà máy nữa được xây bên bờ bên kia. Khi đó Sunderland là thị trấn đóng tàu lớn nhất thế giới với những nhà máy đóng tàu ở khắp nơi. Phía Đông là cửa ụ chính, các kho và bể chứa nhiên liệu. Phía Nam - nơi có khu của chúng tôi - là những cung đường sắt lớn dẫn tới những trạm cung cấp than - nơi suốt 24 giờ trong ngày than được đổ từ các toa tàu hơi nước xuống cầu trượt để đưa vào các tàu chở than trên biển. Những con tàu này sẽ khởi hành tới London và các cảng khác. Xuôi về phía Tây là một khu dân cư cũ kĩ gồm những tòa căn hộ bốn tầng cao với những đường cầu thang ngoài trời chạy xung quanh, nơi này chật ních các gia đình của những người làm ở bến tàu, ngư dân và thợ mỏ.

Bụi bần từ các nhà máy bay tới chỗ chúng tôi và bao phủ lên tất cả mọi thứ. Nhiều ngôi nhà ổ chuột bị vỡ kính cửa sổ, chỉ lấy bìa các tông hoặc báo dán lên, do vậy bụi bần bay thẳng vào và bám thành lớp dày trên những món đồ đạc ít ỏi có trong nhà. Bụi bám lên da, lên tóc, lên quần áo, và khi trời gió, bụi bám cả lên những tấm ga vừa giặt phơi cạnh con hẻm.

Ngoài bụi bần còn có tiếng ồn. Chúng tôi sống cùng những tiếng ồn ỉ không bao giờ dứt từ những nhà máy đóng tàu. Ngày cũng như đêm, đều vang lên tiếng tát tát liên tục của những người thợ tán đinh khi họ cố định những tấm thép với nhau, tiếng kim loại đập vào nhau và tiếng la hét của những người thợ. Rồi có cả tiếng lách

cách của bánh xe lăn trên sỏi cuội khi những chiếc xe đẩy được dùng để vận chuyển tất cả mọi thứ. Và theo thường lệ, khi một chiếc tàu mới được hạ thủy, sẽ có tiếng hò hét của đám đông và hàng loạt tiếng còi tàu rền rĩ cất lên chào mừng. Khi đó con tàu mới sẽ trượt xuống mặt nước, rẽ nước sang hai bên, được phụ họa thêm bởi tiếng ầm ĩ của những sợi xích khổng lồ được dùng như phanh lái.

Lũ trẻ con chúng tôi đã quá quen với những tiếng ồn đó đến nỗi gần như không nhận ra thế là ồn nữa. Hơn nữa, vốn dĩ những con phố chúng tôi ở tự nó cũng đã đủ ồn ào. Những đứa trẻ chơi đu trên những sợi dây thừng cũ kĩ buộc vào đầu những cột đèn, bọn con gái hát những bài hát khi chơi ném bóng hoặc nhảy dây, cái trò căng dây rồi nhảy chung - tới mười đứa cùng nhảy một lúc. Những đứa trẻ nhỏ hơn ngồi trong những chiếc xe đẩy lớn và khóc lóc, trong khi bọn con trai ầm ĩ giả tiếng bắn súng hoặc chơi Cao bồi và Người da đỏ, rượt đuổi nhau trên đồng đồ nát của những hố bom rải rác trong khu ổ chuột.

Những người phụ nữ đứng ở cửa nhà, quàng những chiếc khăn trùm đầu màu sắc hoặc mang lô cuốn tóc trên đầu và đeo những chiếc tạp dề hoa đốm. Họ nói chuyện, trong tiếng nền là âm thanh phát ra từ chiếc đài Rediffusion - một trong số ít những đồ dùng xa xỉ mà hầu hết các gia đình đều có - tiếng nhạc ầm ĩ của các ban nhạc tên tuổi và những bản nhạc jazz rất thịnh hành thời đó.

Thị thoảng sẽ có tiếng lộp cộp của vó ngựa gõ xuống nền sỏi cuội. Đó là khi những người thu mua đồ cũ - những người buôn đồng nát thu lượm bất cứ thứ gì còn dùng hay bán được - đến và rao to "Quần áo ráchhhh, quần áo len!!!".

Rồi còn có một bà bán cá đã già nua, bà Bulmer. Bà mang cá lấy từ bến cá gần đó đến, đựng trong một cái giỏ có lót vải và rao to "Cá tươiiii!" bằng cái giọng cao the thé. Hiếm khi có chiếc xe hơi nào đỗ ở khu phố của chúng tôi, nhưng cũng có những lúc chúng tôi nghe thấy tiếng còi hiệu của xe cứu hỏa, xe cứu thương hoặc xe cảnh sát vang lên, và khi ấy tất cả lũ trẻ con sẽ ùa ra để xem đó là xe gì.

Ngay cả vào ban đêm, tiếng ồn từ những nhà máy xung quanh vẫn không ngớt. Tiếng còi báo hiệu giờ giao ca của các ca làm việc

nổi nhau suốt ngày đêm. Chúng tôi nằm trên giường lắng nghe tiếng túc-túc của những con tàu kéo kéo những tàu chở hàng lớn từ ngoài biển ra vào cửa sông, tiếng còi xe lửa phía bên kia bức tường cao của nhà máy than đang hướng về phía bến tàu. Và trên những đường phố tối đen như mực chỉ có những ngọn đèn đường mờ mờ, có âm thanh của những người say xỉn hát nghêu ngao trên đường trở về nhà. Thường thì những trận cãi cọ sẽ xảy ra, những người phụ nữ la lối bắt người đàn ông dừng như vậy nữa, cùng theo đó là tiếng chai lọ hoặc tiếng hai người vật lộn trên nền gạch, tiếng thủy tinh vỡ, và tất cả những con chó trong khu sủa điên loạn.

Cách nhà chúng tôi không xa là Welcome Arms, quán rượu nằm sát biển nhất của Sunderland. Phía sau quán là những bậc thang dốc dẫn xuống con đường có tường bao quanh chạy quanh bến cảng. Đây là khe hở duy nhất trong sự kiểm soát an ninh chặt chẽ của bến cảng, là lỗ hổng duy nhất trong bức tường trải dài hàng dặm. Tôi không nghĩ chính quyền lại không biết về sự tồn tại của nơi này, nhưng có lẽ họ cảm thấy nên nhắm mắt cho qua, hoặc là tiền đã được trao vào tay những người bảo vệ an ninh vẫn thường xuyên tuần tra quanh khu này.

Khe hở đó là con đường thuận lợi cho hàng hóa nhập lậu - những thứ vẫn được đưa vào dưới lớp vỏ của những chiếc tàu chở hàng nước ngoài và kho ngoại quan, nơi tất cả mọi thứ thường biến mất, bất chấp đôi mắt sắc lẹm của hải quan.

Đi theo hướng khác vào trong bến cảng, là "những cô nàng chăm chỉ" tìm kiếm những công việc làm đêm đứng dọc bến. Nếu may mắn họ có thể được lên đưa lên thăm thú tàu, ở đó đồ uống sẽ được rót tràn và ngôn ngữ duy nhất là hình thái của yêu đương và tiền.

Vào sáng sớm, lũ trẻ con chúng tôi sẽ đếm số người lão đảo bước ra từ sau quán rượu đã đóng cửa. Những người khách đã dành cả đêm nằm trong bóng tối để tránh đám mông cớm (đó là tên gọi họ dành cho cảnh sát) ghé qua vẫn chưa tỉnh hẳn. Những cô gái tóc tai bù xù, son phấn trang điểm nhoè khắp mặt mũi, chân trần, rách giày trên tay, vẫn còn quay cuồng sau một đêm quá độ. Chúng tôi đã nghĩ họ hẳn rất mệt khi phải leo lên những bậc thang dốc chênh vênh. Như là đêm qua họ đã làm một cuộc hành quân xuống

bến cảng vậy.

Thời đó tất cả đàn ông ngày nào cũng đều mặc áo vét và quần dài, đội mũ nồi và quấn khăn choàng quanh cổ. Đó như kiểu là đồng phục, và cha tôi cũng không khác. Mỗi sáng sớm, ông đội mũ và choàng khăn, rồi tới cổng nhà máy để hi vọng có việc làm trong ngày. Nói cách khác là có thể nhận được phiếu từ quản đốc nếu ngày hôm đó nhà máy cần thêm người phụ giúp. Sau một ca làm, nếu người quản đốc nói ông làm tốt lắm, thì ông có thể nhận phiếu để tới quầy thanh toán và lấy tiền mặt. Một phiếu sẽ đổi được đủ tiền cho một bữa ăn của cả nhà hoặc mua một chút ga, nếu nhà đó có bình ga, và còn lại một ít tiền để dành.

Chiếc phiếu đó giá trị đến nỗi thỉnh thoảng những vụ ẩu đả sẽ xảy ra giữa những người đang đợi việc ở cổng nhà máy. Đôi khi một quản đốc vô đạo sẽ ném ra vài chiếc thẻ để xem trận chiến sẽ diễn ra để tranh giành chúng. Cha tôi hình như cũng từng đánh nhau vài lần, và thường thắng, giành được một chiếc thẻ và con mắt thâm tím.

Nếu không có việc, ông sẽ ra bãi biển cùng những người tuyệt vọng khác để nhặt những mảnh đồng thau trôi dạt lên bờ từ các xưởng đóng tàu. Nếu may mắn, nhặt nhanh cả ngày có thể kiếm được vài lạng kim loại. Đó là một công việc nguy hiểm, vì việc đó là bất hợp pháp và cảnh sát sẽ đuổi bắt những người lấy tài sản của bến cảng.

Vào cuối ngày, mọi người sẽ vội vã mang bất cứ thứ gì nhặt được đến bãi phế liệu để cân và nhận tiền ngay tại chỗ. Công việc cả ngày trời chỉ để kiếm vài đồng si-linh, nhưng cũng đủ mua bánh mì và sữa hoặc cá và khoai tây, là những đồ ăn rẻ nhất có khi đó.

Tôi không biết tại sao cha tôi lại không có một công việc ổn định, bởi vì khi ấy dường như có rất nhiều việc ở những nhà máy xung quanh đó, cho dù là cho những người lao động không có tay nghề. Lương không cao, nhưng sẽ ổn định. Nhưng cha tôi cùng với một đám đàn ông khác trong khu lại ưa tìm kiếm cơ hội theo ngày hơn.

Rất nhiều đàn ông trong khu chúng tôi đều thích uống rượu, và rất nhiều bà vợ đều phàn nàn rằng chút tiền họ có đã bị lãng phí vào quán rượu. Cha tôi không phải người như vậy, vì ông thích đua ngựa và cá cược hơn. Ước mơ làm giàu của ông thường xuyên

đưa ông tới chỗ người đánh cược thuê, vì thế bữa tối của chúng tôi thường xuyên là một đồng khoai tây chiên và mấy miếng cá đầu thừa đuôi thẹo, nằm trên tờ báo cũ, đặt giữa bàn.

Mẹ không bao giờ nói ra bà cảm thấy thế nào khi đám chúng tôi ăn hết phần của mình chỉ trong vài giây, nhưng bà hẳn đã rất buồn. Tôi đã bị còi xương do thiếu dinh dưỡng, điều đó khiến xương chân tôi quá mềm và bị cong lại vì sức nặng của cơ thể. Bọn trẻ ngoài phố luôn trêu rằng tôi bị sinh ra trên lưng ngựa, hoặc gọi tôi là “chân vòng kiềng” - thuật ngữ dùng cho những đứa trẻ còi xương - có rất nhiều đứa như vậy - dù các anh tôi không ai bị thế cả.

Chế độ phân phối được bắt đầu từ thời chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Những thứ như đường, kẹo và trà chỉ được phân phát trở lại vào khoảng giữa năm 1952-1953, còn thịt phải đợi đến tận năm 1954 mới có thể mua tự do. Cũng không ảnh hưởng gì lắm tới chúng tôi, vì chúng tôi chẳng bao giờ có tiền cho những thứ xa xỉ đó. Chúng tôi sống chủ yếu bằng bánh mì và khoai tây. Rau củ và hoa quả tươi gần như chưa bao giờ được nghe nói đến.

Một ngày khi tôi mới lên ba hay bốn gì đó, tôi được cử tới cửa hàng để mua một ổ bánh mì. Thường là các anh tôi sẽ đi, nhưng vì lý do nào đó hôm ấy họ không ở nhà, nên tôi lang thang trên những con đường rải sỏi, hướng tới cửa hàng ở góc phố. Đúng lúc đó một cái gì đó trông giống như một xe tải kem xuất hiện ở cuối đường và hướng đến chỗ tôi. Chiếc đèn lớn của nó nhìn như những con mắt và tôi đã nghĩ chúng đang nhìn tôi. Chiếc xe lại gần và gần hơn nữa và tôi hơi sợ, vì thế tôi đi hẳn lên mé đường để tránh nó. Nó vẫn như thể nhắm đến chỗ tôi, nên tôi chạy qua đường, nhưng tôi vẫn nghĩ nó vẫn ở phía sau mình.

Tôi chạy dọc con đường, đến cửa hàng và chạy vào trong. Có ba hay bốn phụ nữ mặc áo khoác dài và trùm khăn kín đầu đang đợi ở quầy thanh toán. Vẫn còn hoảng sợ sau khi đối mặt với chiếc xe nên tôi rất hốt hoảng. Tôi sợ nó lại đến và muốn nhanh về nhà, nên tôi đến quầy thu ngân ở cuối nơi không có ai đang đợi. Hóa ra đó là quầy bán kẹo. Tôi rời cửa hàng đó với một thanh sô cô la, một trong những loại của hãng Fry với gương mặt những đứa trẻ in trên vỏ.

Hừm, chiếc xe đã không đuổi được tôi, nhưng mẹ tôi thì không được vui cho lắm và tôi không bao giờ được cử đi mua đồ nữa. Về

phần sợ hãi của tôi khi đối mặt với chiếc xe, có thể là bệnh suy dinh dưỡng đã khiến tôi bị ảo giác.

Thật khó nói tại sao cha mẹ tôi lại sống trong sự nghèo đói thảm khốc như vậy. Mẹ tôi chắc chắn đã có xuất thân rất khác. Nghe nói cha mẹ bà, tức ông bà ngoại của tôi rất giàu có và sở hữu biết bao tài sản quanh thành phố cũng như vài vườn táo ở Kent. Họ có hai người con, mẹ tôi và em gái bà, dì Margaret, người đã kết hôn với một thuyền trưởng. Khi mẹ tôi yêu cha tôi - người sống ở khu tồi tàn của thị trấn, ông bà ngoại đã rất giận. Cha tôi khi ấy là một chàng trai trẻ hồn xược và tự mãn đến từ một gia đình đông người mang nhiều tai tiếng. Ông bà ngoại đã đe dọa sẽ từ mẹ tôi nếu mẹ lấy cha, và họ đã làm đúng như vậy. Theo như tôi biết, sau đó mẹ không bao giờ nghe tin tức gì từ ông bà ngoại nữa. Chuyện đó hẳn đã rất khó khăn với mẹ, nhưng bà đã yêu cha chúng tôi rất nhiều và hi sinh vì chúng tôi, và nếu như mẹ có gì hối tiếc, hẳn bà sẽ chôn giấu trong lòng.

Sau khi sinh Brian, mẹ tôi bị bệnh. Mẹ phải nằm trên giường suốt, và rất mệt. Hàng ngày sau khi chơi chán bên ngoài, chúng tôi thường về nhà, nhảy lên giường bà, bà sẽ cười và cù chúng tôi. Chúng tôi không rõ bệnh tình của mẹ, chỉ nghĩ rằng một ngày nào đó bà sẽ khỏe lên và ngồi dậy. Nhưng bà đã không khỏe lên được. Bà bị ung thư cổ tử cung. Bà chỉ mới 28 tuổi, nhưng bệnh đã không được phát hiện cho đến khi nó trở nên trầm trọng, và thời ấy hầu như không có cách chữa trị. Do vậy bà đã phải âm thầm chịu đựng, biết rằng mình sẽ không thể hồi phục, và chắc chắn hẳn đã không khỏi lo lắng về chúng tôi.

Đám con trai chúng tôi khi ấy thiếu hiểu biết về những chuyện đang xảy ra, lúc nào cũng vui vẻ như chim. Chúng tôi ưa khám phá, nghịch ngợm và tràn đầy năng lượng. Ngày qua ngày tôi chạy quanh trong bộ đồ quần sooc và áo vét bẩn thỉu, bụng ỏng, chân trần và cong, nhưng luôn cười toe toét.

Một tối sau khi rong chơi bên ngoài cả ngày, chúng tôi về nhà và nhận thấy có gì đó khác. Cha không cho chúng tôi nhảy trên giường mẹ. Vài người hàng xóm đã tới khiến căn nhà trở nên ồn ào. Mẹ khóc và nói điều gì đó với chúng tôi nhưng tôi không còn nhớ. Khi đó tôi mới bốn tuổi và không hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Mẹ bỏ chúng tôi đi ngay sau đó, và tất cả đều im lặng. Như thể thời gian đã bị đóng băng và kí ức của tôi cũng đông cứng. Tôi không hề nhớ có một đám tang hay có cảnh gia đình mình quây quần để nói lời tạm biệt. Có thể khi đó tôi còn quá nhỏ để được tham dự. Nhưng không ai trong nhà nhắc lại chuyện đó. Cha tôi, và cả các anh trai, họ hẳn sẽ nhớ chuyện đó rõ ràng, hay cả các cô bác đã đến và đi, không một ai nói đến chuyện đó nữa. Tưởng chừng như một đám mây đen đã đến và che giấu mọi thứ. Cha đã gắng gượng nhất có thể. Chúng tôi vẫn chơi đùa trên phố trong khi ông tìm việc mỗi ngày, và hàng xóm trông chừng chúng tôi. Nhưng vài tuần sau đó, mọi thứ đã thay đổi.

Đó là một ngày trời âm ướt khiến những viên sỏi cuội cũng mang một màu xanh xám. Đường phố ồn ào tiếng đám trẻ con đang nô đùa: bọn con gái hát những bài nhảy dây và đám con trai chúng tôi chơi đá bóng với một quả bóng tennis cũ. Cha đang ở cổng nhà máy tìm việc và em trai của cha, chú Willie - người đã chuyển tới sống cùng chúng tôi, đang ở ngoài bãi biển lượm đồng nát. Brian nhỏ bé khi ấy mới được hai tuổi, đang ở nhà hàng xóm.

Đột nhiên một chiếc xe hơi cũ màu đen có những chiếc đèn pha lớn rẽ vào con đường trong khu phố. Không ai ở đây có xe hơi hoặc hầu hết cũng chẳng quen biết ai có xe hơi, vì thế chuyện này xuất hiện như một khung cảnh vĩ đại hiếm thấy và bọn trẻ chúng tôi đều ngừng chơi để nhìn chằm chằm. Một chiếc xe như thế thường không là chấp hành viên thì cũng là cảnh sát.

Chiếc xe lăn bánh chậm rãi dọc con đường và chúng tôi chạy tới do thám. Một quý bà trung niên mặc bộ đồ vải tuyết và đi đôi giày màu nâu đậm bước xuống và bắt đầu nói chuyện với đám trẻ con, hỏi tên chúng. Bà đặc biệt hứng thú với các anh tôi và tôi và hỏi liệu chúng tôi có muốn ngồi lên xe đi một vòng. Chúng tôi không thể tin được mình lại may mắn đến thế và nhảy tưng tưng la hét "Vâng!". Với chúng tôi, đó như là lần đầu đi vào vũ trụ. Những đứa trẻ khác la hét đòi đi, nhưng bà ta nói chỉ có thể đưa 3 đứa đi. Nên Michael, Geogre và tôi trèo lên ghế sau, gào hét phấn khích.

Chiếc xe khởi hành đi dọc con phố với tốc độ rất chậm. Chúng tôi vẫy tay và hò hét với những người bạn chạy theo, những đứa đang chết vì ghen tị. Sau đó chiếc xe tăng tốc và bỏ xa bọn chúng. Chúng

tôi rời khỏi những con đường rải sỏi ngang dọc và bước vào một thế giới khác. Chúng tôi kinh ngạc nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ khi đi qua những ngôi nhà, những khu vườn lớn, những chiếc xe buýt, xe hơi, những cửa hàng và những người ăn mặc rất đẹp dắt theo những đứa trẻ sạch sẽ.

Chiếc xe tiếp tục đi lên một ngọn đồi với những hàng cây trải dài hai bên và những ngôi nhà rất lớn, cho đến khi đến một ngã ba gần đỉnh đồi. Bên kia đường là ngôi nhà lớn nhất, với hai ngọn tháp trên mái. Ngôi nhà được bao quanh bởi rất nhiều cây và một bức tường cao với lối vào là cổng gỗ. Chúng tôi đến cổng và người phụ nữ bấm còi. Một ông già xuất hiện mở cổng, và khi chúng tôi đi vào trong, những cánh cửa gỗ đóng lại phía sau.

Lúc đó ba chúng tôi bắt đầu lo lắng. Nơi này là cái gì? Đáng ra khi kết thúc chuyến đi bà ta phải đưa chúng tôi về nhà mới phải. Ba đưa tôi ngồi thành một hàng ở ghế sau, nhìn chằm chằm người phụ nữ. Bà quay lại và nhìn chúng tôi.

“Đi thôi, các cậu bé”. Bà nói. “Xuống xe nào. Chuyến đi đã kết thúc.”

2 - Irene

Ngôi nhà đầu tiên của tôi là ở Deptford, một vùng đất khiêm tốn của Sunderland nằm giữa một nhà máy sản xuất kính rất lớn và những bến tàu, có những con đường nhỏ gọn gàng bao quanh những dãy nhà nối tiếp nhau. Trước khi tôi được sinh ra vào tháng 10 năm 1950, cha mẹ tôi đã có 3 con gái - chị Joan 13 tuổi, chị hai Greta 10 tuổi và chị Pat mới 3 tuổi. Cha tôi, Jimmy, lái cần cẩu cho một công ty làm cần cẩu di động ở tại địa phương. Đó là một công việc đòi hỏi nhiều kĩ năng và ông nhận được mức lương xứng đáng nên gia đình tôi không quá nghèo. Nhưng ngày đó rất nhiều ngôi nhà bị ném bom trong chiến tranh mà chẳng có mấy ngôi nhà được xây mới, dẫn đến số lượng nhà ở bị thiếu hụt nghiêm trọng, do vậy cả những gia đình khá giả như nhà chúng tôi cũng chỉ có thể thuê một tầng của một ngôi nhà.

Chúng tôi sống ở tầng một của một ngôi nhà nằm giữa trong một dãy nhà liền ba căn. Lối lên tầng đi vòng từ phía sau, bước lên những bậc thang gỗ. Gia đình sống ở tầng trệt dùng cửa trước và nhà họ và nhà chúng tôi dùng chung một nhà vệ sinh ở sân sau. Chúng tôi có một căn bếp lớn, một phòng khách và hai phòng ngủ, một phòng dành cho bố mẹ và một phòng dành cho tất cả chị em gái chúng tôi.

Cha và mẹ tôi - tên bà là Greta - đã gặp nhau khi mẹ tôi mới 15 tuổi. Khi đó cha tôi chỉ lớn hơn mẹ 3 tuổi và đang ở trong quân đội. Mẹ tôi có thai và một đám cưới vội vàng được tổ chức vào tháng 6 năm 1937, khi ấy mẹ mới 16 tuổi và cha thì 19. Đó có thể là một đám cưới do hoàn cảnh bắt buộc, nhưng cha mẹ tôi thực sự yêu nhau. Họ cùng nhau ổn định và không bao giờ hối hận, đó là một cuộc hôn nhân bền vững và hạnh phúc.

Vài tháng sau lễ cưới, chị cả của tôi ra đời. Với cha mẹ tôi, việc trở thành bố mẹ khi còn quá trẻ như thế không phải là chuyện dễ dàng, nhưng cha tôi đã đi làm và nhà tôi đã có thể thuê một căn nhà

ở Deptford. Ba năm sau cha mẹ có thêm chị Greta, nhưng lúc đó chiến tranh nổ ra và cha phải nhập ngũ. Ông đi chiến đấu, và mẹ tôi, khi đó mới 19 tuổi, phải một mình nuôi một đứa trẻ lẫm chẫm và một đứa mới ra đời.

Khi cha trở về, tới lượt chị Pat được sinh ra, và 3 năm sau đó tôi ra đời. Tôi hầu như không nhớ được những chuyện ngày đó, nhưng tôi nghe các chị tôi kể lại rằng chúng tôi là một gia đình hạnh phúc và náo nhiệt như bao gia đình khác. Mẹ ở nhà trông nom đám chúng tôi, trong khi cha đi làm và luôn về nhà đúng vào giờ bữa xế.

Bi kịch xảy đến năm tôi 2 tuổi. Năm đó mẹ tôi 31 tuổi và bác sĩ chẩn đoán bà mắc bệnh lao - chứng bệnh phổi khủng khiếp phổ biến thời đó, và ai đã mắc phải thường không có cơ hội sống sót. Mẹ tôi bị đưa đến khu bệnh lao của bệnh viện Ryhope ở ngoại ô thị trấn, và bà đã ở đó suốt nhiều tháng. Hẳn thời gian đó đã rất khó khăn với bà, bị cách biệt với gia đình - như những bệnh nhân khác, và ngày càng ốm yếu hơn.

Cha đã phải cáng đáng cả gia đình. Chị Joan và chị Greta, khi ấy 15 và 12 tuổi, đã đủ lớn để ở nhà một mình. Đi học về họ tự làm bài tập, dọn dẹp nhà cửa và nấu bữa xế cho cha. Nhưng cha không thể trông nom tôi và chị Pat. Chị gái cha, bác Jenny - người chúng tôi hay gọi là bác Jen - và chồng bác, bác Charlie, nhận chăm sóc Pat nhưng họ không thể nuôi thêm cả tôi nữa. Cha đã rất khó khăn khi quyết định phải gửi tôi đi, nhưng có lẽ ông không còn sự lựa chọn nào khác. Và tôi nghĩ hẳn cha và mẹ tôi đều đã ôm ấp một niềm hi vọng nhỏ nhoi rằng mẹ tôi sẽ khỏe lại và gia đình tôi sẽ lại được đoàn tụ như trước.

Tôi bị đưa đến một trại trẻ tên là Burdon Hall, nằm ở ngoại ô Sunderland. Khi đó tôi còn quá nhỏ để có thể nhớ được tôi đã đến đó bằng cách nào, nhưng sự hoảng loạn khi nhận ra gia đình mình đã biến mất và mình đang ở một nơi xa lạ, với những người lớn và những đứa trẻ không hề quen biết, vẫn hiển hiện rõ trong tâm trí tôi một thời gian dài. Đó là một quãng thời gian buồn bã và sợ hãi.

Thật không ngờ Burdon Hall hóa ra lại gần bệnh viện nơi mẹ tôi ở. Chỉ cách nhau vài cánh đồng. Mãi đến nhiều năm sau tôi mới nghe bác Jen kể lại rằng nhiều lần mẹ tôi đã gượng dậy từ giường bệnh và lê lết qua những cánh đồng phủ tuyết trắng chỉ để thấy tôi.

Tôi không nhớ đã gặp mẹ, nhưng chuyện đó có ý nghĩa rất nhiều với tôi khi biết bà đã cố gắng như vậy chỉ để được ở gần tôi. Bác Jen nói rằng sau những lần mẹ tôi đến thăm, tôi thường ngồi hàng giờ trên bậc cửa sổ, nhìn chăm chăm về hướng mẹ tôi rời đi, và một trong những kí ức đầu tiên tôi có là những dấu chân in trên tuyết trắng.

Sau khoảng hơn một năm nằm viện thì mẹ tôi mất. Đó là tháng 3 năm 1954, 2 tuần trước sinh nhật tuổi 33 của bà. Tôi đã không được biết tin này. Nhưng một ngày cha đến đón tôi và nói ông sẽ đưa tôi về nhà. Khi đó tôi đã quá sung sướng vì được gặp cha và vì nghĩ rằng tôi sẽ được trở về nhà cũ của tôi, về với mẹ tôi. Nhưng ngôi nhà ông đưa tôi đến là một ngôi nhà khác. Trong thời gian tôi được gửi tới nhà trẻ, gia đình tôi đã chuyển đến một ngôi nhà mới tinh có 3 phòng ngủ ở một khu gọi là Pennywell. Một chương trình xây dựng lớn đang được tiến hành, và nhiều gia đình trên khắp thành phố được rời khỏi những ngôi nhà xuống cấp đột nát để chuyển đến những ngôi nhà mới nơi có những tiện nghi hiện đại như nhà vệ sinh khép kín trong nhà.

Chúng tôi là một trong số những gia đình may mắn đó, mặc dù với tôi, khi ấy mới 3 tuổi rưỡi, nhà mới chỉ là một cú sốc chứ chẳng thích thú gì. Mẹ tôi đã mất, chị Pat đã ở lại với bác Jen và bác Charlie. Thay vào đó, anh trai của bố tôi, bác Bob, chuyển tới ở cùng chúng tôi. Ông là một người đàn ông nhỏ bé có nụ cười rộng ngoác và chân cong do di chứng còi xương từ nhỏ.

Cha thực sự không thể nào vượt qua được chấn động từ cái chết của mẹ tôi. Ông đã quẩn trí và cũng không lấy ai nữa. Thay vào đó, ông bắt đầu uống rượu rất nhiều, chôn vùi nỗi buồn của mình dưới đáy những chai rượu. Do vậy bác Bob trở thành cha đại diện của chị em tôi, đảm nhận hầu hết các nghĩa vụ của phụ huynh và cố hết sức trông nom chúng tôi, trong khi cha bận vật lộn với nỗi buồn đau của ông.

Tôi không nhớ nhiều về căn nhà đó ngoài việc chui rúc giữa các chị trong phòng ngủ của chúng tôi. Tôi chỉ ở đó được vài tuần, vì rõ ràng là cha và bác nhận ra họ không thể để tôi ở nhà. Họ đều phải đi làm, chị Joan cũng vậy. Chị Greta còn đi học, và vì thế chẳng có ai trông tôi cả ngày được.

Cha muốn tất cả chúng tôi ở cùng nhau, nhưng khi đó ông đã quá đau buồn suốt cả ngày và không thể tìm ra cách giải quyết. Có lẽ nếu ông tỉnh táo hơn, ông đã có thể tìm ai đó trông tôi và đưa chị Pat về nhà. Nhưng chăm sóc trẻ con khi đó với ông là điều không thể, và dù bác Bob đã cố gắng hết sức, bác ấy cũng không thể chăm sóc cho một đứa trẻ lên ba, vì thế khi chị gái họ, bác Meg đề nghị được đón tôi về, cha tôi đã miễn cưỡng chấp nhận.

Lại một lần nữa đồ đạc của tôi được đóng gói và tôi bị chuyển đi. Tôi đã khóc khi nhận ra mình lại phải xa các chị. Tôi bám chặt lấy chị Joan và van xin chị cho tôi ở lại. Tôi không thể hiểu nổi - tại sao tôi lại phải rời đi một lần nữa? Chẳng ai giải thích cho tôi. Cha chỉ đơn giản cầm túi đồ của tôi lên, nắm tay tôi và tách chúng tôi ra, sau đó ông kéo tôi đi. Tôi đã khóc nức nở suốt dọc đường.

Bác Meg và con gái của bác, chị Kathleen, người vừa bước sang tuổi 16, sống cách đó khoảng một dặm rưỡi, trong một ngôi nhà nhỏ ở góc phố. Như rất nhiều căn nhà thời đó, cửa ra vào nằm ở phía sau nhà. Ngôi nhà khá lớn, với 3 phòng ngủ trên lầu và một căn phòng rất lớn ở tầng trệt được dùng làm phòng khách kiêm phòng ăn và bếp. Căn phòng này rất tối, được thắp sáng chỉ bởi một ngọn đèn leo lét giữa trần nhà. Những nguồn sáng khác là từ ô cửa sổ nhỏ nhìn ra sân sau và một lò sưởi.

Căn phòng có một bếp than gang lớn với một bệ lò sưởi chiếm trọn toàn bộ bức tường đối diện cửa trước. Thường thì sẽ luôn có lửa cháy, với một cái ấm đun nước cũ đặt lên trên. Tôi thường ngồi say mê ngắm nhìn hơi nước bốc lên từ vòi ấm khi nước sôi.

Căn nhà này khác hẳn với căn nhà tôi vừa rời khỏi. Nhưng bác Meg và chị Kathleen rất tốt với tôi nên khi tôi đã quen với sự xa lạ của một ngôi nhà khác, tôi cũng dần quen với họ.

Bác Meg là một người phụ nữ vui vẻ và chăm chỉ, luôn cười với tất cả mọi người và sẽ xắn tay vào làm bất cứ việc gì mà không nề hà. Bà có dáng người nhỏ bé đầy đặn, nhưng điều đặc biệt ở bà là mái tóc đen dài rất đẹp. Hình như đó là gen di truyền; tất cả những người phụ nữ trong gia đình họ đều có mái tóc đẹp như vậy, Kathleen cũng thế. Chị ấy giống mẹ, luôn vui vẻ và hài hước. Bác Meg có một người con trai và ba người con gái, trong số đó Kathleen là con út và là người duy nhất vẫn sống ở nhà. Tôi chưa

bao giờ biết chuyện gì đã xảy ra với chồng bác và bà cũng chưa từng nói đến chuyện đó.

Bác Meg nấu ăn ngon không tưởng và mùi bánh mì mới nướng luôn tràn ngập trong nhà. Tôi rất thích nhìn bà mở cửa lò nướng với khăn bao lót trên tay và lôi khay bánh ra. Bà sẽ đặt những chiếc bánh, khi đó đều đã chuyển sang màu vàng nâu và vỏ chín giòn, lên chiếc bàn gỗ lớn giữa phòng cho nguội bớt. Thỉnh thoảng bà sẽ cắt một lát bánh vẫn còn ấm, phủ lớp bơ ngon nhất lên và đưa nó cho tôi. Vị của nó đúng là thiên đường.

Nhưng ngon hơn nữa là thịt băm và bánh bao bà làm - một bữa ăn tuyệt vời cho một cô gái nhỏ đang đói, với những miếng thịt dày và bánh bao to đùng, tất cả đang nổ lóc bóc trong bếp. Bà sẽ mở cửa lò để xem những đầu bánh đã giòn chưa trong lúc tôi nháy nhót sốt ruột đợi đến giờ ăn tối.

Cứ vài ngày một lần, bác Meg sẽ lôi chiếc xe đẩy lớn cũ kĩ trong nhà kho ở sân sau ra, bế tôi đặt lên trên và đẩy xe xuống sân than nằm bên cạnh tuyến đường sắt cũ gần đó. Bác ấy sẽ tìm người bán than ở đâu đó giữa những đống than, và ông ta sẽ dùng xẻng xúc than đổ vào một chiếc xô lớn đặt sẵn trên máy cân. Lúc đó bác Meg sẽ nhắc tôi xuống và đẩy chiếc xe tới gần để người bán than có thể xách xô than đổ vào xe, bụi than bay lên thành một đám mây nhỏ ám đen mặt tôi nếu tôi lỡ không may đứng sát quá. Khi bác ấy trả tiền xong chúng tôi sẽ đẩy xe đi, toát mồ hôi và thở hổn hển vì phải đẩy chiếc xe nặng ngược lên đồi để về nhà, rồi lại xúc than cho vào trong cái xô đặt bên cạnh lò sưởi.

Mỗi tuần một lần bồn tắm thiếc sẽ được mang ra và đặt trên tấm thảm trước lò sưởi trong phòng ngủ. Lửa được nhóm lên và chiếc ấm đun nước kim loại cũ kĩ được đổ đầy nước và mang từ tầng dưới lên để đun nóng và sau đó đổ vào bồn. Bác Meg và chị Kathleen sẽ chạy lên chạy xuống cầu thang, lấy hết ấm nước này đến ấm nước khác ở sân sau. Phải rất rất lâu nước mới đầy được bồn tắm. Chị Kathleen sẽ tắm trước, và tôi tắm sau.

Tôi ngủ chung với chị Kathlee trên chiếc giường đôi ấm cúng trong phòng chị ấy. Ban đêm, trên trần phòng sẽ hiện lên hình thù biến đổi của những chiếc bóng hắt lên bởi ánh sáng từ lò sưởi đang bập bùng và chúng tôi sẽ nằm sát cạnh nhau, ngắm nhìn chúng. Chị

Kathleen sẽ kể cho tôi những câu chuyện về những nàng công chúa và những nàng tiên, những điều ước trở thành sự thực. Tôi thích những câu chuyện đó và tôi ước mình trở thành công chúa để những điều ước của tôi sẽ thành sự thực. Tôi nhớ mình đã mong ước điều gì - rằng được ở cùng với các chị tôi, với cha và mẹ tôi, tất cả chúng tôi sống hạnh phúc bên nhau.

Nhưng bên ngoài phòng ngủ của chúng tôi, những bóng ma đang rình rập. Từ cửa sổ phòng chúng tôi nhìn ra có thể thấy khu nhà Cottage Homes đáng sợ bên kia con phố chính. Bác Meg cảnh cáo tôi rằng nơi đó dành những đứa trẻ nghịch ngợm - chúng sẽ chẳng có gì để ăn và bị đánh đập nếu không làm theo những gì người ta sai bảo. Mọi bà mẹ ở đây đều cảnh cáo con họ rằng nếu chúng không ngoan ngoãn sẽ bị cho vào đó, vì thế tất cả bọn trẻ con đều sợ.

Cottage Homes được ngăn cách với đường bằng một hàng rào dây thép gai dài. Lối vào chính là một chiếc cổng lớn bằng kim loại. Tôi có thể nghe thấy tiếng cọt kẹt mỗi khi người ta mở cổng, và âm thanh đó luôn khiến tôi sợ hãi. Tôi đã từng ngồi trên bậu cửa sổ phòng ngủ nhìn ra hàng rào gai và những tòa nhà bên trong ấy, tự nhủ mình phải thật ngoan để không bị cho đến đó.

Một ngày nọ, khi tôi đã ở nhà bác Meg được vài tháng, có tiếng đập rầm rầm vào cửa trước. Tôi sợ hãi đến nỗi trốn đi. Sau đó, tôi nghe thấy giọng cha tôi nói chuyện với bác Meg. Bà trả lời ông, rồi đột nhiên giọng ông hét lớn đầy tức giận. Bác Meg cũng tức giận nói gì đó và lập tức cả hai người nạt nộ lẫn nhau. Tôi có thể nghe thấy ý cha muốn đưa tôi về nhà, và bác Meg thì bảo ông rằng ông không thể chăm sóc tôi và tốt hơn hết nên để tôi ở lại với bà. Cha cố gắng tiến đến và bà thì cố gắng ngăn cản ông. Hai người họ bắt đầu mắng chửi lẫn nhau, trong lúc đó tôi co rúm phía sau bàn vì sợ hãi trước những câu la hét giận giữ. Gạt bác Meg ra, cha cầm lấy cánh tay tôi và kéo tôi - khi đó đang khóc nức vì sợ - ra khỏi nhà và trở về Pennywell.

Tôi không hiểu tại sao cha lại đưa tôi đi, và tại sao ông lại tức giận như vậy. Tôi đã không thể chào tạm biệt bác Meg và chị Kathleen, thậm chí còn không thể mang theo đồ đạc của tôi nữa.

Và một lần nữa tôi lại thấy mình trở về nhà. Có vẻ như cha đón tôi về vì chị Joan đã đồng ý bỏ việc để ở nhà trông tôi. Tôi rất vui vì được ở cùng chị và chúng tôi cùng đi chợ, dọn nhà và nấu nướng. Nhưng cha hầu như không để ý đến tôi - hoặc cũng có thể là chẳng để ý đến ai trong chúng tôi. Ông đã nghiện rượu nặng và phần lớn thời gian không ở nhà, thường ông ở chỗ làm và sau đó tới thẳng quán rượu. Bác Bob thường trách mắng ông vì sự thờ ơ của ông với con cái, cụ thể là với tôi, nhưng cũng chẳng ích gì.

Có một ngày bác Meg lại đến. Tôi đã nghe thấy bà bảo cha tôi để bà đón tôi về. Nhưng cha đã giận dữ. Lại thêm một trận cãi vã nữa và cha kẹp chặt cánh tay bác Meg ở cánh cửa trong khi bà la hét không ngừng. Âm thanh đó thật khủng khiếp và tôi bắt đầu khóc lóc van xin chị Joan bảo cha ngừng lại, nhưng chị ấy đã không làm gì cả. Cuối cùng cha tôi cũng để bác Meg đi. Bà rời đi, và đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy bà. Tôi đã không gặp lại bà suốt nhiều năm sau đó. Tôi rất buồn, và dù tôi hạnh phúc khi được ở nhà cùng với các chị của mình, bác Meg thực sự đã đối xử rất tốt với tôi.

Ở một khía cạnh nào đó, việc cha không để bác Meg đưa tôi đi là một điều đáng tiếc bởi vì ở nhà bác Meg tôi đã cảm thấy an toàn và được yêu thương. Tôi nghĩ rằng sau cuộc cãi vã của họ chính là lòng tự trọng bị tổn thương đã khiến cha làm thế. Đúng như vậy, khi chị Joan phải trở lại làm việc vài tuần sau đó, cha gửi tôi tới sống ở nhà một người anh trai khác của cha, bác Tom, và vợ bác là bác Jane. 4 tuổi, tôi lại đặt chân tới ngôi nhà thứ 5 của mình trong vòng 2 năm: một ngôi nhà chỉ có một tầng chia làm hai phòng ở khu Springwell của thị trấn. Bối rối và buồn rầu, tôi chấp nhận những thay đổi mà không phản nản. Tôi còn có thể làm gì khác? Mỗi khi tôi cảm thấy gần như đã gắn bó với nơi nào đó, tôi lại bị lôi đi và chuyển tới một nơi mới. Nhưng chẳng bao giờ tôi được thông báo trước rằng khi nào hay thậm chí cũng chẳng được giải thích tại sao tôi phải chuyển đi, và nếu tôi khóc hay thể hiện ra rằng tôi buồn thì cũng sẽ bị mặc kệ thôi. Vì thế tôi học cách giấu kín cảm xúc và im lặng.

Con trai của vợ chồng bác Tom, anh Ned, đã 19 tuổi, mới lấy vợ và chuyển ra ngoài sống, vì thế nhà chỉ còn hai người họ và tôi. Họ không còn đứa con nào khác ngoại trừ một chị con gái đã mất lúc

mới sinh.

Căn hộ nhỏ và u buồn. Căn phòng chính được dùng như phòng khách kiêm bếp và phòng ăn. Chỉ có một cửa sổ nhìn ra vườn sau nên trong nhà lúc nào cũng tối. Có một cái bếp ga, một cái bồn rửa nơi tôi được đứng lên đó tắm mỗi tuần, một chiếc bàn có bốn ghế gỗ, hai cái ghế nệm - một cái cạnh lò than để bác Tom ngồi và một cái đặt cạnh đó cho bác Jane. Tôi phải ngồi ở một trong những chiếc ghế gỗ kia.

Căn phòng thứ hai là phòng ngủ. Họ dành cho tôi một cái trường kỷ có mùi ẩm mốc làm bằng lông ngựa đặt bên kia căn phòng, đối diện với giường của họ. Nó sần sùi và không thoải mái chút nào, lại bốc mùi nữa.

Không có sự ấm áp hay có những cái ôm từ hai bác. Cả hai người họ đều cứng nhắc và xa cách và không có biểu hiện nào của tình yêu thương. Họ muốn tôi chỉ làm những gì được bảo và đừng gây cho họ bất cứ rắc rối nào. Họ thường xuyên cáu giận với tôi và cho tôi thấy rõ mình là gánh nặng của họ.

Tôi không thích ở đó. Luôn lo lắng nghĩ đến chuyện phải làm hài lòng hai bác, tôi đã cố gắng hết sức làm tốt mọi chuyện và im lặng hết sức có thể để không làm họ khó chịu, nhưng cứ như thể mọi thứ tôi làm đều sai trái. Tôi đã từng nằm trên chiếc giường lông ngựa của tôi và mừng tượng tới vòng tay ấm áp của bác Meg hoặc tưởng tượng ra cảnh mình được trở về nhà với các chị của tôi.

Không lâu sau đó bác Tom nói với tôi rằng cha tôi đã đi xa, tới London. Tôi không biết London là ở đâu hay tại sao cha lại tới đó. Đầu tiên là mẹ bỏ đi, và giờ là cha. Và tôi không thể hiểu tại sao cha lại không cho tôi ở nhà bác Meg, rồi lại bỏ đi để tôi phải sống với bác Tom và bác Jane trong cảnh thảm hại này. Chắc chắn cha lại thấy cuộc sống thật khó khăn khi không có mẹ, và có lẽ ông muốn bắt đầu lại. Nhưng ông đã để lại những đứa con mình bơ vơ. Chị Joan mới 17 tuổi và chị đã quyết định cưới một chàng trai trẻ, anh Alan Smith, và chị Greta đã chuyển đến sống với những người họ hàng khác. Chị Pat vẫn ở cùng bác Jen và bác Charlie. Nhưng tôi vẫn mắc kẹt ở đây, không có hy vọng được cứu thoát.

Giờ ăn mới thường là một thử thách. Trong khi đồ ăn ở nhà bác Meg khiến người ta chảy nước miếng thì đồ ăn ở nhà bác Jane

hoàn toàn ngược lại. Tôi sợ nhất là thứ Hai, vì hôm đó sẽ có lòng bò kèm bánh mì và bơ trong bữa xế. Lòng bò - niêm mạc của dạ dày con bò - là thứ ghê tởm nhất tôi từng ăn. Nó trơn tuột và lạnh ngắt, và dù tôi vừa ăn vừa uống nước trà nóng thì cũng vẫn không thể rửa sạch được cảm giác ghê tởm đó. Tôi không phải một đứa trẻ hay chống đối, nhưng ăn lòng bò là việc vượt ra ngoài sức chịu đựng của tôi. Tôi thường phải ngồi ở bàn hàng giờ, chặt vật để nuốt chúng, trong khi bác Tom và bác Jane cau mày và lăm bằm về việc tôi là một đứa vô ơn như thế nào. Trước khi có thể ăn xong thì tôi đã phát khóc và mệt mỏi, và họ sẽ tống tôi vào phòng ngủ trong sự ô nhục.

Bác Jane mới ở độ tuổi quãng cuối 30 nhưng giống như nhiều phụ nữ thời đó, bà nhìn già hơn tuổi rất nhiều. Bà có một thân hình béo lùn và mái tóc thẳng điểm bạc buộc gọn lại. Và lại cũng như nhiều phụ nữ quanh đó, lúc nào bà cũng đeo một cái tạp dề trước ngực. Bà còn bị nặng tai và lúc nào cũng phải đeo một cái máy trợ thính có những cục pin lớn đi kèm mà bà luôn để trong túi tạp dề, sẽ có dây tai nghe đeo ở hai bên tai bà. Bà có vấn đề lớn với việc điều khiển cái máy đó và hầu như không bao giờ điều chỉnh đúng cách dù bà lúi húi với nó suốt. Lúc nào cũng có tiếng ồn như tiếng huyết sáo phát ra từ tai nghe, và bà sẽ thường tắt nó đi. Nhưng ngay cả khi có máy trợ thính, bà cũng hầu như chẳng nghe được những gì người khác nói và thường trả lời chẳng liên quan, gây ra những chuyện nực cười. Vào buổi đêm khi bà đã đi ngủ, tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng máy kêu rè rè, và bác Tom sẽ thức dậy và la lớn “Tắt ngay đi!”.

Bà còn mắc một căn bệnh khiến bà bị co giật, cảnh tượng khiến tôi thấy rất kinh khủng. Tự nhiên không báo trước bà sẽ bắt đầu co giật dữ dội. Bà sẽ ngã xuống sàn nhà và sùi bọt mép, và mắt bà sẽ đảo tròng lên trên và bà chỉ nhìn trừng trừng lên trần nhà. Những lúc đó tôi thường chạy trốn cho đến khi bà trở lại bình thường.

May mắn thay, phần lớn thời gian những cơn co giật đó xảy ra ở nhà, và bác Tom hay một người hàng xóm sẽ có mặt để giúp bà. Nhưng có một lần bác Jane đã lên cơn khi chúng tôi đang băng qua con đường chính đông đúc. Trước sự hoảng loạn của tôi, bà ngã xuống đất, co giật trước mặt tất cả các xe cộ. Tôi không biết phải làm gì. Toàn thân tê liệt, tôi đứng đó hoảng sợ, chỉ biết nhìn và cầu

mong cho bà ngừng co giật rồi đứng lên lại.

Buồn thay, chẳng có ai tới giúp chúng tôi. Có thể họ nghĩ bà bị say, nhưng vì lý do gì đi nữa thì giao thông cũng đã bị ngừng trệ cho đến khi bà có thể di chuyển trở lại. Bác Jane tội nghiệp đã bị thương khi ngã xuống, và khi bà đứng lên, máu chảy ra từ mũi và từ tay bà. Chuyện này khiến tôi càng khiếp sợ hơn. Tôi bắt đầu khóc nức nở, không biết phải làm gì ngoài nhìn quanh để xem có ai có thể giúp đỡ. Nhưng cuối cùng bác Jane đã có thể bò vào đến bên vệ cỏ, trong khi tôi vẫn khóc lóc và cố gắng đỡ bà đứng dậy.

Chúng tôi chỉ còn cách nhà cỡ 100 mét, nhưng mất rất lâu sau đó chúng tôi mới về tới nhà. Một người hàng xóm nhìn thấy đã đưa bác Jane đến bệnh viện, người ta bảo bà bị dập mũi và gãy ngón tay. Bà về nhà với bàn tay được băng bó, và mặt bà bầm tím suốt vài tuần sau đó.

Việc này đã khiến tôi bị sốc và sợ hãi đến nỗi sau đó tôi cứ lo sẽ phải đi đâu đó với bác Jane vì sợ chuyện đó xảy ra lần nữa. Nhưng chuyện đó có vẻ như cũng không ngăn cản bà tiếp tục đi tới chỗ này chỗ kia như thường - hoặc có thể đơn giản là bà chẳng còn sự lựa chọn nào khác - nhưng mỗi khi chúng tôi ra ngoài tôi sẽ đi sau lưng bà, lo sợ bất cứ lúc nào bà cũng có thể lại đổ gục lần nữa.

Một vài tuần sau đó tôi tròn 5 tuổi và bắt đầu đến trường học của thị trấn. Như vậy tôi sẽ ít phải ra ngoài cùng bác Jane hơn, việc này khiến tôi thở phào, nhưng trường học lại mang tới một loạt những vấn đề hoàn toàn mới.

Ngày đầu tiên bác Jane đưa tôi đến trường còn những ngày sau đó tôi phải tự đi đến trường và về nhà. Tìm trường không khó lắm, đứng từ cửa nhà tôi cũng đã nhìn thấy nó, và dù phải đi qua vài con đường mới tới được trường thì tôi cũng nhanh chóng nhớ được đường đi. Nhưng không may thay tôi lại ghét trường học, ngay từ khoảnh khắc đầu tiên đặt chân tới đó. Chẳng có gì kinh khủng xảy ra - và bữa trưa miễn phí ngon hơn nhiều đồ ăn của bác Jane, nhưng sự hấp dẫn của một bữa ăn nóng mỗi ngày cũng không đủ để tôi thích trường học. Tôi thấy nơi đó thật đáng sợ và khiến tôi choáng ngợp, và vì hầu hết những thay đổi gần đây trong cuộc sống của tôi đều quá tệ, tôi tự mặc định trường học cũng chẳng vui về gì.

Tôi bắt đầu bảo bác Jane là tôi thấy mệt. Bà để tôi nằm trên giường và mặc kệ tôi cả ngày, chuyện này thật buồn chán nhưng vẫn tốt hơn là đến trường. Khi bà đã chán nản với những cơn có của tôi và bắt tôi phải đến trường, tôi bắt đầu trốn trong các cửa hàng.

Bất cứ khi nào nhìn thấy cảnh sát tới tôi sẽ trốn thật kĩ, vì tôi lo sợ sẽ bị bắt và bị đưa tới khu nhà Cottage Homes. Nhưng không thể tránh khỏi, sau vài tuần cô giáo và bác Jane đã bắt quả tang được tôi và bắt tôi đi học. Sau đó cuối cùng tôi cũng đã quen được với trường học, được giúp đỡ bởi một trong số những giáo viên ở đó - người đã làm bạn với tôi. Cô giáo rất tốt bụng và chu đáo và luôn động viên tôi học tập, cô nói với tôi rằng chỉ có học tập mới là con đường để một đứa trẻ như tôi tránh được những gian khổ sau này. Lúc nào tôi cũng ăn mặc rất tồi tàn, và thỉnh thoảng cô lại mang đến cho tôi một túi quần áo cũ và cuối ngày đưa nó cho tôi mang về nhà.

Thiện cảm với trường học của tôi dần tăng lên nhưng cuộc sống ở nhà mới của tôi vẫn ảm đạm như vậy. Tôi là một đứa trẻ sống với hai người lớn đứng tuổi không thực sự mong có tôi trong nhà họ. Tôi cảm thấy mình không được yêu thương và là người thừa. Trong khu chẳng có đứa trẻ nào để chơi cùng và tôi không thể rủ bạn bè nào ở trường tới chơi ở căn nhà bé tí đó. Vì thế phần lớn thời gian tôi chơi một mình, cứ ước rằng cha sẽ đến và lại đón tôi, đưa tôi về nhà.

Vui nhất là những lúc tôi đến thăm các chị gái tôi. Chị Joan của tôi đã kết hôn và có một bé gái, và thỉnh thoảng chị sẽ đưa tôi về nhà chị chơi. Chị Greta cũng đã kết hôn với một chàng trai tên là Ken - anh ấy làm việc trên tàu, và hầu hết các ngày thứ Bảy bác Tom sẽ đưa tôi đi bộ ba bốn dặm gì đó để tới thăm chị.

Tôi thích những lần đó. Chị Greta và anh Ken sống với mẹ anh ấy, bác Skinner, người luôn mặc một chiếc áo len màu đỏ nâu đã bạc màu những lần tôi đến thăm. Ngôi nhà của họ là một căn nhà tranh có hai phòng ngủ rất dễ thương, có một phòng khách nhỏ phía trước hiếm khi được sử dụng, một khu phòng bếp gộp phòng ăn lớn ở phía sau. Lò sưởi lúc nào cũng đỏ lửa để đun nước, và ở đó luôn tạo cảm giác ấm cúng. Bác Skinner thích nướng bánh, vì

thế ngôi nhà lúc nào cũng tràn ngập mùi bánh mì mới nướng. Khi tôi đến bà sẽ dọn bàn và để tôi ngồi xuống, đưa cho tôi một, hai lát bánh mì nóng bà mới nướng và loại bơ ngon nhất. Sau đó chị Greta sẽ đưa tôi tới cửa hàng bánh Maws trên đường Hylton và chúng tôi sẽ mua bánh và đậu Hà Lan cho bữa tối.

Bác Bob cũng tới thăm tôi, và bác thường đưa tôi ra ngoài chơi suốt cả buổi chiều, thường là lên tàu tới cảng Seaham để gặp chị Pat. Bác Bob là người vui vẻ và luôn tạo cảm giác ấm áp, chúng tôi đã có những khoảng thời gian ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ toa tàu, thử đếm bò và cừu. Và khi chúng tôi tới nhà bác Jen, bà sẽ ôm tôi thật chặt và sẽ có bánh ăn cùng với trà. Những ngày đó thật đặc biệt.

Tôi rất hạnh phúc mỗi lần gặp bất cứ ai trong gia đình và lúc nào cũng mong họ đến thăm tôi thường xuyên hơn. Tôi nhớ cha, nên khi chị Joan nói ông mới trở về từ London tôi đã ngày từng ngày mong mỗi ông sẽ đến đón tôi. Nhưng cuối cùng, khi ông đến, thì đó chỉ là một lần đến thăm không hơn không kém. Ông có vẻ bình thản, ông cũng không ôm tôi. Ông dẫn tôi xuống phố và chúng tôi ngồi cả chiều trong một quán rượu, ông ngồi uống bia còn tôi ngồi bên cạnh, cầu mong ông đừng mang tôi trở lại nhà bác Jane nhưng lại không đủ dũng cảm nói ra.

Sau lần đó cha còn đến thăm tôi vài lần nữa. Nhưng những chuyến đến thăm của ông thưa thớt, và gần như chẳng còn hy vọng ông sẽ đưa tôi về nhà, vì vậy tôi đã cố gắng chấp nhận thực tế rằng tôi sẽ tiếp tục phải ở với bác Jane và bác Tom. Tôi cố hết sức để ngoan ngoãn vâng lời, phần lớn vì tôi lo sợ mình sẽ bị tống vào Cottage Homes, nơi bác Jane đã cảnh cáo tôi rằng tôi sẽ bị cho vào đó nếu phạm lỗi.

Tôi biết rằng, dù bây giờ tôi không vui vẻ gì, nhưng nếu phải vào đó sẽ còn tệ hơn nhiều. Tôi đã nghe hàng tá những câu chuyện xảy ra ở đó khiến tôi rùng mình. Người ta đồn rằng tất cả trẻ con ở đó bị đánh đập và bỏ đói, và gần đây ở đó mới xảy ra một vụ cháy khiến một y tá trong một ngôi nhà gần đó đã chết cháy. Một lần khác, người ta kể rằng một con bò đã thoát khỏi lò mổ và chạy tới sân chơi phía trước khu nhà đó, khiến một đứa trẻ phải trốn trên khung xích đu trong khi con bò sùi bọt mép và nhỏ nước dãi bên dưới. Khi

tôi tưởng tượng ra cảnh mình bị dồn vào chân tường bởi một con bò điên cuồng, tôi cảm thấy may mắn vì tôi chỉ phải đối mặt với đôi môi mím chặt và những cái cau mày của bác Jane. Chắc chắn dù ở đây tôi không được yêu thương cũng không được chào đón thì cuộc sống của tôi vẫn tốt hơn là cuộc sống của những đứa trẻ mắc kẹt trong cái nơi kinh khủng ấy.

3 - Alan

Chúng tôi bị đưa vào trong một ngôi nhà lớn và bước lên một đợt cầu thang rộng, rồi họ đi đầu đó, bảo chúng tôi đứng đợi. Sợ hãi và hoang mang, tôi đứng yên cho đến khi người phụ nữ đưa chúng tôi đến trở ra và dẫn tôi đi qua cánh cửa bước vào một căn phòng lớn.

Ngồi bên cạnh cửa sổ là ba người phụ nữ và một người đàn ông. Về ngoài của cả bốn người họ đều khiến tôi không có cảm tình. Tất cả đều mang những bộ mặt nghiêm nghị và họ nhìn tôi như thể tôi là thứ gì đó bẩn thỉu. Họ gọi tôi đến đứng trước mặt họ và bảo tôi cởi hết quần áo ra. Tôi cởi quần soóc, rồi đến áo sơ mi, nhưng không đồng ý cởi áo lót và quần đùi. Tôi không thích những người đang nhìn chăm chăm tôi này, và tôi chỉ muốn về nhà.

Ngay lập tức tôi học được bài học đầu tiên về sự vâng lời khi một cái bạt tai làm tôi choáng váng, sau đó quần áo của tôi bị kéo ra. Họ để tôi đứng đó một lúc lâu để bình luận về cái chân cong của tôi, cái bụng ỏng của tôi, rồi sau đó là những chỗ kín trên người tôi, rồi nói “Cái gì thế kia?” và chỉ trỏ. Họ nói chuyện với nhau và không ngừng cười, trong khi tôi đứng đó, trần truồng và lạnh lẽo, cố gắng không khóc và tha thiết muốn được về nhà.

Sau khi xem tôi xong họ cho tôi ra ngoài rửa ráy và mặc quần áo mới. Họ đưa cho tôi một đôi giày màu đen để đi, nhưng vì tôi chưa từng đi giày bao giờ nên chúng khiến tôi cảm thấy thật nặng nề khó chịu. Tôi ghét chúng. Tôi được dẫn tới một căn phòng có rất nhiều giường và họ bảo tôi rằng đây là chỗ ngủ, rồi sau đó thả tôi ra ngoài chơi với những đứa trẻ khác. Ở đó tôi cũng tìm thấy các anh tôi, hai người họ cũng đều đang hoang mang và sợ hãi như tôi. Chúng tôi biết cha sẽ về nhà và nhận ra chúng tôi đã đi mất, nhưng chúng tôi không thể trốn khỏi những bức tường cao ngoài kia, mà kể cả nếu có thể chúng tôi cũng không biết đường về.

Có hàng chục đứa trẻ ở đó, cả trai lẫn gái. Bọn chúng bảo với chúng tôi rằng đây là Ashbrooke Towers, một nhà trẻ. Thực tế sau này tôi đã biết được rằng Ashbrooke là một trung tâm đánh giá. Tất cả trẻ con được chính quyền xếp vào diện cần chăm sóc sẽ bị đưa đến đó trước khi gửi tới những trại trẻ dài hạn khác.

Các anh trai tôi và tôi đã bị bắt cóc một cách hợp pháp và bị đưa vào chế độ cần chăm sóc. Lúc đó chính quyền cho rằng một người đàn ông không thể chăm sóc trẻ con đúng cách. Đó là văn hóa, những người phụ nữ ở nhà trông trẻ và những người đàn ông đi kiếm ăn. Vì thế những đứa trẻ mất mẹ được liệt vào dạng cần chăm sóc. Và nếu như họ xác định được thêm những yếu tố nào đó khác hỗ trợ quan điểm đó của họ, thì những đứa trẻ đó sẽ bị bắt cóc ngay trên đường phố, giống như chúng tôi đã bị. Chắc chắn họ đã phân loại chúng tôi vào nhóm trẻ bị bỏ rơi, nhưng thực tế chúng tôi không thấy thế. Chúng tôi yêu nhà mình, cảm thấy an toàn trên những con đường chúng tôi đã quen thuộc, với những người hàng xóm luôn để mắt đến chúng tôi và cha sẽ về vào cuối ngày. Giờ đây, đột nhiên chúng tôi ở trong thế giới xa lạ này, không một lời giải thích, không một lời đảm bảo. Họ cư xử như thể chúng tôi là những con vật nhỏ bẩn thỉu - là đối tượng cần xử lý, họ không coi chúng tôi là những đứa trẻ có cảm xúc.

Cuối giờ chiều họ sẽ gọi chúng tôi vào ăn bữa xế. Chúng tôi ngồi thành hàng trong phòng ăn, ăn trong im lặng, trong lúc đó một người đàn ông có khuôn mặt u ám sẽ canh chừng chúng tôi, sẵn sàng phát hiện xem có đứa nào phạm lỗi. Mặc dù tôi đói, nhưng tôi phải cố gắng lắm mới ăn hết. Và đêm đó, chiếc giường mới thật lạ lẫm, lạnh lẽo và cô đơn. Tôi đã quen ôm ấp chui rúc trong chiếc giường đôi với các anh tôi và cha. Cha ở đâu rồi? Tôi muốn cha đến đón chúng tôi. Tôi vùi mặt vào gối và khóc, thật lặng lẽ để những người khác không nghe thấy. Tôi ghét ngôi nhà được khử trùng lạnh lẽo này, chẳng có ai cười hay nói những lời dịu dàng cả.

Những ngày sau đó chúng tôi được dạy về cách sống ở đây. Mỗi một phút cũng đầy những luật lệ, những mệnh lệnh thức dậy, ăn, chơi, tắm và đi ngủ. Bất cứ chúng tôi có làm gì, cũng có một nguyên tắc nào đó nói đến việc làm nó khi nào và như thế nào. Trước đó cuộc sống của tôi chỉ có một nguyên tắc duy nhất là về nhà vào giờ

bữa xế khi mẹ gọi chúng tôi về. Vì thế chúng tôi bị sốc trong thế giới mới này, nơi phải tuân theo hàng tá những luật lệ và bất kỳ sự vi phạm nhỏ nào cũng dẫn đến hậu quả là một trận đòn.

Ashbrooke Towers được quản lý bởi những người chăm sóc, bọn trẻ con hay gọi là các dì và các bác. Ở mỗi trại trẻ thời đó, ai muốn làm nghề chăm sóc trẻ cũng được, mặc dù điều này rất nguy hiểm. Sự thăng tiến dựa vào thời gian làm việc chứ không phải năng lực. Bất cứ ai tìm việc cũng sẽ được nhận vào, và cũng chẳng có gì là lạ khi một người lau dọn có thể chuyển sang làm nghề chăm sóc trẻ.

Trong số những kiểu người chăm sóc này có một số thiên thần, tận tụy với trẻ con và luôn cố gắng cải thiện cả hệ thống. Nhưng những người như thế rất ít. Phần lớn những người họ chỉ coi đó như một công việc để làm, hầu như không có sự cảm thông với những đứa trẻ. Và còn có cả những ác quỷ. Họ chiếm số ít thôi nhưng luôn lảng vảng. Chúng tôi nhanh chóng nhận thức được họ là ai - bọn trẻ con truyền tai nhau rằng có những người chúng tôi cần tránh như tránh bệnh dịch. Nhưng đôi khi, nếu bạn là một đứa trẻ hơi khác thường thì chẳng có cách nào thoát khỏi con quái vật. Trừ khi một thiên thần đến ngay lập tức thì bạn mới được cứu.

Có một người chăm sóc đặc biệt tại Ashbrooke Towers - người là một trong những con quái vật như vậy. Ông Walter có một gương mặt lạnh lùng nghiêm nghị và như thể có một đôi mắt ở phía sau đầu. Ông ta không bao giờ cười, và chúng tôi đã được dặn phải tránh ông bất cứ khi nào có thể. Chỉ khổ những đứa trẻ tội nghiệp bị ông ta lôi vào phòng riêng. Những đứa đó sau đó sẽ bò về giường và khóc suốt đêm. Rất may tôi không phải là một trong số chúng; tôi ngỗ ngược và rắc rối nên ông ta không bao giờ dám thử bất cứ điều gì với tôi, mặc dù điều đó không ngăn ông ta đánh đập tôi. Chúng tôi bị đánh suốt ngày, bằng dép hoặc dây lưng. Rất ít người có thể tránh được cơn thịnh nộ của Walter; ông ta dường như thỏa mãn với việc chọn được nạn nhân của mình mỗi ngày.

Mỗi sáng chúng tôi phải xếp hàng trong phòng ký túc để kiểm tra. Nghĩa là giường của mỗi người phải được gấp cẩn thận, xung quanh giường phải gọn gàng, quần áo đã mặc đầy đủ và sạch sẽ, giày đã được đánh bóng và tóc tai cũng phải gọn gàng. Người chăm sóc sẽ đi đi lại lại trong phòng, tìm xem có thứ gì đặt sai vị trí.

Với tôi, một đứa trẻ khi đó mới bốn tuổi và không quen với kiểu lễ thói này, đó là một cực hình. Tôi luôn làm sai gì đó, tóc rối hoặc giường không đủ gọn, và mỗi lần như thế tôi đều bị đòn.

Tiếp theo là bữa sáng, và giống như tất cả những bữa ăn khác, đầu tiên phải cầu nguyện, và sau đó nếu không muốn bị đánh, chúng tôi phải ăn hết tất cả thức ăn có mặt trên đĩa của mình. Ăn xong những đứa lớn sẽ đi học, còn chúng tôi - những đứa nhỏ hơn bị đuổi ra ngoài chơi. Dù thời tiết có thế nào chúng tôi cũng phải ở bên ngoài và chúng tôi đã từng đứng chịn những cái mũi lạnh giá lên ô kính cửa sổ đầy hơi nóng của nhà bếp, ngửi mùi thức ăn và nhìn lửa cháy.

Tôi đã rất cố gắng để nhớ hết các quy tắc, nhưng có một điều tôi không thể chịu đựng được, là những đôi giày. Tôi luôn cố tháo chúng ra và thường giấu trong hố cát nhưng rồi sau đó kiểu gì họ cũng sẽ tìm thấy và tôi sẽ bị trừng phạt rồi lại phải đi lại giày vào chân.

Một ngày nọ, tôi ném đôi giày đáng ghét qua tường. Vài phút sau, khi đang chơi trong hố cát, tôi nghe thấy tiếng gọi, “Con trai, con trai, lại đây.” Tôi ngẩng lên và thấy cha, ở bên kia bức tường!

Hóa ra cha đã đi tìm chúng tôi kể từ ngày ông về nhà và được hàng xóm kể lại rằng chúng tôi đã bị đưa tới Trung tâm chăm sóc. Ông đã cảm rẽ ở trung tâm Dịch vụ xã hội hàng tuần trời, cố gắng tìm xem chúng tôi bị đưa đến đâu, không có nhiều may mắn cho lắm. Rồi sau đó có người nói với ông rằng trẻ con thường được đưa đến Ashbrooke Towers. Ông liền tới đây để ngó qua một chút và khi đang đi bộ quanh tường thì ngạc nhiên thay, tình cờ đôi giày tôi ném bay qua tường. Ông biết rằng có trẻ con ở bên trong và đã trèo lên trên yên xe đạp để ngó vào trong và thấy chúng tôi.

Cả 3 chúng tôi chạy về phía bức tường, hét lớn “Cha, cha!”

“Nhanh nào, trèo qua đây,” ông nói - và chúng tôi đã làm thế, người nọ đỡ người kia leo lên để cha nắm lấy tay và kéo chúng tôi qua. Khi đã trèo qua tường chúng tôi ngồi trên chiếc xe đạp cũ kĩ của cha. Michael ngồi trên yên sau, George ngồi trên cổ xe và tôi - khi đó đã đi lại đôi giày tôi ném đi - đứng trên hai bên đai ốc nhô ra ở bánh trước. Cha đạp xe hộc tốc về nhà. Nhưng đó không phải ngôi nhà mà chúng tôi đã biết. Cha đã chuyển tới ở với em trai ông,

chú Willie, người có một ngôi nhà trên đường Cannon Cotton. Đó là một ngôi nhà to hơn nhưng bên trong cũng khá giống với ngôi nhà cũ của chúng tôi.

Hóa ra em út của chúng tôi - Brian cũng đã bị đưa vào trung tâm chăm sóc và không ai biết nó ở đâu. Vì thế nhà chỉ còn 3 chúng tôi, và chú Willie được giao nhiệm vụ giấu chúng tôi cả ngày trong khi cha đi làm. Chú luyện cho chúng tôi trèo vào trong một tấm nệm đã cuộn thành ống và giữ yên lặng. Chúng tôi nghĩ đó là một trò chơi tuyệt vời. Chú Willie chỉ cao có 5.2 feet hoặc tầm tầm đó và là người đàn ông bé nhỏ mềm yếu nhất trên đời. Chúng tôi chăm sóc chú thì đúng hơn là chú chăm sóc chúng tôi. Chú ấy nhìn giống như một con khỉ, những động tác của chú thì y chang một con tinh tinh, thật sự là như vậy. Và tất cả bọn trẻ con trong khu phố đều nghĩ chú giống hệt nhân vật Tarzan trong phim (những đứa không có đủ 6 xu tiền vé đã phải xem lén) và đều yêu mến chú.

Một ngày, có tiếng đập cửa lớn. Chú Willie nhìn ra ngoài và thấy cảnh sát! Ngay lập tức chú bảo chúng tôi chui ngay vào trong tấm nệm và giữ im lặng. Chúng tôi nghe tiếng chú Willie mở cửa, sau đó có những tiếng la hét lớn và tiếng chú Willie phản kháng. Những bước chân nặng chịch chạy lên lầu, vào phòng và bắt đầu tìm kiếm xung quanh. Chính lúc đó chúng tôi bắt đầu cười: chắc chắn là chú Willie chơi trò chơi - chú ấy vẫn luôn như thế, cố gắng làm chúng tôi hoảng sợ.

Tiếng cười khúc khích của chúng tôi đã làm lộ nơi trú ẩn. Một viên cảnh sát rất cao nói "Xin chào các cậu bé" khi ông ta nghiêng người nhìn vào trong tấm nệm. Cùng lúc đó một cuộc ẩu đả đã xảy ra bên dưới chân cầu thang. Cha đã về và thấy cảnh sát ở nhà và thấy chú Willie đang vịn tay. Một nhân viên xã hội đi cùng với cảnh sát đã nói với cha là họ đến để đưa chúng tôi về Trung tâm chăm sóc. Cha đáp lại bằng cách đấm ngã anh ta và bắt đầu đánh lại những người cảnh sát đang cố gắng bắt giữ ông.

Cuối cùng cha đã bị chở đi trên chiếc Maria màu đen - chiếc xe cảnh sát cũ họ dùng thời đó - và được hộ tống bởi vài cảnh sát mặt mũi thâm tím. Chúng tôi cũng bị đưa lên một chiếc xe có những chiếc đèn pha lớn để trở lại Ashbrooke Towers, và chú Willie đứng trên ngưỡng cửa, đầu khể vẫy tay chào tạm biệt chúng tôi.

Một lần nữa chúng tôi bị ném trở lại chế độ hà khắc của Ashbrooke với những luật lệ và những trận đòn vô tận. Điều may mắn duy nhất - dù lúc đó tôi chẳng lấy gì làm thích thú - là người ta đã cho tôi bộ nẹp chân để uốn chân cho thẳng, và cho tôi ăn thêm sữa bột đóng hộp của nhà nước để tôi bớt còi. Những chiếc nẹp sắt này rất nặng và tôi chỉ có thể tháo chúng ta vào ban đêm. Tôi không thích chúng, nhưng tôi cũng quen dần và không để chúng ngăn tôi chơi đùa. Thực ra chúng còn khá tiện, đặc biệt khi tôi chơi bóng. Bàn chân thép của tôi có thể hạ gục bất cứ kẻ nào ngáng đường mình!

Bọn con trai thường chơi một trò chơi chúng tôi gọi là “làm vua”. Chúng tôi sẽ xếp thành hàng dựa vào tường, một đứa sẽ cầm quả bóng tennis cũ ném về phía cả bọn thật mạnh để trúng vào một đứa nào đó. Người bị ném trúng sẽ lại cầm quả bóng làm tương tự và cứ như thế cho đến hết. Người còn lại cuối cùng sẽ là vua.

Tới một ngày bọn con gái cũng tham gia và một trong số họ đã thắng. Chuyện này khiến những cậu bé lớn hơn khó chịu, vì thế quả bóng đã được thay bằng một mẫu gạch. Kế này đã hiệu quả: bọn con gái không dám tham gia chơi nữa, và một vài cậu bé cũng bỏ cuộc. Họ đã nghĩ chúng tôi thật ngu ngốc, và tất nhiên họ đúng, nhưng chúng tôi đã không nghĩ thế. Từng người một lần lượt ra khỏi hàng, ai cũng bị thâm tím nhưng may thay không ai thực sự bị thương nặng, dù một đứa đã bị rách tai. Chỉ còn lại 3 người, trong đó có tôi. Và rồi tôi bị ném trúng. Viên gạch đập vào chân thép của tôi nên tôi không bị đau gì cả. Cuối cùng chỉ còn lại các anh tôi, và ngày hôm đó cả hai người đều là vua.

Một trong những bức tường bao quanh khu vườn có một cánh cổng nhỏ cao khoảng 6 feet với một cái mái cong, trong khi đó bức tường bên cạnh nó cao tầm 7 feet. Cánh cổng này hầu như không được sử dụng bao giờ, nhưng vì lý do nào đó có một ngày chúng tôi đã được phép đi qua cổng. Bên kia cánh cổng là một sân cỏ trải dài cho tới chân bức tường bao quanh bên ngoài ngôi nhà.

Bọn trẻ lại chơi “làm vua”, lần này đã dùng bóng, và tôi đứng cạnh bức tường xem họ chơi. Đội nhiên trong một khoảng khắc mọi thứ tối sầm lại. Khi tôi mở mắt ra tôi đã nằm trên cỏ với một cục u trên đầu và một tảng đá nằm bên cạnh tôi. Hẳn người ta đã ném

qua tường và nó rơi trúng vào đầu tôi. Tôi đứng lên và đi men theo dọc bức tường, xoa đầu liên hồi. Những người khác vẫy vẫy tôi, họ đã nhìn thấy và ra hiệu cho tôi đến chỗ họ. Nhưng trước khi tôi đến được chỗ họ thì “bộp”, một hòn đá nữa lại rơi xuống đầu tôi và tôi ngã lăn ra đất. Bây giờ đầu tôi thật sự rất đau. Tôi ngó nhìn bọn trẻ, bọn chúng giờ cũng lăn ra đất vì cười. Hẳn cảnh tôi bị hòn đá đầu tiên rơi trúng đã buồn cười và khó tin, ai ngờ lại còn bị trúng tiếp lần thứ hai nữa.

Tôi đứng dậy, cảm thấy hơi chóng mặt, và bắt đầu đi về phía các bạn thì “bộp”, hòn đá thứ ba, to hơn, lại rơi trúng tôi và tôi ngã xuống, hoàn toàn bất tỉnh. Lần này những tiếng cười đã tắt và bọn trẻ chạy đến và hét lớn. Cánh cửa mở ra và người làm vườn chạy tới để xem chuyện gì phiền phức. Khi nhìn thấy tôi ông ta đã bị sốc. Ông ta đã dọn vườn và ném những viên đá qua tường để đỡ phải dùng xe đẩy. Vì cánh cổng đó chẳng mấy khi mở, ông đã nghĩ không có ai ở đó.

Khi tỉnh dậy tôi đã ở trong bệnh viện. Lúc trở về, đầu tôi được quấn băng kín mít, phải giữ như vậy hàng tuần. Bọn trẻ tôn tôi làm vua, nhưng đó chỉ là vì tôi đã cho chúng một trận cười đã đời.

Đến một ngày, khi tôi đã ở Ashbrooke Towers được vài tháng, cánh cổng lại mở ra và chiếc xe màu đen cũ với những chiếc đèn pha lớn tiến vào, và người phụ nữ trung niên mặc đồ vải tuyết lại bước xuống. Lúc đó tôi đang đứng ở hố cát và một cơn rung mình ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi khi tôi nhìn thấy bà ta, bởi vì cảnh đó khiến tôi nhớ lại cảnh chúng tôi đã bị bắt cóc khỏi nhà đến đây - hai lần - như thế nào. Ngày hôm đó tôi lại bị đặt lên xe, không kịp nói lời tạm biệt với các anh tôi và các bạn tôi, cũng không biết mình sẽ bị đưa đi đâu. Sau một quãng thời gian có vẻ như rất lâu, chúng tôi tới một dãy những căn nhà lớn ở cuối một cánh đồng dài. Nơi đây, nơi mà tôi sắp vào, là một trại trẻ được biết đến như khu nhà Cottage Homes. Có một dãy khoảng 10 ngôi nhà lớn, mỗi ngôi nhà có khoảng 12 - 13 đứa trẻ sống trong đó. Trước mặt dãy nhà là một sân chơi rộng và ở góc sân có xích đu và cầu trượt cho trẻ con. Tôi chưa bao giờ nghe nói về nơi này. Nhưng không lâu sau đó tôi đã biết đây là nơi nổi tiếng khắp thị trấn, bởi vì những đứa trẻ không ngoan bị dọa sẽ bị tống vào đây. Thực ra bọn trẻ con ở đây không hề hư, chúng rất đáng thương. Phần lớn đều đã mất cha mẹ hoặc

bị lạm dụng hoặc đánh đập.

Chế độ ở Cottage Homes cũng giống Ashbrooke, ngoại trừ việc bây giờ tôi chỉ có một mình. Tôi mới năm tuổi và tôi đã mất tất cả những người tôi yêu thương. Tôi mất cha mẹ, anh em và cả chú Willie. Rất rất lâu sau đó tôi mới được gặp lại họ.

Đám trẻ con chúng tôi được phép chơi ở sân vận động trước dãy nhà. Một bên sân là hàng rào dây thép gai ngăn cách khu nhà với đường Hylton - con đường chính dẫn vào thị trấn, và bên kia là một dãy những nhà lều kiểu phong cách quân đội - chính là bệnh viện của nhà trẻ. Một trong những nhà lều đó đã được sử dụng như phòng dành cho y tá.

Chúng tôi từng chui dưới những túp lều cũ kĩ ấy và tự coi đó như một nơi nhỏ bé để trốn khỏi thế giới một chốc trước khi bị gọi vào nhà. Nhưng sau chúng tôi đã không chơi ở đó nữa vì có lần một đứa đã thấp nển và vô tình làm đổ, gây ra một trận cháy nghiêm trọng làm cháy hết toàn bộ căn lều bên trên và có một y tá đang ngủ ở đó đã thiệt mạng.

Phía bên kia đường có một lò mổ, và sau khi tôi đến đó chưa được bao lâu, có một con bò bị sống chuồng. Nó chạy loạn trên đường và sau đó chạy qua cổng vào trong sân vận động. Nó chạy đến chỗ bọn trẻ con chúng tôi, và khi đó nó đã nổi điên. Bọn trẻ chạy toán loạn vào trong nhà, nhưng tôi bị kẹt lại ở hàng xích đu gần hàng rào vì con bò đã chặn đường tôi trước khi tôi có thể chạy. Tôi trèo lên trên cột, có hơi trơn trượt một chút nhưng cuối cùng cũng leo được lên đến đỉnh cột và ngồi trên thanh chắn ngang trong khi con bò húc đầu vào cây cột bên dưới tôi.

Có một đám đông đứng bên đường quan sát tôi và con bò - khi ấy đương nhiên tôi vẫn an toàn. Hẳn cảnh tượng đó phải khôi hài lắm, một đứa trẻ mắc kẹt phía trên cùng của xích đu với một con bò to lớn tức giận quẩn quanh. Sau tầm một giờ đồng hồ tôi đã quá chán nản và thực sự muốn trèo xuống, nên tôi bắt đầu hát với con bò để đỡ chán. Ngạc nhiên thay, con bò bình tĩnh trở lại và cuối cùng bỏ đi. Vì thế tôi nhảy xuống và đi vào nhà.

Ngay khi vào đến nhà tôi đã bị một trận đòn vì tội ở bên ngoài khi có một con bò điên ngoài đó và tôi bị bắt lên lầu đi ngủ. Khi tôi nằm trong chăn, lưng đau nhức, tôi đã nghĩ con bò và mình cũng có

điểm chung: phải ở nơi chúng tôi không hề muốn. Một lúc sau tôi nhìn ra cửa sổ thì thấy một nhóm cảnh sát đang tiến vào sân vận động. Một người mang theo khẩu súng trường, và ông ta bắn con bò. Sau đó một cái máy kéo được lái đến và kéo nó đi. Tôi cảm thấy rất buồn.

Sau đó vài ngày, khi đang đứng bên hàng rào nhìn mọi người đi lại ngoài đường, tôi nhìn thấy cha. Ông đang đi trên chiếc xe đạp cũ, và tôi chạy theo, la hét phấn khởi với ông. Ông dừng lại và tiến đến, nhưng ông có vẻ như miễn cưỡng và liên tục nhìn về phía sau. Ông chào tôi và cho tôi mấy chiếc kẹo, sau đó lăm bắm gì đó, nói rằng ông phải đi và rồi đạp xe đi.

Tôi nhìn theo ông mãi, tự hỏi vì sao cha không có vẻ vui mừng khi nhìn thấy tôi. Có phải cha không yêu tôi nữa? Ông không muốn tôi về nhà nữa? Chẳng ai trả lời cho tôi và tôi cảm thấy thật khổ sở. Tôi rầu rĩ suốt mấy tuần sau đó, tự hỏi liệu tôi có thể gặp lại cha không, và hi vọng ông sẽ trở lại nói chuyện với tôi qua hàng rào vì giờ ông đã biết tôi ở đây mà. Nhưng ông không bao giờ đến nữa.

Tới nhiều năm sau tôi mới được biết người ta đã đưa ông đến nhà tù Durham 6 tháng vì tội đón chúng tôi thoát khỏi Ashbrooke Towers và đánh nhân viên xã hội. Tôi chỉ được nghe kể chuyện đó một lần, và giống như những câu chuyện của nhiều người khác thời đó, nó có thể không phải là sự thật. Nhưng tôi tin ngay khi tôi được kể lại, vì nó giải thích tại sao ông lại sợ sệt khi nói chuyện với tôi, vì ông lo sợ sẽ lại gặp rắc rối. Ông đã bị trừng phạt khi cố gắng ở bên các con mình nên sau chuyện đó ông không dám đến gần chúng tôi nữa. Hàng năm trời sau đó tôi không gặp ông, trong suốt thời gian đó tôi không ngừng tự hỏi tại sao ông không có vẻ mừng vui khi gặp tôi ngày hôm đó và tại sao ông không cố gắng đưa tôi về nhà.

Chính trong thời gian sống ở Cottage Homes là lần đầu tiên tôi tới trường. Ngôi trường có tên là Diamond Hall. Tất cả trẻ em ở Cottage Homes đều học ở đó, cùng với những đứa trẻ trong thị trấn. Ngay từ đầu tôi đã hơi bốc đồng, có gì đó bên trong tôi khiến tôi ngổ ngạo và không chịu ngồi yên, vì thế tôi không được các thầy cô giáo yêu mến lắm.

Đám trẻ trong nhà cùng nhau đi bộ đến trường mà chẳng có người lớn nào trông chừng cả nên rất dễ bày trò nghịch ngợm, và

tôi chẳng thể bỏ qua cơ hội đó. Những chiếc xe buýt cũ kĩ của thị trấn thường có biển số xe ở đằng sau, với một lỗ hồng bên trên đặt một chiếc đèn. Tôi từng bám chặt vào hốc đèn đó và đặt chân lên ba đờ sóc khi xe buýt bắt đầu rời bến và đi một chặng miễn phí tới trạm dừng tiếp theo. Khi đến nơi tôi sẽ buông lỏng tay bám và rồi thả tay ra và nhảy xuống.

Chuyện đó thật tuyệt, cho tới một lần xe buýt không dừng ở trạm tiếp theo mà vẫn đi thẳng lên đường chính. Những chiếc ô tô bíp còi và những người đi bộ la ó khi họ phát hiện ra một đứa trẻ đang bám ở đuôi xe. Tay bám của tôi đã mỏi và tôi biết tôi sẽ không giữ được lâu nữa, may mắn thay đúng lúc đó chiếc xe dừng lại. Tôi nhảy xuống và chạy biến, cảm giác như người ở nửa hành tinh đều đuổi theo tôi vậy. Và dĩ nhiên tôi không tránh khỏi một trận đòn đau khi về đến nhà.

Rất dễ để nhận biết những đứa trẻ của Trung tâm chăm sóc, vì quần áo chúng tôi luôn cũ kĩ và không bao giờ vừa vặn. Đó là bởi vì chẳng ai trong chúng tôi có quần áo của riêng mình: chúng tôi đều mặc chung. Người ta sẽ mang đến một túi lớn quần áo từ xưởng giặt là nào đó trong thị trấn, phân phát và bạn chộp lấy những gì bạn có thể. Chúng tôi mặc những chiếc quần soóc thùng thình dài qua đầu gối, những chiếc áo sơ mi gây ngứa ngáy và thêm cái áo cộc kẻ ngang, đi những chiếc tất dài màu xám, đương nhiên thường vá lỗ chỗ đoạn quanh mắt cá chân.

Tất cả chúng tôi cũng có cùng kiểu tóc. Với bọn con trai thì cắt ngắn đằng sau và hai bên. Tôi vẫn nhớ vành tai tôi luôn rất lạnh. Bọn con gái còn tệ hơn vì con gái thường để tâm nhiều hơn đến ngoại hình, và kiểu tóc như cái mũ nồi chụp lên khiến tất cả bọn chúng đều đau khổ.

Tôi đã ở Cottage Homes vài năm. Suốt thời gian đó tôi thường tự hỏi cha và các anh tôi đang ở đâu và liệu tôi có bao giờ gặp lại bác Willie già khôi hài nữa không. Chẳng có người lớn nào ở đó thể hiện bất cứ dấu hiệu nào của sự tốt bụng hay dịu dàng. Với họ tôi là một vấn đề cần giải quyết, một đứa trẻ cần được đưa vào khuôn phép.

Điều tuyệt vời duy nhất trong thời gian này là lúc tôi tháo nẹp chân ra sau nhiều tháng nẹp thì chân tôi đã thẳng lại. Tôi rất sung

sượng vì tôi không muốn lớn lên với đôi chân cong và thể đi lại khôi hài như vài người đàn ông tôi từng gặp. Tôi đã quen với nếp chân và thậm chí mấy ngày đầu khi bỏ chúng ra tôi còn thấy hơi gượng gạo, và tôi cứ nhìn chăm chăm vào chân mình, ngạc nhiên sao chúng có thể thẳng như vậy.

Sinh nhật và Giáng sinh chỉ làm tôi buồn và cô đơn hơn. Chỉ có một Giáng sinh là đặc biệt. Đó là buổi tối Giáng sinh mà tôi đứng từ cửa sổ phòng ngủ nhìn ra ngoài và thấy những ngọn đèn lác lác đi từ sân vận động vào tới khu nhà dành cho y tá. Khi họ đến gần hơn tôi có thể thấy đó là một hàng dài các cô y tá mặc chiếc áo choàng màu xanh đậm của họ và mang theo lồng đèn có những cây nến được thắp sáng bên trong. Họ hát những bài hát chúc mừng và khi họ tới gần hơn tôi có thể nhìn thấy ánh đỏ phản chiếu từ lớp lót bên trong áo choàng của họ và những sợi dây thánh giá màu trắng phía trước ngực trên đồng phục của họ. Cảnh tượng thật huyền ảo. Tiếng hát của họ như tiếng hát của những thiên thần, và tôi đứng đó nhìn ngấm một cách say mê.

Một ngày không lâu trước sinh nhật bảy tuổi của tôi, tất cả bọn tôi được lệnh gói ghém đồ đạc của mình. Toàn bộ ngôi nhà sẽ chuyển đi, kể cả các nhân viên. Cottage Homes chuẩn bị đóng cửa và tất cả chúng tôi sẽ tới những trại trẻ khác. Những túi, những hộp được đặt lên một chiếc xe tải lớn và đưa đi, và một chiếc xe buýt đưa chúng tôi băng qua sông tới một khu nhà mới.

Cuối cùng chúng tôi đến trước một ngôi nhà hai mặt tiền mới xây, được bao quanh bởi những ngôi nhà vẫn chưa xây xong. Người ta bảo chúng tôi rằng đây là trại trẻ Rennie Road. Thờ thẩn vào trong, chúng tôi được một người phụ nữ gọi là dì Doris - một trong số những người chăm sóc mới của chúng tôi chỉ cho xem phòng của mình. Sau đó là cả chiều tháo đồ và xếp phòng. Con gái một phòng, con trai một phòng. Chúng tôi phải dọn giường và sắp xếp gọn gàng mọi thứ xong xuôi mới được ăn.

Rennie Road mới xây và rất sạch sẽ, nhưng điều đó chẳng làm tôi hứng thú. Đó cũng chỉ là một trại trẻ khác, chẳng tốt hơn nơi cũ là bao. Điều duy nhất tôi thích là nó ở gần một ngọn đồi và chúng tôi có thể lên đó chơi, chạy trên sườn đồi dốc để gió lùa vào tóc. Chuyện đó thật hay, còn những thứ còn lại cũng vẫn vậy. Chúng tôi

đi học ở trường mới, và những buổi tối sau giờ học chúng tôi không được ra ngoài chơi mà phải làm việc nhà. Việc của tôi là đánh sạch giày - 12 đôi mỗi tối - xong rồi mới được đi ngủ. Tôi thường mất hơn một giờ đồng hồ để cọ sạch và đánh bóng tất cả số giày đó, và lúc xong việc cả người tôi đều lấm lem xi. Nhưng không sao. Tôi thích ngồi đó đánh giày hơn là phải giặt giũ hay quét dọn.

Mặc dù chúng tôi chỉ có 12 đứa, nhưng lại có chỗ cho 13 người, vì thế chúng tôi luôn tự hỏi không biết đứa mới sẽ là ai. Những đứa trẻ mới đến luôn bị tra hỏi kĩ càng - Đã từng ở đâu, biết chơi trò gì, đã từng bị làm phiền (bạn biết ý tôi là chuyện gì rồi đấy) bởi ông bác hay dì đó chưa? Nhưng thời gian trôi qua và đứa trẻ cuối cùng vẫn chưa đến, nên tôi đã nghĩ đứa trẻ đó sẽ chẳng bao giờ đến.

4 - Irene

Đôi ở với bác Jane và bác Tom được khoảng ba năm thì bác Tom bị một cơn đột quỵ khiến ông liệt nửa người và mù một bên mắt. Mới gần 40 nhưng ông không thể trở lại làm việc trong nhà máy đóng tàu được nữa. Ông rất thích công việc đó và việc bị mắc kẹt ở nhà khiến ông rất chán nản. Ông thường giậm run người vì không thể làm được cả những việc đơn giản nhất cho bản thân mình như là mặc quần áo hay đi quanh nhà. Mọi việc ông đều phải dựa vào bác Jane và ông không thể đi ra ngoài. Ông từng là một người rất thích đi bộ, thường đi cả hàng vài dặm một ngày, vì thế việc không thể đi lại hẳn khiến ông có cảm giác như bị tra tấn.

Vì bệnh trầm cảm của bác Tom ngày càng nặng và bác Jane rất lo lắng, tôi thường quanh quẩn trong nhà, cố gắng hết sức để giúp đỡ hai người họ.

Sáu tháng sau cơn đột quỵ của bác Tom, khi tôi đang ở trường thì một người hàng xóm tới trường báo cho tôi rằng bác Tom đang chuyển biến xấu và bảo tôi về nhà ngay. Khi tôi về đến nhà, hàng xóm đã đến chật, tất cả đều liên tục lắc đầu và tự lắc bầm gì đó.

Tôi được đưa vào phòng ngủ, nơi bác Jane và một vài người tôi không biết đang ngồi quanh giường. Bác Tom đang ngồi dựa vào thành giường, đôi mắt lồi to và bọt sùi ra ở hai bên khoé miệng bác, không ngừng rên rỉ điên cuồng. Nhìn ông đáng sợ đến nỗi tôi muốn chạy ra khỏi căn phòng đó, nhưng khi ông nhìn thấy tôi, ông rướn người về phía trước và nắm lấy tay tôi trong bàn tay lạnh lặn của ông, kéo tôi lại gần. Đôi mắt lồi của ông nhìn tôi chăm chăm và miệng ông sùi bọt, nín lưỡi, ông cố gắng nói gì đó nhưng những âm thanh phát ra từ miệng ông chỉ là những tiếng rên rỉ thều thào. Tôi quá sợ hãi đến nỗi chết sững, tưởng như đã mọc rễ ở đó, há hốc miệng chăm chăm nhìn ông. Những tiếng thét hoảng sợ của tôi đông cứng, không thể phát ra được nữa.

Một lúc sau có ai đó trong căn phòng đã kéo tôi ra khỏi tay ông và đưa tôi đến một căn phòng khác. Tôi ngồi đó, vẫn hoảng sợ bởi hình cảnh cặp mắt lồi và cái miệng sùi bọt mép của bác Tom. Chắc hẳn mọi người có ý tốt khi đưa tôi đến đó, nhưng với một đứa bé mới bảy tuổi, hình ảnh một người đàn ông ở trong trạng thái sắp chết như vậy thật là một trải nghiệm kinh khủng.

Bác Tom mất tối hôm đó. Sau khi ông đi, tôi vẫn không thể gạt được kí ức về lần gặp gỡ cuối cùng với ông ra khỏi tâm trí. Tôi đã bị ám ảnh bởi cảnh tượng ấy và lo sợ ông sẽ trở lại từ dưới nấm mồ để đem tôi theo. Mãi nhiều năm sau đó tôi mới biết ông đã cố tình uống aspirin quá liều để kết thúc cuộc sống bị giam cầm trong căn hộ nhỏ bé ảm đạm đó.

Sau đám tang, bác Jane quyết định đi xa. Bà đưa tôi cùng theo đến trang trại của chị gái bà - bác Kate ở một thời gian. Chúng tôi mất 2 tiếng xe buýt để đến nhà bác Kate, và tôi tự hỏi tại sao trước đó chúng tôi lại chưa đứng đến đây.

Sự đối lập giữa căn hộ chật chội u ám và không gian rộng mở của trang trại thật không thể tả hết. Ngay từ khi đặt chân đến đây, tôi đã yêu nơi này. Cảm giác như cả tấn nặng đã được nhắc khỏi vai tôi và tôi thậm chí có thể bay lên. Bác Kate đúng như những gì tôi tưởng tượng về một người vợ nông dân, to lớn và vui vẻ với cặp má đỏ như quả táo chín. Ấm áp và thân thiện, bà ôm tôi như ôm con mình và tôi cũng ước gì tôi thật sự là con bà.

Cả chồng và con gái của bác Kate cũng vui vẻ thân thiện như vậy, và đều có cặp má đỏ hồng. Họ lúc nào cũng đi ủng và tôi hiếm khi nhìn thấy họ - trừ sáng sớm và buổi tối - vì hầu hết thời gian họ làm việc ngoài nông trại. Họ còn có một con trai đang ở trong RAF (không quân), và cứ có chiếc máy bay nào từ doanh trại gần đó nơi anh ấy đóng quân bay qua, bác Kate sẽ lại nói "Con trai ta đó!"

Ngôi nhà của gia đình bác Kate là một tòa nhà một tầng chạy dài với một cái sân lớn. Bên trong nhà có một hành lang dài chạy dọc, một bên là những cửa sổ nhìn ra sân và bên kia là một hàng những cánh cửa dẫn vào những căn phòng khác nhau. Tôi nằm chung trên chiếc giường đôi ở trong phòng với bác Jane.

Những ngày đó thời tiết ấm áp và có nắng, tôi suốt ngày quần quanh để giúp cho gia súc ăn hoặc ngắm đàn gà trong sân và

những con lợn chạy quanh chuồng. Tôi còn kết bạn với hai cô gái nhỏ, cha mẹ hai cô mở một quán rượu cách đó vài trăm thước. Họ có một cái nhà nhỏ bằng gạch cho trẻ con chơi ở sân sau và chúng tôi thường chơi ở đó suốt hàng giờ đồng hồ.

Vào những buổi tối chúng tôi ngồi quanh chiếc lò sưởi lớn trong phòng khách và tôi sẽ ngồi xem những tia lửa nhảy nhót trong lò và rồi những vụn lửa bay lên trên ống khói. Những giấc ngủ của tôi sẽ luôn rất sâu và ngon lành, vì tôi đã bị kiệt sức bởi đi chơi ngoài trời cả ngày.

Ngày cả bác Jane cũng có vẻ vui vẻ hơn. Bà và tôi đi bộ qua cánh đồng, và có lần nhận ra chúng tôi đang đi qua một con bò có vẻ rất có hứng thú với chúng tôi. Chúng tôi chạy vào cổng, cười lớn và nhìn chiếc váy đỏ của tôi bác Jane bảo “Vì cháu mặc màu đỏ đấy!” Đó là những ngày thật hạnh phúc và tinh thần của tôi hứng khởi hẳn. Tôi lang thang trên những cánh đồng, nhìn lên bầu trời tươi sáng trên đầu và ước rằng mọi thứ sẽ luôn như thế này, rằng bằng cách nào đó tôi có thể ở lại trang trại để thương này mãi mãi.

Buồn thay, sau một tuần tuyệt vời đó, bác Jane và tôi phải bắt xe buýt về lại thành phố. Mới tuần trước còn ở nông trại ấm áp là thế nên căn hộ cũ giờ đây lại càng tồi tệ. Cảm giác như nó là một cái hộp tối tăm bị khóa kín và tôi cứ hồi tưởng lại những kỉ niệm đẹp để suốt một tuần trước đó, tuyệt vọng níu kéo những kỉ niệm gợi nhớ về những thứ tươi đẹp - nếu không có những kỉ niệm đó thì thế giới trong ngôi nhà này thật quá ảm đạm.

Giờ tôi đã ngủ chung trên chiếc giường đôi với bác Jane, thay vì ngủ trên chiếc tràng kỉ sần sùi tôi đã ngủ suốt 4 năm. Chiếc giường khiến tôi thoải mái hơn, nhưng dù lúc ở nông trại tôi chẳng ngại ngần ngủ chung với bác Jane thì giờ đây, ở ngôi nhà này, tôi không thấy dễ chịu khi nằm bên cạnh bà bởi vì tiếng rè rè phát ra từ máy trợ thính của bà. Tôi không dám đánh thức bác ấy - Tôi sợ điều đó sẽ khiến bà nhớ đến bác Tom.

Tôi bị ám ảnh bởi những cơn ác mộng. Tôi không thể gạt hình ảnh cặp mắt lồi và cái miệng sùi bọt mép của bác Tom ra khỏi đầu. Vì những cơn ác mộng và tiếng máy trợ thính của bác Jane, tôi thường thao thức suốt đêm.

Một hôm, tầm đã quá nửa đêm, khi tôi đang cố ngủ thì đột nhiên tôi thấy có gì đó trông giống như bác Tom, đó là hình ảnh phản chiếu lên bức tường từ ánh sáng của đèn đường hắt vào. Ông đội chiếc mũ vải của ông và nghiêng người về phía trước, như thể đang nhìn qua cửa sổ. Tôi cảm thấy bàn tay lạnh lẽo của ông túm chặt lấy tay tôi lần nữa và tôi kéo trùm chăn qua đầu để trốn. Từ lúc đó đến sáng tôi không thể nào ngủ được, tôi cứ nằm đó, thao thức lo sợ ông sẽ đến bắt tôi.

Hình ảnh đó của bác Tom cứ ám ảnh tôi. Như thể đó là điềm báo, từ đêm đó tôi luôn lo sợ chuyện gì đó sẽ xảy ra. Rồi một buổi tối vài tuần sau đó, khi tôi đang ngồi trong phòng khách cùng bác Jane thì đột nhiên bà nhảy ra khỏi ghế và bắt đầu la mắng tôi.

Tôi quá đỗi kinh ngạc - bác Jane thường xuyên không bằng lòng, nhưng bà chưa bao giờ hét lên hay đánh tôi. Bây giờ đột nhiên bà đỏ mặt và cuống loạn lên. Sợ hãi, tôi chạy trốn phía sau ghế. Và bác Jane sải bước tiến đến, nắm lấy tay tôi và kéo tôi ra. Bà bắt đầu tát tôi, hét lên "Tại mày mà ông ấy chết!" Cái tát rất đau, nhưng những gì bà nói còn tệ hơn. Lỗi của tôi? Sao đó lại là lỗi của tôi?

Cuối cùng bà cũng dừng lại và thả tôi ra. Tôi chạy đi trốn đằng sau ghế, nước nở và run rẩy. Vài phút sau bà bảo tôi lên giường đi ngủ.

Tôi vào phòng ngủ, thay váy và co quắp trong chăn, khóc vùi vào gối. Tại sao bác Jane lại đổ lỗi cho tôi về cái chết của bác Tom? Tôi tự hỏi không biết có đúng thế thật không. Có phải tôi đã làm gì khiến bác Tom chết? Tôi cảm thấy mình là một đứa trẻ xấu xa khủng khiếp vì đã khiến bác Tom phải chết và bác Jane tức giận như vậy.

Những ngày tiếp theo tôi yên lặng hơn bao giờ hết. Lo sợ rằng mình đã gây lên một cái gì đó đáng sợ mà không biết, tôi quần quanh trong nhà, đau khổ và sợ hãi. Bác Jane lúc nào cũng mang gương mặt cau có và hiếm khi nói chuyện với tôi - điều đó chỉ làm tăng thêm cảm giác tội lỗi của tôi.

Vài tuần sau đó, khi tôi đang rửa bát sau bữa xế, có tiếng gõ cửa. Chúng tôi hiếm khi có khách, vì thế tôi tự hỏi không biết đó là ai. Bác Jane bảo tôi ra mở cửa, và ngạc nhiên sung sướng làm sao đó là chị Joan của tôi. Chị ra hiệu cho tôi ra ngoài và kéo tôi lại gần để nói nhỏ với tôi rằng bác Jane không thể chăm sóc tôi nữa và tôi

sẽ về sống cùng chị. Mặt tôi sáng bừng - có thật thế không? Có thật là tôi sẽ được về nhà với chị Joan không?

Chị Joan quay về phía bác Jane lúc đó đã đứng ở cửa. “Cháu lấy đồ của con bé được không?” chị hỏi.

“Không cần đâu”, bác Jane trả lời. “Ta lấy ra đây rồi”, và bà giơ ra một cái túi nhỏ chứa tất cả quần áo của tôi, cùng với một con búp bê da đen và một con búp bê bác Bob đã cho tôi. Tôi đã giật mình - tôi không để ý rằng hôm đó bà đã đóng gói đồ đạc của tôi. Bà nhanh chóng gật đầu với chúng tôi, quay đi và không nói thêm lời nào đóng sầm cánh cửa lại sau lưng bà.

Bối tối, tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra để nói với chị Joan là “Còn cái xe hầy của em”. Trừ quyền truyện và con búp bê, tài sản đáng giá nhất của tôi là một cái xe hầy nhỏ mà bác Jane và bác Tom đã mua cho tôi. Họ đã đặt nó dựa vào thành giường tràng kỷ của tôi vào buổi sáng hôm Giáng sinh và tôi đã bước qua nó - họ đã phải dẫn tôi trở lại trong phòng để chỉ cho tôi. Tôi thích cái xe hầy đó, tôi từng dùng nó đi tới đi lui trên vỉa hè bên ngoài căn hộ. Nhưng Joan nghĩ tốt nhất là không nên gõ cửa lần nữa nên tôi đành để nó ở lại.

Tôi rất buồn về chiếc xe hầy, nhưng cũng rất vui vì được thoát khỏi nhà bác Jane. Tôi lon ton chạy trên đường bên cạnh chị Joan, liếc nhìn qua vai về phía sau vì lo bác Jane sẽ đổi ý định. Sau 4 năm trong căn nhà nhỏ buồn bã đó, thật khó có thể tin rằng tôi đang được rời đi. Và được sống cùng chị Joan! Tin tức tốt nhất. Tôi muốn hát và nhảy và la hét lên vì hạnh phúc. Nhưng tôi chắc chắn đó không phải điều đúng đắn. Chị Joan nhìn rất lo lắng, vì thế tôi không nói gì cả. Nhưng trong lòng tôi đang rất hạnh phúc. Không còn bác Jane giận dữ buồn bã trong cuộc sống của tôi nữa. Không còn tiếng máy trợ thính rè rè bên tai nữa. Không còn món lòng ghê tởm nữa.

Chị Joan và gia đình chị ấy đã chuyển đến một ngôi nhà mới, cách nhà bác Jane một chặng xe buýt và thêm một đoạn đi bộ. Nó nằm ở một vùng cư xá mới trong khu Redhouse - nơi tên tất cả các đường phố đều bắt đầu bằng chữ “R”. Căn hộ hai tầng của họ nằm trên đường Revenna, với 2 phòng lầu trên và 2 phòng lầu dưới. Đầu con đường đó là đồi Bunny, đứng trên đồi có thể nhìn qua phía cánh đồng. Hầu hết các con đường ở đó đều chật kín nhà, và những ngôi

nhà mới vẫn đang tiếp tục được xây dựng.

Con đường bên cạnh nhà chị Joan là Rennie Road. Nhà cửa bên này đường đã xây xong, nhưng bên kia đường vẫn chỉ là những đồng gạch gỗ ngổn ngang trên nền xi măng. Tất cả bọn trẻ quanh đây đều chơi giữa đám vật liệu này và dùng chúng làm nơi ẩn nấp.

Ở nhà mới tôi ở cùng phòng với con gái chị Joan, bé Elaine - bé đang chập chững biết đi. Chị Joan đang mang bầu một đứa nữa và tôi rất háo hức không biết mình sẽ có một cháu trai hay cháu gái. Tôi rất hạnh phúc vì được ở với chị mình, tôi đã nghĩ mình sẽ giúp đỡ chị và làm vợ chồng chị cảm thấy vui vẻ vì đã đón tôi về. Nhưng một buổi tối tôi nghe thấy tiếng anh Alan cãi nhau với chị Joan, và anh ấy bảo chị rằng họ không thể nuôi tôi ăn hay mua quần áo cho tôi mặc. Bụng tôi bất giác thắt chặt và tôi nằm đó, thao thức, cảm thấy vô cùng sợ hãi. Một lần nữa tôi lại cảm thấy mình như một con chim cu trong tổ. Tôi có phải rời đi không? Tôi sẽ đi đâu được đây? Tôi không thể nghĩ ra được còn người họ hàng nào có thể nuôi mình. Tại sao không ai muốn nuôi tôi vậy?

Trong suốt những tuần sau đó tôi cố gắng hết sức có thể để làm họ muốn nuôi tôi. Tôi giúp đỡ chị Joan và chăm sóc Elaine và cố gắng không gây phiền phức khi anh Alan ở nhà. Nhưng vài lần tôi nghe thấy anh ấy nói với chị Joan rằng họ không thể có tôi trong nhà. Chị Joan cãi nhau với anh, và tôi biết anh ấy sẽ thắng, anh ấy luôn thắng khi họ cãi nhau.

Tôi quá sợ hãi đến nỗi không thể nghĩ được bất cứ chuyện gì khác. Tôi sẽ phải thế nào đây? Liệu còn người bác nào đón tôi không?

Ngày đó cuối cùng cũng đã tới. Khi chị Joan gọi tôi đến và nói với tôi rằng họ không thể nuôi tôi nữa, đó gần như một sự giải thoát. Chỉ ít tôi đã biết nơi tôi sẽ đến. Chị Joan rất buồn, vì thế nên tôi cố gắng không khóc. Chị ấy bảo với tôi rằng họ cần chiếc giường của tôi cho đứa trẻ sắp sinh, nhưng tôi sẽ được đến sống trong một ngôi nhà lớn với nhiều bạn khác, ở đó tôi sẽ được chăm sóc tốt.

Chị ấy nói đến ngôi nhà lớn nào vậy? Tôi không biết. Tất cả những gì tôi biết là tôi không muốn đi. Tôi muốn òa khóc và van xin chị cho tôi ở lại, nhưng tôi đã không làm thế. Tôi ngồi đó, mặt trắng bệch, môi run rẩy, tự nói với bản thân mình hàng nghìn lần rằng

đừng khóc. Tôi sẽ không xử sự như một đứa bé con, sẽ không khiến chị Joan buồn thêm.

Chị đóng gói đồ đạc của tôi, nhưng chị nói tôi không được mang búp bê của tôi đi nên chúng sẽ phải để lại. Tôi hôn chúng và bảo Elaine chăm sóc chúng giúp tôi, rồi tôi hôn tạm biệt con bé và, nuốt nước mắt vào trong, theo chị Joan ra bến xe buýt.

Khi chúng tôi ngồi trên xe, túi đồ của tôi để dưới chân, chị Joan cố gắng trấn an tôi rằng mọi thứ sẽ ổn cả thôi và chị nói chị sẽ đến thăm tôi bất cứ khi nào chị có thể. Tôi cố gắng mỉm cười, nhưng trong lòng tôi đã tuyệt vọng. Chẳng có ai yêu quý tôi, và giờ đây tôi bị đưa đến một nơi mà tôi không biết ai, và tôi không thể có những con búp bê quý giá của tôi nữa. Trước khi chúng tôi xuống xe, tôi đã run rẩy trong nỗ lực cố gắng thật dũng cảm.

Chúng tôi bước vào một con đường rộng lớn đầy lá rụng, toàn những ngôi nhà rất lớn mà tôi chắc chắn hẳn phải những người rất giàu có mới sống ở đó. Tôi tự hỏi mình đang đi đâu thế này. Chúng tôi bước đến trước ngôi nhà lớn nhất. Cái tên Ashbrooke Towers được viết lên biển tên trên tường bên cạnh những cánh cổng sắt lớn. Tôi nghĩ nó thật u ám và tối tăm. Chúng tôi bước đến cửa trước và tôi có thể thấy một sân cỏ với một hồ cát bên trong.

Cánh cửa mở ra và một người đàn ông dẫn chúng tôi vào bên trong. Có gì đó ở ông ta khiến tôi rất sợ. Tôi cúi gằm và không dám nhìn ông ta. Không nói lời chào hỏi nào, ông ta bảo tôi bước lên lầu và đợi trên đó. Chị Joan hôn và ôm tôi, hứa sẽ tới thăm, sau đó quay người bước đi.

Tôi lê chân chầm chậm lên những bậc cầu thang. Lát sau người đàn ông đi theo tôi. Ông ta lạnh lùng nói với tôi rằng tên ông ta là Walter và từ nay về sau tôi sẽ phải làm chính xác những gì tôi được ra lệnh. Ông dẫn tôi vào một căn phòng tập thể có một hàng những chiếc giường, và phòng thay đồ nơi mọi thứ của tôi sẽ để đó, sau đó ông ta bảo tôi ra ngoài và chơi với những đứa trẻ khác cho đến giờ ăn tối.

Tôi lại bước từng bước lo lắng xuống dưới bậc thang và đi ra bên ngoài, có 10 đến 12 đứa trẻ khác đang chơi trên sân. Tôi lang thang xung quanh rồi sau đó đến ngồi dưới một gốc cây, nhìn lên bức tường cao bao quanh ngôi nhà. Đây là nơi những đứa trẻ bị bỏ rơi

được đưa đến, tôi đã nghĩ như vậy. Những đứa trẻ giống tôi. Tôi không nói chuyện với ai, tôi cảm thấy quá buồn và sợ hãi. Tôi không muốn ở đó, tôi muốn về với chị Joan.

Tôi một mình đi quanh sân cho đến khi chúng tôi được gọi vào ăn bữa xế. Chúng tôi ngồi thành hàng dài quanh bàn ăn và cầu nguyện trước khi ăn. Tôi không thể nhận ra cái gì đang đặt trước mặt mình và tôi chỉ ăn nó bởi vì cô bé bên cạnh thì thầm với tôi rằng tôi sẽ bị đánh nếu không ăn.

Trước khi đi ngủ tôi được đưa cho đồng phục mới và người ta bảo tôi sáng mai sẽ đến trường mới với những đứa trẻ khác. Tôi bị sốc. Trường mới? Vậy là tôi sẽ không trở lại trường của tôi nữa? Sau khi đèn tắt tôi khóc thầm trong chăn. Ý nghĩ về việc sẽ phải đổi trường thật kinh khủng. Đã mất một thời gian dài tôi mới có thể quen với trường cũ, thế mà giờ đây tôi sẽ không được gặp thầy cô và các bạn của tôi nữa. Tôi sẽ phải đến một ngôi trường mới toàn những người xa lạ và chẳng biết gì về mọi thứ. Tôi quá sợ hãi đến nỗi tôi tự hỏi liệu mình có thể chạy trốn trong đêm. Nhưng tôi biết sẽ chẳng có cách nào trốn khỏi ngôi nhà này. Tôi đã là một tù nhân rồi.

Không có búp bê tôi không có gì để ôm ấp. Tôi nhớ chúng rất nhiều. Và tôi nhớ chị Joan. Thậm chí quay trở lại nhà bác Jane cũng vẫn tốt hơn ở đây. Nhưng bà không muốn nuôi tôi nữa. Chẳng ai muốn có tôi. Tôi đã bị từ chối bởi tất cả mọi người và giờ đây tôi chỉ có một mình ở cái nơi khủng khiếp này.

Cuối cùng tôi cũng thiếp đi vì kiệt sức, chỉ thức dậy một vài giờ sau đó trong trạng thái mệt mỏi với đôi mắt sưng húp và đau nhức vì khóc. Tôi mặc đồng phục mới, đi xuống ăn sáng và đi theo những đứa trẻ khác đến trường. Tôi không nói lời nào, tôi chỉ cảm thấy trống rỗng, buồn bã và bị bỏ rơi. Tôi chẳng tin có chuyện gì tốt đẹp có thể xảy đến với tôi nữa.

Tài sản duy nhất tôi được phép mang theo tới Ashbrooke Towers là cái túi xách da màu nâu bác Bob cho tôi. Tôi ôm chặt nó trên đường tới trường, đi đôi giày đen nặng, quá lạc lõng và cô đơn đến nỗi không thể nói chuyện với những đứa trẻ đi cùng.

Đến trường tôi được dẫn tới lớp của tôi. Cô giáo rất dễ chịu, nhưng tôi cảm thấy không hiểu nổi và không thể tập trung. Tôi tự lang thang quanh sân chơi vào giờ nghỉ giải lao, và khi vào học tôi

chỉ nhìn ra ngoài cửa sổ.

Những ngày đó thời gian trôi qua chậm chạp kinh khủng. Tôi tuân theo rất nhiều quy định ở Ashbrooke, và phần lớn tôi tránh vướng vào rắc rối, nhưng tôi chỉ là một cô bé nhỏ đau buồn, người đã gây nên đau khổ cho gia đình tôi. Tôi thực sự chẳng mấy quan tâm đến những chuyện xảy đến với mình nữa.

Tôi ở Ashbrooke được vài tháng và chưa khi nào quen nổi nó. Mùa hè mà vẫn cảm thấy lạnh, và chẳng có chỗ nào để sưởi ấm được. Mỗi ngày, dù nắng hay mưa, chúng tôi cũng bị giam ở ngoài sân. Những hôm trời xấu chúng tôi co cụm chen chúc trong những khe cửa để trú, cố gắng tự làm ấm mình.

Phòng bếp lớn ở tầng hầm có một ô cửa sổ lớn hướng lên sân, và khi trong bếp nóng nực, người đầu bếp sẽ mở cửa sổ cho mát. Mùi thứ ăn sẽ theo đó bay ra sân và những con mắt của chúng tôi sẽ dán vào cửa sổ, nhìn đồ ăn được chuẩn bị đặt trên chiếc bàn gỗ lớn. Đầu bếp là một bà cô đáng yêu thường thương những đứa trẻ bị lạnh cứng ngoài sân. Bà thường để chúng tôi chen chúc quanh cửa sổ tìm hơi ấm, dù bà không dám mở cửa vì sợ bị sa thải. Khi trời lạnh hơn tôi sẽ đặt tay lên trên cửa sổ và bà sẽ cúi người qua bàn và nắm tay tôi để sưởi ấm chúng.

Chúng tôi tự làm ra những trò chơi riêng, treo một cái chăn lên cửa phòng thay đồ để làm bóng với ánh sáng chiếu ra từ phía sau. Hàng giờ liền chúng tôi ở đó diễn những câu chuyện hoặc làm những con rối bằng bóng ánh sáng.

Bộ quần áo duy nhất của chúng tôi là quần áo đồng phục. Cuối tuần một túi quần áo sẽ được mang đến kí túc xá và bày ra. Đó là quần áo mặc cuối tuần của chúng tôi và chúng tôi thường rất hớn hờ vì được mặc đồ khác. Ngoại trừ điều đó thì hầu hết các lần chẳng ai tìm được bộ quần áo nào vừa vặn. Chúng tôi lục trong đồng quần áo, thử mặc những thứ khác nhau và đổi cho nhau, nhưng cuối cùng vẫn là mặc những bộ quần áo quá rộng hoặc quá chật.

Chúng tôi còn phải đi những đôi giày cao cổ màu đen xấu xí mà tất cả chúng tôi đều ghét. Vì thế chúng tôi để dành một ít tiền nhận được mỗi tuần để mua giày đế mềm. Mỗi ngày khi ra khỏi cổng, chúng tôi sẽ tháo đôi giày đáng ghét ra và giấu chúng trong một cái

túi ném trở vào qua bức tường cuối khu vườn, ở đó chúng sẽ lọt thỏm dưới những lùm cây. Chúng tôi sẽ đi giày đế mềm đến trường và rồi cuối ngày chúng tôi sẽ cử ra một đứa - những đứa con trai lần lượt thay phiên nhau - trèo qua tường và ném đồng giày ra ngoài. Chúng tôi đổi giày và lại giấu những đôi giày đế mềm trong những bụi cây cho ngày hôm sau.

Người trong gia đình có thể đến thăm, và vì thế thỉnh thoảng chị Joan hoặc chị Greta lại đến và đưa tôi ra ngoài chơi một ngày. Chúng tôi sẽ lên xe buýt tới cảng Seaham để thăm chị Pat - người vẫn đang sống cùng với bác Jen và bác Charlie. Tôi đã từng chơi với những con búp bê của chị ấy và ước gì tôi có thể được ở lại đó với chị mà không phải trở lại Ashbrooke Towers.

Bác Bob cũng đến thăm tôi, và cha cũng đến nữa, dù là hiếm khi thôi. Họ vẫn sống chung trong ngôi nhà ở Pennywell và tôi muốn cha đưa tôi về sống cùng ở đó, nhưng tôi không nói. Tôi biết ông sẽ không đồng ý vì chẳng có ai chăm sóc tôi.

Một ngày, tầm 6 tháng sau khi tôi đến Ashbrooke và ngay sau sinh nhật thứ 9 của tôi, bác Walter bảo tôi đừng tới trường cùng mọi người mà hãy đợi ở hàng lang cửa trước. Tôi làm theo như vậy, tự hỏi không biết có chuyện gì. Tôi nhìn thấy một chiếc xe màu đen to tiến vào cổng và hướng đến cửa trước chỗ tôi đứng. Người lái xe xuống xe và bước đến. "Irene à?", ông ta hỏi. Khi tôi trả lời vâng, ông ta bảo tôi lên xe. Một trong những người dì chăm sóc đưa cho tôi một túi nhỏ có toàn bộ đồ đạc của tôi trong đó, và chỉ đến lúc đó tôi mới nhận ra mình đang bị chuyển đi.

Đây thực sự là một cách làm việc thật nhẫn tâm, mọi thứ đã được chuẩn bị, không lời giải thích, không lời tạm biệt. Giống như nhiều đứa trẻ khác trước đó, tôi không được ai báo trước và không được phép tạm biệt các bạn tôi. Tôi rất muốn cảm ơn người đầu bếp vì tất cả sự tốt bụng và bàn tay ấm của bà. Nhưng tôi đã bị mang đi xa, và những đứa trẻ khác khi đi học về sẽ nhận ra tôi đã biến mất.

Đó là tháng 11 năm 1959, trời rất lạnh. Tôi ngồi ở ghế sau của chiếc xe, run rẩy, túi đồ đặt trên đầu gối. Chúng tôi đi qua cổng, đi xuống những con đường tôi chưa từng thấy trước đó. Tôi không dám hỏi mình đang được đưa đi đâu, và người đàn ông đó cũng

không nói gì, ông ta chỉ nhìn đằng trước và tiếp tục lái xe. Chúng tôi đi qua cầu Alexander - cây cầu bắc qua sông và tôi nhìn thấy những con tàu cùng rất nhiều thuyền nhỏ đậu trên mặt nước, và dù ngồi trong xe tôi vẫn nghe thấy những âm thanh phát ra từ những nhà máy đóng tàu.

Chúng tôi đi tiếp tới một khu khác của thị trấn, hai bên đường là những ngôi nhà ngói đỏ, và đột nhiên tôi nhận ra chúng tôi đang đi qua khu nhà chị Joan. Chúng tôi dừng lại ở con đường bên cạnh đó, Rennie Road - con đường mà thời tôi còn ở cùng chị Joan nó gồm toàn những ngôi nhà xây dở. Đây thực sự là nơi tôi sẽ sống ư? Bây giờ con đường này đã được hoàn tất, và nơi trước kia chẳng có gì ngoài khung nền móng và bê tông và gạch vụn thì nay đã là những ngôi nhà mới.

Ngôi nhà chúng tôi dừng bên ngoài trông cũng giống những ngôi nhà khác, ngoại trừ việc nó có vẻ dài hơn và có một mái hiên nhỏ cùng những bậc thang dẫn lên cửa trước. Nó nhỏ hơn nhiều so với Ashbrooke Towers và nhìn giống như một ngôi nhà gia đình hơn là trại trẻ. Người lái xe bảo tôi xuống xe, và tôi xuống trước, đợi ông ta lấy hành lí của tôi xuống.

Cánh cửa trước nhà được mở ra một người phụ nữ nhìn đầy đặn và thân thiện. Bà nói với tôi "Cháu hử là Irene". Đứng bên cạnh bà là một cậu bé với đôi mắt màu xanh đậm và mái tóc vàng. Cậu mặc một cái quần sooc dài qua đầu gối và một cái áo ba lỗ, có cùng kiểu tóc cắt ngắn và cạo hai bên giống tất cả bọn con trai ở trung tâm chăm sóc. Cậu cười với tôi, và nhìn cậu tôi cảm thấy lòng mình ấm áp. Tôi chắc chắn tôi nhận ra cậu, nhưng tôi không thể nghĩ ra được đã nhìn thấy cậu ở đâu. Như thể tôi đã biết cậu, nhưng chắc chắn sao tôi có thể biết được chứ? Bằng cách nào đó tôi biết cậu bé đang mỉm cười này sẽ là bạn của tôi. Có lẽ ở đây sẽ không quá tệ. Tôi mỉm cười lại với cậu ấy và bước vào trong.

5 - Alan

Đó là một ngày trời lạnh và xám xịt. Tôi ngồi trong phòng sinh hoạt chung, trên bậc cửa sổ, nhìn ra ngoài. Con đường vắng tanh và những cánh đồng ở phía xa.

Tôi bảy tuổi, mẹ tôi đã chết, và tôi không biết bố và các anh trai tôi ở đâu, hay liệu tôi có thể gặp lại họ hay không. Tôi đã bị mắc kẹt ở nơi này, nơi tôi phải tuân theo vô số những luật lệ và chẳng có ai ở đây tỏ ra thân thiện.

Chính lúc đó, một chiếc xe hơi lớn màu đen rẽ vào khúc quanh và dừng lại trước cửa ngôi nhà. Một người đàn ông bước ra, và sau đó là một cô bé. Cô bé nhỏ hơn tôi, mái tóc màu đỏ cắt ngắn kiểu bát úp thông thường, mặc một chiếc áo không tay màu xám đậm con gái vẫn mặc, đi đôi giày cao cổ nhỏ màu đen.

Tôi nhìn theo khi cô bé đi theo người đàn ông bước đến cửa trước. Chợt có gì đó vụt lên trong lòng tôi. Tôi biết cô bé! Tôi không rõ ở đâu hay như thế nào. Chúng tôi chưa bao giờ gặp nhau, nhưng tôi biết cô bé. Như thể mọi thứ bừng sáng và tôi cảm tưởng như mình có thể chạy hàng dặm cùng cô mà không bao giờ mỏi mệt.

Chợt tôi hiểu rằng mình sẽ không còn cô đơn nữa. Tôi nhảy xuống khỏi bậc cửa sổ và chạy tới mở cửa. Tôi đứng ở hành lang nhìn dì Doris dẫn cô bé lên cầu thang cất đồ. Tôi biết mấy phút nữa thôi cô bé sẽ xuống đây cho bữa xế. Tôi rất háo hức được gặp cô bé nên tôi quanh quẩn dưới chân cầu thang. Khi cô bé bước đến chúng tôi mỉm cười với nhau lần nữa và hỏi tên nhau. Cô ấy bảo với tôi tên cô là Irene. Tôi dẫn cô đi vòng quanh một lượt cho đến khi dì Doris nhắc đã đến giờ ăn. Trong phòng ăn có một cái bàn gỗ dài để 13 đứa trẻ chúng tôi ngồi quanh lúc ăn. Con trai ngồi một bên và con gái ngồi một bên. Thỉnh thoảng bên con gái có nhiều hơn hoặc ngược lại, tùy thuộc xem lúc đó có ai rời đi và ai mới đến. Nhưng ngay cả khi một bên quá chật và một bên quá rộng thì con trai và con gái cũng không được phép ngồi cạnh nhau. Thời đó con trai và

con gái không được phép ngồi cùng hay chơi cùng nhau, trừ khi chơi chung trong cả một nhóm đông người. Nhưng chuyện chơi nhóm đông như thế cũng bị hạn chế và những đứa trẻ quá thân thiện - dù còn quá nhỏ - cũng sẽ bị phạt. Vì thế Irene ngồi ở bên kia bàn, và tôi ngồi bên này, mỉm cười ngượng ngịu với cô bất cứ khi nào dì Doris quay đi.

Sau bữa ăn chúng tôi đều phải làm việc. Tôi bận bịu với việc cọ giày, những đứa khác thì lau bàn, lau nhà hoặc giặt giũ, là ủi hoặc vá quần áo. Tối hôm đó tôi và Irene không có cơ hội nói chuyện, nhưng tôi lại mỉm cười với cô khi chúng tôi lên giường đi ngủ, và cô cười lại với tôi. Và đêm đó tôi nằm trên giường, sung sướng nghĩ rằng mình đã có một người bạn, một người bạn thực sự. Tôi vẫn có cảm giác rõ ràng là tôi đã biết cô.

Những ngày sau đó tôi lúc nào cũng tìm cơ hội trò chuyện với Irene. Tên bọn trẻ gọi cô bé là Rusty, bởi vì mái tóc màu đỏ của cô, và cái tên đó thật tuyệt - nó hợp với cô biết bao! Mặc dù những quy định rất nghiêm ngặt, chúng tôi vẫn tìm cách lén chơi cùng nhau. Chúng tôi phải rất cẩn thận nên chỉ nói chuyện khi các dì không ở đó.

Chúng tôi đã ngồi phía sau tấm rèm trong phòng chơi. Bệ cửa sổ đủ rộng để ngồi lên, vì thế chẳng ai phát hiện ra chúng tôi, đó là một nơi trú ẩn hoàn hảo. Và ở trong không gian ấm cúng đó chúng tôi nói chuyện với nhau bất cứ khi nào có thể. Chúng tôi có rất nhiều điểm chung - Irene là một trong số bốn chị em gái, tôi là một cậu bé trong gia đình có 4 anh em trai, và cả hai chúng tôi đều bị đưa đến trại trẻ vì chúng tôi đã mất mẹ khi còn quá nhỏ. Tôi chưa bao giờ kể chuyện mẹ tôi mất cho bất kì ai, nhưng bằng cách nào đó tôi đã có thể kể cho Irene nghe chuyện đó, thậm chí kể với cô ấy tôi cảm thấy thế nào. Tôi nói với cô ấy tôi nhớ cha và các anh tôi nhường nào. Và cô ấy nói cô ấy cũng nhớ cha và các chị của cô. Thật tốt khi biết rằng có ai đó hiểu được cảm giác mất mẹ rồi mất cả gia đình và bị đưa đi đến những nơi xa lạ.

Cũng ấm áp như chỗ trú ẩn bên bệ cửa sổ là những lúc chúng tôi ở bên ngoài, đó là những khoảng thời gian tuyệt vời nhất. Đồi Bunny nằm ngay cuối đường, chỉ cách đó một vài thước. Tất cả chúng tôi được phép lên đồi chơi vào cuối tuần, và những lúc đó tôi

và Irene thường lén tách ra khỏi những đứa khác và có những chuyến phiêu lưu cùng nhau. Chúng tôi đã từng ngồi bên kia đồi, nơi có thể nhìn xa hàng dặm, nhìn xuống lâu đài Hylton hơn 400 năm tuổi bên dưới. Phía sau nó là một cánh rừng trải dài đến bờ sông và đến chỗ đài tưởng niệm Penshaw ở phía xa. Đó là một công trình lớn tốn kém và phí phạm, xây dựa trên lối kiến trúc của những ngôi đền Hy Lạp cổ đại đứng đó đầy tự hào và oai vệ trên một ngọn đồi cách đó vài dặm.

Chúng tôi ngồi trên sườn đồi, nhìn những chiếc máy bay tiến đến từ sân bay ở phía xa. Đó là một chốt RAF trong chiến tranh và bây giờ được dùng để huấn luyện nhảy dù. Thỉnh thoảng những chiếc máy bay bay đến khá gần chỗ chúng tôi ngồi, và chúng tôi đã nhìn những chiếc dù màu trắng cuộn phần phật trong gió và những thân hình nhỏ tí treo lơ lửng bên dưới chúng. Chúng tôi thường vẫy tay điên cuồng, nghĩ rằng họ có thể nhìn thấy mình.

Khi có cơ hội, chúng tôi sẽ đi xuống đồi và băng qua đường. Việc này bị cấm nghiêm ngặt, nhưng tính khao khát phiêu lưu của chúng tôi đã thắng. Chúng tôi trèo qua bức tường đá và nhằm hướng tòa lâu đài tiến đến cho đến khi chúng tôi tới chỗ rừng cây vốn vẫn nhìn thấy từ phía xa. Thật tuyệt vời khi đi bộ dưới những tán cây. Chúng tôi đã quen với gạch và những bức tường, vì thế cảm giác trên đường ngập lá thật ngoài sức tưởng tượng. Đó là những cây hoa chuông với mùi thơm thật ngọt ngào, những đóa hoa xanh mỏng manh như trái thảm trên nền đất vào mùa xuân và Irene hái hàng bó, mặc dù cô không thể mang chúng về nếu không muốn chúng tôi bị tổng khừ khỏi nhà.

Đây trở thành nơi đặc biệt của chúng tôi. Sự bình yên tĩnh lặng và những màu sắc kì diệu của hoa chuông bỗng thật như một phép màu, và chúng tôi giả vờ coi nó như nhà của chúng tôi. Chúng tôi đi tới chỗ con sông phía bên kia bìa rừng, cứ đi dọc bờ sông cho đến khi tìm thấy một nhà thờ nhỏ đã được xây dựng từ rất lâu, bây giờ đã bị bỏ hoang và đầy cỏ mọc. Một nơi bé nhỏ, cỡ chỉ bằng một căn phòng, nhưng cánh cửa cũ kĩ luôn luôn mở rộng và chúng tôi đã từng ở đó trú mưa, trốn chạy khỏi thế giới bên ngoài. Chúng tôi ngồi trên một chiếc ghế cũ, chuyện trò trong tiếng thì thầm bởi vì đây là một nhà thờ, giọng nói lặng lẽ của chúng tôi cũng vang vọng lên khắp những bức tường đá.

Chúng tôi thích nhìn những luồng ánh sáng màu sắc xuyên qua những ô cửa sổ kính màu, và nhìn ánh sáng chiếu lên cánh cửa có đôi lúc bị tắt mất khi có những đám mây bay ngang qua che mất ánh sáng mặt trời. Đôi khi ở nơi huyền bí này chúng tôi quên bằng mất thời gian, và khi nhận ra đã muộn chúng tôi phải chạy hết tốc lực về nhà, thở hổn hển suốt đoạn đường leo lên sườn đồi.

Chắc chắn chúng tôi không bao giờ về nhà cùng nhau, nên một trong hai đứa sẽ đợi, hoặc về cùng với những đứa trẻ khác. Nếu về muộn chúng tôi sẽ bị phạt. Tôi sẽ bị bạt tai, bị giao thêm việc rồi sau đó sẽ phải đi ngủ, lúc nào cũng như vậy. Hoặc ít nhất thì tôi cảm thấy mọi thứ sẽ mãi kéo dài như vậy. Còn Irene thì lớn tuổi hơn nên hình phạt sẽ nặng hơn - cô ấy sẽ phải làm việc gấp ba lần và đi ngủ sớm trong suốt một tuần. Nên chúng tôi phải chạy như bay để tránh gặp rắc rối.

Tôi vốn luôn là một đứa trẻ ưa mạo hiểm. Một ngày khi đang ở bên ngoài chơi cùng Irene và những đứa trẻ khác tôi đã tự khơi mào để chứng minh với Irene rằng tôi là người dũng cảm nhất. Ở sườn đồi chỗ chúng tôi chơi có một cái hầm trú bom cũ được xây ẩn vào trong đồi. Chúng tôi không biết cánh cửa vào hầm ở chỗ nào, chỉ có một khe bê tông hẹp có thể những người ở bên trong dùng để nhìn ra bên ngoài.

Vì cái khe đó rất hẹp nên hầu hết bọn trẻ không thể chui vào bên trong. Nhưng 2 trong 3 đứa nhỏ hơn, trong đó có tôi, có thể chui lọt. Chúng tôi sẽ chui qua khe hở vào bên trong hang, chỉ để từ khe hở đó nhìn ra bên ngoài. Bên trong hang tối đen, vì thế không ai dám đi sâu vào nữa, mặc dù có lối vào đường hầm ở phía sau.

Ngày hôm đó tôi đã lấy hết can đảm để khám phá đường hầm đó. Tôi bước chậm chậm, dựa vào tường để cảm nhận đường đi vì bên trong quá tối đến nỗi không thể nhìn thấy gì. Tất cả những câu chuyện tôi từng được nghe kể, về những hố đen trên mặt đất mà khi rơi xuống sẽ không thể lên được và về những con quái vật đợi chờ trong bóng tối, ào đến trong tâm trí tôi, nhưng tôi cố gạt đi, nghĩ đến Irene đang ở bên ngoài đợi tôi cùng những người khác. Đường hầm đi sâu vào trong khoảng 50 feet. Đường đi hơi uốn cong một chút và khi đi qua khúc quanh tôi không còn nhìn thấy ánh sáng le lói từ khe hở ở lối vào nữa. Tôi càng sợ hơn, nhưng ngay khi đứng

trong bóng tối tôi lại càng quyết tâm tìm xem cái gì ở cuối đường hầm. Nó giống như một bài kiểm tra, và tôi sẽ không bỏ cuộc.

Cuối cùng, rất lâu sau khi lần mò đường dựa vào bức tường thô ráp, tôi nhìn thấy một khe nứt đủ cho ánh sáng lọt vào và tiến đến. Ở đó có một đoạn dốc đi lên một cái lỗ. Hơi khó để lên được đến chỗ cái lỗ đó, nhưng nó to hơn hẳn khe nứt tôi đã lách vào. Tôi vô cùng phấn khích - điều này có nghĩa là tất cả bọn trẻ sẽ đều có thể vào được hang bằng đường này. Tôi vạch ra một đám dày cây tầm ma, bảo sao chúng tôi không nhìn thấy lối vào: nó đã hoàn toàn bị dải cây này che mất. Chân tay tôi đau nhói. Nhưng khi tôi chạy lại chỗ bọn trẻ tôi đã trở thành anh hùng - ít nhất trong ngày hôm đó. Chúng rất sung sướng khi tất cả đều đã có thể chui vào trong hang, và khi chúng nhón nháo hết cả lên Irene mỉm cười và nói thầm với tôi "Giỏi quá". Sau đó tất cả chúng tôi chơi trong hang, và những cậu bé lớn hơn lại dùng nơi này khi họ muốn lén hút thuốc.

Bài học vĩ đại tôi học được ngày hôm đó đã dẫn dắt tôi qua nhiều thử thách sau này. Lần tìm đường đi trong căn hầm đó dạy tôi rằng khi bạn ở nơi tối tăm nhất, sẽ luôn có ánh sáng ở ngã rẽ tiếp theo. Tất cả những gì bạn cần là sự kiên trì và một chút lòng tin sẽ chạm đến đích, và bạn chỉ cần vượt qua nỗi sợ hãi trong phút chốc để tiến tới vinh quang.

Trước khi gặp Irene tôi bị coi là một đứa trẻ phiền hà nghịch ngợm. Tôi không bao giờ tập trung nổi dù chỉ một lúc. Bất cứ khi nào tôi định tập trung, trí tưởng tượng của tôi lại đưa tôi đến những thế giới khác, đặc biệt là khi tôi ở trường. Tôi luôn gặp rắc rối, chủ yếu là vì tôi thường quên mất thời gian và bị cuốn vào trò chơi nào đó. Có quá nhiều luật lệ nên làm sao có thể không phạm quy được. Và mỗi lần như thế tôi lại bị phạt, hết lần này đến lần khác. Nhưng từ khi có Irene, tôi bắt đầu người lớn hơn. Biết rằng mình có một người bạn thực sự đã giúp tôi hài lòng hơn với mọi thứ. Tôi bắt đầu tiến bộ ở trường và cư xử tốt hơn, và trở thành - gần như là - một cậu bé mẫu mực. Tôi cảm thấy mình chừng chặc hơn và có thể tập trung vào những gì tôi làm. Tôi cũng học được cách che giấu phần ngỗ ngược ở tôi để tránh bị chú ý, vì nếu như vậy tôi sẽ khó ở cùng với Irene hơn.

Dù tôi và Irene cố hết sức để che giấu sự khăng khít giữa chúng tôi, tất cả bọn trẻ đều biết, và có vài anh lớn hơn đã ghen tị. Vì cô ấy 9 tuổi và tôi chỉ mới 7 tuổi, họ nghĩ cô ấy nên chú ý tới họ chứ không phải tôi, vì thế nên họ bắt đầu trêu chọc cô. Có một lần năm đứa bọn chúng đã bắt đầu gây sự với cô, đẩy cô và chửi bới. Tôi đã lao vào họ trong cơn giận dữ. Nhưng một mình tôi sao địch lại nổi họ, nên cuối cùng tôi đã bị chảy máu mũi, nhưng tôi cũng đã khiến hai thằng trong số chúng bị thương nặng đến nỗi chúng không bao giờ dám trêu Irene nữa.

Phần lớn thời gian bọn con trai trong nhà tù tập chơi với nhau. Chúng tôi gặp một vài đứa con trai quanh vùng vào cuối tuần và cùng tụ tập trên đồi Bunny. Chúng tôi tự gọi mình là Người Redhouse vì nhà chúng tôi ở khu cư xá Redhouse. Dưới chân đồi, không xa lâu đài Hylton là mấy, có một khu cư xá nữa đang được xây dựng. Toàn bộ nơi đó như một công trường xây dựng, thật tuyệt với chúng tôi. Chúng tôi chơi giữa những đồng gạch và gỗ. Những đứa trẻ khu này được gọi là Người Lâu đài và là kẻ thù không đội trời chung của chúng tôi. Cả hai nhóm đều tin rằng ngọn đồi thuộc về mình, và mỗi bên đều quyết tâm trừng phạt những kẻ xâm lấn đến từ băng nhóm của đối thủ.

Hai nhóm thường xuyên gặp gỡ và đánh nhau. Phần lớn thời gian là ném đá, còn lại là vật nhau, đá và đấm - gây nên hậu quả là những đôi mắt tím đen cho cả hai bên. Thường thì chúng tôi thắng vì chúng tôi đông hơn - khoảng 20 thằng tất cả. thỉnh thoảng bọn con gái cũng tham gia cùng. Irene khá giống một cô nàng tomboy, cô ấy có thể đánh trúng mang tai một đứa con trai làm nó bò lê bò còng chỉ trong nháy mắt, và cô có thể đá như một con la. Bọn con trai đều tránh đụng phải đôi giày đen bé nhỏ của cô, chúng vừa nhanh vừa cứng.

Một lần bọn trẻ Rennnie Road chúng tôi đang chơi trên đồi thì tôi đi lang thang và đụng phải nhóm đối thủ gồm toàn những đứa Người Lâu đài ở dưới chân đồi. Tôi đã nghĩ mấy đứa đó cùng hội với mình. Khi tôi nhận ra sai lầm của mình thì đã quá muộn và tôi đã bị bắt giữ. Tôi bị bọn chúng xét xử như là gián điệp và bị ra lệnh phải thú nhận tội. Đây can đảm, tôi từ chối nên đã bị kết tội và kết án treo cổ.

Tôi cũng chẳng nghĩ gì cho đến khi tôi nhìn thấy một cái cây ở đó và bọn chúng có một cái hộp và một sợi dây thừng. Lúc đó tôi bắt đầu hơi lo lắng, vì bọn chúng bắt tôi đứng lên cái thùng với một cái thòng lọng quanh cổ tôi, đầu dây còn lại buộc vào cái cây phía trên tôi. Nhưng tôi vẫn không nghĩ chúng thực sự sẽ làm gì mình, cho đến khi cái hộp bị đá ra chỗ khác. Cú sốc thật quá lớn. Đột nhiên tôi bị treo lủng lẳng và sợi dây thừng thắt chặt quanh cổ tôi. Tôi không thể nói gì cũng không thể la hét; tôi bị ngạt thở và cố gắng nắm lấy sợi dây thừng. Nhưng tôi càng cố gắng xoay sở bao nhiêu thì sợi dây càng thắt chặt thêm bấy nhiêu.

Khi bọn Nhà Lâu đài nhận ra những gì chúng đã làm, chúng đã hoảng loạn và thay vì giúp tôi chúng lại chạy biến. Tất cả đều biến mất. Hoảng sợ, tôi cứ nhìn theo khi cả đám bọn chúng chạy xuống dưới chân đồi. Thở hỗn hển, tôi biết mình đã thực sự gặp rắc rối. Nếu sợi dây thắt chặt hơn nữa, tôi sẽ bất tỉnh, và thế là xong.

Tôi không muốn chết! Tôi phải tìm cách thoát ra.

Cố gắng để không hoảng sợ, tôi xoay sở nắm lấy sợi dây phía trên đầu và rướn lên để tay kia của tôi có thể nắm được cành cây nơi sợi dây đang được buộc vào. Tôi là một đứa trẻ dẻo dai mạnh mẽ và may mắn là tôi không quá nặng, vì thế tôi có thể đẩy người mình leo lên trên cành cây, và sau đó nới lỏng sợi dây quanh cổ, tháo nó ra và nhảy xuống đất.

Tôi nằm đó thở hỗn hển trong vài phút. Không khí chưa bao giờ ngọt ngào đến thế. Tôi ôm tay quanh cổ. Tôi có thể cảm nhận được lớp da trầy trụa của mình và tôi nhăn mặt. Tôi đã bị dây thừng cứa vào cổ đến bỏng rát, và cổ họng tôi bị thương - cả bên trong lẫn bên ngoài.

Tôi từ từ đứng lên và bắt đầu đi bộ về Rennie Road. Tôi biết mình đã bị muộn, nhưng ít nhất tôi cũng có thể kể với mọi người chuyện gì đã xảy ra. Khi tôi rẽ vào khúc quanh tôi nhìn thấy dì Nan đang đứng ở bậc thềm trước cửa. Khi bà nhìn thấy tôi, bà đã tóm lấy tôi và áp tải tôi vào nhà.

“Mày không biết mày đã làm gì đâu, cậu bé, nhưng mày gặp chuyện lớn rồi đấy”, bà quát tháo. “Mày về quá trễ và tất cả chúng ta đã phải ra ngoài tìm mày.”

“Cháu có thể giải thích,” tôi nói, và kể lại câu chuyện bị bắt bởi bọn Nhà Lâu đài.

“Vớ vẩn”, dì Nan khịt khịt mũi. “Tao không biết mày đã làm gì với chính mày, nhưng dựng lên chuyện những đứa trẻ khác bắt giữ mày làm con tin và treo mày lên thì thật là nực cười. Mày sẽ bị đòn và phạt ở trong nhà một tuần.”

Tôi cố gắng giải thích, nhưng dì Nan không quan tâm. “Nói thêm một câu nào nữa thì hình phạt sẽ nặng hơn đấy,” bà rít lên, kéo tai tôi xềnh xệch tôi lên văn phòng.

Bà đánh tôi rất đau, nhưng sự bất công mới khiến tôi đau đớn hơn. Đêm đó tôi nằm trên giường tức tưởi và giận dữ, căm ghét bà ta và ước rằng tôi có thể kể với Irene chuyện gì đã xảy ra. Tôi biết cô ấy sẽ tin tôi.

Tuần sau đó tôi phải ở trong nhà cả tuần khi mà những đứa khác được ra ngoài chơi. Chuyện đó thật khó khăn. Tôi ghét bị giam cầm và mong mỗi được chạy nhảy. Và tôi cảm thấy bị tổn thương sâu sắc khi người ta không tin tôi. Sao tôi có thể tin tưởng những người lớn được cơ chứ, khi mà họ không chịu nghe sự thật?

Tuần đó tôi không có nhiều cơ hội nói chuyện với Irene, nhưng vào những giờ ăn cùng nhau và bất cứ khi nào chúng tôi đi qua nhau cô đều lén dành cho tôi những ánh mắt cảm thông, và tôi biết cô rất thương tôi.

Cuối tuần đó tôi rất sung sướng vì được ra ngoài, và ngay lập tức nhóm chúng tôi trả thù bọn Người lâu đài. Chúng tôi bắt giữ 3 tên trong số chúng và giữ làm tù binh. Chúng bị kết tội làm gián điệp và bị đưa đến mỏ đá sa thạch ở bên kia đồi. Chỗ đó luôn luôn ngập nước, sâu bốn hoặc năm feet gì đó - sẽ chẳng là gì nếu bạn biết bơi, nhưng nhiều đứa trẻ ở đó vốn không biết bơi.

Những tù nhân bị đưa tới cạnh hồ nước và bắt phải quỳ xuống, nhìn xuống mặt nước cách mặt đất khoảng 20 feet. Chúng được hỏi sẽ tự nguyện làm gián điệp cho chúng tôi hay muốn bị ném xuống nước để trả thù cho vụ treo cổ của tôi. Cả 3 đứa đều rất dũng cảm và từ chối làm gián điệp. Nhưng tôi không thể tin nổi một đứa trong nhóm tôi - nó có tên là Cổ Cao su - đã chạy ra phía sau ba tên gián điệp kia và nhanh như chớp, đẩy tất cả xuống hồ. Và thế là chúng rơi xuống, mỗi đứa khi chạm đến mặt nước đều gây ra một tiếng

“ùm” lớn và rồi chìm xuống. Nước rất lạnh và chúng lại trôi lên trên mặt nước, quấy đập và la hét. May thay tất cả bọn chúng đều xoay sở vào được đến bờ, và khi đã ở bên bờ bên kia, thoát khỏi chúng tôi, chúng hét lên những lời chửi rủa và thề hứa sẽ trả thù.

Cổ Cao su có tên thật là Ray. Nó là một đứa trẻ cỡ tám hay chín tuổi, gầy nhẳng và cao. Nó có biệt danh như thế vì mỗi khi bị ngã hoặc bị đánh trúng, nó thường bật dậy ngay lập tức và không bao giờ bị thương. Nó không phải là ngôi sao sáng nhất trên bầu trời, nhưng thỉnh thoảng nó có thể rất tinh ranh. Vì thế khi chúng tôi cần ai đó cho một nhiệm vụ bí mật, chúng tôi đều đề cử Cổ Cao su.

Nhiệm vụ lần này là một bài kiểm tra thực sự về độ nam tính, một bí mật không bao giờ được tiết lộ, một cuộc chiến khó nhằn: nó phải lấy kẹo cho tất cả chúng tôi, lúc đêm khuya.

Chúng tôi đều có một ít tiền tiêu vặt mỗi tuần, đủ để mua một cuốn truyện tranh hoặc một ít kẹo. Nhưng ngoài số đó ra chúng tôi không bao giờ có thêm gì khác, và chúng tôi nghe nói có một nhà máy đầy kẹo ở bên kia thị trấn.

Như một sự trừng phạt, một trong những đứa nhỏ hơn được chọn đi cùng Cổ Cao su. Chúng tôi gọi thằng đó là Sổ mũi vì nó luôn luôn như vậy. Nó sụt sịt rồi để nước mũi nhỏ tong tong và lau mũi vào ống tay áo. Và lúc nào nó cũng đeo một cặp kính cận viền dày màu đen luôn có một mẫu băng dính ở mặt trước viền kính. Nó được lệnh đi theo Cổ Cao su, giúp Cổ Cao su nếu thằng này gặp rắc rối và chạy về thông báo với mọi người nếu Cổ Cao su bị bắt. Ai cũng biết Cổ Cao su sẽ làm bất cứ điều gì một khi nó đã được thách đố, nên lúc nào nó cũng cần có người cứu hộ.

Hai đứa nó đi ra ngoài, trèo qua cửa sổ phòng ngủ lúc nửa đêm, nhằm hướng nhà máy kẹo gần sân bóng Roker Park ở bên kia thị trấn. Chúng len lỏi xuống đường, tránh những ánh đèn đường và những viên cảnh sát đi tuần theo giờ. Ngày đó xe cộ trên đường rất thưa thớt, đặc biệt là vào ban đêm, ngoại trừ những chiếc xe thùng Black Maria của cảnh sát chuyên đi bắt những kẻ say xỉn. Nên nếu có ánh đèn le lói, hai đứa nó sẽ nhanh chóng trốn cho đến khi xe đi qua.

Sau một vài giờ săn lùng chúng cũng tìm thấy nhà máy. Chúng len lỏi quanh bức tường phía sau nhà máy và trèo theo một đường

ống thoát nước lên trên mái nhà dốc. Mái nhà khi đó là những tấm tôn xi măng lượn sóng loại giòn, rất dễ bị vỡ. Cổ Cao su bắt đầu bước trên đó và nhanh chóng bị rơi xuyên qua mái nhà, với một tiếng vỡ lớn. Nó hạ cánh xuống sàn nhà máy cách mái khoảng 20 feet, và lại ngồi dậy mà không hề bị thương chút nào. Khi mắt nó đã quen với ánh sáng mờ mờ, nó bắt đầu nhìn quanh. Nó đã ở thiên đường, bao quanh bởi những giá nối tiếp giá đựng mọi loại kẹo và sô cô la trên đời! Và cứ hết hàng giá nọ đến hàng giá kia! Nó gần như không thể di chuyển nổi vì phấn khích.

May mắn thay trợ tá của nó đã được đưa cho một cái vỏ gối phòng khi xảy ra những điều không thể. Sở mũi ném cái túi xuống và Cổ Cao su bắt đầu nhét đầy bánh kẹo vào đó trong lúc vui mặt vào đồng sô cô la trong không gian tranh tối tranh sáng của nhà máy. Cuối cùng nó cũng trèo đến góc tường và chui qua lỗ hồng trên mái nhà. Trợ tá của nó cũng đã được ăn ngay tại chỗ, và bởi vì Sở mũi có chút linh hoạt hơn, nên nó đã che lại chỗ mái nhà bị vỡ để che dấu dấu vết của chúng.

Chúng trở về qua cửa sổ phòng ngủ vào khoảng 4 giờ sáng. Chúng tôi đã choáng váng và vui mừng như điên dại khi Ray ôm vào cái túi to phòng và khi câu chuyện được kể lại, hỗ trợ bởi người bạn đồng hành mồm miệng khoe khoe sô cô la của nó. Chúng chính thức nhận được những lời khen ngợi và xu nịnh của chúng tôi, sau đó chúng tôi bắt đầu thì thầm, to hết mức có thể, “Cái túi, cái túi!”

Cổ Cao su cởi cái túi ra, chúng tôi vây quanh nó, và kiễng chân ngó xuống. Cái túi đổ ra, hàng đồng - kẹo cao su! Không có một cái kẹo nào khác, chỉ toàn những hộp kẹo cao su. Chúng tôi suýt chút nữa đã giết nó. Nhưng chúng tôi đã khám phá ra một nguồn cung cấp kẹo vĩnh viễn, và cứ mỗi tháng sau đó một vài đứa con trai dũng cảm lại được chọn để làm nhiệm vụ.

Tôi luôn chia phần kẹo của mình cho Irene, nhét chúng vào túi cho đến khi chúng tôi có thể lén đi đâu đó một, hai tiếng và nằm trong rừng, má phồng lên vì bánh kẹo khi chúng tôi ngắm những đám mây trôi trên đầu mình. Chúng tôi đã từng tưởng tượng mình sẽ đi đâu và ở nơi đó sẽ như thế nào. Chúng tôi sẽ nói về những cuộc chạy trốn và đến sống trong rừng hoa chuông, chỉ có hai

chúng tôi, tự do và hạnh phúc.

Chúng tôi chia sẻ với nhau rất nhiều mơ ước. Tất cả những mơ ước đều bắt nguồn từ những cuốn sách thiếu nhi đều có câu chuyện về một ngôi nhà tranh lợp mái rạ bao quanh bởi những bông hoa tươi sáng - nơi đó luôn luôn ấm áp, có một phụ nữ to lớn vui vẻ nướng bánh mì và bánh ngọt cho rất nhiều những đứa trẻ hạnh phúc sống ở đó. Chúng tôi biết ở đó giường ngủ sẽ rất mềm mại với những cái gối lớn và những cái chăn nhiều hoa văn, và ánh mặt trời sẽ luôn chiếu qua những ô cửa sổ nhỏ.

Đôi khi, lúc đi bộ trở về Rennie Road, chúng tôi sẽ nhìn qua cửa sổ của những ngôi nhà trên đường để thấy những lò sưởi ấm áp, những chiếc thiệp mừng sinh nhật đặt trên bệ lò sưởi và những đứa trẻ chơi trong nhà. Chúng tôi thấy mẹ chúng ôm hôn chúng và bọn chúng đều cười, khi đó liền tự hỏi “Tại sao đó không phải là chúng tôi?” Tại sao chúng tôi không thể sống trong một ngôi nhà như vậy, với ai đó yêu thương chúng tôi?

Nhưng dù sao, chúng tôi vẫn còn có nhau. Có một ngày, ngồi trên đồi xem nhảy dù, tôi đã nói với Irene rằng khi nào lớn lên tôi sẽ cưới cô. Cô suy nghĩ một lúc rồi nói cô cũng sẽ cưới tôi, và chúng tôi bắt tay để niêm phong hẹn ước. Sau đó chúng tôi lén trao nhau một nụ hôn, rất nhanh thôi. Một cái chạm nhẹ của đôi môi, một khoảnh khắc của niềm hạnh phúc thuần khiết vương vấn mãi trong tôi suốt nhiều năm về sau.

6 - Irene

Được khi đến Rennie Road và gặp Alan, tôi đã trải qua một cuộc sống chỉ tuân theo mệnh lệnh của những người lớn quanh tôi. Như thể tôi đeo một miếng che mắt, ngậm miệng lại và kìm nén tất cả những cảm xúc đau đớn trong lòng. Tôi làm những gì tôi được bảo làm, và học cách không trông chờ những điều tốt đẹp sẽ đến bởi vì cuộc đời tôi đã có quá nhiều mất mát. Nhưng khi cánh cửa Rennie Road mở ra và Alan ở đó đợi tôi để nói lời chào, mọi thứ đã thay đổi.

Tôi chưa từng được chào đón một cách thân thiện như thế. Ngày hôm đó tôi bước lên cầu thang với dì Doris, cầu mong cậu bé đáng yêu đó sẽ ở đó khi tôi trở xuống. Và cậu ấy ở đó thật. Giây phút ấy tôi biết mình đã có một người bạn thật sự.

Chính Alan đã dẫn tôi đi vòng quanh giới thiệu và khiến tôi cảm thấy mình được chào đón ở đây. Sau đó chúng tôi chơi cùng nhau hoặc ngồi nói chuyện với nhau bất cứ khi nào chúng tôi có thể. Và có gì đó trong lòng tôi - vốn trống rỗng - đã được lấp đầy. Tôi biết mình có thể dựa vào Alan, và tin tưởng cậu ấy. Cậu ấy sẽ ở đó vì tôi, dù bất kể chuyện gì xảy ra.

Mặc dù Rennie Road giống một ngôi nhà thật sự hơn, tôi cũng sớm phát hiện ra những quy tắc ở đây nghiêm ngặt chẳng khác gì Ashbrooke Towers. Ở đây có một phòng khách lớn và một phòng chơi, hai phòng ngăn cách nhau bởi một bức vách gỗ có thể gấp lại được. Tôi đã bị ấn tượng bởi chiếc TV đặt trong phòng khách, vì trước đó tôi chưa từng nhìn thấy TV. Có một phòng ăn và một phòng bếp, bên ngoài là một khoảng sân sau lát gạch để bọn trẻ chơi và phơi đồ.

Trên lầu là phòng ngủ. Hai dì mỗi người đều có riêng một phòng ngủ - những căn phòng đó lúc nào cũng được khóa. Có một phòng ngủ lớn cho sáu đứa trẻ và hai phòng ngủ nhỏ hơn cho bảy đứa còn lại. Tôi được xếp vào phòng nhỏ nhất, ở chung với hai người

nữa, một chị lớn hơn và một đứa nhỏ hơn tôi. Tôi cố gắng kết bạn với hai người họ, nhưng họ nói chuyện với nhau và lờ tôi đi nên cuối cùng tôi đã phải bỏ cuộc. Sau đó tôi phát hiện ra chẳng ai ở mãi trong một phòng. Việc phân chia phòng phụ thuộc vào việc lúc đó trong nhà có bao nhiêu con trai và con gái, và bạn có thể bị chuyển từ phòng này sang phòng khác khi có một đứa trẻ chuyển đến hoặc chuyển đi. Điều này thực sự đáng lo ngại, vì bạn sẽ không bao giờ có không gian riêng của mình quá lâu.

Mặc dù 2 người bạn cùng phòng có vẻ không muốn chơi với tôi, có một vài người khác có vẻ thân thiện hơn. Họ đặt biệt danh cho tôi là Rusty, cũng chẳng sao vì hầu như ai cũng có biệt danh nào đó. Có một vài đứa có vẻ gặp khó khăn. Có một cặp chị gái và em trai nhỏ đến trước tôi không lâu, tầm năm hay sáu tuổi gì đó và cả hai đều rất gầy với hai hốc mắt khô nhợt xanh xao mỗi khi họ khóc nhiều. Họ nhìn như thể bị suy dinh dưỡng và lúc nào cũng có vẻ sợ hãi và co rúm vào nhau. Tôi thường tự hỏi không biết điều gì đã làm tổn thương họ đến thế, tôi bị ám ảnh bởi khuôn mặt nhỏ bé hốc hác của họ. Và mặc dù họ có vẻ như cần nương tựa vào nhau rất nhiều thì ngôi nhà này vẫn có những luật lệ cần được tuân thủ, nên họ không được phép ngủ chung trong một phòng.

Rennie Road có 3 nhân viên: Dì Doris, dì Nan và bác Margaret là người dọn dẹp. Dì Doris có thân hình khá đầy đặn và ưa nhìn, với mái tóc ngắn uốn màu nâu xám. Bà là một người rất khắt khe trong việc phải tuân thủ những quy tắc, nhưng bà có một trái tim nhân hậu, và nếu bà bắt gặp chúng tôi cư xử không đúng hay không tuân thủ quy tắc bà sẽ không phạt chúng tôi quá nặng, trừ khi đó là lỗi rất nghiêm trọng. Bà không bao giờ thể hiện bà yêu thương chúng tôi quá nhiều, dù có nhiều lần tôi cảm thấy bà muốn thể hiện điều đó. Có thể bà sợ bị liên lụy, bởi vì tôi đã sớm hiểu được rằng những đứa trẻ có thể - và đã bị - biến mất chỉ qua một đêm, bị Hội đồng đưa đến những ngôi nhà khác.

Dì Nan thì gầy, tóc dì màu nâu, cắt ngắn và cũng uốn. Lạnh lùng và xa cách, bà luôn nhanh chóng quát tháo và trừng phạt cả những lỗi nhỏ nhất. Nếu bà bắt gặp bạn mắc lỗi, chắc chắn không phải hỏi bạn sẽ bị phạt. Cứ đến phiên trực của bà là bọn trẻ chúng tôi đều im lặng hẳn.

Người làm nhiệm vụ quét dọn – bác Margaret cũng có thân hình gầy gò với mái tóc đen dài. Các dì thường nấu ăn và bác Margaret sẽ giúp bày biện và lau dọn, nhưng việc chính của bà là giám sát việc giặt giũ và rửa bát của chúng tôi. Cũng không phải là bà không tốt bụng, nhưng bà không mấy khi nói gì và rõ ràng là đối với bà, ở cùng chúng tôi chỉ là một công việc. Bà sống với người mẹ đã già, và giống như hai dì, bà không kết hôn và cũng không có con.

Mỗi đứa chúng tôi đều được giao những công việc nhà. Việc của tôi là rửa và lau khô bát đĩa, ba lần một ngày - sau bữa sáng, bữa xế và bữa tối vào những ngày đi học và bốn lần một ngày vào những ngày cuối tuần - khi mà chúng tôi ăn thêm bữa trưa ở nhà. Tôi rửa số bát ăn cho hai hoặc ba người lớn và mười ba đứa trẻ, đó là một công việc buồn tẻ mất của tôi một tiếng đồng hồ sau mỗi bữa. Tôi ghét sự lặp đi lặp lại vô tận này, tôi muốn được giao việc gì đó khác. Nhưng tôi không được phép - các dì bảo đó là việc của tôi và tôi phải làm.

Mỗi tối, tôi còn phải lau phòng thay đồ và sàn nhà chỗ gần cửa sau. Khi mọi việc xong xuôi thì cũng chẳng còn mấy chốc là đến giờ đi ngủ. Và ngoài việc nhà, chúng tôi còn phải tự giặt tay tất và đồ lót của chính mình. Có hai phòng tắm, một cho con trai và một cho con gái. Mỗi sáng và mỗi tối chúng tôi đều phải xếp hàng bên ngoài, đợi đến lượt mình rửa ráy. Vào buổi sáng thì không quá tệ: rửa mặt nhanh chóng và đánh răng là xong. Nhưng buổi tối chúng tôi phải tắm rửa, giặt tất và cả quần áo nữa.

Người dì ở trong ca trực sẽ kiểm tra đồ của chúng tôi, và nếu một vết bẩn hay vết mực bị phát hiện vẫn còn trên quần áo hoặc tất, đứa trẻ đó sẽ phải đi giặt lại. Nếu đứa trẻ đó vẫn trượt bài kiểm tra “không tì vết”, nó sẽ bị phạt một tuần phải đi ngủ sớm. Điều đó khiến chúng tôi ai cũng ở lì trong phòng tắm chờ đến mòn tất của mình, trong khi bên ngoài những đứa khác mất kiên nhẫn vì chờ đến lượt.

Tất cả chúng tôi thi thoảng đều trượt bài kiểm tra “không tì vết” - không dễ gì mà giặt sạch hoàn toàn tất của mình - đặc biệt với những đứa trẻ còn quá nhỏ. Đôi khi chúng òa khóc sau khi cố gắng giặt sạch đồ của mình mà vẫn thất bại. Chúng tôi luôn thương chúng và muốn giúp nhưng chúng tôi không dám. Bạn phải nhìn

thấy đôi mắt đại bàng của dì Nan rà soát những đồ còn lỗi và bà ta sẽ quất tháo bắt đứa trẻ đó đi giặt lại. Những ngày đầu chuyện đó đôi lần xảy đến với tôi và tôi vô cùng ghét nó. Sau đó tôi đã học được cách giặt đồ thật cẩn thận, để không còn vết bẩn nào bị lòi ra nữa.

Tất cả trẻ con, không cần biết ở độ tuổi nào, đều phải lên giường muộn nhất là 8:30 mỗi tối, đều đặn bảy tối một tuần. Dĩ nhiên chuyện này vô cùng khó khăn với những đứa trẻ lớn hơn, tầm 13 hoặc 14 tuổi. Những đứa lớn này thường lên giường cùng lúc với những đứa trẻ năm hoặc sáu tuổi và rồi nằm thao thức hàng giờ. Nhưng quy tắc ở ngôi nhà này rất cứng nhắc, và không ai được phép thách mắc.

Lần đầu tiên đến đây tôi không quá bận tâm vì giờ đi ngủ - ở Ashbrooke Towers chúng tôi còn phải lên giường từ sớm hơn, nên 8:30 với tôi cũng được. Lúc đó là tôi đã mệt, đặc biệt sau một buổi tối phải rửa bát và lau nhà.

Những ngày trong tuần luôn giống nhau: ban ngày đến trường, tối làm việc nhà và làm bài tập. Chẳng bao giờ có thời gian cho chúng tôi ra ngoài và chơi. Tôi sẽ nghe tiếng những đứa trẻ khác trên phố chơi trò chơi và đôi khi tôi nhìn chúng qua cửa sổ. Nhưng chúng tôi chỉ được phép ra ngoài vào cuối tuần. Đó là khi tôi lén tách khỏi những đứa trẻ khác để đi cùng Alan.

Trước đó tôi vốn luôn là một cô gái nhỏ thận trọng, luôn lo sợ sẽ gặp rắc rối, nhưng ở bên cạnh Alan tôi ngày càng trở nên mạnh bạo hơn. Tôi thích được đi lên đồi Bunny cùng cậu ấy, và trốn khỏi tất cả. Chúng tôi sẽ cù nhau hoặc ôm nhau thật chặt và lăn xuống đồi cho đến khi mỗi rã rời mới buông nhau ra, cười đùa và la hét.

Chúng tôi đều biết mình sẽ bị chuyển đi nếu vi phạm bất cứ nguyên tắc nào. Và chuyện một đứa con trai và một đứa con gái chơi với nhau chắc chắn là một trong những điều đó. Vì thế chúng tôi rất cẩn thận. Chúng tôi rời nhà riêng rẽ và sau đó gặp nhau ở góc phố và chỉ cùng đi bộ đoạn đường từ đó đến trường. Ở trường chúng tôi cũng không chơi cùng nhau, chúng tôi học ở hai lớp khác nhau, nhưng chúng tôi sẽ đi cùng nhau phần lớn đoạn đường về và chỉ tách ra khi tới khúc quanh ở góc phố. Những đứa trẻ khác nghĩ chúng tôi cũng như họ, nhưng chúng tôi vẫn tránh không để chúng

nhìn thấy chúng tôi đi cùng nhau, vì có nhiều đường đến trường và bọn trẻ không rời nhà cùng một lúc.

Một ngày, khi chúng tôi đang ngồi trên đồi nhìn lên bầu trời xanh và những đám mây trắng mịn, Alan đã cầm tay tôi, nắm chặt và nhìn tôi bằng đôi mắt màu xanh trong veo của cậu ấy, nói rằng “Khi mình lớn lên mình sẽ cưới cậu. Cậu có cưới mình không?”. Tôi nói “Có, nhưng cậu phải đợi đến khi bọn mình lớn.” Chúng tôi bắt tay và sau đó, khi đã biết không có ai đang nhìn, Alan hôn tôi. Một nụ hôn thơ ngây, mềm mại và rất nhanh, để niêm phong hẹn ước. Mặt tôi đỏ bừng và đột nhiên tôi cảm thấy xấu hổ.

Kể từ khoảnh khắc ấy không hiểu sao tôi có cảm giác an toàn và bình yên. Biết rằng có ai đó quan tâm và để ý đến mình khiến tôi cảm thấy tự tin. Sau một loạt những biến cố xảy, tôi đã luôn sống trong sự bất an, nhưng ở bên Alan tôi bắt đầu tìm thấy sự tự tin mới.

Chúng tôi lên có những chuyến phiêu lưu cùng nhau. Chúng tôi sẽ chạy tới chỗ lâu đài Hylton và lang thang dưới những tán cây. Cảm giác đó rất thần kì và có chút đáng sợ, vì nghe nói lâu đài đã bị ma ám bởi Cauld Lad, một chàng trai trẻ sống trong lâu đài bị sát hại bởi chính ông chủ của mình - Baron Hylton, 350 năm về trước. Đi qua lâu đài, chúng tôi tới chỗ một chiếc cầu đá bắc qua suối, chính là con đường dẫn tới rừng hoa chuông. Bước vào khu rừng đó chúng tôi cảm thấy được tự do. Chúng tôi chạy vòng quanh và cười đùa, hái hoa hoặc nằm dài trên thảm lá, ngẩng nhìn những nhánh cây. Tôi từng nghĩ tiếng lá cọ vào nhau xào xạc chính là tiếng thì thầm của những nàng tiên. Chúng tôi đã mơ ước về một cuộc sống trong ngôi nhà nhỏ giữa rừng cây và những thảm hoa chuông, ấm áp và an toàn, tránh xa khỏi các dì và những công việc nhà.

Thích nhất là chỗ nhà thờ nhỏ cũ kĩ. Nó có mùi ẩm mốc và ướt át, nhưng đó là nơi bí mật của chúng tôi. Chúng tôi ngồi đó hàng giờ, nhìn những vệt ánh sáng đầy màu sắc xuyên qua những ô cửa kính màu.

Những năm sau này, khi nhìn lại khoảng thời gian đó, tôi đã nghĩ rằng, nếu có thể, tôi sẽ ngay lập tức làm đám cưới với Alan trong nhà thờ bỏ hoang đó, trong khu rừng kì diệu đó, chạy trốn khỏi tất cả mọi thứ.

Chúng tôi không bao giờ ở lại đó được lâu như mong muốn. Chúng tôi không có đồng hồ nên phải ước chừng thời gian để trở về. Càng ở lâu sẽ càng phải chạy về thật nhanh. Đôi khi những đứa khác hỏi chúng tôi đã đi đâu, nhưng chúng tôi luôn cẩn thận về vào những giờ khác nhau để tránh bị nghi ngờ và tôi sẽ nói tôi đi chơi ở bên kia đồi. Vào giờ ăn, Alan và tôi sẽ nhìn nhau, ánh mắt sáng ngời, biết rằng nơi đó vẫn là bí mật của chúng tôi.

Có vài đứa trẻ đã nghi ngờ, và thỉnh thoảng chúng sẽ tóm lấy tôi, cố gắng hỏi về tôi và Alan. Nhưng tôi không bao giờ nói ra bất cứ điều gì. Cả hai chúng tôi đều không nói với bất kì ai về những cuộc phiêu lưu của cả hai đứa, biết rằng nếu nói ra cả hai chúng tôi sẽ gặp rắc rối.

Một lần Alan ra ngoài chơi với những đứa trẻ khác và rồi biến mất. Chẳng ai nhận thấy cậu ấy đã mất tích cho đến tận bữa xế. Dì Doris đến hỏi tôi có biết cậu ấy đi đâu không và điều này khiến tôi lo lắng - dì hỏi như thế có nghĩa là dì ấy đã biết chúng tôi thân thiết với nhau. Tôi biết sắp tới chúng tôi sẽ cần cẩn thận hơn nữa, nhưng khoảng khắc đó tất cả những gì tôi có thể nghĩ chỉ là cậu ấy đã mất tích.

Tôi đến ngồi trên bậc cửa sổ trong phòng chơi, ẩn mình sau tấm rèm, nhìn ra ngoài đường, lo lắng không biết có chuyện gì đã xảy ra với Alan. Trời đã tối và các dì đang đứng bên ngoài cổng chờ cậu ấy. Họ còn bảo hai cậu bé lớn hơn đi lên đầu đường tìm xem Alan có ở đó không. Khi ai đó nói đến chuyện báo cho cảnh sát tôi bắt đầu hoảng sợ.

Lát sau có tiếng náo động trong phòng khách. Tôi chạy tới xem chuyện gì xảy ra. Alan đứng đó, nhìn như thể mới bị kéo qua hàng rào, cả người cậu xước xát và đầy bụi bẩn. Cả hai dì đều đang tra hỏi cậu ấy xem chuyện gì đã xảy ra. Cậu ấy nói cậu ấy bị bọn Người Lâu đài bắt giữ, nhưng các dì đều không tin và lôi cậu ấy lên lầu để đánh đòn. Tôi cảm thấy rất thương Alan đến nỗi tôi đã muốn chạy đến ôm cậu, nhưng tôi không thể. Alan bị cầm ra ngoài một tuần, vì thế tôi phải đợi cho đến khi chúng tôi có thể gặp nhau giây lát ở chỗ bậc cửa sổ sau tấm rèm mới có thể bảo cậu kể cho tôi toàn bộ những gì đã xảy ra.

Cuối cùng khi đã nghe toàn bộ câu chuyện, tôi nói với cậu ấy rằng cậu ấy thật dũng cảm biết bao khi có thể trốn thoát được như thế.

Sau đó một vài anh lớn tuyên chiến với nhóm Người Lâu đài. Tôi cũng tham gia với họ vì đó là cách duy nhất để tôi thể hiện cảm xúc của mình mà không bị nghi ngờ. Có vài lần tôi đã đánh nhau với những đứa Người lâu đài cùng bọn con trai nhóm tôi, và dĩ nhiên tôi cũng nhận về con mắt thâm tím đen. Kết quả là mọi người đều nghĩ tôi là tomboy chính hiệu và những đứa con gái khác không muốn chơi với tôi lắm nữa. Lúc đó tôi thấy cũng chẳng sao, vì tôi thích chơi với con trai, đặc biệt là khi Alan cũng ở trong hội đó. Nhưng sau rồi chuyện đó cũng làm tôi phiền muộn, vì tôi muốn chơi với bọn con gái nhưng họ lại từ chối chơi cùng tôi.

Thỉnh thoảng có những đứa trẻ đột nhiên biến mất, và chúng tôi đều biết chúng đã bị chuyển tới những nhà trẻ khác. Nhưng chuyện đó luôn xảy ra rất nhanh đến nỗi chẳng ai trong số chúng có cơ hội nói lời tạm biệt. Những đứa trẻ mới sẽ xuất hiện thay vào chỗ trống của đứa mới bị chuyển đi, và cuộc sống sẽ vẫn tiếp diễn với không một lời thông báo hay giải thích nào từ những người lớn. Nhưng dù chúng tôi không thể hiện cảm xúc gì ra ngoài mỗi lần đó, trong lòng chúng tôi đều có những sự xáo trộn sâu sắc. Một đứa trẻ chúng tôi đã sống cùng suốt nhiều tháng, chơi cùng mỗi ngày bỗng dưng một buổi chiều biến mất, không còn ở đó nữa. Đó là một mối đe dọa với tất cả chúng tôi, rằng bất cứ ai trong chúng tôi cũng có thể bị chuyển đi, và chỉ có chúa mới biết là đi đâu. Tất cả chúng tôi gần như đã hình thành một gia đình, gắn bó với nhau, và khi một đứa đột nhiên biến mất, đó sẽ là một cú sốc. Thường những ngày sau khi chuyện đó xảy ra bầu không khí giữa chúng tôi cũng yên ắng hẳn.

Có nhiều lần tôi đã thăm đau khổ vì mất đi những người bạn. Cùng với những đứa trẻ khác tôi sẽ nhìn chằm chằm vào chỗ trống trên bàn ăn nơi đứa đó vẫn thường ngồi, cầu mong nó sẽ xuất hiện trở lại dù biết sẽ không bao giờ chuyện đó xảy ra. Chúng tôi không được phép hỏi các dì xem bạn mình đã bị chuyển đi đâu - bất cứ câu hỏi nào kiểu như vậy sẽ được đáp trả bằng gương mặt không hài lòng đầy bức bối và một lời trách mắng. Tất cả những gì chúng

tôi có thể làm là cố làm quen với sự mất mát và hi vọng đứa kia sẽ được chuyển đến nơi nào đó tốt đẹp. Đôi khi tôi tưởng tượng ra cảnh chúng sẽ vào những ngôi nhà tốt, có những bậc cha mẹ thương yêu. Ý nghĩ đó xoa dịu tôi, dù tôi biết chắc chắn chúng không bao giờ được như vậy.

Tôi thích ứng với cuộc sống trong nhà trẻ bằng cách làm một cô gái ngoan. Tôi luôn luôn lo lắng giữ cho mọi chuyện thật trôi chảy, vì thế tôi cố gắng không vướng vào những rắc rối và rất ghét phải nhìn thấy ai đó gặp rắc rối. Tôi khao khát giữ được cuộc sống yên bình, khiến các dì vui vẻ, đến nỗi có lần tôi đã nhận cả tội tôi không làm. Đó là một buổi tối, sau khi tất cả chúng tôi đã lên giường đi ngủ, đèn đột nhiên bật sáng và tất cả mọi người bị gọi dậy. 13 đứa chúng tôi, vẫn nửa tỉnh nửa mơ, không biết có chuyện gì đang xảy ra, bị dì Doris giận dữ bắt xếp thành hàng.

“Có kẻ trộm trong nhà này”, dì ấy cao giọng hét lên. “Có người đã vào phòng ta và ăn trộm.” Bà lần lượt đi tới chỗ từng đứa để tra hỏi. Trong tay bà là một chiếc dép, và tất cả chúng tôi đều biết nó được dùng để làm gì.

Khi lần lượt từng đứa trẻ một đều phủ nhận, dì Doris bắt đầu la lối đến việc sẽ gọi cảnh sát. Tôi rất sợ, vì tôi biết cảnh sát sẽ bắt người và đưa đến Cottage Homes. Không ai trong chúng tôi khi ấy biết Cottage Homes đã bị đóng cửa, và trẻ con trên khắp thị trấn nhiều năm sau đó vẫn còn bị dọa sẽ bị tống vào đó. Tôi tưởng tượng tất cả đám chúng tôi, cả Alan, sẽ bị nhốt trong đó mãi mãi. Ý nghĩ đó khiến tôi không thể chịu nổi, tôi òa khóc và nhận tội. “Là cháu,” tôi nức nở. Alan nhìn tôi trừng trừng, cậu ấy há hốc miệng vì kinh ngạc. Dì bước đến chỗ tôi và với một giọng thì thầm đầy đe dọa, bà nói. “Ồ, vậy cháu đã lấy cắp gì vậy, Irene?” Tôi nhìn bà chằm chằm, hoàn toàn không có ý niệm gì, và cuối cùng đành phải thì thầm “Cháu không biết”.

Dì Doris lại quay sang những đứa trẻ khác và nhìn trừng trừng vào lần lượt từng đứa một. Khi bà nhìn đến Sở mũi, má nó ửng đỏ hết cả lên. Nó không thể giấu cảm giác tội lỗi của mình lâu hơn được nữa và nó đành thú nhận đã lấy trộm trang sức và tiền mặt. Nó đã vào phòng dì Doris khi người dọn phòng sơ suất không khóa cửa lại, và nó đã trốn dưới gầm giường đợi đến khi người dọn

phòng đi khuất hẳn.

Nó giao nộp lại những gì nó đã lấy, nhưng những thứ đó vẫn không đủ để cứu nó. Ngay sau đó có tiếng đập dếp rất mạnh và tiếng la khóc của nó vọng ra từ văn phòng của các dì. Tất cả chúng tôi đều thương xót cho nó.

Ngày hôm sau Sở mũi xuất hiện ở bữa sáng với gương mặt ủ rũ. Đó là lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy nó. Khi chúng tôi từ trường trở về, nó đã biến mất. Vào bữa xế tôi nhìn vào chỗ ngồi trống nơi nó vẫn ngồi. Sở mũi là bạn của chúng tôi, là một phần của hội. Chắc chắn nó không đáng bị đưa đi như vậy. Chắc chắn mỗi người đều được phép mắc lỗi - dù là một lỗi rất xấu như là ăn trộm - mà không làm thế giới của họ bị đảo lộn. Nhưng thế giới ở trại trẻ vốn khắc nghiệt và cực đoan như vậy.

Tất cả chúng tôi đều nhớ Sở mũi, nhưng chúng tôi không được phép hỏi chuyện gì đã xảy ra với nó, thậm chí cũng không được nhắc đến nó nữa. Chúng tôi không nói chuyện về nó nữa, kể cả trong nội bộ chúng tôi. Không hiểu sao việc nói chuyện về một người đã đi xa dường như khiến người ta càng đau buồn hơn. Hoặc có thể vì chúng tôi không dám, vì chúng tôi biết các dì sẽ làm gì nếu họ phát hiện ra chuyện đó.

Những xáo trộn vì sự biến mất của Sở mũi phải mất một vài tuần mới dần lắng xuống. Nhưng mọi thứ biến chuyển tươi sáng hơn một chút khi kì nghỉ hè đến. Viên cảnh sáu tuần tự do ra ngoài chơi mỗi ngày khiến tất cả chúng tôi đều hào hứng. Và vào kì nghỉ các dì cũng ít dò xét hơn - sau khi làm xong hết việc nhà chúng tôi được tự do chơi đến giờ ăn trưa và lại chơi tiếp từ sau bữa trưa cho đến bữa xế. Thật hạnh phúc, và tôi cùng Alan đã có hàng giờ chơi đùa trên đồi Bunny và trốn vào rừng hoa chuông một vài lần.

Khoảng gần cuối kì nghỉ hè, chúng tôi được thông báo sẽ được đến Whitby một tuần. Điều này thật quá sức tưởng tượng. Một kì nghỉ thực sự, đi bằng xe khách và sau đó nghỉ cạnh biển, nghe có vẻ thật quá tuyệt vời. Chúng tôi rất háo hức.

Ngày hôm đó chúng tôi nối đuôi nhau leo lên một chiếc xe khách, đi cùng với những đứa trẻ ở các trại trẻ khác trong thị trấn. Chúng tôi chuyện trò sôi nổi suốt dọc đường và hát những bài hát nổi tiếng thời đó, như là “The Corporation Stores” và “The Driver’s Got a

Lovely Pair of Legs”.

Chúng tôi cắm trại ngay ở ngoại ô Staithes - một làng chài nhỏ ở phía Bắc của Whitby, trên bờ biển Yorkshire phía Bắc, cụ thể là ở trên đỉnh một con đồi rất dốc dẫn xuống dưới làng và bến cảng. Khu cắm trại có một dãy những lều trại bằng gỗ đã từng được quân đội sử dụng như kí túc xá: một nửa cho con gái, nửa còn lại cho con trai, và riêng một bên dành cho các dì.

Chúng tôi đã có những ngày nghỉ tuyệt vời. Hít căng mùi của biển và tận hưởng niềm hạnh phúc của sự tự do, chúng tôi sẽ leo lên những vách đá và chơi trên bãi biển hàng giờ đồng hồ. Tất cả các dì cũng có vẻ thoải mái hơn và giảm bớt những mệnh lệnh, do vậy ngoại trừ giờ ăn và giờ đi ngủ, thời gian còn lại chúng tôi hầu như được tự do.

Đám con gái chúng tôi sẽ tụ tập trong một quán café nhỏ có tên Lều tuyết, để uống những loại đồ uống có ga và nghe cái máy hát phát những bài hát mới nhất. Chúng tôi đều cảm thấy mình là những cô gái lớn, và việc đó thật hết sức thú vị vì ở Rennie Road chúng tôi không bao giờ có thể nghe nhạc. Nhưng tôi vẫn thích hơn cả những lúc được gặp Alan trên bãi biển. Vì chúng tôi được phép chơi mà không bị ai giám sát, chúng tôi có thể dành hàng giờ ở bên nhau. Chúng tôi sẽ lượn quanh những chiếc thuyền đánh cá hoặc đi bộ dọc bờ biển, tìm những con cua trốn trong lỗ khi thủy triều xuống.

Thỉnh thoảng chúng tôi sẽ tìm thấy một hồ nước đã được mặt trời sưởi ấm. Chúng tôi sẽ ngồi xuống, thò chân vào làn nước và ngắm những gia đình đưa nhau đi dã ngoại. Bọn trẻ con trong những gia đình đó có vẻ rất hạnh phúc và chúng luôn tươi cười. Chúng tôi nhìn chúng chạy xuống nước, khua khoắng chân tay, và khi chúng chạy vào bờ mẹ chúng đã luôn đợi ở đó để lau khô người cho chúng bằng những chiếc khăn tắm to và rồi đưa cho chúng những miếng sandwich đã được chuẩn bị sẵn. Những lúc đó tôi luôn cảm thấy buồn buồn. Tôi không thể ngăn mình ước ao được cuộn tròn trong những chiếc khăn tắm to dùng ấy.

Phần duy nhất của kì nghỉ mà tôi không thích là những cuộc chơi được tổ chức bởi các dì. Họ sẽ bảo 13 đứa chúng tôi xếp thành hàng và sau đó đi diễu hành, một dì đi đầu, một dì đi cuối hàng, để

tất cả mọi người đều thấy chúng tôi đến từ trại trẻ. Chúng tôi phải đi theo hàng và mọi người đều sẽ nhìn chúng tôi. Thật nhục nhã và tôi chỉ muốn chui đầu xuống đất. Những lúc đó tôi sẽ nhìn thẳng về phía trước, hai má đỏ ửng, không dám nhìn bất cứ ai.

Có đôi lần chúng tôi được đưa đến Whitby và sau đó được cho phép đi lang thang ở bãi biển phía trước. Tôi thích mọi thứ ở Whitby - những bãi biển, những bến tàu, những con thuyền, những cửa hàng và những khu vui chơi. Tất cả chúng tôi sẽ mau mau chạy vào, bỏ tiền vào những trò đua xe, gấp kẹo. Nếu không tiêu tiền thì chỉ vài ngày chúng tôi sẽ đủ tiền mua cá và khoai tây chiên - đó là những món ngon nhất trên đời.

Nằm ngay trước biển là những con đường rải sỏi và những cửa hàng nhỏ, và trên đỉnh đồi, sau khi phải leo 199 bước chân là nhà thờ Đức mẹ, như thể luôn nhìn ra biển để tìm kiếm những người thủy thủ mất tích từ lâu.

Phía sau nhà thờ là một tu viện đã bị tàn phá. Alan và tôi đến đó, ngược nhìn lên những mái vòm to lớn vẫn còn ở đó một cách đầy kính sợ. Chúng tôi từng chạy vào nghĩa trang để tìm kiếm ngôi mộ của cướp biển đã được nghe kể. Chúng tôi đã tìm thấy nó, nhưng dòng chữ trên bia mộ đã bị mờ và rất khó nhìn, chỉ càng khiến câu chuyện đã được nghe thêm huyền bí lung linh.

Ở bến cảng chúng tôi nhìn ngắm những đoàn thuyền đánh cá trở về, theo sau họ là những chú mòng biển kêu ó. Các ngư dân sẽ mang những thùng lớn chứa hải sản đánh bắt được xuống khỏi tàu, xếp kéo về bến. Chúng tôi nhìn chăm chăm vào những thùng lớn đầy tôm cá, ngạc nhiên vì chưa từng nhìn thấy nhiều hải sản như thế. Alan lúc nào cũng rất tò mò. Cậu ấy sẽ hỏi chuyện những ngư dân và người ta sẽ chỉ cho cậu xem lưới đánh cá và những con thuyền và kể cho cậu nghe về cuộc sống trên biển. Đôi lần cậu ấy còn được họ cho ngồi lên thuyền, và gương mặt rạng ngời hạnh phúc, cậu ấy sẽ ngồi đó hỏi họ hàng tá những câu hỏi.

Dọc theo bến cảng còn có hàng loạt những chiếc tàu lớn xếp hàng chờ cho thuê. Người ta thường nhét người đầy chật trên tàu và khi tàu khởi hành tất cả bọn họ đều đi về phía cầu tàu, tất thảy đều cười vang thích thú.

Đi qua chiếc cầu quay, qua những con đường rải sỏi bé tí, chúng tôi tìm thấy đường dẫn tới một bãi biển nhỏ bên dưới khu nhà của những người dân chài. Ở đó chúng tôi cảm thấy thật an toàn, vì các dì và những đứa trẻ khác đều sẽ không nhìn thấy chúng tôi. Đó trở thành nơi đặc biệt của chúng tôi, nơi chúng tôi có thể biến mất hàng giờ. Chúng tôi dành thời gian chơi đùa trên cát hoặc đi dọc bờ biển để nhặt vỏ sò. Tôi đã từng nghĩ một ngày nào đó tôi và Alan sẽ quay lại bãi biển đó mà chẳng có người dì nào đi theo trông chừng, cũng không cần phải trốn bất cứ điều gì nữa.

Người ngư dân già ngồi bên bến cảng kể cho chúng tôi nghe những truyền thuyết về ma cà rồng mà Bram Stoker - tác giả của Dracula - đã viết trên bãi biển đó. Ông ấy cảnh báo chúng tôi rằng những đêm tối, khi mặt trăng tròn, ma cà rồng sẽ chui lên từ dưới nắm mồ của họ để tìm ai đó và uống máu của họ. Chúng tôi rất thích những câu chuyện và sẽ giả vờ la hét hoảng sợ và rồi cùng cười. Chỉ tận đến khi trời tối, nơi đó mới đột nhiên trở nên đáng sợ thật, và một hoặc hai lần tôi đã nằm trên giường và cố gắng không nghĩ đến cảnh những chiếc răng nanh sắc nhọn cắm phập vào cổ tôi.

Một ngày nọ, trên bãi biển ở Staithes, tất cả bọn trẻ chúng tôi được nhét lên một cái tàu đánh cá và được đưa ra biển tham quan nhanh. Tôi không rõ lắm về chuyện đi thuyền, nhưng tôi nghĩ hẳn nó rất an toàn vì tất cả chúng tôi đều túm tụm lại với nhau và chỉ có một người ngư dân lái tàu hướng dẫn. Nhưng khi chúng tôi bập bênh tưởng như được khoảng một dặm trên quãng đường ra biển, có ai đó đột nhiên hét lên, “Có nước trong tàu!”

Nước nhanh chóng dội vào quanh chân chúng tôi, và tôi bắt đầu hoảng sợ. Hầu hết bọn tôi đều như vậy - rất ít đứa biết bơi và chúng tôi đều nghĩ mình sắp chìm. Tôi nhìn Alan - gương mặt cậu ấy đã trắng bệch nhưng vẫn bình tĩnh trong cơn hỗn loạn. Tôi ước gì mình có thể đứng cạnh cậu ấy, nhưng cậu ấy ngồi ở phía bên kia tàu.

Người lái tàu nhanh chóng lái con tàu vào bờ nhanh nhất có thể, điều đó không hề dễ chút nào với một con tàu đầy những đứa trẻ đang la hét. Tưởng chừng như phải mất cả một đời mới vào lại được đến bờ, và khi đó nước đã ngập qua mắt cá chân tôi. Bọn trẻ ngã nhào lên nhau khi ai cũng vội vã xuống khỏi tàu thật nhanh. Mọi

người chạy dọc bãi biển vì đã nghe thấy những tiếng khóc, bế những đứa trẻ ướt nhẹp ra khỏi tàu. Hầu hết chúng tôi đều nước mắt ròng ròng, ướt đầm và run rẩy. Sau ngày hôm đó tôi bỗng nhiên sợ nước sâu, và buồn thay điều đó có nghĩa là tôi không bao giờ học bơi được nữa. Nhưng không chỉ mình tôi - hầu hết chúng tôi đều tránh xa những con tàu từ hôm đó.

Chỉ mấy chốc đã đến ngày cuối cùng của kì nghỉ. Ngày hôm sau là chúng tôi phải trở lại Rennie Road, trở lại với trường học và những công việc nhà, vì vậy chúng tôi tha thiết muốn chơi cho hết những giờ phút cuối cùng. Có thể đó là lý do tại sao Alan và tôi quên mất rằng trước mặt các dì chúng tôi cần phải thể hiện như không liên quan gì đến nhau, chúng tôi đã quên mất chuyện đó quan trọng và cần thiết đến mức nào.

Hai chúng tôi đã nói chuyện ngay trên bãi biển và khi về tới cổng trại chúng tôi vẫn còn cười đùa và trêu chọc nhau. Trước đó chúng tôi vẫn luôn trở về riêng rẽ. Nhưng khi chúng tôi về đến chỗ lều trại đầu tiên, Alan bắt đầu cù tôi và tôi cù lại cậu ấy. Nó đã biến thành một cuộc chiến cù lẫn nhau và kết cục là chúng tôi cười lăn trên mặt đất, và tôi thì la hét.

Nếu như không bị bắt gặp, đó có lẽ chỉ là một trò đùa trẻ con. Nhưng chúng tôi đã đùa không đúng lúc, vì lúc đó dì Nan bước ra khỏi cánh cửa lều người lớn. Bà bắt gặp chúng tôi trên nền đất và quát tháo bắt chúng tôi đứng lên. Giây phút tôi nhìn vào gương mặt giận tím tái của bà, tôi biết chúng tôi đã phạm một sai lầm khủng khiếp. Khoảnh khắc đó tôi sẽ làm bất cứ điều gì để rút lại mấy phút vừa rồi. Nhưng đã quá muộn. Dì Nan tóm lấy tôi và tát mạnh vào mặt tôi, mắng tôi rằng một người con gái sẽ không nằm ra đất như thế với một đứa con trai. Sau đó bà lôi tôi vào trong lều.

Tôi đã bị sốc, dì ấy chưa từng tát tôi. Tôi ngồi trên giường mình, vùi mặt vào hai lòng bàn tay. Tôi nghe tiếng bà la mắng Alan bên ngoài và tôi rất lo cậu ấy sẽ bị đánh thậm tệ. “Chúng cháu chỉ đang chơi thôi mà”, tôi thì thầm.

Chắc chắn dì Nan sẽ không làm gì quá đáng với Alan. Chúng tôi đang trong kì nghỉ và đó chỉ là một trò đùa hơi quá một chút. Chắc chắn bà sẽ hiểu điều đó. Tôi cầu mong cậu ấy sẽ chỉ phải nhận vài cái bạt dệp và thêm việc nhà khi chúng tôi trở về.

Nhưng đêm đó khi tôi đã nằm trên giường đi ngủ, mặt tôi vẫn còn đau nhức, dù trong viễn cảnh tồi tệ nhất, tôi cũng không thể tưởng tượng được rằng những gì xảy ra đã chia lìa thế giới của chúng tôi.

7 - Alan

Kỳ nghỉ của chúng tôi như thể bảy ngày hạnh phúc bất tận, khi mà tất cả những quy tắc thông thường đã bị đặt sang một bên.

Vào ngày đầu tiên đến đó tôi đã có một bất ngờ lớn - hai anh tôi cũng ở đó. Trẻ con ở tất cả các trại trẻ trong vùng đều được đưa đi cắm trại, vì thế nhưng đứa trẻ có anh chị cũng ở các trại trẻ khác đều được đoàn tụ. Tôi rất vui vì gặp lại Michael và George. Nhưng có lẽ, mà chắc chắn, vì chúng tôi đã quen với việc bị chia cách nên cuộc gặp gỡ không quá hào hứng: tôi chỉ nhớ chúng tôi đã cùng chơi trên bãi biển, và thật tốt khi được ở cùng họ như vậy.

Phần lớn thời gian tôi ở cùng với Irene. Chúng tôi tay trong tay, lang thang dọc theo những con đường nhỏ của Staithes và xem những người ngư dân già mang nhím biển ra bán cho du khách. Tôi bị cuốn hút bởi cái vỏ cứng đầy gai nhọn của nhím biển - nó có màu giống như màu của những con sao biển. Chúng tôi sẽ đi bộ xuống một con hẻm rất hẹp phía sau khu nhà của các thủy thủ để tới chỗ một người đàn ông già ngồi trên chiếc ghế đầu nhỏ trong khu vườn bé xíu sau nhà ông ta. Xung quanh ông là những vỏ sò, những đoạn dây thừng, những chậu tôm hùm và lưới. Ông làm những mô hình thuyền buồm nhỏ bằng gỗ và vải, và đặt chúng trong những cái chai. Những mô hình thuyền đặt quanh vườn nhà ông ta, đặt trên những bậu cửa sổ, chờ được cho vào chai để đưa ra biển.

Ông ấy không nói cho chúng tôi biết thủ thuật cho một con tàu đầy đủ cột buồm, với những cánh buồm đã giương cao, vào bên trong một cái chai nhỏ tí. Những năm sau đó tôi đã biết cách làm thế nào, nhưng khi đó tôi mới chỉ bảy tuổi và khi đứng nhìn những công trình của người đàn ông ấy, tôi đã nghĩ nó là một kiểu phép thuật.

Irene và tôi sẽ ngồi xem cả những con lạch dần ngập nước khi thủy triều dâng. Khi nước đã lên đủ độ sâu, những ngư dân sẽ nhổ neo đi đánh bắt. Đôi khi họ để chúng tôi giữ lưới hoặc giữ những

chậu thả tôm hùm khi chúng được sửa bởi một ông thủy thủ có bộ râu trắng. Và trong lúc đó ông sẽ kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện về biển, những truyền thuyết về những kho báu chìm sâu dưới đáy đại dương.

Trong suốt nhiều năm đó, tôi đã luôn có một giấc mơ kì lạ - những bóng đen không nhìn rõ mặt đuổi tôi chạy xuống một con hầm tối tăm. Nếu giấc mơ kéo dài, thì đến cuối, trên bức tường trong đường hầm sẽ mở ra một cánh cửa bí mật và tôi có thể lách sang phía bên kia. Bên đó bầu trời xanh trong vắt, những đám mây trắng nhuộm nắng vàng ươm, và những bãi cỏ xanh mướt mát chưa từng thấy. Cánh cửa sẽ đóng lại phía sau tôi và những bóng đen đeo đuổi tôi sẽ biến mất. Ở nơi thần tiên đó, tôi chỉ có một niềm vui sướng trong trẻo - ấm áp và an toàn khỏi thế giới bên ngoài. Và đó cũng là cảm giác tôi có vào kì nghỉ đó với Irene.

Ở Whitby, chúng tôi lượn lờ trong những khu vui chơi, hay đi bộ qua chiếc cầu quay và qua con đường hẹp rải sỏi để đến “bãi biển của chúng tôi” ở phía nam bến cảng. Nơi đó rất yên tĩnh và rất ít người, nên chúng tôi sẽ chơi trên cát và nhặt những vỏ sò trên bờ biển, thoải mái vì thoát khỏi con mắt trông chừng của các dì.

Một buổi chiều Irene bảo sẽ đi cùng các cô gái tới quán café Lều tuyết nhỏ ở Staithes để nghe những bài hát mới được phát qua máy hát, vì thế tôi đã nhanh chóng lên kế hoạch dạo chơi với các anh tôi. Muốn quây phá trên bến cảng một chút, ba chúng tôi đã nhằm thẳng tới một bờ đất rất dốc dẫn tới bến cảng. Trên đường đi chúng tôi gặp vài đứa con trai khác. Một trong số chúng hét lên rằng nó đã nhìn thấy một đứa con gái ở trên vách đá phía Bắc, cao hơn chỗ chúng tôi đứng khoảng 100 feet. Một đứa khác nói đó là Irene và cô ấy chuẩn bị nhảy xuống. Tôi không thể tin được. Tôi ngẩng nhìn lên vách đá và tôi có thể thấy cô gái đó đã đến gần mép bờ vách. Nhưng cô ấy đứng quá xa nên chúng tôi không thể nhìn rõ đó là ai.

Michael bắt đầu chạy, theo sau là Geogre và đến tôi, hướng về cây cầu nhỏ bắc qua con lạch dẫn đường tới vách đá. Tim tôi đập thình thịch suốt đoạn đường. Đoạn đường khá xa nên mất một lúc chúng tôi mới tới được đó. Chúng tôi phải chạy qua những cánh đồng, thậm chí đã bị một người nông dân đuổi theo vì chúng tôi đã chạy qua luống rau của ông ta. Nhưng tất cả những gì tôi có thể

nghĩ chỉ là Irene. “Không thể nào”, tôi liên tục thầm nghĩ. “Không thể nào.”

Cuối cùng, hụt hơi, chúng tôi cũng đã lên tới đỉnh vách đá và chạy đến chỗ cô gái kia đang đứng. Và cảm ơn Chúa đó không phải là Irene. Đó là một cô bé đến từ một trại trẻ khác, cỡ 9 tuổi. Chúng tôi biết em trai cô bé, nó ở Rennie Road vùng chúng tôi. Họ hẳn đã có một thời gian khó khăn trước khi bị đưa vào trại trẻ, nhưng chúng tôi không thể tưởng tượng nổi tổn thương khủng khiếp cỡ nào đã khiến cô bé ấy muốn rời khỏi thế giới này.

Michael tiến lên trước. Khi nhìn thấy anh ấy, cô bé lao mình về phía vách đá. Nhưng Michael đã nhào lên và như một cú chuôi bóng bầu dục, anh ấy giữ lấy chân cô bé. Họ đều trượt đến chỗ vách đá, xuống một đoạn dốc ngắn chỉ cách vách đá dựng đứng có 3 feet. Geogre nhào đề lên họ và giữ lấy chân Michael, khiến họ không bị trượt đi, và tôi nhảy đến giữ lấy chân Geogre. Chúng tôi giữ lấy nhau như thế khi cô gái bắt đầu giật đá và la hét bảo chúng tôi để cô ấy đi. Chúng tôi không đời nào làm thế, nhưng chúng tôi không đủ lực kéo cô bé lên khỏi chỗ dốc để thoát khỏi chỗ nguy hiểm. Khi bị treo chênh vênh như thế, tôi đã cố không nhìn xuống vì sợ hãi những tảng đá lởm chởm và biển phía dưới.

Một phút sau, một bác nông dân già hỏn hển tiến đến và nhìn thấy những gì đang diễn ra, ông đã trượt xuống và nắm lấy một cánh tay đang vẫy vùng của cô bé. Sau đó một cảnh sát đến, có lẽ những người trên đồng đã báo cảnh sát vì nghĩ chúng tôi là những kẻ phá hoại. Ông tháo mũ, trượt xuống, giữ lấy cánh tay kia của cô và tất cả chúng tôi kéo cô bé lên. Cô bé đã bình tĩnh trở lại và viên cảnh sát đưa cô bé băng qua cánh đồng trở về, còn bọn con trai chúng tôi thở phào, vỗ lưng nhau vì đã làm rất tốt.

Buồn là, chúng tôi biết chắc chắn cô bé đó sẽ lại tìm cách làm thế. Nghe nói cô ấy đã tự tử nhiều lần ở trại trẻ, và có vẻ như dù còn rất nhỏ cô cũng đã quyết định rời bỏ thế giới này. Khi chúng tôi trở lại bến cảng, chúng tôi gặp em trai cô, chắc mới chỉ tầm năm hoặc sáu tuổi. Chúng tôi nói với cậu bé chuyện xảy ra. Cậu òa khóc và chạy mất, và từ đó cho đến hết kì nghỉ chúng tôi không gặp lại chị em họ lần nào nữa.

Ngày hôm đó tôi rất tự hào về các anh tôi và trong mắt tôi họ là những anh hùng. Họ không ngần ngại giúp đỡ dù chính họ cũng gặp nguy hiểm.

Chúng tôi đã có một thời gian tuyệt vời và buồn bã khi nghĩ đến chuyện phải trở về. Irene và tôi đã đi chơi ở bãi biển lần cuối, chỉ trở lại lều khi bắt đầu cuộc chiến cù của chúng tôi. Chúng tôi hoàn toàn không nghĩ gì cả, chỉ là hai đứa trẻ đuổi nhau và chơi vui vẻ. Nhưng khi dì Nan bắt gặp chúng tôi, chuyện đó đột nhiên trở thành chuyện lớn.

Chúng tôi đã quên mất những quy tắc, và bây giờ chúng tôi phải trả giá. Chúng tôi bị đưa về lều của từng đứa, và một lúc sau dì Nan nói thẳng với tôi một cách rất gay gắt rằng tôi bị cấm đến gần bất cứ bạn gái nào, đặc biệt là Irene. Sau đó như thường lệ, tôi nhận được một cái bạt tai.

Chỉ còn một ngày nữa là phải về Rennie Road, và tôi không thể đến gần để nói chuyện với Irene trong thời gian ít ỏi còn lại này.

Tôi chơi trên bãi biển với một vài đứa con trai, nhưng tôi không biết rằng lúc đó có nhiều đứa đã bị các dì tra hỏi về mối quan hệ giữa tôi và Irene.

Ở nhà Huấn luyện viên dẫn đoàn, tất cả trẻ con đều hát bài “Show me the way to go home”, nhưng tôi không cả muốn tham gia cất lời. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ, buồn và có chút sợ hãi. Liệu có phải tôi sẽ không được chơi với Irene nữa? Các dì sẽ chia tách chúng tôi ra? Tôi cầu nguyện cho tất cả những chuyện này sẽ sớm bị lãng quên và tôi và Irene lại có thể trốn vào rừng, với những chuyến phiêu lưu mới.

Về đến nhà chúng tôi bận bịu dỡ đồ và chuẩn bị quay lại trường. Dưới con mắt canh chừng của các dì, tôi và Irene chỉ có thể thỉnh thoảng trao nhau những cái nhìn cảm thông.

Buổi sáng thứ hai đã tới, và tất cả chúng tôi đều đã sẵn sàng trở lại trường học. Tôi càng háo hức hơn vì chắc chắn tôi sẽ gặp Irene trên đường đi học. Một khi ra khỏi tầm mắt các dì, chúng tôi sẽ lại có thể gặp nhau và đi cùng nhau. Nhưng ngay trước giờ đi học, dì Nan gọi tôi ra một chỗ và bảo tôi đến đợi trong phòng chơi. “Ở đó cho đến khi ta gọi.” Bà ra lệnh cho tôi như vậy.

Tôi ngồi trong phòng chơi, nhìn ra ngoài cửa sổ, tự hỏi chuyện gì xảy ra. Những đứa trẻ khác đã bắt đầu rời nhà đến trường. Có phải các dì vẫn còn tức giận chuyện tôi chơi với Irene? Có phải tôi sắp bị đánh? Nhưng tại sao không cho tôi đến trường? Tôi nhìn thấy Irene vẫy tay với tôi khi cô rẽ lên đường chính. Tôi ước sao mình có thể đi cùng cô, nói chuyện và lúc lắc cái cặp sách thay vì ngồi mãi ở đây một mình. Tôi chưa bao giờ phải ngồi trong một căn phòng và bắt chờ đợi như thế này. Tôi đợi và đợi, nhưng không ai xuất hiện. Tôi áp sát tai vào cánh cửa. Tôi có thể nghe thấy tiếng người quét dọn đang làm việc của bà và các dì đang tán gẫu với nhau, nhưng tôi không thể nghe được những gì họ nói.

Cuối cùng rất lâu sau, có lẽ là một hay hai tiếng gì đó, tôi thấy một chiếc xe ô tô màu đen cũ kĩ đậu bên ngoài cửa trước. Đột nhiên, tôi bị sốc vì bàng hoàng nhận ra những chuyện sắp đến. Tất cả chúng tôi đều biết chuyện gì xảy ra khi một chiếc xe màu đen xuất hiện. Ai đó sắp bị đưa đi. Và lần này là tôi.

Tôi sợ hãi và tuyệt vọng. Họ không thể - chắc chắn không thể - đưa tôi xa Irene. Họ đánh tôi hay cấm túc tôi hay bắt tôi làm thêm việc nhà một năm cũng không sao, miễn là họ đừng chuyển tôi đi.

Một người phụ nữ có mái tóc xám tiêu, ăn vận gọn gàng trong bộ đồ vải tuyết bước xuống xe và bước tới cửa trước. Bà ta vào nhà và tôi nghe thấy bà ta nói chuyện với các dì. Tôi ngồi đó, chết sững, chờ đợi, tha thiết cầu mong chuyện đó không phải là sự thật.

Tôi nhảy giật mình khi cánh cửa đột nhiên mở ra. Dì Nan bước vào và nói “Đi thôi”. Bà dẫn tôi ra khỏi nhà, mở cửa sau của chiếc xe ô tô và gật đầu bảo tôi bước lên. Tôi muốn gào khóc, la hét và van xin bà để tôi ở lại, nhưng nhìn gương mặt lạnh lùng của bà tôi biết mình chẳng còn hy vọng gì. Sững sờ, tôi leo vào trong xe, trong lúc đó dì Nan vào trong và trở ra với một vài túi đồ. Sau đó dì cho chúng vào cốp xe và rồi chẳng nói một lời, thậm chí không cả nhìn tôi, dì quay gót bước vào nhà, chỉ dừng lại một thoáng để nói gì đó với người phụ nữ kia trước khi đóng cánh cửa nhà lại sau lưng.

Người phụ nữ lên xe và lái xe đi. Chiếc xe rẽ ở khúc quanh, tôi không còn nhìn thấy ngôi nhà nữa, cũng không còn thấy cả thế giới của tôi nữa. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ là Irene. Cô ấy sẽ không biết tôi đi đâu. Sao tôi có thể nói với cô ấy tôi ở đâu được đây?

Người phụ nữ đó nói chuyện rất thoải mái. Bà ta bảo tôi gọi bà là Matron và hỏi tôi có biết mình đang đi đâu không. Tôi bảo bà tôi không biết và bà nói, “Cháu sẽ đến sống với ta.” Mặc dù tôi đã biết mình đang bị chuyển đi, những lời bà ta nói vẫn khiến tôi choáng váng. Tôi không muốn đi cùng đến sống với bà ấy, tôi đã sống ở Rennie Road rồi.

Lòng tôi quặn thắt và tôi cảm thấy hoảng sợ. Tôi muốn đập lên cửa xe, van nài bà ta đưa tôi trở lại. Nhưng tôi đã học được cách che giấu cảm xúc của mình trước những người lớn quản lý, vì nó sẽ chỉ dẫn đến nhiều hình phạt hơn. Tôi sẽ không cho họ thấy tôi bị tổn thương đến mức nào. Vì thế tôi vẫn ngồi im lặng, chỉ nhìn đăm đăm ra ngoài cửa kính, không nghe thấy bất cứ thứ gì người phụ nữ kia trò chuyện hỏi han.

Đột nhiên tôi bừng tỉnh. Tôi phải nhớ đường mình đã đi, để có thể biết đường trở về gặp Irene. Chúng tôi băng qua một con sông, hướng lên phía bắc và đi qua trung tâm thị trấn. Nhưng sau đó có quá nhiều đường nhánh chằng chịt và dù tôi đã rất cố gắng, tôi không thể nhớ được đường đi nữa. Tôi không biết những mình đã đi qua những đâu, chỉ biết đó là một đoạn đường dài. Tôi có thể cảm thấy vết thương đau đớn dâng trên trong lòng mình nhưng tôi cố kìm nén lại, quyết tâm không thể hiện ra cho ai thấy. Tôi cảm thấy như thể mình ngã vào một cái hố đen. Thế giới an toàn và bí mật của tôi với Irene đã trôi xa theo từng dặm đường tôi đi và tôi bắt đầu cảm thấy mọi thứ vỡ vụn. Khi đến đến nơi ở mới, tôi đã không còn là đứa trẻ ở Rennie Road ngày xưa nữa. Tôi đã biến thành một con người khác, một tôi tốt hơn, một tôi mà trong lòng chất chứa đầy cay đắng và căm giận những người lớn đã khiến tôi bị tổn thương hết lần này đến lần khác, và tôi quyết tâm sẽ bằng cách nào đó khiến họ phải chịu đựng những tổn thương đó.

Cuối cùng chúng tôi đã dừng lại bên ngoài một căn nhà lớn có những bậc cầu thang dẫn lên cửa trước. Người phụ nữ dẫn tôi vào. “Đây là Eslanade”, bà ta nói với tôi như vậy. “Từ nay trở đi cháu sẽ ở đây. Chúng ta có vài cậu bé khác - cháu sẽ gặp chúng khi chúng đi học về”. Bà có vẻ thân thiện, nhưng tôi chẳng quan tâm. Tôi không muốn ở nơi này, nó đã quá xa Irene của tôi, xa mọi thứ thân thuộc ở Rennie Road. Tại sao tôi lại bị chuyển đi? Có phải vì trận cù với Irene không? Tôi tha thiết cầu mong mình có thể quay ngược

thời gian để dừng làm điều đó.

Dì Matron dẫn tôi đi quanh nhà. Đó là một ngôi nhà bốn tầng liền dãy từ thời Victoria khá lớn - kiểu nhà ngày nay thường được dùng làm phòng phẫu thuật của bác sĩ hoặc chuyển thành những toà nhà chung cư.

Tầng một là phòng cho những cậu con trai mới đến, và đây cũng là nơi tôi sẽ ngủ cùng hai đứa khác. Tầng trên cùng là phòng của những anh lớn, tầng hai là phòng của những đứa nhỏ hơn một chút. Vì thế càng lớn bạn sẽ càng chuyển lên những tầng cao hơn. Tầng trệt là văn phòng và một căn phòng lớn có bàn bi-a cỡ lớn đặt giữa - nhưng tôi phát hiện ra nó không bao giờ được sử dụng. Và dưới tầng hầm là một căn bếp lớn và phòng ăn, có khoảng năm sáu cái bàn tròn và cánh cửa để đi vào bếp.

Người ta bảo tôi cất đồ và đến đợi ở vườn sau. Hôm đó là một ngày trời âm ập, và tôi đến ngồi dưới một gốc cây và nghĩ xem giờ này Irene đang làm gì ở trường, ước gì cô ấy có thể ở đây với tôi.

Vào giờ trà, tôi được giới thiệu với những cậu bé khác. Có khoảng 12 đứa, đứa nhỏ nhất cũng cỡ tuổi tôi, anh lớn nhất thì 15 tuổi. Họ rất thân thiện, nhưng tôi không muốn kết bạn mới. Tôi yên lặng, khép mình và ăn xong bữa mà chẳng mấy để ý xung quanh. Tôi vẫn còn sốc vì phải chuyển đến nơi xa lạ này.

Tối đó tôi nằm trên chiếc giường mới, nghĩ đến Irene. Tôi sẽ tìm cô. Tôi phải tìm cô. Cô ấy không biết tôi đã đi đâu và cô sẽ lo lắng. Tôi cần nói với cô rằng tôi không muốn đi, không muốn chạy trốn nhưng chính là họ đã bắt tôi rời xa cô.

Chính khoảng khắc đó sự đau đớn ập đến với tôi. Như thể có gì đó trong lòng tôi đã vụn vỡ, và có một cơn đau ở rất rất sâu bên trong tôi, một vết thương sâu hoắm đến nỗi tôi không biết phải làm thế nào để kìm nén. Tôi úp mặt vào gối nức nở một lúc lâu, nhưng cơn đau vẫn không đỡ. Tôi đã tìm được một người đặc biệt trên thế giới, một người bạn khác tất cả mọi người, và họ chia cách tôi khỏi cô ấy. Chẳng bao giờ tôi tìm lại được cảm giác ấy nữa.

Lúc đó tôi không biết rằng nỗi đau vì mất mát không thể diễn tả bằng lời ấy đã thành một khoảng trống trong tôi - khoảng trống phải mất cả đời để có thể lấp đầy. Một vết thương trên da thịt có thể lành lặn theo thời gian - nhưng đây là một vết thương ở tâm hồn tôi - vết

thương làm tôi đau đớn kinh khủng rất rất nhiều năm sau đó.

Cuối cùng tôi cũng thiếp đi trong lo lắng, kéo theo đầy những giấc mơ đáng sợ. Buổi sáng hôm sau tôi thức dậy và trong một thoáng trước khi mở mắt, tôi đã quên mất tôi đang ở đâu, tôi cứ tưởng rằng mình sẽ dậy và nhìn thấy Irene khi ăn sáng, rồi sau đó sẽ cùng cô đến trường như thường lệ.

Hoá ra sự thật rằng chiếc giường này là mới, ở một căn phòng, trong một ngôi nhà mới, khiến lòng tôi thất lại. Như một người máy, tôi dậy, mặc quần áo và bị đưa tới trường mới ở trung tâm thị trấn cùng những cậu bé khác. Lại một ngôi trường mới, với thầy cô, bạn bè mới, và một cuộc sống mới phải làm quen. Tôi không ngại đến trường cũ, vì ở đó có Irene, nhưng tôi ghét ngôi trường này.

Suốt cả ngày tôi chỉ nhìn ra ngoài cửa sổ, lơ đãng, hầu như không nghe những gì cô giáo nói. Vào giờ ra chơi tôi lang thang quanh sân bóng, một mình. Tôi không bận tâm đến chuyện kết bạn hay phải cư xử cho tốt. Tôi chẳng bận tâm đến bất cứ chuyện gì ngoại trừ việc phải trở về với Irene.

Những ngày sau đó tôi dần dần quen với cuộc sống mới và những người mới xuất hiện trong đời tôi. Dì Matron là một người phụ nữ ấm áp và tất cả bọn trẻ đều yêu mến dì. Hầu hết bọn chúng đều nghĩ đến dì như là một người bạn lúc nào cũng có thể nói chuyện cùng, và dì thực sự yêu mến chúng. Chồng dì, bác Kennedy, cũng làm việc ở Esplanade. Hai người họ là những người chăm sóc cấp cao trong hệ thống trại trẻ - họ giám sát các trại trẻ khác và trại trẻ của chính họ, nhưng họ rất khác với những người quản lý khác. Bác Kennedy là một người chấp hành kỷ luật rất nghiêm khắc - ông chính là người đặt ra những quy định dựa trên những câu tục ngữ Victoria cổ như là “Những cậu bé nên được trông chừng bằng mắt chứ không phải chỉ nghe ngóng”, “Chỉ nói khi được hỏi” và “Không dùng đòn roi sẽ làm hỏng đứa trẻ”.

Ông không bao giờ tiết kiệm đòn roi. Bất kì vi phạm nào cũng sẽ bị đánh đòn. Vũ khí của ông rất đa dạng, có thể là bằng tay hoặc bằng dếp, hoặc không thì bằng gậy, tùy tâm trạng của ông và tùy mức độ của tội lỗi. Giống như hầu hết bọn trẻ, tôi cũng không thích ông ta.

Dì Matron và bác Kennedy cùng nhau vận hành một hệ thống kì lạ. Bác Kennedy sẽ đánh bạn vì những lỗi nhỏ nhất và sau đó bắt bạn về phòng, rồi dì Matron sẽ mang đồ ăn đến và an ủi bạn. Tôi mau chóng được trải nghiệm rất nhiều cả hai thái cực đó.

Có gì đó trong tôi đã gây đôi khi họ đưa tôi xa khỏi Irene, và từ đó nó ảnh hưởng tới tất cả mọi thứ tôi làm. Tôi ngừng quan tâm tới những chuyện xảy đến với mình và tôi trở thành người gây rối và nhất quyết không có tinh thần hợp tác. Tôi đã từng học rất tốt ở trường nhưng giờ đây tôi bắt đầu sa sút, và ở nhà tôi không ăn phần ăn của mình, cũng không làm việc nhà hay làm những gì tôi được giao.

Chuyển đến Esplanade được vài tuần tôi quyết định không thể đợi thêm được nữa. Đêm đó tôi nằm yên lặng trên giường, hy vọng mọi người đã ngủ. Cuối cùng tôi lặng lẽ dậy mặc quần áo và trèo ra ngoài bằng lối cửa sổ phòng tắm. Tôi không biết mình sẽ làm cách nào, nhưng bằng cách nào đó tôi sẽ tìm đường về với Irene.

8 - Irene

Buổi sáng đầu tiên trở lại trường sau kì nghỉ, tôi mặc đồng phục và chạy xuống ăn sáng, rất vui sướng vì tôi biết mình có thể gặp Alan trên đường đến trường và chúng tôi sẽ đi cùng nhau. Tôi đã không thể nói chuyện với cậu ấy kể từ khi chúng tôi rời Whitby và nó tưởng như đã là cả một thập kỉ vậy.

Sau bữa sáng, khi tôi vào phòng bếp để rửa bát, tôi nghe thấy dì Nan bảo Alan đợi ở phòng chơi. Tôi tự hỏi không biết có chuyện gì, nhưng tôi không thể hỏi. Tôi rửa hết chỗ bát rồi rời nhà cùng những người khác.

Khi ra khỏi nhà tôi quay lại và trông thấy Alan đang ngồi bên cửa sổ phòng chơi. Không hiểu sao nhìn cậu ấy có gì đó rất khác, gương mặt cậu dường như xanh xao và buồn bã. Tôi vẫy tay với cậu, và cậu vẫy lại. Hẳn là cậu ấy phải đi khám bác sĩ hoặc đại loại thế, tôi đã nghĩ như vậy. Đôi khi bọn trẻ phải nghỉ học để đi khám bệnh. Tôi sẽ phải gặp cậu ấy sau vậy.

Buổi sáng trôi qua, và buổi trưa tôi về nhà cùng những đứa trẻ khác. Chúng tôi ăn trưa ở nhà, nhưng không thấy Alan đâu. Tôi cảm thấy hơi buồn, nhưng không quá lo lắng, rồi cậu ấy sẽ về vào giờ trà.

Nhưng đến giờ trà vẫn không thấy cậu ấy đâu cả. Ghế của Alan bỏ trống, và mọi người nhìn về chỗ đó rồi lại nhanh chóng quay đi, như thể có chuyện gì đó sẽ xảy ra nếu họ nhìn chỗ đó quá lâu. Tôi cảm thấy lạnh lẽo và trống rỗng và không muốn ăn. Tôi cảm thấy có chút hoảng loạn. Cậu ấy đi rồi sao? Có phải cậu ấy đã bị đưa đi lặng lẽ, không chào tạm biệt, giống như Sở mũi và những người khác trước đó? Cậu ấy không thể chỉ đi như thế được. Chắc không phải vì trận cù đó chứ?

Tôi muốn hỏi dì Doris, người trực tối hôm đó. Nhưng tôi biết nếu làm thế tôi có thể khiến cả mình và Alan gặp rắc rối, nên tôi đợi, hi vọng cậu ấy sẽ sớm xuất hiện. Sau khi ăn và rửa bát xong, tôi đến

phòng chơi, ngồi trên bậu cửa sổ của chúng tôi và quần rèm quanh người tôi. Alan ôm ư? Có thể cậu ấy phải nhập viện. Giá mà dì Doris có thể nói gì đó, nhưng dì ấy xử sự như thể mọi thứ vẫn bình thường và như thể Alan chưa từng tồn tại.

Tôi đã đợi cả buổi tối, nhưng không thấy Alan. Tối hôm đó tôi nằm trên giường, cầu mong cậu ấy đừng đi mãi mãi, chờ cho tới buổi sáng vì hy vọng cậu ấy sẽ về nhà trong đêm. Nhưng sang hôm sau, vào giờ ăn sáng chỗ ngồi của cậu ấy vẫn trống.

Khi tôi từ trường về nhà ngày hôm đó, vẫn không thấy Alan, tôi biết mình phải hỏi. Tôi không quan tâm đến chuyện mình có gặp rắc rối hay không nữa. Tôi rất nhớ cậu ấy. Tôi phải biết cậu ấy đang ở đâu. Vì thế tôi đến hỏi dì Doris. Bà có một thoáng ngạc nhiên, rồi sau đó bà nói một cách cộc lốc, “Nó được nhận nuôi ở Whitby rồi, sẽ không về nữa.” Chỉ có thế rồi bà quay đầu bước đi rất nhanh, để cho tôi thấy chuyện đó đã xong rồi và tôi đừng hỏi thêm gì nữa.

Cùng lúc tôi đột nhiên cảm thấy nóng, lạnh và buồn nôn. Vậy là Alan đã đi rồi. Mãi mãi. Bạn tôi, người bạn đặc biệt của tôi, người khiến tôi cười, khiến tôi cảm thấy tự tin và hạnh phúc, đã bị đưa đi. Đến Whitby. Tôi biết mình không bao giờ có thể đi đến tận đó. Tôi sẽ không bao giờ gặp lại cậu ấy nữa. Tôi cảm thấy một phần của mình đã bị xé rách.

Tôi muốn chạy theo dì Doris và khóc trong vòng tay dì. Nhưng dì ấy hẳn sẽ xua tôi đi. Không phải dì ấy không tốt bụng, nhưng dì ấy sẽ không bao giờ thân mật với chúng tôi hay thậm chí chạm vào chúng tôi. Vì thế tôi quay đầu chạy vào phòng chơi, băng qua những đứa trẻ khác để đến chỗ bậu cửa nơi tôi và Alan đã ngồi bên nhau rất nhiều lần, và kéo rèm quần quanh người. Ôm gối, tôi ngồi đó và khóc, cố gắng nín chặt để không ai nghe thấy. Tôi biết nếu họ nhận ra tôi buồn đến mức nào, các dì cũng sẽ mặc kệ cảm xúc của tôi và nói rằng tôi thật ngu ngốc, và những đứa khác sẽ trêu chọc tôi.

Tôi tự nhủ nếu cậu ấy được nhận nuôi nghĩa là gia đình đó muốn có cậu ấy. Và cậu ấy thích Whitby: cậu ấy sẽ được hạnh phúc ở đó, quanh những chiếc thuyền đánh cá và những bãi biển. Tôi thậm chí nghĩ không biết liệu có phải người nhận nuôi cậu ấy là người nào đó chúng tôi đã gặp trong kì nghỉ.

Tôi hình dung ra Alan đang chơi trên những con tàu và nhìn ngắm biển bằng đôi mắt màu xanh trong vắt của cậu. Tôi nghĩ về tất cả những thời khắc tuyệt vời chúng tôi đã cùng có với nhau. Và tôi tự bảo mình rằng, có thể một ngày nào đó tôi sẽ đến Whitby và gặp lại cậu ấy.

Tôi cố gắng vui vẻ vì cậu. Nhưng từ khi cậu đi, những ngày dài trôi qua dường như chỉ càng tối tăm và ảm đạm. Tôi chắt vạt xoay sở vượt qua ở trường và cả những công việc nhà. Có một vài lần tôi đã lên đỉnh đồi, nhưng tôi không thể xuống tới chân đồi bên kia. Tôi sẽ nhìn những đứa trẻ khác chạy vòng quanh chơi đùa, và tôi có thể thấy lâu đài bên dưới, với khu rừng hoa chuông phía xa. Nhưng từ khi Alan không ở đây, nó đã không còn thần kì và huyền diệu nữa.

Tôi không muốn chơi với bất kì ai khác. Cảm tưởng như thế giới của tôi đã chấm hết và chẳng gì có thể khiến nó tươi đẹp hơn. Những tuần sau khi cậu ấy đi, ngày nào tôi cũng đợi cho đến khi làm xong hết việc nhà để có thể chui vào ngòai trên bậc cửa sổ, chống cằm lên gối và nghĩ đến Alan. Tôi hi vọng bằng cách nào đó cậu ấy sẽ đột nhiên xuất hiện. Có thể cậu ấy không thích làm con nuôi, và họ sẽ đưa cậu ấy trở lại nhà trẻ. Tôi rất nhớ cậu ấy. Nhưng những ngày rồi đến những tuần trôi qua, tôi bắt đầu nhận ra cậu ấy thật sự sẽ không trở lại. Cậu ấy đã đi rồi.

Những đứa trẻ khác, nhất là bọn con trai, thường chế nhạo tôi, kiểu như nhắc đi nhắc lại “Alan đi rồi, Alan đi rồi, không về nữa đâu”. Giận dữ và cố kìm nén nước mắt, tôi đã đấm một vài đứa. Những lời trêu chọc cuối cùng cũng kết thúc, nhưng từ đó hầu hết bọn họ đều tránh xa tôi. Đám con gái cũng không muốn chơi với tôi, vì kiểu cách nghịch ngợm giống con trai của tôi và vì phần lớn thời gian trước đó tôi chỉ chơi với Alan, nên sau khi Alan đi họ cũng không có vẻ gì muốn chơi với tôi. Do vậy hầu hết thời gian tôi chỉ chơi một mình.

Đó là một thời gian tôi u buồn và tuyệt vọng. Dù cố gắng vui vẻ nghĩ rằng Alan đã có một gia đình mới, tôi vẫn cảm thấy bị bỏ rơi, cảm thấy như thể tôi là người không ai muốn ở bên.

Sự đau khổ của tôi càng tăng thêm sau một chuyến đến gặp nha sĩ một vài tuần sau đó. Nha sĩ là một người đàn ông to béo và rất

nóng tính. Ông bảo tôi ngồi trên ghế và kéo mạnh đầu tôi ngửa ra sau bằng một tay, tay còn lại kéo một cái đèn đứng gần đó rơi vào mặt tôi. Tôi hoảng sợ và nhảy lên, đầu đập vào đèn khiến nó đổ xuống sàn và vỡ tan. Giận dữ, ông ta tát tôi rất mạnh. Tôi oà khóc chạy ra khỏi phòng với một bên mặt đau nhức, chỉ để nhận thêm một cái tát mạnh nữa từ dì Doris vì tội đã gây rối. Sau lần đó tôi đã mãi mãi bị ám ảnh về chuyện đến gặp nha sĩ.

Tôi càng sợ hơn kì kiểm tra sức khoẻ thường niên sắp đến. Đây là một việc rất chán mà tất cả bọn trẻ chúng tôi đều ghét. Chúng tôi sẽ bị đưa đi qua thị trấn đến một ngôi nhà từ thời Victoria rất lớn gọi là Esplanade, ở đó con trai và con trai được dẫn vào hai căn phòng khác nhau. Chúng tôi bị bắt phải cởi hết mọi thứ, chỉ để lại quần lót, và trần truồng như vậy đứng xếp thành một hàng dài bên ngoài cánh cửa của một căn phòng khác - nơi các bác sĩ tiến hành kiểm tra. Đứng đợi như vậy thật lạnh lẽo và xấu hổ, bàn chân trần của chúng tôi muốt đóng băng trên tấm trải sàn màu nâu, hai tay ôm trước ngực, đợi cho đến khi được gọi tên.

Khi đã vào bên trong phòng kiểm tra, tôi sẽ được yêu cầu đứng ra giữa sàn nhà để bác sĩ đặt một dụng cụ kim loại rất lạnh vào hai bên tai tôi, nhìn vào mắt tôi, thắt chặt cánh tay tôi và dùng cái ống nghe lạnh lẽo của họ kiểm tra ngực và lưng tôi. Chuyện đó khiến tôi cảm thấy mình như một mẫu vật ở trong một cái lọ - một thứ để người ta chọc vào. Tôi ghét chuyện đó, và tôi cảm thấy buồn cho những cô gái lớn tuổi hơn tôi, họ đã đến tuổi dậy thì và ý thức được lòng tự trọng con gái nên với họ, chuyện đó thật nhục nhã.

Tôi hoàn toàn không hề biết rằng Esplanade có hai toà nhà, một toà nhà là nơi chúng tôi bị đưa đến kiểm tra và một toà nhà ở bên kia đường cũng là trại trẻ, nơi Alan bị đưa đến. Nếu tôi biết cậu ấy ở gần tôi đến thế, tôi đã có thể tìm cách nhắn tin cho cậu, hoặc trốn đi gặp cậu. Nhưng tất nhiên tôi không biết và do vậy, sau vài giờ đồng hồ, chúng tôi lại bị nhét lên chiếc xe buýt nhỏ và đưa về lại Rennie Road.

Tôi không dám nói với ai rằng tôi đã cảm thấy đau khổ, trống trải và cô đơn đến mức nào khi không có Alan. Tôi nghĩ đến cậu ấy cả trăm lần một ngày, lúc nào cũng cầu mong cậu ấy sẽ trở lại. Tôi cố gắng mừng tượng cậu ấy đang ở cùng một gia đình thực sự yêu

thương cậu, ở nơi yêu thích của chúng tôi, Whitby. Và tôi đã nghĩ không ai muốn ở bên cậu ấy nhiều như tôi.

Tôi thậm chí hứa với mình mùa hè sau, nếu như chúng tôi lại được đến đó, tôi sẽ tìm cậu ấy. Ý nghĩ đó là điều duy nhất khiến tôi có thể gắng gượng tiếp tục mỗi ngày. Tôi sẽ tìm Alan, và chúng tôi sẽ cùng nhau chạy trên bãi biển, cảm nhận ánh mặt trời chiếu bùng gương mặt và cùng cười vui, và cậu ấy sẽ lại thấy hạnh phúc.

9 - Alan

Khi đã ra khỏi Esplanade, tôi bắt đầu đi theo hướng về thị trấn, cố gắng hồi tưởng lại con đường chúng tôi đã bị đưa đi từ Rennie Road. Tôi đi bộ suốt đêm, tránh cảnh sát và những con đường chính và thường đi những con đường hẻm sau hoặc đi qua những khu vườn. Ngày hôm sau tôi lang thang tìm kiếm những địa danh tôi đã nhìn thấy từ trên ô tô. Nhưng cuối cùng tôi đã bị lạc. Cho đến cuối ngày hôm đó tôi đã đi được vài dặm và tôi lạc vào một ngôi làng nhỏ ở ngoại ô thị trấn, gần với sông.

Tôi rất mệt và lạnh nhưng tôi vẫn quyết tâm đi tiếp. Đêm đó tôi nằm dưới một gốc cây, nhìn lên bầu trời sao cho đến khi ngủ thiếp đi. Sáng sớm hôm sau tôi lại lên đường, đi men theo bờ sông. Tôi đã không ăn suốt 36 tiếng và tôi đói kinh khủng. Tôi bắt đầu tưởng tượng mình được ăn những cái bánh to dùng được phủ kem mà người ta vẫn gọi là bánh kem.

Đột nhiên, tôi nhận ra tháp thoáng đằng xa vượt qua vài cánh đồng là đỉnh lâu đài dưới chân đồi Bunny. Tôi quá mừng rỡ. Nhưng tôi đang ở bên này sông và không biết làm cách nào để có thể đi qua sông.

Tôi tiếp tục đi, hi vọng sẽ tìm thấy một cây cầu, và lúc gần cuối ngày tôi đã đến một ngôi làng rất nhỏ ở Coxgreen và nhìn thấy một cây cầu bộ bắc qua sông. Vì trời đã tối, tôi chui vào cạnh một bụi cây và trốn ở đó suốt đêm, dù tôi gần như không thể chợp mắt vì đói và lạnh.

Sáng sớm hôm sau, trước khi bình minh lên, trời bắt đầu mưa lớn. Ướt sũng và lạnh thấu xương, tôi băng qua cầu tới một ngôi làng nhỏ khác. Dù trời vẫn còn tối tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng người vọng ra từ những ngôi nhà tôi đi qua, họ đang nói chuyện, chuẩn bị cho một ngày mới.

Đột nhiên một chiếc ô tô dừng lại bên cạnh tôi. Tôi đã không nghe thấy tiếng xe vì trời mưa to quá. Đó là một chiếc Minis nhỏ

cảnh sát ngày đó thường dùng. Một viên cảnh sát bước xuống xe và nói, “Một cậu bé làm gì ngoài trời giờ này trong lúc mưa to thế? Cháu muốn đi nhờ không?”

Tôi không thể nói không. Ông ấy là một cảnh sát, bạn phải làm những gì họ bảo. Ông ấy chắc chắn nghĩ tôi hẳn đã bị lạc, vì thế tôi được cho lên ghế sau xe và đưa đến đồn cảnh sát. Ở đó họ hong khô người cho tôi và bảo tôi ngồi trên bàn, cho tôi ăn bánh sandwich và uống trà. Tôi bị hỏi rất nhiều. Cháu ở đâu? Sao cháu lại bỏ trốn? Có ai nói chuyện với cháu không? Cháu đã đi đâu? Liên tục những câu hỏi dồn dập, nhưng tôi không nói gì cả, chỉ nhét bánh mì vào miệng và uống trà.

Một lúc sau tôi lại bị tổng lên chiếc Mini và đưa trở lại Esplanade. Khi về đến nơi, tôi thấy bác Kennedy đã đợi sẵn trên bậc thềm. Ông kéo tai tôi lôi thẳng vào văn phòng, đánh tôi một trận đòn nhừ tử và bảo tôi về giường. Lát sau thì dì Matron đến mang theo đồ ăn nóng và trà. Bà nói chuyện với tôi, cố gắng tìm hiểu lý do tôi bỏ trốn. Nhưng sao tôi có thể nói đây? Bà có vẻ thật sự muốn biết, nhưng tôi đã cố tìm về với Irene và đó là chuyện bị cấm. Tôi biết mình sẽ gặp nhiều rắc rối hơn nữa nếu tôi nói ra. Vì thế tôi chỉ nói “Cháu không biết”. Tôi nghĩ dì Matron rất buồn khi tôi không nói cho bà những chuyện thực sự đã xảy ra, nhưng cuối cùng bà cũng thôi không hỏi nữa và đi ngủ.

Không bao lâu sau tôi lại bỏ trốn lần nữa, và lần này tôi đã sẵn sàng. Đó là một ngày tháng 12, trời rất lạnh, nhưng tôi đã mặc một chiếc áo khoác để giữ ấm và mặc thêm áo mưa ra ngoài để không bị ướt, sau đó tôi đến trường. Tôi đã để dành một ít tiền thay vì mua kẹo, và tôi có một ít bánh mì đã lén giấu vào bụng từ bữa xế ngày hôm trước và tôi đã bọc nó trong một tờ báo cũ. Tôi đã có mọi thứ tôi cần. Vì vậy sau giờ học, thay vì trở lại Esplanade cùng mọi người, tôi trốn đi.

Tôi đi theo con đường đã đi lần đầu tiên, nhưng lần này tôi đi nhanh hơn vì tôi đã biết mình sẽ đi hướng nào. Đêm đầu tiên tôi rời khỏi làng Coxgreen để đi qua sông. Trời lạnh nhưng chỉ ít thì cũng không mưa. Người tôi khô ráo và tôi có bánh mì.

Vào ngày thứ hai tôi cẩn trọng hơn. Tôi đi qua làng, nhưng chỉ đi bằng những con đường hẻm sau. Cuối cùng tôi đã lại ra đến bìa

làng, băng qua những cánh đồng, nhằm thẳng hướng lâu đài Hylton nhưng vẫn cố gắng trốn sau những bờ rào và những cây lớn. Đến tối hôm đó tôi đã rất lạnh và đói. Bánh mì của tôi đã hết và dù tôi có một ít tiền, tôi không thấy có cửa hàng nào gần đó. Tôi quyết định đi xuyên đêm, và khoảng hai giờ sáng tôi đã đến chỗ Lâu đài. Ngay sau đó, sừng sững trong ánh trăng, là đồi Bunny.

Tôi đã kiệt sức, nhưng rất hạnh phúc. Tôi đã làm được rồi! Tôi leo lên đồi trong đêm và sau khi dò dẫm xung quanh một chút tôi tìm thấy khe hở dẫn vào hầm trú ẩn của chúng tôi. Tôi không tìm lối vào rộng ở cuối hang, vì tôi không chắc mình có thể tìm thấy nó trong bóng đêm, tôi cũng không muốn bị cào bởi những cây tầm ma. Kế hoạch của tôi là vào đó và đợi đến sáng, sau đó xuống đường chính và sẽ gặp Irene lúc cô ấy đang đi bộ đến trường. Ý nghĩ sẽ được gặp Irene khiến tôi cảm thấy thật tuyệt vời. Cuối cùng tôi sắp có thể giải thích với cô ấy những chuyện đã xảy ra. Cô ấy sẽ biết tôi không hề muốn rời khỏi Rennie Road.

Tôi lách mình qua khe hở vào trong hầm như tôi đã làm rất nhiều lần trước đó. Nhưng lần này tôi suýt mắc kẹt. Tôi đã lớn hơn nhiều từ lần cuối cùng tôi lách qua đây. Khi đã ở bên trong, tôi nằm cuộn tròn trên nền xi măng ở một góc tối cách xa khe hở, cố gắng tự giữ ấm vì lúc này bên ngoài tuyết đã rơi. Tôi thiếp đi một hoặc hai giấc gì đó nhưng rồi cơn đói và cái lạnh lại đánh thức tôi. Dần dần, khi trời tang tảng sáng, tôi có thể nghe thấy tiếng chiếc xe buýt chuyển sớm đã đến trên đường chính, cả tiếng ồn vọng lại từ xa phát ra từ quầy báo dưới chân đồi. Đói và lạnh bủa vây, tôi quyết định đi ra ngoài, xuống những cửa hàng mua gì đó để ăn trong lúc chờ để gặp Irene ở bến xe buýt.

Tôi lại lách mình qua khe hở ra ngoài và đi xuống dưới chân đồi, người đông cứng vì lạnh, hai răng va vào nhau lập cập. Tôi đến cửa hàng và nhìn quanh. Người bán hàng để ý đến tôi nên tôi quyết định phải nhanh chóng lên. Tôi nhặt lấy một gói có chữ “dâu tây” trên vỏ, tôi không chắc đó là gì nhưng nhìn nó có vẻ ngon.

Thanh toán xong tôi đi bộ vòng ra phía sau cửa hàng để không bị bắt gặp, và mở gói kẹo dâu ra. Tôi cắn một miếng, nhưng nó có vị như cao su và chẳng ngon. Tôi quá đói nên vẫn phải nhai và nuốt, và tôi mau chóng nhận ra mình đã mua một gói thạch dâu tây sống.

Ăn xong tôi quyết định đến bến xe buýt đợi Irene. Nhưng khi tôi vừa vòng ra khỏi khúc quanh chỗ cửa hàng thì có hai cảnh sát tiến lại. Hẳn là người bán hàng đã gọi họ. Không còn cách nào khác, tôi nhìn quanh tìm lối thoát, nhưng họ đã giữ chặt tôi. Khi họ lôi tôi về phía xe của họ để đẩy tôi lên, tôi vùng vẫy và la hét giận dữ.

Khi đã ngồi trên xe, khi mọi hi vọng trốn thoát đã biến mất, tôi co rúm người ở ghế sau, như một đồng bần thủ nhỏ bé, và rồi tôi ôm mặt khóc nức nở. Irene đã sắp đến rồi. Cô ấy sẽ đi qua chỗ đó. Và tôi đã bỏ lỡ. Cô ấy sẽ không biết được rằng tôi đã đến đó đợi cô ấy. Cô ấy sẽ không biết tôi ở đâu, không biết rằng tôi muốn gặp cô ấy đến mức nào. Trái tim tôi đã tan vỡ.

Tôi bị đưa đến đồn cảnh sát, nơi mà lại một lần nữa tôi được cho ăn bánh sandwich và uống trà nóng, dù tôi không thể nuốt nổi.

“Cháu định làm gì thế, chàng trai?”, một viên cảnh sát hỏi tôi. Nhưng tôi không nói gì. Không ai có thể moi móc được bí mật của tôi. Tôi ngồi đó, yên lặng, nước mắt chảy dài, cho đến khi họ lại cho tôi lên xe và đưa tôi về Esplanade.

Bác Kennedy có vẻ đắc thắng khi ông nhìn thấy tôi. Ngay sau khi viên cảnh sát đưa tôi vào cửa đi khuất, ông bắt đầu túm lấy cổ áo tôi và lôi tôi đến bàn làm việc của ông và cầm dép đập tôi. Ông không dừng lại cho đến khi ông thấm mệt, và tôi đã đau đến nỗi phải bò lên cầu thang để về phòng ngủ.

Một lúc sau dì Matron đến, mang theo một cốc trà nóng. Tôi đã trèm chần qua đầu, hy vọng có thể quên đi mọi thứ trong bóng tối. Bà tới ngồi bên giường tôi, nhẹ nhàng hỏi tôi tại sao lại trốn đi. “Cháu muốn về lại nhà cũ à?”, bà đã hỏi như vậy. “Tại sao cháu lại muốn về đó? Ở đây cháu không thích chúng ta à?”

Tôi đã không nói gì. Dì Matron hỏi lại lần nữa, nhưng sau một lúc không thấy tôi đáp lời bà đã bỏ đi. Tôi nằm đó, đau đớn, người đầy những vết thâm tím và trái tim đã vụn vỡ, nghĩ về Irene. “Mình sẽ tìm cô ấy”, tôi thầm nói với bản thân như vậy. “Mình sẽ không bỏ cuộc.”

Tôi chưa bao giờ ngừng cố gắng. Sau lần đó tôi còn nỗ lực nhiều lần hơn, nhưng giờ họ đã biết tôi định đi đâu nên tôi luôn luôn bị bắt lại trước khi đến được nhà cũ. Tôi đã có nhiều đêm ngủ trên cánh đồng hoặc khi trời quá lạnh hoặc mưa tôi sẽ ngủ trong những nhà

kho trong vườn. Và lần nào tôi trở về bác Kennedy cũng đã cầm dép đợi sẵn.

Đúng lúc này anh trai Michael của tôi đến Esplanade.

Tôi đã không gặp anh kể từ kì nghỉ ở Whitby, đã được hơn một năm rưỡi. Thật tốt khi được gặp lại anh ấy, nhưng anh ấy lớn hơn tôi bốn tuổi và sở thích cũng như bạn bè của anh ấy khác tôi, vì thế chúng tôi không thể nào thân thiết. Tôi luôn gặp rắc rối với bác Kennedy và bất cứ ai gần gũi tôi cũng rất dễ bị bác ấy gây khó dễ. Nhưng một lần Michael đã làm một điều mà tôi không bao giờ có thể quên. Anh ấy đã đi xuống cầu thang đúng lúc bác Kennedy đang đánh tôi, và Michael nổi giận và hét lên bảo ông ta thả tôi ra. “Ông luôn nhắm vào nó”, anh ấy hét lên như vậy. Kết cục là hai người họ lao vào vật lộn và chỉ đến khi dì Matron tới can ngăn và kéo Michael ra thì họ mới dừng lại. Tôi há hốc miệng ngạc nhiên trước sự dũng cảm của anh ấy và càng ngưỡng mộ anh ấy hơn. Tôi biết sau đó anh ấy sẽ bị đòn. Nhưng rồi sau anh ấy lại tuyên bố rằng tôi đã khiến anh ấy gặp rắc rối và bảo tôi tránh xa anh ra. Tôi cũng không trách anh ấy vì chuyện đó.

Một ngày, không lâu sau lần Michael đứng lên bảo vệ tôi, khi tôi đang chơi với các bạn ở trường sau giờ học thì tôi chợt nhận ra đã muộn giờ về nhà. Đám con trai ở Esplanade chúng tôi phải về thẳng nhà sau giờ học, chúng tôi không được phép ở lại hay la cà đi chơi tới nhà các bạn khác. Nhưng khi tất cả bọn trẻ đều chơi, tôi đã muốn tham gia. Tôi chỉ định ở lại một vài phút thôi rồi sẽ chạy về nhà. Rắc rối ở chỗ tôi đã quên mất thời gian.

Thỉnh thoảng, khi tôi nhận ra mình đã muộn giờ, tôi sẽ theo các bạn tôi về nhà họ và ngủ ở nhà kho trong vườn nhà họ. Họ sẽ lén mang ra cho tôi một ít đồ ăn. Như thế còn hơn là tôi phải về nhà ngay, đối mặt với một trận đòn đang đợi sẵn.

Lần này tôi quyết định chạy về với hi vọng mình đủ nhanh để về kịp. Tôi cầm đầu chạy thẳng, và khi tới một trong những con đường đông nhất trong thị trấn tôi chạy vèo qua đường. Bình! Thanh đờ va của một chiếc xe tải lớn đập trúng giữa hai mắt tôi. Tôi bị kéo lê bên dưới nó và xóc nảy trên đường. Và rồi đầu tôi va vào bánh sau và tôi nảy ra sang đường bên kia.

Hình như người lái xe không nhìn thấy tôi. Thanh đỡ va trên những chiếc xe tải ngày đó cao bằng đầu của một chàng trai trẻ, và lúc đó đường quá đông và ồn nên có thể người lái xe không biết rằng ông ta đã đâm phải tôi.

Có thể đó là một cú sốc, nhưng tôi chẳng cảm thấy gì cả. Tôi đứng dậy và nhìn quanh, vẫn còn choáng váng. Một nhóm phụ nữ đứng bên ngoài một cửa hàng gần đó gọi tôi đến. Tôi bước đến chỗ họ và họ bảo tôi ngồi xuống bên trong cửa hàng, một người hỏi tên tôi và một người khác đưa kẹo cho tôi. Đầu tôi ầm và dinh dính trong lúc tôi ngồi mút kẹo và tôi nghe tiếng còi vọng lại từ phía xa - tiếng ding-a-ling quen thuộc của xe cứu thương và xe cảnh sát.

Tôi hẳn đã bất tỉnh, vì một lúc sau khi tôi tỉnh dậy thì đã ở trong bệnh viện. Đầu tôi đã bị vỡ từ trên đỉnh đầu xuống đến mũi. Hẳn người ta đã khâu và băng bó lại và tôi đã phải chịu một cơn đau đầu dữ dội kéo dài cả vài tuần.

Tôi không nhớ mình đã ở trong bệnh viện bao lâu, cũng không nhớ có ai đến thăm tôi không, nhưng khi tôi trở về Esplanade, tôi phải nghỉ học thêm vài tuần nữa. Phần lớn thời gian tôi chơi, xem bạn của bác Kennedy – bác Jack - làm những hộp nhạc tự động từ gỗ gụ trong nhà kho nhỏ cuối vườn. Ông khắc những hình thù phức tạp lên gỗ, lắp bản lề vào và chèn một cơ chế phát nhạc nhỏ vào một góc hộp, để khi bạn mở nắp hộp ra nhạc sẽ tự vang lên.

Thỉnh thoảng tôi giúp đầu bếp hái lá bạc hà non từ bụi cây lớn bên ngoài cửa sổ nhà bếp hoặc gọt khoai tây cho bà. Tôi còn kết bạn với một cậu bé sống ở nhà bên cạnh.

Khi cậu bé gọi tôi qua hàng rào, tôi sẽ chui qua những bụi cây và chơi cùng nó cả giờ đồng hồ. Nó có một bộ sưu tập những khẩu súng đồ chơi. Cha hoặc mẹ nó sẽ mang cho chúng tôi nước giải khát như một sự thưởng. Một lần nó đề nghị cho tôi mượn khẩu súng máy trông giống như thật rất lớn của nó. Mẹ nó ở đó và bà gật đầu cho phép, vì thế, rất sung sướng, tôi ôm súng chui qua hàng rào. Nhưng bác Kennedy nhanh chóng tóm tai tôi và lôi tôi vào phòng ông, ở đó ông bảo rằng tôi đã ăn cắp khẩu súng và lại dùng dép đánh tôi một trận đòn như tử.

Dì Matron đã bảo ông ngừng lại, bà lo vì đầu tôi vẫn còn băng bó chưa lành. Vì thế ông ta lại tóm lấy tai tôi, rồi lấy khẩu súng, dẫn tôi

tới nhà hàng xóm để trả nó về cho chủ nhân của nó.

Khi mẹ thằng bé ra mở cửa, ông trao khẩu súng lại cho bà và nói, “Thằng bé này đã lấy trộm khẩu súng. Tôi đưa nó đến để xin lỗi.”

“Cậu bé không ăn trộm”, bà trả lời. “Chúng tôi cho cậu ấy mượn. Nó không nói với ông à?”

Bác Kenedy giật mình. “Ồ, hừm, nó cũng nói gì đó, nhưng bọn trẻ này toàn là những đứa dối trá cả”, ông lầm bầm.

“Ồ, nó không nói dối đâu”, bà ấy trả lời, “Cậu bé nói sự thật đấy, và ông nên tin chúng.”

Giận dữ và đỏ bừng mặt, ông lại lôi tôi về nhà và cấm tôi sang nhà hàng xóm. Nhưng từ ngày hôm đó người mẹ nhà hàng xóm là nữ anh hùng của tôi, và tôi ước mình có thể chuyển tới sống với bà. Dù tôi không thể qua đó chơi nữa, thỉnh thoảng bà vẫn nhìn qua hàng rào và mỉm cười với tôi, và mỗi lần như thế đều khiến tôi vui vẻ cả ngày.

Cuối cùng khi họ tháo băng, tôi đã thấy hình dạng đầu mình thay đổi, nó hơi nhọn lên ở trên đỉnh đầu. May mắn thay, vì tôi vẫn còn nhỏ, xương còn mềm, nên nó chỉ bị dập một chút chứ không vỡ. Nhưng hậu quả là nhìn tôi trông hơi giống một con yêu tinh.

Tôi đi học trở lại. Sau đó một vài tuần, vào một ngày thứ Bảy, có người gõ cửa nhà. Một người phụ nữ tóc vàng hoe bước vào và đứng nói chuyện với dì Matron một lúc. Sau đó tôi được gọi đến. Tôi tự hỏi không biết lại có rắc rối gì nữa đây, vì tôi thường xuyên gặp rắc rối, nhưng tôi không thể nghĩ ra được, tôi không hề quen biết người phụ nữ đó.

Dì Matron nói với tôi rằng người phụ nữ đó là “mẹ mới” của tôi và bà ấy sẽ đón tôi ra ngoài một ngày. Tôi rất bức bối - tôi chỉ có một người mẹ, sao người phụ nữ này có thể là mẹ mới của tôi được? Nhưng sự tức giận của tôi nhanh chóng tan đi khi người phụ nữ nói với tôi rằng cha tôi đang đợi tôi ở nhà. Thật không thể tin nổi, tôi quá phấn khích. Có thật là tôi sẽ được gặp lại ông không? Tôi đã không nhìn thấy ông kể từ lần ông đạp xe ngang qua Cottage Homes vài năm trước. Đã không biết bao nhiêu lần tôi tự hỏi ông đang ở đâu, và tại sao ông không đến thăm tôi. Và giờ đây người phụ nữ không quen biết này nói bà ta sẽ đưa tôi đi gặp ông.

Tôi mặc áo khoác và chạy ra cửa, lo sợ người ta sẽ đổi ý. Người phụ nữ - người đã tự giới thiệu tên bà là Anita - là một người thấp lùn đầy đặn, với gương mặt xanh xao và mái tóc vàng hoe dài qua vai. Hoá ra dì Matron lại nhận ra bà ta, vì bà ta cũng đã từng làm việc ở trại trẻ. Dì Matron cười rất nhiều trong lúc họ nói chuyện, vì thế tôi nghĩ dì ấy thích bà ta.

Chúng tôi đi bộ cỡ nửa giờ đồng hồ, và trong thời gian đó Anita hầu như không nói gì. Chúng tôi đi tới một khu cũ của thị trấn, tới một dãy những ngôi nhà xiêu vẹo và cha xuất hiện ở cửa một trong những ngôi nhà đó. Tôi quá vui mừng khi được gặp lại ông và tôi muốn lao vào vòng tay ông, nhưng tôi xấu hổ và dừng lại. Cha nhìn vẫn như lần cuối tôi thấy ông: ông cười tươi với tôi và nói “Đây rồi, đây rồi, con trai” và đưa tôi vào trong nhà.

Trong phòng khách là một bé gái đang chạy quanh la hét, và một em bé khác - cũng là con gái - đang nằm trong cái cũi ở góc nhà. Cha nói tên chúng là Sonia và Yvonne và chúng là em cùng cha khác mẹ của tôi. Thật bất ngờ. Trong khi tôi và các anh tôi bị đưa đi, cha đã có một gia đình khác. Nhưng những bé gái rất đáng yêu, và dù lạ lẫm thì cảm giác có em gái thật thú vị.

Những chuyến ra ngoài vào thứ Bảy trở thành chuyện thường xuyên nhiều tuần sau đó. Dì Anita sẽ đến đón tôi đến nhà, nơi cha đang đợi. Sonia luôn la hét và Yvonne từng bám vào thành cũi và cười với tôi. Phần lớn thời gian tôi chơi bên ngoài với đá cẩm thạch hoặc một quả bóng đá. Nhưng cũng tốt hơn nhiều so với việc ở trại trẻ, và tôi cũng rất vui khi được gặp cha.

Một hai lần gì đó Michael và Geogre cũng đến thăm cha. Được ở cùng nhau thật vui nhưng sau ngần ấy thời gian bị chia cách, không tránh khỏi có những khoảng cách giữa chúng tôi. Geogre đã được một người phụ nữ Đức nhận nuôi, dù mãi đến nhiều năm sau đó anh ấy mới kể cho tôi về những trận đánh đập dã man anh đã phải chịu. Chỉ có Brian là vẫn thất tín. Chúng tôi không biết em ấy ở đâu, và nếu cha có biết điều gì ông ấy cũng chưa bao giờ nói.

Ở nhà của cha, Geogre và Michael sẽ dính lấy nhau và hầu hết thời gian họ sẽ chơi bóng dưới lòng đường, trong khi tôi ngồi ở sân sau, cảm thấy sao sao đó. Cha chưa bao giờ có vẻ nhiệt tình với chuyện tôi ghé chơi và điều đó khiến dì Anita căng thẳng. Cha lại

thất nghiệp, và việc phải nuôi chúng tôi, dù chỉ một ngày, cũng thật khó khăn. Và đôi lúc cảm giác như thể có một cuộc kéo co giữa cha và dì Anita về việc cha quan tâm tới dì Anita và những bé gái hay là chúng tôi - những đứa con trai của cha.

Một hoặc hai lần tôi gặp anh trai của dì Anita - bác John - một người thợ mỏ có niềm đam mê với xe máy. Tôi thích xem ông đặt chiếc xe của ông ở sân sau, tháo tung nó ra rồi lại lắp ráp lại, khiến dầu mỡ dính khắp nơi. Ông sẽ rờ máy để kiểm tra xem mọi thứ có chạy được bình thường không, và lần nào tiếng rờ máy cũng khiến những bé gái khóc thét. Dì Anita sẽ hét lên bắt ông dừng lại và dọn dẹp đồng bầy bừa, nhưng ông không bao giờ nghe.

Sau đó rất lâu dì Anita có kể với tôi rằng dì ấy và bác John đã sống ở London trước chiến tranh. Cha mẹ họ bị giết, họ sơ tán tới Sunderland và phải ở trong trại trẻ.

Tôi mong chờ đến mỗi thứ Bảy hàng tuần. Cuối cùng tôi đã có thể sum họp với cha và các anh tôi, và vì thế tôi không bỏ trốn nữa, tôi không muốn bác Kennedy vịn vào cớ đó cấm tôi ra ngoài.

Một hôm cha đến mang theo một cái cần câu và hỏi tôi có muốn đi câu cá không. Đi chứ!!!! Vì thế chúng tôi cùng bác John đi tới dưới chân cầu của thị trấn.

Đó là một nơi ồn ào, xe cộ chạy ầm ầm trên chiếc cầu cách chúng tôi 80 feet và có cả tiếng đập búa từ những người thợ tán đinh ở những nhà máy đóng tàu quanh đó. Nhưng cha bảo tôi đây là nơi tốt nhất để câu cá khi trời mưa - vì chúng tôi sẽ có mái che và đám cá cũng được cây cầu che khỏi mưa! Ông chỉ cho tôi cách móc mồi vào cần câu và cách giữ cần câu. Và tôi ngồi trên bờ sông, chân lơ lửng, cần câu trong tay, suốt hàng giờ liền.

Sau lần đó hầu hết những ngày thứ Bảy chúng tôi đều đi câu cá. Đó là những ngày tuyệt vời với tôi khi được tham gia vào một cuộc phiêu lưu với cha. Nhưng ngày ấy tôi đã không nhận ra rằng, ngoài chuyện lấy đó làm trò chơi, chúng tôi đã thực sự câu cá vì cần thức ăn. Cha lại thất nghiệp và số tiền trợ cấp thất nghiệp quá ít đến nỗi ông phải tìm cách khác để kiếm ăn.

Cha bảo tôi không được nói cho những người ở trại trẻ biết chuyện chúng tôi đi câu cá. Tôi thấy cũng không sao, tôi làm được, nhưng ông không nói với tôi rằng đó là vì có những quy định

nghiêm ngặt rằng tôi phải ở trong nhà hoặc trên đường, phải được giám sát, và không được đi bất kì nơi nào khác. Tôi ước gì cha đã giải thích cho tôi, bởi vì sau đó tôi biết không chỉ có chuyện câu cá là tôi không được nhắc tới.

Đó là một ngày trời nắng. Dây câu của tôi bị vướng vào một khúc gỗ lập lờ trôi qua. Dòng chảy rất mạnh nên khúc gỗ trôi rất nhanh và nó lôi tôi theo. Dây câu quấn chặt quanh tay tôi nên trong lúc xoay sở tháo dây ra thì tôi đã chạy đến chỗ bến cảng nhỏ bên dưới cầu. Sợ dây vừa kịp rơi lỏng ra cũng là lúc tôi đến một chỗ hẹp ở cuối bến cảng. Có một đám rêu xanh nhớt nháp ở đó và tôi bị trượt chân ngã cắm đầu xuống sông. May mà tôi biết bơi, nên khi trời được đầu lên tôi bơi điên cuồng vào bờ trong khi dòng nước cứ đẩy chân tôi sang ngang.

Bác John đứng đó, ngậm tẩu thuốc trong miệng, cầm cần câu trong tay và hét to với cha, “Nó xuống rồi!” Không gì nữa, chỉ có vậy! Cha đã đi xa bờ sông nên gần như không thể nghe được bác ấy nói gì, liền hét lên “Gì cơ?”. Bác John lại la lên “Nó xuống rồi!” kèm theo một tràng cười “Haha” khi ông tiếp tục câu cá. Cuối cùng cha đột nhiên hiểu ra, ông hét lên “Thằng bé xuống rồi?” và rồi ông đánh rơi cần câu và chạy đến chỗ khe hẹp trên bến cảng. Lúc đó cha chạy đúng đến chỗ đám rêu xanh đó và ngửa mặt lên trời, ông kêu lên “Oa” khi ông lao về phía tôi với tốc độ nhanh nhất có thể. Tôi vẫn nhớ mình đã đếm từng chiếc đinh tán trên giày cha khi chúng đến gần tôi hơn, cả tiếng kêu lạo xạo khi chúng đến chỗ tôi, và khi đó tôi lại chìm xuống lần nữa. Tôi vội bám chặt lấy ống quần của cha, gì lấy để trôi lên mặt nước.

Rủi thay chính lúc đó là giờ ống tháo nước ở phía trên cách chúng tôi 30 feet tháo xả những chất thải không xử lý được theo thủy triều. Chúng tôi cố gắng bám lấy bờ tường trơn trượt trong khi đám rác thải hôi thối kéo đến, dính lấy chúng tôi.

Bác John chỉ đứng cười và nói “Giờ thải rác rồi, hia hia.” Ông không dịch chuyển dù chỉ một phân để cứu chúng tôi. Cha bắt đầu la hét gọi ông ấy giúp, và cuối cùng ông cũng buông cần câu xuống và tôi nắm lấy nó. Tôi men theo đó leo lên tường và cha theo sau. Trong suốt khoảng thời gian đó bác John vẫn chỉ cười, và khi chúng tôi lên được bờ rồi bác ấy lại lập tức quay về với việc câu cá của

mình.

Toàn thân cha và tôi hôi rình nên chúng tôi thu dọn về nhà nhanh nhất có thể. Mọi người cứ nhìn chằm chằm khi chúng tôi đi qua, người chúng tôi bốc mùi ghê đến nỗi ai cũng phải bịt mũi. Về đến nhà chúng tôi đứng yên ở sân sau và bật ống nước. Đó là những gì tốt nhất chúng tôi có thể làm - vì không có nhà tắm và cũng không có nước nóng. Cha cố hết sức hong khô quần áo của tôi trước khi tôi về lại trại trẻ, nhưng dù có bếp than, tôi vẫn về nhà trong tình trạng quần áo còn hơi ẩm và bốc mùi. Mọi người đều nghĩ thấy có mùi trong không khí nhưng họ không biết đó là từ tôi.

Như thường lệ, tôi phải thay quần áo để người ta mang đồ cũ đi giặt. Tôi không biết là họ luôn kiểm tra các túi áo và túi quần để xem có thứ gì bất thường. Khi họ thấy túi quần tôi ướt một cách bất thường trong một ngày trời nắng, họ gọi tôi tới văn phòng, và chính khi đó họ phát hiện ra mùi hôi thối là từ tôi mà ra. Tôi cẩn thận không nhắc tới chuyện đi câu cá, chỉ nói rằng tôi tự mình bị ngã xuống sông và đã vào nhà tắm kì cọ.

Một vài ngày sau đó, bác Kennedy gọi tôi tới văn phòng và thông báo rằng tôi không được phép về thăm nhà nữa. Tôi cảm thấy sụp đổ. Sao họ có thể cướp đi những ngày của tôi với cha, với dì Anita và các anh trai và em gái bé bỏng của tôi. Tôi cảm giác mình hẳn phải là một người rất tệ, một tên tội phạm - khiến họ phải tách tôi khỏi những người và những thứ tôi yêu mến nhất.

Tôi chẳng nói gì với Bác Kennedy. Tôi biết sẽ chẳng thay đổi được gì. Tôi rời phòng ông và đi lên kí túc xá, ngồi bên giường mình, ngồi bất lực. Tôi cảm thấy đau đớn đến nỗi không thể khóc. Tôi đã thích câu cá cùng cha biết bao, và việc rời khỏi đây, ở cùng với gia đình dù chỉ một ngày một tuần cũng có ý nghĩa với tôi biết bao. Cảm giác mất đi tất cả những điều đó đâm tôi một cú đả nhào. Tôi đã mất Irene, và giờ đây tôi mất luôn cả cha và những người còn lại trong gia đình.

Tôi mới chín tuổi và điều đó khiến tôi có cảm giác như thể cả thế giới của tôi đã chấm dứt - thêm một lần nữa.

Phải đến suốt tám năm sau đó tôi không hề gặp lại bất cứ ai trong gia đình mình. Và trong suốt thời gian đó tôi cũng không nghe được tin tức gì về họ. Tôi không biết anh trai tôi, Michael, cuối cùng

đã về nhà sống cùng cha và dì Anita, trong khi đó Brian, cũng giống như tôi, phải ở lại trong trại trẻ.

Có vẻ như những người trông coi trại trẻ sẽ đợi đến khi tôi hạnh phúc để rồi phục kích, lấy đi của tôi tất cả mọi thứ - hoặc tất cả những người tôi yêu thương. Đau khổ tột cùng, tôi thậm tự dựng lên một cuộc chiến chống lại họ. Tôi quyết định sẽ vờ ngoan ngoãn cho đến khi họ lơ là cảnh giác, rồi tôi sẽ phục kích họ để họ biết cảm giác bị tóm là như thế nào. Dĩ nhiên, vấn đề là người chắc chắn sẽ bị tổn thương là tôi. Nhưng khi ấy tôi không hiểu điều đó.

10 - Irene

Không có Alan, thời gian như ngừng trôi. Tôi không còn là cô gái tomboy sôi nổi dũng cảm luôn tham gia vào những trận đánh nhau của bọn con trai nữa. Tôi trầm lặng và thu mình lại. Tôi không chơi với những đứa trẻ khác, tôi chỉ lang thang một mình và ngày càng cô độc hơn.

Rennie Road vốn luôn lặng lẽ. Người ta sẽ nghĩ một ngôi nhà có 13 đứa trẻ sẽ luôn ngập tràn tiếng cười, tiếng nói chuyện rôm rả thậm chí cả những tiếng cãi nhảm và tiếng khóc. Nhưng quy định bắt chúng tôi hầu hết thời gian phải giữ trật tự. Chúng tôi ăn uống, làm việc nhà trong một sự im lặng vô hình.

Giờ Alan đã đi, với tôi trại trẻ dường như càng yên lặng hơn. Một ngôi nhà yên lặng. Tôi lặng lẽ đi quanh nhà, và tôi thấy có vẻ như tất cả những người khác cũng vậy.

Hầu như tất cả chúng tôi đều cảm thấy việc mình phải ở đây là một sự trừng phạt. Hẳn chúng tôi đã không tốt, đã nghịch ngợm, nên cuối cùng phải sống trong một ngôi nhà không có bố mẹ, chỉ có những luật lệ bất tận. Tôi đương nhiên cũng cảm thấy như vậy. Và các dì luôn củng cố điều đó bằng cách thường xuyên kiểm điểm chúng tôi và trừng phạt bất cứ ai có thái độ khác.

Tôi đã từng nghe thấy tiếng những đứa trẻ khác - những đứa sống với bố mẹ trong một ngôi nhà đúng nghĩa - chơi ngoài đường mỗi buổi tối. Đôi khi tôi đứng ở cửa sổ nhìn chúng, ước gì tôi có thể ở đó cùng chúng. Tôi thấy cha mẹ chúng ra ngoài để gọi chúng về, ôm ấp hay xoa đầu chúng đầy yêu thương, và tôi đau đớn khát khao có một gia đình.

Tôi thường tự hỏi liệu bây giờ Alan có thực sự có một gia đình như vậy không. Một người mẹ tốt bụng mỉm cười và một người cha cùng cậu ấy chơi bóng đá hoặc đưa cậu ấy đi câu cá. Và nếu Alan thực sự đã có cha mẹ mới, liệu tôi cũng có thể có không? Tôi gần như không dám hi vọng rằng có ai đó tử tế sẽ muốn có tôi.

Vài tuần sau khi Alan đi, tôi chính thức bước sang tuổi thứ 10. Sinh nhật chưa bao giờ là một dịp đặc biệt, nhưng lần này ngày đó đặc biệt buồn tẻ. Không ai chúc mừng tôi khi tôi thức dậy vào buổi sáng, tôi chỉ đơn giản là vẫn đến trường như thường lệ. Vào bữa xế ở nhà, có bánh nướng - chẳng ai được mua bánh sinh nhật trừ khi có họ hàng mang tới. Tôi không bận tâm lắm chuyện đó - bánh nướng cũng được, bọn trẻ hát bài Chúc mừng sinh nhật. Sau đó dì Doris đưa cho tôi một tấm thiệp và một ít kẹo chị Joan đã mang đến. Kẹo phải được chia cho bọn trẻ - đó là nguyên tắc - còn chiếc thiệp thì tôi mang lên phòng, đặt nó bên cạnh giường.

Tôi rất hạnh phúc vì tấm thiệp của chị Joan, nhưng tôi cứ mong ước mình được nhận nó từ Alan. Thực ra trong thâm tâm tôi hi vọng cậu ấy sẽ nhớ sinh nhật tôi và tìm cách nào đó liên lạc với tôi, để tôi biết rằng cậu ấy không quên mình. Chắc chắn gia đình mới của cậu ấy sẽ cho phép cậu ấy gửi cho tôi một tấm thiệp, phải không? Đêm đó tôi nằm thao thức, lòng ngộp nỗi buồn. Tôi không nghĩ sau này mình có thể vui vẻ lại được nữa.

Một vài ngày sau có một cậu bé mới đến - cậu bé khoảng tám tuổi, có gương mặt luôn lo lắng, mái tóc đen và thân hình nhỏ bé - gọi là Tom. Cậu ấy đến thế vào chỗ của Alan, và dù tôi biết cậu ta không có lỗi nhưng tôi không thể chơi với cậu ta được. Sự xuất hiện của cậu ta dường như chính thức đánh dấu sự thật rằng Alan sẽ không trở lại.

Có thể tôi sẽ biết về cậu ta nhiều hơn, nhưng Tom đã không ở đó lâu. Vài tuần sau cậu ta chuyển đi - tôi không bao giờ biết là đi đâu. Có lẽ cậu ta đã cư xử không đúng và bị chuyển đi, hoặc đã được gia đình đón về. Dĩ nhiên chẳng ai nói với chúng tôi điều đó.

Có lúc tôi đã nghĩ đến chuyện làm điều gì đó thật tệ để mình cũng bị chuyển đi. Biết đâu tôi có thể bị chuyển đến nơi Alan đang ở, và sau đó tôi có thể gặp lại cậu ấy. Nếu chắc chắn được như vậy tôi sẽ không còn ngần ngại. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì - dù là ăn trộm, để được như vậy. Nhưng tôi biết có thể tôi sẽ không được chuyển tới Whitby. Thực tế là theo những gì tôi biết thì ở đó chẳng có trại trẻ nào. Vì thế cơ hội được chuyển đến nơi nào đó gần chỗ Alan hầu như không có.

Ngoài ra, tôi có một lý do quan trọng để ở lại - chị gái tôi Joan. Giờ Alan đã đi, tôi tha thiết muốn ở cạnh chị Joan càng nhiều càng tốt - chị ấy là tất cả những gì tôi có thể bám víu, và ý nghĩ phải xa chị khiến tôi không thể nào chịu nổi.

Tôi rất muốn dành mọi thời gian rảnh rỗi ở chơi nhà chị Joan, nhưng chuyện đó chưa từng được cho phép. Tôi có thể ghé qua nhà chị ấy, nhưng đặc quyền đó chỉ có khi tôi ngoan ngoãn và có sự dằn xếp chính thức của Sĩ quan Trại trẻ - người ngồi ở tòa nhà Cân nặng và Đo lường ở trung tâm thị trấn.

Quy định là người họ hàng phải có điện tín hoặc gọi điện đến văn phòng yêu cầu đón đưa trẻ của họ ra ngoài trong vòng vài giờ hoặc một ngày vào thứ Bảy hoặc Chủ nhật - và quy định này được áp dụng cho cả chị Joan dù chị chỉ sống cách đó vài mét. Vào bữa xế ngày thứ Sáu, điện thoại sẽ kêu và dì Doris hoặc dì Nan sẽ có một danh sách những đứa được phép ra ngoài vào cuối tuần. Mỗi thứ Sáu tôi đều ngồi cạnh điện thoại, chờ xem liệu mình có là một trong số những người may mắn.

Các dì đều biết tôi rất muốn tới nhà chị Joan và điều đó tặng cho họ rất nhiều quyền lực. Họ cảnh cáo tôi nếu chỉ một lần phạm quy cũng bị mất quyền được đến chơi nhà chị gái. Vì thế lúc nào tôi cũng cố gắng hết mức có thể để ngoan ngoãn, tránh không làm mất bất cứ khoảng thời gian quý giá nào được ở cùng chị.

Tôi luôn nỗ lực làm những gì được sai bảo và không bao giờ làm gì vượt quá khuôn phép, đến nỗi tôi gần như quên mất mình cũng có tiếng nói, có suy nghĩ của chính mình. Tôi được đào tạo tuân theo sự ngoan ngoãn vô thức này đến nỗi nó in sâu vào đời sống của tôi suốt nhiều năm. Kể cả khi lớn, tôi cũng thấy khó khăn khi tự ra quyết định hay không để những người khác kiểm soát mình.

Thỉnh thoảng tôi quá muốn gặp chị Joan và các cháu đến nỗi tôi lén ra ngoài, chạy tới nhà Joan, cầu xin chị ấy đến xin dì Doris cho tôi tới nhà chị chơi. Nếu đang là ca trực của dì Nan thì tôi không có cơ hội, vì dì ấy nghiêm khắc hơn, còn dì Doris thỉnh thoảng sẽ mềm mỏng hơn. Sau khi tôi quay về, chị Joan sẽ đến và nếu dì Doris đang vui vẻ, dì ấy sẽ nói theo quy định thì không được nhưng vì chị Joan ở ngay đường bên kia nên tôi được phép đi. Nhưng chỉ được đi cỡ nửa giờ, sau đó tôi phải về lại.

Nửa giờ là khoảng thời gian không dài, nhưng cảm giác tự do tiếp thêm cho tôi năng lượng sống. Tôi thích đến nhà chị Joan và trở thành một phần của gia đình chị. Tôi sẽ chơi với Elaine, khi ấy mới chập chững biết đi, và một Alan nhỏ, giúp chị Joan tắm cho chúng và ru chúng ngủ. Lúc nào tôi cũng ước mình có thể ở lại và ngủ cùng chúng sau khi ngồi uống sôcôla bên lò sưởi cùng chị. Nhưng tôi phải về, trở lại Rennie Road - nơi có dì Doris đang đợi.

Khi tôi gần như đã quen với sự cô đơn của mình thì một gia đình mới chuyển tới. Họ có hai con trai, hai con gái và họ ở lại Rennie Road vài năm. Hai cô con gái là Margaret - thường gọi là Margy, và Silvia. Và họ được xếp ở chung phòng ngủ với tôi.

Margy có mái tóc đen sậm, đôi mắt xanh và là có thân hình thấp đầy đặn. Cô ấy lúc nào cũng vui vẻ và tất cả mọi người đều dễ dàng làm quen bắt chuyện với cô. Cô ấy lớn tuổi hơn tôi, còn em gái cô - Silvy thì ít tuổi hơn tôi. Silvy có mái tóc vàng và rất xinh đẹp. Con bé chỉ im lặng đi theo Margy mọi lúc.

Tôi thích Margy và Silvy, nhưng tôi không biết làm cách nào kết thân với họ. Họ dính lấy nhau, và tôi thì quá trầm đến nỗi tôi cảm thấy họ hầu như không chú ý gì đến mình. Yên lặng đã trở thành thói quen của tôi đến nỗi tôi không biết làm gì khác. Thỉnh thoảng tôi đi bộ đến trường cùng họ, nhưng ngay cả khi đó tôi cũng không bao giờ cảm thấy mình có thể nói gì nhiều. Có thể họ nghĩ tôi tẻ nhạt, và tôi không trách họ được. Tôi muốn kết bạn, nhưng sau khi mất đi Alan, tôi cảm thấy mình không biết cách nói chuyện với những đứa trẻ khác.

Các anh trai của Margy và Silvy là những cậu bé thực sự hung tợn. Cậu bé lớn tuổi hơn là Joe, người có mái tóc đen giống Margy, nổi tiếng khó chịu. Cậu bé nhỏ hơn là Kenny - có mái tóc màu vàng và cặp mắt xanh như cả bốn người. Nhìn bề ngoài Kenny rất dễ thương, trái ngược hẳn với tính cách của cậu. Cậu sẽ đánh nhau với bất cứ ai, bất cứ đâu, bất cứ nơi nào. Bất cứ khi nào có một cuộc chiến trên đồi với bọn Người nhà lâu đài, hẳn sẽ là Kenny dẫn đầu và cậu luôn liều lĩnh đến mức khiến những người khác và cả chính bản thân mình gặp nguy hiểm.

Hai anh em họ trở thành thủ lĩnh của Redhouse và những cậu bé trong trại trẻ. Có cả những đứa trẻ sống trên những con đường

quanh đó cũng theo sau hộ tống Joe và Kenny. Hai người họ sẽ dẫn đoàn tới vùng đất của bọn Người lâu đài bên dưới đồi.

Một lần đội Redhouse tấn công đội Người lâu đài khi chúng đang ngồi quanh một đống lửa lớn chúng đã dựng lên, giữa khu xây dựng dưới chân đồi. Hẳn đám đó phải có tầm 30 người. Đội của chúng tôi, với Kenny dẫn đầu như thường lệ, dùng đá ném chúng. Lúc đó tôi đang ở trên đồi, chứng kiến đội quân nhỏ phe mình, với sự vượt trội về số lượng, ít nhất là nhiều hơn quân địch mười người, rút chạy lên đồi với tốc độ nhanh nhất có thể, đá bay theo sau họ khi những người bên đội Người lâu đài theo sát phía sau.

Chính đám con gái bọn tôi đã cứu vãn tình thế. Vài đứa chúng tôi, có cả những đứa sống ở trại trẻ và những đứa sống ở những con đường gần đó, tham gia ném đá vào những kẻ đuổi theo để cho đám con trai bên đội tôi có cơ hội tập hợp lại về trên lãnh thổ của chúng tôi trên đồi. Tất cả chúng tôi đều mừng rỡ vì chiến thắng, trong khi bọn Người Lâu đài rút lui, không ngừng la hét và chửi rủa.

Cuộc sống ở Rennie Road lặp đi lặp lại và đầy ngu ngốc, hiếm lắm chúng tôi mới được đi chơi. Nhưng thỉnh thoảng chúng tôi sẽ được đưa đi thăm những trại trẻ khác trong một buổi tối. Tôi không rõ tại sao, nhưng có thể họ nghĩ việc gặp những đứa trẻ khác sẽ tốt cho chúng tôi. Tất cả chúng tôi sẽ được dẫn tới phòng chơi của bất cứ trại trẻ nào chúng tôi tới. Ở đó những đứa nhỏ sẽ chơi với đám đồ chơi trong thùng và những đứa lớn hơn sẽ chỉ đứng đó buồn chán.

Chẳng có gì thú vị khi phải nhìn bọn trẻ con chơi, và chúng tôi chỉ mong được về chơi với những thứ chúng tôi đã quen. Trong những khoảng lặng kì quặc chúng tôi sẽ hỏi nhau những câu hỏi nửa vờ nửa thật như “Dì của các cậu thế nào?”, “Cậu học trường nào?”. Nhưng chẳng đứa nào muốn ở một trại trẻ khác - nơi cũng chỉ giống như trại của mình và tất cả chúng tôi đều cảm thấy như những người tù được đến thăm một nhà tù khác. Niềm vui thích thực sự chỉ dành cho các dì - những người sẽ uống trà và nói chuyện, với radio phát những bản nhạc nhẹ. Họ bận bịu kể cho nhau nghe về những màn nghịch ngợm của bọn trẻ chúng tôi.

Dù buồn chán và tẻ nhạt, những chuyến đi này là cơ hội duy nhất để chúng tôi hòa nhập với những bạn đồng trang lứa khác. Đám trẻ

ở trường học đều biết chúng tôi sống ở trại trẻ - điều đó khiến chúng tôi trở nên khác biệt. Và dù chúng tôi có vượt qua rào cản này, những tình bạn thân thiết cũng sớm lụi tàn vì chúng tôi không được phép đến chơi nhà bạn hay rủ họ về nhà uống trà. Vào ngày Giáng sinh sau khi Alan đi được ba tháng rưỡi, tôi còn chẳng có tâm trí chúc mừng. Chúng tôi có một cái cây, trang trí vài thứ, nhưng không hiểu sao chẳng bao giờ có gì vui vẻ hay hào hứng ở Rennie Road. Như thường lệ vẫn là công việc, dù đó là Giáng sinh.

Tôi từng đi bộ dọc con đường, nhìn qua ô kính cửa sổ vào trong những ngôi nhà nơi có những cái cây bên trong được trang trí lấp lánh, có hàng đông quà và khung cảnh gia đình ấm cúng, tự hỏi tại sao chúng tôi lại khác họ như vậy. Tôi rất muốn được ở trong những căn nhà đó, với những gia đình đó, điều đó khiến trong lòng tôi đau nhói.

Lễ kỉ niệm Giáng sinh của chúng tôi là chúng tôi được đưa tới xem một vở kịch câm trong nhà hát thành phố vào tuần trước Giáng sinh. Đó là vở Chú mèo đi hia, và trong vài giờ đồng hồ tôi đã chìm đắm trong niềm vui la hét “Ồ ngay sau kia” và cười bà quản lý có gương mặt hắc ám và bộ đồ diêm dúa. Những lúc đó tôi ước gì có Alan ở đây. Chúng tôi sẽ có thể có nửa tiếng sau đó, ngồi trên bậu cửa sổ sau tấm rèm, hồi tưởng lại niềm vui khi xem vở kịch.

Một vài ngày sau đó tất cả chúng tôi đến dự một bữa tiệc của Hội Người lao động địa phương, cùng với những đứa trẻ đến từ những trại trẻ khác. Ở đó có mứt, kem và chúng tôi đã chơi những trò chơi, nhưng tâm trí tôi không đặt vào đó. Tôi rất nhớ Alan, và hơn nữa, tôi biết bữa tiệc này không giống những bữa tiệc đám con gái ở trường tham dự cùng gia đình và bạn bè của họ. Cả hai bữa tiệc đều có ý tốt, nhưng không hiểu sao tôi cảm thấy chúng không giống nhau.

Một trong những điều khiến tôi thực sự thích Giáng sinh là các ca sĩ hát mừng. Mọi người từ các nhà thờ địa phương hoặc những đứa trẻ ra ngoài cùng cha mẹ chúng sẽ tập hợp trên đường, hát những bài hát chúc mừng, tôi sẽ nhìn họ từ trên cửa sổ, muốn ở đó cùng họ.

Cơ hội hát mừng duy nhất dành cho chúng tôi là khi xếp hàng tới nhà thờ vào dịp hát mừng hàng năm. Chúng tôi - những đứa trẻ nhà Rennie Road được dẫn lên trước và được bảo hãy hát chúc mừng

các giáo đoàn. Tôi ghét việc này, và những đứa khác cũng vậy. Phải đứng đó, giả vờ là những đứa nhỏ hạnh phúc tận hưởng Giáng sinh khiến chúng tôi bức bối. Phải sống trong trại trẻ đã tẻ lắm rồi, giờ đây mọi người còn nhìn chằm chằm vào chúng tôi ở nhà thờ và đều biết chúng tôi đến từ trại trẻ, thật kinh khủng. Tôi chỉ muốn ngồi xuống ghế, cố gắng thu mình để tránh khỏi tầm nhìn.

Ngày trước Giáng sinh, dì Doris gọi tôi ra và nói tôi được phép đến nhà chị Joan một vài tiếng đồng hồ vào buổi chiều Giáng sinh. Điều đó thay đổi mọi thứ - đột nhiên khiến tôi trông chờ trong háo hức.

Ngày Giáng sinh chúng tôi có một bữa tối ăn đồ nướng - tất cả chúng tôi đều tham gia chuẩn bị, và sau đó mỗi đứa chúng tôi được tặng một món quà. Của tôi là một hộp nhạc nhỏ có một vũ nữ múa ba lê quay tròn khi tiếng nhạc cất lên. Tôi nghĩ nó thật dễ thương, nhưng tôi biết mình chẳng được chơi nó lâu vì cũng giống như những đồ chơi khác, nó sẽ phải được để vào hộp đồ chơi để chơi chung.

Các dì đã cố hết sức để cho chúng tôi một lễ Giáng sinh tốt lành. Nhưng vẫn có một nỗi buồn bao trùm giữa chúng tôi, vì đứa nào cũng mong được sống với gia đình mình. Tôi biết mình may mắn: ít nhất tôi cũng sắp được gặp chị tôi. Một vài đứa nữa cũng được phép đi thăm người nhà, nhưng những điều đó chỉ khiến những đứa còn lại cảm thấy tệ hơn.

Giáng sinh năm đó có một cô gái nhỏ tên là Julie mới đến Rennie Road được vài tuần. Tôi không biết tại sao cô bé bị đưa vào trại trẻ, nhưng cô bé không được về thăm nhà và cô bé đã khóc thương nhớ mẹ và các anh chị em của mình suốt cả một ngày hôm đó.

Tôi muốn an ủi Julie. Cô bé mới bảy tuổi và không hiểu tại sao mình lại bị tách khỏi gia đình. Tôi biết các dì sẽ không thích ai đó “ồn ào” - họ gọi như vậy. Họ nói nếu bạn khóc nỗi đau sẽ chỉ kéo dài thêm, và họ không muốn ai ôm ấp vỗ về bọn trẻ, họ nói rằng “Chúng sẽ sớm quen thôi.” Nhưng điều đó có vẻ không đúng với tôi - tôi cảm thấy khi bạn buồn, một cái ôm chắc chắn sẽ khiến bạn cảm thấy khá hơn. Đặc biệt là vào Giáng sinh. Vì thế khi dì Doris và dì Nan uống trà sau bữa trưa và chúng tôi ở lại trong phòng chơi, tôi đã ôm Julie. Cô bé sụt sùi nước mắt và cố nở một nụ cười ngượng

ngừng. Và sau đó bất cứ khi nào các dì quay đi tôi lại cười với cô bé để động viên nó.

Hầu hết những đứa lớn chúng tôi không cố gắng an ủi bất cứ đứa trẻ nào nhỏ hơn chúng tôi khi chúng buồn. Không phải vì chúng tôi không tốt mà vì chúng tôi đã bị đối xử như vậy. Các dì luôn khuyến khích chúng tôi gạt đi những cảm xúc buồn. Thái độ của họ rõ ràng là “buồn cũng chẳng làm sao.” Họ nghĩ nhiệm vụ của họ là khiến bọn trẻ chúng tôi cứng cáp để đương đầu với những khó khăn trong cuộc sống, và họ nghĩ cách tốt nhất để đạt được điều đó là không để ý tới những cảm xúc đau buồn. Nhưng có lẽ những đứa chúng tôi - những đứa đã có thời gian ở trong trại trẻ - còn có một sự sợ hãi rằng việc an ủi một đứa trẻ nhỏ hơn chúng tôi có thể khiến chúng tôi nhớ lại những cảm xúc buồn thương mất mát của chính mình.

Sau bữa ăn chúng tôi dọn rửa và chơi vài trò chơi. Tôi cứ để ý đồng hồ, cảm giác như chúng chạy chậm hơn nhiều so với mọi ngày. Cuối cùng cũng tới ba giờ và tôi được phép ra ngoài tới nhà chị Joan - và chắc chắn tôi phải về trước năm giờ. Tôi mặc áo khoác và ra ngoài, đóng cửa lại trước khi dì Doris có mặt để kiểm tra xem tôi đã chốt cửa chưa hay nhắc nhở tôi phải bước đi nhẹ nhàng.

Vài giây sau tôi đã gõ cửa nhà chị Joan. Chị ấy đang dọn bàn ăn, và chồng chị ấy đang ngủ ngáy trên ghế, vì thế tôi đến chơi với Elaine và nhìn những đồ chơi mới của con bé. Chị Joan pha một cốc trà và đến ngồi cùng tôi, và chị tặng tôi một hộp sôcôla mang về. Chị và tôi đều biết nếu chỉ muợn một phút thôi tôi sẽ bị cấm đến thăm chị một thời gian dài. Vì thế đúng năm giờ kém năm phút, tôi mặc áo khoác, ôm chị Joan và bọn trẻ rồi miễn cưỡng lê chân về lại Rennie Road.

11 - Alan

Sau khi bị cấm đến nhà cha, tôi khép mình, cố gắng không gây bất kì sự chú ý nào nữa. Tôi đã mất hết hứng thú với trường học và chỉ đối phó cả ngày bằng cách ngồi mơ mộng hoặc nhìn ra ngoài cửa sổ cho đến khi giáo viên nhắc nhở. Nỗi đau vì lại một lần nữa mất đi gia đình khoét thành vết thương sâu hoắm trong tôi. Giờ đây tôi không còn tin ai nữa. Tôi chỉ nghĩ đến chuyện bỏ trốn, đi tìm Irene hoặc cha, hoặc có thể là cả hai người họ. Vấn đề chỉ là khi nào và làm thế nào để không bị bắt lại mà thôi.

Bất chợt tôi nghĩ ra một chuyện. Tôi có thể trở lại cây cầu chỗ tôi đã câu cá cùng cha. Tôi không biết đường đến nhà cha, và kể cả có biết tôi cũng không muốn mang lại rắc rối cho ông. Nhưng tôi biết chỗ cây cầu. Biết đâu tôi có thể gặp ông ở đó. Và tôi có thể trốn dưới chân cầu một lúc, sau đó khi mọi người không còn đi tìm tôi nữa thì tôi sẽ đi ngược lên đến chỗ Irene. Tôi hào hứng hẳn lên. Tôi có thể bắt cá để ăn. Tôi không hề nghĩ đến chuyện mình cần nấu chúng lên.

Vài ngày sau đó tôi khởi hành, hướng thẳng đến chỗ cây cầu. Tôi hy vọng có thể thấy cha đang câu cá chỗ bến cảng, nhưng chẳng thấy bóng dáng ông đâu. Tôi nghĩ tốt nhất mình nên trốn đi để không ai nhìn thấy, do vậy tôi trèo theo đường ống lớn gần dọc bờ tường bê tông. Tôi khá nhanh nhẹn, nên chuyện leo trèo không quá khó khăn. Tôi bám chặt vào những khung sắt gắn cố định vào tường, sử dụng nó như những bậc thang.

Khi tôi leo lên đến nơi, cách mặt nước khoảng 30 feet, tôi trèo qua gờ tường chui vào một khoảng trống nền bê tông bằng phẳng khá rộng. Chỗ này gắn những cột thép chống cầu, được xếp dọc ngang như một bộ Meccano khổng lồ để đỡ cây cầu bên trên, cách cỡ 50 feet. Nếu tôi trèo lên những dầm thép đó tôi có thể chạm tới ngay bên dưới mép cong của cây cầu - ở đó có một lối đi hẹp. Chắc chắn nếu ở đó tôi sẽ an toàn, không ai tìm ra tôi cả. Nhưng dù

tôi khá nhỏ nhắn, nhanh nhẹn và đầy quyết tâm thì việc trèo lên đó cũng khá khó khăn. Những thanh sắt lạnh giá chạm vào tay tôi, và chân tôi phải đặt trên những góc hình chữ V kì quặc. Cố gắng không nhìn xuống bên dưới, tôi dần dần leo lên và đến chỗ lối đi phía trên ngay dưới cầu.

Tôi cảm tưởng như mình đã chinh phục đỉnh Everest. Tôi đứng đó, nhìn ra khung cảnh bên kia sông, nhìn những con tàu đang đi bên dưới, nhìn những nhà máy đóng tàu ở hai bên bờ sông. Tiếng ầm ầm của xe cộ đi trên cầu ngay phía trên đầu tôi được phối hợp thêm bởi tiếng còi tàu bên dưới lòng sông.

Tôi đi bộ tới chỗ thẳng với bờ bên kia sông rồi trèo xuống những dầm thép bên đó. Bên dưới đó có một mòm đá và hai ô vuông nhỏ trên tường, cách mặt đất khoảng 50 feet. Trèo xuống khó hơn nhiều vì những dầm thép này chìa ra bên ngoài nên tiếp xúc với thời tiết nhiều hơn, chúng ẩm ướt và trơn trượt. Có vài lần tôi không tìm được chỗ nào để bám chặt, đành đứng chênh vênh đến khi tìm được chỗ để chân.

Cuối cùng tôi cũng chạm được tới chỗ hai cái ô vuông. Tôi bò vào và thấy một hang tối rất lớn có sàn là mặt đá bê tông. Ánh sáng duy nhất lọt vào trong đó là từ một nắp cống trên đường cầu, cách sàn khoảng 30 feet lên phía trên. Ở đó buốt lạnh và rất kỳ quái, nên tôi lại chui ra và leo trở lại lên các dầm về chỗ ban đầu.

Về lại phía bên này, tôi phát hiện trên bờ tường bên này cũng có hai ô vuông tương tự. Tôi trèo xuống rồi lại bò vào. Hang bên này nhỏ hơn, và phía bên này cầu được che chắn nhiều hơn nên không khí trong hang cũng ẩm áp hơn. Tôi quyết định sẽ ở lại đây. Đây sẽ là thế giới bí mật của tôi.

Tất cả những gì tôi cần bây giờ là thức ăn, và tôi không định tìm kiếm đâu xa. Cứ cách mỗi tám tiếng đồng hồ, còi sẽ vang lên báo hiệu thay ca trong nhà máy đóng tàu. Hồi còi đầu tiên vang lên, rồi sẽ lần lượt thêm hồi nữa và nữa, âm thanh sẽ vang vọng khắp trên sông, từ nhà máy này sang nhà máy kia. Chỉ trong vài phút, hàng ngàn người thợ sẽ tỏa ra hai bên bờ sông để về nhà. Cùng với hai, ba đứa trẻ rách rưới nữa, tôi sẽ tụ tập gần đường và khi những người thợ có quàng khăn và đội mũ nồi dẹt đi ngang qua, chúng tôi sẽ hỏi xin đồ ăn.

Lúc nào chúng tôi cũng được cho đồng đồ ăn thừa những người thợ còn bỏ lại trong hộp đồ ăn trưa của họ. Tôi sẽ chộp lấy những mẩu bánh sandwich và trở lại bên dưới gầm cầu, ở đó tôi tống hết vào miệng nhai ngấu nghiến. Đám chúng tôi - những đứa đói kém lúc nào cũng xin ăn - chẳng bao giờ nói chuyện với nhau. Chúng tôi đều tự hỏi những đứa còn lại là ai, và liệu nó có quan tâm đến mình như mình để ý tới nó không.

Thỉnh thoảng tôi cũng hỏi những người thợ rằng họ có thể cho tôi cái gì đó khác không, và dù phần lớn mọi người sẽ bảo “cút đi”, đôi khi vẫn có ai đó sẽ cho tôi vài xu và tôi sẽ tới cửa hàng mua chút đồ uống để nuốt trôi đám bánh sandwich xuống dưới dạ dày.

Tôi cứ sống dưới gầm cầu như một kẻ lang thang như vậy suốt hai tuần. Ban đêm trời rất lạnh, nhưng co cụm trong góc một căn phòng xi măng bên dưới gầm cầu vẫn thích hơn ở trại trẻ - nơi có sự kiểm soát của bác Kennedy.

Sau hai tuần tôi chắc họ đã quên tôi. Có vẻ như một thời gian cũng dài rồi, tôi quyết định chui ra ngoài, về với Rennie Road và Irene. Vì thế khi trời tối tôi men theo con đường nhỏ bên cạnh cầu và bắt đầu băng qua đường ray xe lửa, ngó quanh để chắc chắn không có ai ở đó. Khi tôi đến đầu đường ray, một bàn tay tóm lấy cổ áo tôi. Tôi đã bước ngay đến chỗ một cảnh sát đang đứng. Tôi nghĩ ông ấy còn ngạc nhiên hơn cả tôi. Nắm chặt cánh tay tôi, ông ta lôi tôi vào đồn cách đó không xa lắm. Tôi biết chẳng ích gì khi kháng cự, nhưng trái tim tôi đã tan vỡ. Chừng ấy thời gian trốn chạy và chỉ trong một phút lơ là tôi đã tự đâm đầu vào rọ. Thật cay đắng làm sao.

Ở đồn cảnh sát, một trung sĩ trực bàn tên là Emerson - người khi đó đã biết rõ về tôi - bảo tôi ngồi xuống và đưa cho tôi một cốc trà, cố gắng khuyên nhủ tôi đừng gây phiền hà cho mọi người nữa. Dù rất buồn nhưng tôi vẫn rất mến ông, vì ông luôn mỉm cười, gọi tên tôi và dành thời gian để xem liệu tôi có ổn không. Nhiều năm sau đó tôi đã gặp một cô gái có cùng tên với ông. Cô chính là con gái ông và cô kể với tôi ông đã trở thành một thám tử - một sự thăng chức mà tôi nghĩ ông hoàn toàn xứng đáng.

Như thường lệ, khi tôi trở về bác Kennedy đã đợi sẵn. Ông vô cùng tức giận vì tôi đã chạy trốn được quá lâu và trận đòn ông dành

cho tôi chắc chắn là mình chứng cho điều đó. Ông nhất quyết muốn tìm ra người đã giúp tôi ở bên ngoài một thời gian dài như vậy, và dù tôi nói với ông rằng không có ai giúp tôi cả, ông vẫn cố ép tôi nói ra thông tin. Đến khi ông tra hỏi xong, cả người tôi đã bầm dập.

Lúc này dì Matron xuất hiện lo nốt phần còn lại, và tôi thấy dì ấy có vẻ đau khổ. Tôi cảm giác dì ấy đã nghĩ tôi đã đi hẳn, hoặc thậm chí chết rồi. Dì vỗ nhẹ vào đầu tôi và cho tôi lên giường đi ngủ, nước mắt trào ra trên mắt dì. Một phần trong tôi muốn nói hết tất cả với dì, nhưng tôi không dám tin tưởng. Tôi sợ dì ấy sẽ nói với bác Kennedy và tôi sẽ gặp nhiều rắc rối hơn. Tôi nghĩ tốt hơn hết là không nói gì cả.

Dù sâu trong lòng tôi vẫn buồn vô hạn, đúng lúc đó tôi được giới thiệu với hai hoạt động mới thực sự đã khiến cuộc sống của tôi thay đổi - Đội đồng ca nhà thờ và Nhóm hướng đạo. Đương nhiên tôi được tham gia vào cả hai vì mọi người hi vọng những việc đó sẽ gây ảnh hưởng tốt tới tôi, và trong một khoảng thời gian, chiến lược này thật sự đã hiệu quả.

Nhóm hướng đạo tập hợp ở sảnh nhà thờ, và hầu hết những đứa trẻ ở trại trẻ đều tham gia. Không giống như ở trường, ở đây có rất nhiều hoạt động vui vẻ, và tôi thích thu thập phù hiệu thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ. Tôi rất tự hào về đồng phục của mình, mỗi khi tôi có được một phù hiệu mới, dì Matron sẽ khâu nó vào ống tay áo của tôi, điều đó mang lại cho tôi một niềm tự hào về bản thân mà trước đó tôi chưa từng có.

Những buổi tối khi chúng tôi ngồi quanh lửa trại, nướng khoai tây và xúc xích, hát những bài hát về lửa trại tôi cảm thấy mình là một phần của cái gì đó đặc biệt. Tôi thích cảm giác chia sẻ cùng những cậu bé khác - những người đến từ mọi thể loại gia cảnh khác nhau. Ở trong nhóm chúng tôi đều như nhau, tất cả đều là anh em, và tôi không còn cảm giác mình là một đứa đến từ trại trẻ.

Sau khi tôi vào nhóm được vài tháng, có vài cậu bé mà gia đình mới chuyển tới vùng này cũng gia nhập vào nhóm. Tôi thấy những đứa trẻ này rất khác với phần lớn đám con trai tôi quen biết. Họ ăn nói rất lịch sự và thường nói về những chuyện hoàn toàn tôi không hiểu lắm. Một đứa có một chiếc kính thiên văn và ngắm những ngôi sao, một đứa khác thì đi đua thuyền. Họ đều nói về những kì nghỉ,

đi tới những nơi tôi chưa bao giờ nghe tên, và tôi bị những câu chuyện đó cuốn hút. Nếu ở ngoài xã hội tôi không thể hòa nhập với họ vì mỗi tầng lớp có xu hướng chơi riêng rẽ thì khi ở trong nhóm này, một khi một đứa đã tuyên thệ lời thề trung thành, nó sẽ trở thành một phần của chúng tôi và chúng tôi đều biết mình ở cùng một chiến tuyến.

Một trong những trò chơi chúng tôi rất thích là British Bulldog. Tất cả mọi người phải chạy từ cuối hành lang bên này tới đầu bên kia, trong lúc một hoặc hai “hậu vệ” cố gắng bắt họ. Người bị bắt sẽ tham gia bắt những người còn lại, và người còn sống cuối cùng là người chiến thắng. Trò chơi rất ồn ào và đôi khi thô bạo, vì chúng tôi thường xuyên dùng bóng bầu dục để ném nhau cho ngã xuống đất và có vài đứa khi bị bắt vẫn cố đẩy “hậu vệ” ra để chạy được tới bờ bên kia. Những nhìn chung thì rất vui và thường thì chẳng có ai bị thương cả.

Không lâu sau khi những cậu bé mới đến tham gia vào nhóm, có một lần chúng tôi chơi trò Bulldog và tràn đầy hào hứng - những cậu bé nhỏ vẫn luôn như vậy. Tôi muốn thể hiện với một trong những đứa mới đến để nó biết tôi chơi giỏi thế nào, nên khi nó chạy về phía tôi tôi liền ôm chầm lấy nó, đè nó xuống nền. Chắc hẳn nó đã bị đau nên hét lên, rồi sau đó nó nhảy dựng lên và gọi tôi bằng một cái tên gì đó. Tôi không nhớ cụ thể, có khi tôi còn không hiểu nó nói gì - nhưng tôi chỉ cảm thấy tức giận khi nó ở trong đội chúng tôi mà lại yếu ớt như vậy. Vì thế trong cơn tức tối bùng nổ không kiểm soát được, tôi đã đấm cho nó một cú, khiến một bên mắt nó thâm tím.

Có người kéo tai tôi ra giữa sự nhục nhã ê chề, và mẹ thằng bé đó chính thức khiếu nại. Tôi bị ép rời khỏi nhóm Hướng đạo. Vài ngày sau bộ đồng phục quý giá của tôi cũng phải trả lại cho họ, chỉ trừ cái phù hiệu, nhưng rồi tôi cũng sớm ném nó đi.

Không có sự phản kháng nào hết. Không ai muốn đứng về phía tôi hay quan tâm đến chuyện tôi cảm thấy thế nào. Tôi chính là một đứa nhóc nghịch ngợm thô lỗ đã đánh một cậu bé ngoan. Tôi nhớ bộ đồng phục, nhớ những bạn khác, rất nhớ. Nhóm Hướng đạo đã cho tôi mục đích sống, cho tôi cảm giác mình thuộc về nơi nào đó, và khi cảm giác ấy bị tước đoạt tôi cảm thấy trống rỗng. Tôi hầu

như không bao giờ gặp lại những cậu bé trong nhóm nữa, trừ một vài đứa cũng ở trong đội Đồng ca.

Tôi vẫn tham gia trong đội Đồng ca, dù nó không vui như nhóm Hướng đạo nhưng tôi vẫn thích đội. Tôi thích hát, và cũng giống như nhóm Hướng đạo, đội Đồng ca cũng cho tôi tận hưởng cảm giác mình thuộc về nơi nào đó và làm được gì đó. Điều đó thực sự rất có ý nghĩa đối với một đứa trẻ đã trải qua quá nhiều mất mát. Nhưng nó cũng chẳng kéo dài.

Lần này tội của tôi là đã cười khẩy ở một đám tang. Không phải tôi có ý không tôn trọng, nhưng có cái đã khiến tôi buồn cười và tôi không thể kiềm chế được. Tôi cố gắng dừng lại, cố gắng hát to hơn để át đi cái suy nghĩ đã khiến tôi cười khúc khích. Nhưng nó cứ đến trong đầu tôi. Tôi giờ quyền thánh ca lên trước mặt để người chỉ huy hợp xướng không nhìn thấy. Khổ nỗi ông ta luôn muốn nhìn chúng tôi để điều khiển chúng tôi bằng ánh mắt và cả bàn tay. Kiểu như vào lúc cần, khi chúng tôi hát không đúng, ông sẽ nhướn mày ra hiệu chúng tôi hát cao hơn hoặc nhíu mày ra hiệu hát thấp xuống. Khi ông nhìn tôi và thấy cuốn thánh ca rung rung trước mặt tôi, ông đã gạt đầu ra hiệu cho cậu bé đứng cạnh tôi. Nó huých tôi bằng khuỷu tay. Tôi hạ thấp cuốn sách xuống, và khi ông nhìn thấy mặt tôi đang nỗ lực để không cười, mặt ông bốc hỏa và ông ta nhăn nhó giận dữ nhìn tôi.

Sau buổi lễ vài người ở gia đình tang sự đã gặp cha xứ và nói với ông rằng họ thấy một vài cậu bé còn nhỏ nhưng đã thể hiện sự đau buồn suốt đám tang. Gia đình họ rất cảm động khi những cậu bé ấy có thể cảm nhận sâu sắc nỗi đau buồn đến như vậy. Họ tặng cho mỗi đứa trẻ nhỏ một đồng nửa cạo để cảm ơn.

Có ai đó dùng một tay đưa cho tôi một đồng nửa cạo, còn tay kia cho tôi một cái tát, rồi lột áo thầy tu của tôi ra và bảo tôi biến đi. Những đứa khác thì chúc mừng tôi vì đã dạy cho họ một mảnh hay. Nhưng cũng như với Nhóm Hướng đạo, tôi không bao giờ gặp lại họ nữa.

Cảm giác như thể tôi đã mất mọi thứ - và mọi người. Cuộc đời tôi càng thêm lạnh lẽo, cho đến một ngày có hai người khoảng gần 30 tuổi đến trại trẻ. Họ mặc đồ như đi đua xe - áo khoác da, đội mũ bảo hiểm. Người ta bảo tôi rằng người đàn ông là chú Rex và họ đi từ

Kent đến đây chỉ để gặp tôi. Tôi rất ngạc nhiên, vì tôi không biết là mình còn có chú ấy. Nhưng khi họ đề nghị đưa tôi ra ngoài chơi một ngày tôi đã rất sung sướng.

Xe máy của họ có chỗ ngồi bên cạnh yên sau, và họ bế tôi vào đó ngồi cùng người phụ nữ đi cùng chú. Đầu tiên chú Rex bảo hay là đi đến Scotland, nhưng người phụ nữ bảo nơi đó xa quá và họ cần tính thời gian kịp quay trở lại, nên chúng tôi đi vòng quanh thị trấn và tới công viên địa phương.

Chú Rex bảo tôi rằng họ sống ở quê và họ có những vườn táo lớn ở Kent, họ đến thăm tôi vì họ muốn đón tôi về ở với họ. Họ nói tôi sẽ thích nơi đó, rằng dù sao những khu vườn đó cũng là của tôi và họ chỉ chăm sóc chúng giùm tôi thôi. Chưa bao giờ tôi sung sướng đến thế. Có thật là tôi sẽ được đến sống cùng những con người tốt bụng này, ở một vườn táo? Viễn cảnh quá tuyệt vời đến không thể chịu nổi.

Cuối ngày họ đưa tôi về rồi đi. Tôi tự hỏi không biết bao lâu nữa họ mới đến đón tôi, và từ đó tôi luôn mơ về việc được sống cùng họ, Nhưng ngày lại ngày trôi qua, và rồi hàng tuần, cuối cùng là hàng tháng trôi qua. Tôi đợi, đợi mãi, đợi họ quay lại, nhưng họ không bao giờ đến nữa. Cuối cùng tôi cũng hỏi dì Matron về chuyện đó, và dì bảo rằng họ không được phép đón tôi vì tôi đã không ngoan ngoãn. Tôi cảm thấy như xé ruột gan, vì tôi đã muốn đến sống cùng họ biết bao nhiêu.

Sự thất vọng ê chề này, sau khi mất đi Irene và bị cấm gặp cha, đã dạy tôi rằng bạn càng muốn thứ gì đó bao nhiêu thì khi không có được nó bạn càng đau đớn bấy nhiêu. Sau đó tôi cố gắng chẳng hy vọng gì nữa; tôi không bao giờ muốn trải qua cảm giác tuyệt vọng kinh khủng đó lần nữa.

Về phần những vườn táo mà chú Rex nói chúng là của tôi, mãi cho đến nhiều năm sau tôi mới hiểu. Người ta kể cho tôi rằng ông ngoại của tôi rất giàu có và hình như ông đã gặp một tai nạn xe máy rất kinh khủng khiến ông phải sống cuộc đời còn lại trong viện tâm thần. Anh cả nhà tôi - Michael đã đến thăm ông trước khi ông qua đời, dù khi đó ông tôi không thể nói chuyện minh mẫn được nữa. Có rất nhiều lời đồn đại về những khoản đầu tư khổng lồ và một bản di chúc đã bị thất lạc, bao gồm cả những vườn táo ở Kent. Nhưng tất

cả nhưng chuyện này cũng có thể chỉ là lời đồn đại, vì chẳng ai từng nghe đến tên một chú Rex nào cả.

Sau lần đó, tính tình tôi ngày càng tệ hại hơn. Đau đớn và tức giận khi gặp phải toàn những mắt mát và bị từ chối, tôi càng trở nên thô bạo, và những cậu bé ở trường bắt đầu tránh tôi vì sợ gặp rắc rối. Tôi đã bị bắt quả tang trốn trong một nhà kho trong vườn nhà một cậu bé, và nó đã bị đánh cho một trận nên thân vì chuyện đó. Một đứa nữa bị phạt vì liên tục về muộn do bận chơi với tôi sau giờ học ở trường.

Càng lúc tôi càng trở nên cô độc. Tôi thường chỉ chơi một mình và chìm đắm với thế giới của riêng tôi. Một, hai lần tôi đã lại bỏ trốn, ngủ dưới những gốc cây và trong những bụi cây. Một đêm mùa đông, tuyết rơi, tôi nằm dưới một bụi cây trong bóng tối, cảm thấy lạnh lẽo hơn bao giờ hết. Rồi đột nhiên trời sáng, ấm áp và nắng ráo, và một người bạn ngồi cạnh tôi ở trường nói chuyện phiếm gì đó với tôi. Tôi cảm thấy ấm áp trở lại và thật vui khi được nói chuyện về những thứ chúng tôi đã làm và những trò chơi chúng tôi đã chơi. Sau đó, lại đột nhiên, cậu ấy biến mất, trời lại tối đen và tôi lại cóng lạnh trở lại.

Lúc đó tôi không biết, nhưng hóa ra tôi đã bị ảo giác và có dấu hiệu của bệnh giảm thể nhiệt. Không chỉ lạnh, tôi còn không ăn uống trong hai ngày, nên tôi vô cùng đói. Khi tôi nằm đó trong bóng tối, tự hỏi nên làm gì bây giờ, tôi chợt nhớ ra có một tiệm bánh mì ở một con đường gần đó. Và một chiếc xe giao hàng mỗi sáng sớm sẽ đều đến đứng trên làn đường phía sau cửa hàng.

Nghĩ đến chiếc bánh mì nóng hổi mà nhỏ nước dãi thèm thuồng, tôi đứng dậy tiến đến cửa hàng. Có thể vì thế nên tôi đã không bị chết cóng đêm hôm ấy. Tôi lần đường đến phía sau cửa hàng và đợi ở một con hẻm gần đó, và không lâu sau thì chiếc xe tải đến.

Người tài xế xuống xe và đi vào cửa sau của cửa hàng, sau đó ông trở ra và mở cánh cửa phía sau thùng xe. Cảnh tượng thật giống như ở thiên đường! Tôi có thể thấy hàng khay hàng khay bánh mì, bánh ngọt và bánh kem. Ông ta kéo ra một khay bánh mì, nhấc nó lên vai và đi vào trong cửa hàng. Tôi bắt đầu đếm xem khoảng bao nhiêu giây thì ông ấy quay lại. Khi tôi đếm đến giây thứ 20 thì cũng là lúc ông ấy trở ra.

Ông ấy lại lấy ra một khay nữa và đi vào trong cửa hàng, và lần này tôi chạy tới chỗ chiếc xe, chộp lấy một cái bánh ngọt lớn bằng cả hai tay, nhưng nó quá nóng nên tôi đã làm rơi!

Tôi lấy một cái nhỏ hơn từ cái khay phía trên, và cảm ơn trời đất nó không quá nóng như cái trước. Tôi nhét nó vào miệng, nhưng nó nóng quá và khiến lưỡi tôi phát bỏng, nên tôi vừa nhai vừa thổi phù phù điên cuồng.

“Ô!” Người lái xe la lên, và tôi bắt đầu chạy, trong lúc đó vẫn cố nuốt miếng bánh trong miệng. Chưa chạy được bao lâu thì người lái xe đã tóm được tôi, nhưng ngay cả khi ông ta đã tóm chặt lấy tôi và gầm lên rằng cuối cùng cũng bắt được tôi, thì tôi vẫn mãi mê ngấu nghiến cái bánh.

Hóa ra xe bánh của ông thường xuyên bị đột kích ăn trộm hai lần một tuần. Những đứa trẻ ở các trường học gần đó đều biết chuyện chiếc xe sẽ đến giao bánh và đã lần lượt lấy trộm bánh mì và bánh ngọt hàng tháng trời. Nhưng ông ta bắt được có mình tôi. Tôi bị tóm chân căng mang lên đầu đường chỗ có một đồn cảnh sát nhỏ nằm ở góc phố.

Tôi bị đưa về lại trại trẻ nhưng lần này, vì tôi đã gần như chết cứng, tôi thoát được một trận đòn và được mang lên giường nằm đó 3 ngày để hồi phục lại. Tôi đã hi vọng mọi chuyện như thế là xong. Nhưng vài tuần sau tôi đã có mặt ở tòa án, nơi có những vị quan tòa. Khi tôi ngồi đó, nhìn những cánh tay khoác áo giáp trên tường, mơ mộng về những hiệp sĩ, thì tòa đã quyết định phải có một chuyên gia tâm lý trẻ em tìm hiểu xem thực sự có chuyện gì xảy ra với tôi. Tôi chỉ biết chuyện đó khi tôi được đưa đến Esplanade kia - ở phía bên kia đường - nơi chúng tôi đã tới đó khám sức khỏe.

Tôi được dẫn vào một căn phòng lớn, ở đó có rất nhiều đồ chơi, và rồi người ta bỏ tôi lại một mình. Có một pháo đài lớn ở một bên và bên kia là một ngôi nhà búp bê - những trò chơi câu đố rải rác trên sàn nhà. Bằng cách nào đó qua một tấm gương trên tường tôi biết người ta đang quan sát tôi. Tôi nghĩ mình sẽ thông minh, nên tôi bỏ qua pháo đài và nhòm vào bên trong nhà búp bê - tôi thấy có một chiếc chăn chắp vá đặt trên chiếc giường bên trong nhà - trong một thoáng nó gợi nhắc tôi về trại trẻ - và rải rác những câu đố trên sàn nhà. Tôi mau chóng thấy chán và chỉ ngồi ở góc phòng nhìn

tám gương lớn, đợi đến khi họ thả tôi ra.

Trong suốt vài tháng sau đó, tuần nào tôi cũng tới ngôi nhà ấy. Buổi học luôn bắt đầu như vậy - tôi được đặt ngồi trên một cái bàn trong một phòng làm việc nhỏ và được đưa cho một bảng câu hỏi dài để trả lời. Tôi không được ra khỏi căn phòng cho đến khi tôi trả lời hết câu hỏi và cái bảng câu hỏi đó thì dài như vô tận. Tôi không còn nhớ bất kỳ câu hỏi nào, tôi chỉ nhớ thời gian tôi đã bị giam giữ ở căn phòng nhỏ đó còn ghê hơn là ở trường học. Tôi tích bừa vào những ô trống mà chẳng thèm đọc câu hỏi, chỉ để tôi có thể làm xong và được ra ngoài.

Sau đó tôi phải gặp một người đàn ông tôi không hề có cảm tình. Ông ta rất đáng sợ, và ông ta hỏi tôi rất nhiều câu hỏi, về những ngôi nhà tôi đã ở, những ngôi trường, về cha và các anh tôi. Thật sự rất chán, và tôi chẳng có nhiều thứ để nói. Tôi không thể hiểu tại sao tôi lại phải ngồi với ông ta. Khi đã gặp ông ta xong, tôi sẽ bị cho trở lại ngồi trong phòng chơi - ở đó tôi sẽ lại ngồi nhìn vào gương và nghĩ "Tôi sẽ không kể cho họ về Irene".

Đến một ngày những cuộc gặp với người đàn ông đó cũng chấm dứt, và một chiếc ô tô màu đen xuất hiện trước cửa nhà Esplanade. Người lái xe bước xuống, và khi ông ta nhìn về phía tôi, tôi biết ông ta đến vì tôi. Ông ta nói chuyện rất lâu với bác Kennedy về nghiên cứu của ông ta, và một lúc sau dì Matron đến chỗ tôi, đưa tôi lên lầu, bắt đầu gói ghém đồ đạc của tôi. Dì ấy nói sẽ không lâu đâu, nhưng tôi phải cố ngoan ngoãn, và đó là cơ hội cuối cùng của tôi để mọi thứ ổn thỏa.

Tôi hoàn toàn không hiểu dì ấy nói thế là ý gì. Khi đã gói xong đồ đạc, chúng tôi xuống nhà và người lái xe dẫn tôi đi, ông ta để tôi ngồi ghế sau cùng với đồ đạc của tôi. Từ trên bậc cửa, dì Matron vẫy chào tạm biệt tôi, và chúng tôi đi đến nơi có trời mới biết.

12 - Irene

Tôi rất nhớ mẹ, dù tôi không còn hình dung được bà trông như thế nào. Có lần, khi tôi mới chỉ bốn hay năm tuổi, dì Jane từng bảo tôi rằng mẹ tôi đã thành một ngôi sao trên bầu trời. Điều đó an ủi tôi, và trong suốt những năm sống trong trại trẻ, bất cứ khi nào thấy buồn hay cô đơn tôi đều ngẩng nhìn lên vì sao sáng nhất trên bầu trời và nói chuyện với mẹ, thầm bảo bà hãy đến đón tôi.

Tôi thường cố gắng hình dung dáng hình của mẹ và tự hỏi mình có giống bà không. Tôi vẫn hay buồn bã nghĩ rằng nếu như bà không chết, hẳn gia đình tôi đã được sống cùng nhau, chia sẻ những cái ôm, những thứ đồ chơi và những khoảng thời gian hạnh phúc. Tôi ao ước được sống cùng các chị tôi, nhất là chị Pat vì chị gần tuổi tôi nhất. Nhưng thay vào đó tôi chỉ có thể ở đây, đợi những chuyến đến thăm được cho phép khi có ai đó trong gia đình có thể đến đón tôi ra ngoài vào thứ Bảy hoặc Chủ nhật. Bác Bob, cha hoặc chị Greta sẽ làm đơn xin phép gửi tới Văn phòng Trại trẻ. Nhưng có thể việc xin phép có thể mất đến vài ngày nên đôi khi họ hứa sẽ cho tôi ra ngoài rồi thì lại quá thời gian cho phép và họ lại phải hủy kế hoạch, đợi đến tuần sau gửi lại đơn.

Mỗi ngày thứ Sáu tôi đều lo lắng trông chờ xem có ai được phép đón tôi ra ngoài chơi cuối tuần đó không. Nếu có tôi luôn rất hồi hộp, nhưng thường thì họ không được phép, và tôi lại ngồi buồn bã trong phòng chơi, trên bậu cửa sổ phía sau bức rèm, ghét Rennie Road vô cùng và chỉ ước sao được ở Whitby cùng với Alan.

Ngay cả khi người ta đã cho phép tôi ra ngoài, chỉ một lỗi nhỏ cũng có thể khiến các dì hủy bỏ việc đó. Những lúc như vậy tôi càng thất vọng kinh khủng. Có một lần các dì đã bảo tôi không thể ra ngoài với bác Bob vì tôi đã không rửa bát sạch sẽ - dì Nan đã phát hiện hai cái đĩa còn bẩn. Một lần khác thì chuyến thăm nhà chị Greta bị cấm vì tôi chưa làm xong bài tập về nhà. Lần nào tôi cũng quỳ xin một cơ hội, tình nguyện xung phong làm thêm việc nhà hoặc

làm thêm bài tập để bù lại, nhưng dì Nan - với gương mặt lạnh lùng - đều từ chối và tôi lại phải gạt đi những dòng nước mắt cay đắng và tức giận.

Tôi thích bác Bob đến nhất. Ở cùng ông rất vui, ông luôn luôn tốt bụng và hài hước. Ở nhiều khía cạnh, bác Bob có vẻ giống như một người cha với tôi hơn cha ruột của tôi. Bác đến thăm tôi thường xuyên, khiến tôi cảm thấy mình là một cô gái đặc biệt. Thông thường hai chúng tôi sẽ lên tàu tới cảng Seaham, chơi cả ngày ở đó cùng chị Pat - tôi luôn trông chờ tới những chuyến đi chơi đó. Trong lúc bác Bob uống trà với bác Jen và bác Charlie, chị Pat và tôi sẽ chơi trong vườn, hoặc trong căn phòng ngủ xinh đẹp của chị. Tôi đã bí mật giả vờ như tôi cũng sống ở đó. Và khi hết thời gian tôi sẽ phải dừng tưởng tượng lại, ước gì bác Jen sẽ đề nghị nuôi tôi để tôi có thể ở lại, không bao giờ phải về Rennie Road nữa.

Trên đoạn đường tàu trở về tôi luôn im lặng và bác Bob sẽ vỗ vỗ tay tôi, bác ấy hiểu trong lòng tôi cảm thấy thế nào.

Còn những lần chị Greta đến, chị ấy sẽ đưa tôi về nhà chị ấy - nơi có chồng chị ấy - anh Ken và đứa trẻ nhỏ của họ - Paul. Họ đã chuyển khỏi nhà mẹ anh Ken và ra ở riêng. Chị Greta luôn lo lắng cho tôi và lúc nào cũng muốn biết tôi thế nào. Chị ấy sẽ đưa tôi và Paul ra công viên địa phương tản bộ, và tôi rất sung sướng khi chị để tôi đẩy xe đẩy của Paul đi lòng vòng. thỉnh thoảng chị ấy đưa chúng tôi lên xe buýt tới công viên South Shields ở dọc bờ biển. Nơi đó có rất nhiều hoa, và chúng tôi cho đám vịt và thiên nga trong hồ ăn. Có lúc chị ấy lại đưa chúng tôi tới Durham và chúng tôi sẽ đi bộ dọc bờ sông, dừng lại uống trà và ăn bánh nướng phết bơ ở một quán café nhỏ. Nó luôn khiến tôi nhớ đến bờ sông nơi gần rừng hoa chuông và nhà thờ nơi tôi và Alan đã từng ghé chơi.

Tôi thích những lần đi chơi này và tha thiết muốn được sống cùng chị Greta, giống như khi tôi đến Seaham và ao ước được sống cùng chị Pat. Nhưng tôi không nói gì với chị ấy. Cũng như chị Joan, Greta sống trong một căn nhà nhỏ và phải chật vật nuôi sống gia đình. Chị ấy không thể nuôi thêm tôi vào đó nữa.

Cha tôi luôn đến vào thứ Bảy. Tôi sẽ mặc bộ quần áo đẹp nhất, đợi ông trong phòng chơi. Trước khi cha đến khoảng một tiếng, tôi sẽ ngồi trên bậu cửa sổ đợi ông. Nhưng dì Doris hoặc dì Nan

thường đuổi ông đi vì ông hay say rượu. Những lần đó tôi sẽ phải về lại trên lầu, cởi bộ quần áo đẹp để ra và mặc lại bộ quần áo thường ngày, rồi quay về làm việc nhà trong sự thất vọng ê chề. Nhưng tệ nhất là những hôm ông không đến, và có rất nhiều ngày như vậy. Những ngày đó tôi ngồi đợi, biết rằng ông đang ở trong một quán rượu nào đó, nhẩn chìm nỗi buồn của mình trong hết cốc bia này đến bia khác.

Khi ông thực sự đến để đưa tôi ra ngoài chơi, chúng tôi đi thẳng tới ga tàu - một tòa nhà cũ kĩ từ thời Victoria với một mái vòm bằng kính khổng lồ. Nhưng không có nhiều ánh sáng có thể xuyên qua lớp mái, vì nó đã bám bụi bẩn suốt nhiều năm, chưa kể đến bị phủ bồ hóng từ những đoàn tàu chạy bằng hơi nước. Ngay bên trong ga là một quán rượu, và đây là nơi cha hay đến. Ông sẽ để tôi ngồi trên một chiếc ghế với khoai tây chiên và nước chanh, trong lúc đó ông sẽ đứng ở quầy bar tán gẫu với nhiều vị khách đi qua, luôn sẵn lòng tặng họ một cốc bia vì một tình bạn mới.

Không khí trong quán rượu luôn ngập ngụa làn khói xanh của thuốc lá. Ánh sáng trong đó rất mờ ảo, vì có quá nhiều nicotine bám vào tất cả các cửa sổ nên không thể nhận ra bên ngoài là ngày hay đêm. Hàng trăm thủy thủ sẽ xuống nhà ga, có những người từ Hải quân Thương gia trở về nhà, những người từ những tàu Hải quân Hoàng gia ghé thăm cảng, hoặc những người xuống từ rất nhiều tàu chở hàng và tàu than neo đậu dọc bờ sông. Nhiều người trong số họ sẽ ghé quán uống một cốc bia trước khi lên tàu, và khi cha nói chuyện với một ai đó trong số họ ông sẽ bảo tôi phải chạm vào cổ áo của người thủy thủ để lấy may. Tôi đã làm như cha bảo, nhưng tôi thường tự hỏi tại sao, vì có vẻ như chuyện đó chưa bao giờ mang lại cho tôi chút may mắn nào. Tôi nghĩ có lẽ điều đó khiến cha cảm thấy may mắn thì đúng hơn.

Quán rượu lúc nào cũng đông nghịt người nên mọi người khi nói gì đều phải hét lên. Tôi ngồi trên ghế, lắng nghe rất nhiều tiếng hét ồn ào, tiếng chạm ly và thường xuyên có những tràng cười lớn. Thỉnh thoảng tôi lên ra bên ngoài nhà ga, đứng đó nhìn mọi người và những đoàn tàu cứ đến rồi lại đi. Luôn luôn có nhiều người vội vã lên xuống tàu, bước lên những bậc thang lên đường - nơi những chiếc xe taxi và xe bus đã đợi sẵn để đưa họ đi. Ất đi tiếng ồn từ đám đông là tiếng ồn từ những chiếc tàu hơi nước chạy tới nhà ga

hoặc từ nhà ga chạy đi, tiếng la ó của những người bảo vệ trên tàu và tiếng còi tuýt lên khi họ vẫy cờ báo hiệu tàu bắt đầu lăn bánh. Ngày đó có cả những người khuôn vác, và họ sẽ đẩy những xe chở hành lý tạo ra âm thanh lách cách khi chúng băng qua sân ga.

Trong lối vào nhà ga có một cái máy bằng gang rất lớn trông giống như một cái máy cân khổng lồ. Nó có một bàn phím gồm những chữ cái đặt trong một vòng tròn bao quanh mặt phím và một cần gạt ở một bên. Nó là máy dán nhãn hành lý. Thả một đồng xu vào khe và quay bàn phím về chữ cái bạn muốn, sau đó gạt cần gạt. Chiếc máy sẽ đóng dấu chữ cái đó lên trên một tấm kim loại nhỏ. Cứ làm như vậy cho đến khi tên hoàn chỉnh được đóng lên tấm thẻ - khi đó cái máy sẽ nhả thẻ ra. Mỗi tấm thẻ đều có lỗ ở một đầu để luồn dây qua, rồi người ta sẽ buộc nó vào hành lý của mình.

Tôi thích cái máy đó. Tôi đứng cạnh nó và xem những nhóm thủy thủ xách những túi hành lý rất nặng của họ tự tập quanh đó để gắn thẻ. Nếu cha cho tôi vài đồng xu, tôi sẽ in tên mình lên một tấm thẻ. Và có lúc tôi in tên Alan lên nữa. Tôi mang tất cả đám thẻ về Rennie Road, và dùng một sợi dây nhỏ luồn qua đầu lỗ, biến nó thành một cái vòng cổ, có cả tên tôi và tên Alan. Tôi giữ bí mật chuyện đó. Sẽ rắc rối lớn nếu các dì tìm ra nó. Tôi chỉ đeo nó khi ra khỏi nhà, hoặc thỉnh thoảng vào ban đêm dưới lớp chăn. Tôi giấu nó bên dưới gối và khi biết sắp đến lúc thay ga tôi sẽ chuyển nó tới một chỗ cất giấu khác. Chiếc vòng cổ đó quá đặc biệt với tôi đến nỗi tôi cảm thấy như thể nó có sức mạnh thần kì. Đó là một trong số rất ít ỏi những tài sản riêng của tôi, và khi đeo nó trên cổ tôi cảm thấy mình được bảo vệ.

Sau khi cha rời khỏi quán rượu trong tình trạng mệt mỏi, ông sẽ dẫn tôi tới khu chợ của Jackie White gần đó và cho tôi một vốc tiền lẻ. Đó, hoặc một món đồ chơi rẻ mạt từ một trong những quầy hàng ở chợ, là thứ thể hiện nhiều nhất tình yêu thương của ông dành cho tôi.

Bất cứ thứ gì cha cho tôi cũng bị lấy lại khi tôi về nhà. Vì thế tôi thích ông cho tôi tiền hơn, tôi có thể dùng tiền mua kẹo và giấu đi những cái tôi chưa kịp ăn. Tất nhiên kẹo cũng phải chia cho mọi người nhưng kẹo thì dễ giấu hơn. Và khi có một viên kẹo cha mua cho cất trong túi, tôi cảm thấy như thể mình cũng có tình yêu

thương của cha ở đó. Tôi sẽ đặt tay lên túi và tưởng tượng ông vẫn ở đây bên cạnh tôi.

Thỉnh thoảng khi cha cho tôi một đồng tiền lẻ, tôi sẽ tranh thủ ghé qua nhà chị Joan trên đường trở về trại trẻ và cất tiền ở đó để đến Chủ nhật sẽ lấy tiền đó mang đến cửa hàng du lịch nằm trên cùng con phố với nhà chị. Đó là một chiếc xe buýt chỉ có một tầng cũ kĩ tràn ngập các giá và một quầy tính tiền. Ở đó bán tất cả những thứ những bà vợ cần, cũng như cả kẹo và đồ ăn. Vào chiều Chủ nhật khi chúng tôi được ra ngoài chơi tôi sẽ trốn tới nhà chị Joan, lấy một ít tiền và mua một ít kẹo, bánh quy hoặc loại khoai tây chiên vị Oxo mà tôi thích.

Mười tuổi tôi bắt đầu có kinh nguyệt. Lần đầu tiên nó đến tôi đã bị sốc, và các dì cũng vậy. Không ai nói gì trước cho tôi, vì thế tôi không hề biết nó có nghĩa là gì. Tôi chỉ nghĩ hẵn có chuyện gì đã xảy ra với mình. Tôi cũng không được ai giải thích cho hiểu. Các dì chỉ đơn giản bảo tôi dùng khăn vệ sinh và phải “tránh xa con trai”, tất cả chỉ có vậy. Còn quá nhỏ nên tôi đã hiểu đúng lời dặn đó theo nghĩa đen và tin rằng tôi không nên chơi bất cứ trò gì với con trai nữa và phải tránh làm bạn với họ. Mãi đến vài năm sau đó tôi mới biết được sự thật từ những cô bạn gái ở trường, và kể cả khi đó những gì họ nói cũng có vẻ là chuyện bịa chứ không phải sự thật. Chúng tôi đều tin rằng mình có thể có thai nếu hôn một chàng trai.

Mỗi tháng tôi đều phải gõ cửa văn phòng để lấy đồ vệ sinh từ các dì trong ca trực hôm đó, chuyện đó khiến tôi rất xấu hổ. Tôi không được giữ chúng trong phòng mình và phải đi tới để hỏi xin những đồ dùng ấy. Giống như tất cả những cô gái khác tôi cực kì nhạy cảm với những chuyện như vậy và tôi rất ghét khi không được có cả quyền riêng tư đơn giản này.

Trong một học kì các dì sẽ lần lượt nghỉ phép. Mỗi người họ sẽ nghỉ ít nhất một tháng và một người dì khác sẽ chuyển tới để làm nhiệm vụ. Những người dì tạm thời này thường trêu mếu hơn dì Doris và dì Nan. Có lẽ bởi vì họ vẫn đang được đào tạo và chưa học được cách thờ ơ với chúng tôi. Điều đó gây nên một sự thay đổi thú vị: thật tốt khi có ai đó âm áp và nhẹ nhàng hơn, và tôi đều nhớ họ khi họ rời đi.

Khi mùa xuân chuyển dần sang hè, và thời tiết ngày càng ấm áp hơn, tinh thần của tôi cũng được vực dậy. Chúng tôi sẽ sớm được trở lại Whitby và tôi sẽ tìm Alan, chắc chắn sẽ như vậy. Học kì ở trường kết thúc và kì nghỉ hè rất dài đã đến và hầu như ngày nào tất cả đám trẻ chúng tôi đều được phép ra ngoài chơi trên đồi Bunny. Tôi đã không đi xuống đồi. Sau khi Alan đi, tôi không bao giờ đến rừng hoa chuông nữa. Nhưng tôi sẽ đi cùng những đứa trẻ khác đến chơi trên đỉnh đồi, và tới hầm trú ẩn. Đôi lúc tôi nhìn những cậu bé nhỏ con lách mình qua khe hẹp để vào trong hang, và khi họ đã ở bên trong rồi tôi có thể nghe thấy tiếng vang từ giọng của họ. Tôi không bao giờ vào trong, tôi sợ vì bên trong đó tối om.

Thỉnh thoảng tôi cũng chơi nhảy dây và chơi bóng với Margy và Silvy, dù nếu các anh của họ đến, những đứa con trai đó sẽ trêu chọc chúng tôi đến mức cuối cùng tôi sẽ tức giận và đánh nhau với bọn họ. May thay chuyện đó chỉ xảy ra khi các dì không nhìn thấy, vì thế tôi không gặp rắc rối gì.

Khi các dì không muốn chúng tôi lên đồi, chúng tôi bị lừa ra sân sau, nơi đó được bao quanh bởi một bức tường gạch cao và được lát đá đỏ. Chúng tôi phơi đồ ở đây, và tôi cùng các cô gái sẽ chơi trò đập bóng lên tường hoặc trồng cây chuối hoặc những trò nhảy dây. Nhưng thường thì tôi không tham gia vào trò chơi của những người khác. Tôi tự lang thang một mình, hoặc tìm một nơi yên tĩnh trên đồi ngồi đó và cảm nhận những cơn gió lùa qua mặt mình, nhớ lại những niềm vui chúng tôi từng có. Và tôi mơ ước được chơi đùa trên những con thuyền, ăn cá và khoai tây chiên và chạy 199 bậc lên tu viện với Alan - như những gì chúng tôi đã làm mùa hè năm trước - khi chúng tôi nghĩ mình có tất cả thời gian trên thế giới này bên nhau.

Tôi mơ ước về những ngày nắng chơi trên bãi cát hoặc trên bãi biển của chúng tôi, lấp đất lên người nhau và nhặt vỏ sò trên bãi. Tôi có quá nhiều câu hỏi muốn hỏi cậu ấy, về gia đình mới của cậu ấy. Tôi biết cậu ấy sẽ hỏi họ liệu tôi có thể sống cùng họ không, và tôi thầm tưởng tượng cả hai chúng tôi được sống trong một gia đình tử tế yêu thương.

Cuối cùng ngày đó cũng đến, chúng tôi sắp xếp đồ đạc của mình và lên xe. Tôi nhìn những con đường, những ngôi nhà, những cánh

đồng trôi qua qua ô cửa sổ và hát bài hát chúng tôi đã hát năm trước, hát bằng cả trái tim mình vì mỗi một dặm trôi qua đều đưa tôi đến gần Alan hơn, điều đó khiến tôi rất vui. Chúng tôi lại ở trong những lều quân đội cũ ở Staithes mà chúng tôi đã ở mùa hè năm trước - con gái trong một lều, con trai ở một lều. Chúng tôi đều phấn khích và chỉ chực chờ đến lúc được ra bãi biển, hoặc tới Whitby.

Với tôi, sự phấn khích còn hơn cả thế. Đã tròn một năm kể từ khi tôi ở đó với Alan, nhưng tôi cảm thấy tôi sắp quay ngược thời gian về bất kì khoảnh khắc nào và tìm cậu ấy ở đó, thấy cậu ấy nở nụ cười thật tươi và đang đợi tôi đến chơi. Bất cứ nơi đâu tôi cũng thấy hình ảnh của hai chúng tôi, ở cạnh bên nhau, khám phá, cười đùa, bước lên những bậc thang, nhặt những vỏ sò. Tôi chắc chắn có thể dễ dàng tìm thấy cậu ấy, vì Whitby không phải một nơi rộng lớn gì, và cậu ấy sẽ đến tìm tôi. Hoặc ai đó ở đó có thể cho tôi biết ai đã nhận nuôi một cậu bé ở trại trẻ.

Tôi bắt đầu hỏi những ngư dân trên bãi biển. Họ vẫn đang vá lưới, như thể họ chưa từng rời khỏi chỗ đó kể từ khi chúng tôi ở đó về năm trước. Tôi miêu tả Alan, miêu tả bộ quần áo cậu ấy mặc khi đó, không hề nghĩ rằng bây giờ cậu ấy có thể đã mặc thứ đồ gì khác. Khi những người ngư dân trả lời rằng họ không biết cậu ấy, tôi lại đi hỏi những người trong thị trấn. Tôi dừng lại ở những cửa hàng, những quầy kem, dừng lại bên cạnh ông lão đang làm những chiếc thuyền cho vào trong chai. Tôi hỏi những người nằm trên ghế xếp, những người bán hàng rong, những người phụ nữ đang đi mua sắm. Nhưng bất cứ chỗ nào tôi đến, mọi người cũng đều lắc đầu. “Không, con yêu ạ, ta rất tiếc,” tất cả bọn họ đều nói như vậy.

Cậu ấy ở đâu? Người tôi không dám hỏi là dì Nan và dì Doris. Chắc hẳn họ biết, nhưng tôi biết mình sẽ gặp rắc rối nếu tôi bảo họ tôi đang tìm Alan.

Một tuần trôi qua tôi càng cảm thấy lo lắng hơn. Tại sao tôi không tìm thấy cậu ấy? Cậu ấy đã ở đâu? Tôi chưa bao giờ nghĩ cậu ấy có thể ở nơi nào khác hay thậm chí gia đình nhận nuôi cậu ấy có thể đã chuyển đi. Dì Doris đã nói cậu ấy ở Whitby, và trong tâm trí tôi cậu ấy đã ở đó suốt một năm qua, ngày nào cũng chơi đùa trên bãi biển.

Vào ngày cuối cùng của kì nghỉ tôi ngồi trên bãi biển, chờ đợi Alan đến trước khi tôi phải trở về. Tôi ngồi lâu thật lâu nhất có thể, cho đến khi Margy la hét bảo tôi về nhanh vì các dì đang tìm tôi. Và ngay cả lúc đó tôi cũng vẫn cố đợi thêm vài phút nữa, Khi đến lúc phải lên xe rồi, tôi bước lên xe trong thất vọng. Trong khi những đứa trẻ khác hát vang trên suốt quãng đường về nhà, tôi chỉ nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ, nghĩ rằng phải hẵn một năm nữa tôi mới có thể lại đi tìm Alan.

Việc không tìm thấy cậu ấy khiến tôi thất vọng kinh khủng. Tôi đã thầm hy vọng mình sẽ không phải quay về Rennie Road, thay vào đó tôi sẽ được đến sống cùng gia đình mới của Alan. Thấy mình phải trở lại trại trẻ, khi không thấy bóng dáng Alan, khiến tôi cảm thấy thật tồi tệ.

Để an ủi bản thân mình tôi kiểm tra xem cái vòng cổ của tôi có còn ở chỗ tôi giấu nó hay không, chính là ở phía sau tủ giày của tôi. Cảm ơn trời nó vẫn ở đó - nó có ý nghĩa rất lớn với tôi. Tôi đặt nó dưới gối và nắm nó thật chặt trong tay mình khi đi ngủ. Dù buồn, tôi vẫn chắc chắn mình và Alan sẽ tìm thấy nhau. Một ngày nào đó.

Vào lần tới thăm nhà chị Joan sau đó tôi quyết định tâm sự với chị ấy về Alan. Tôi cần kể cho ai đó tôi đã muốn tìm cậu ấy biết bao. Chị Joan là người tôi tin tưởng nhất trên đời, vì thế trong khi giúp chị ấy tắm cho cháu bé, tôi kể cho chị ấy nghe tất cả về Alan. Chị Joan đã cười và nói "Chị vẫn biết cậu ấy là một người bạn đặc biệt mà - lúc nào em cũng nhắc đến cậu ấy." Tôi đã bị sốc, tôi không hề biết mình đã kể về cậu ấy.

Tuần sau đó năm học mới bắt đầu. Đó cũng là năm cuối cùng của tôi ở trường tiểu học, trước khi tôi chuyển sang trường cấp hai. Suốt cả một năm, tôi phải chuẩn bị cho kì thi lên trung học - kì thi quyết định tôi sẽ tới trường trung học văn hoá hay trường phổ thông địa phương.

Tôi hoàn toàn chẳng có chút hứng thú với kì thi này và chẳng quan tâm nhiều lắm tới việc mình sẽ vào học trường nào. Chồng của chị Joan - anh Alan hứa sẽ cho tôi 5 bảng nếu tôi đỗ, và tôi bị ấn tượng vì số tiền đó quá lớn. Nhưng quyết tâm của tôi nhanh chóng sụt giảm vì tôi nhận ra rằng số tiền đó sẽ bị các dì giữ lại thôi.

Tôi có một vài người bạn ở trường nhưng không quá thân. Tôi nhớ một trong số họ đã không thể hiểu nổi khi tôi nói với cô ấy tôi sống cùng 12 đứa trẻ khác và chúng tôi không được phép ra ngoài trừ những khoảng thời gian cố định, cũng không được phép đến thăm ai đó hay để ai đó đến chơi nếu họ không phải người trong gia đình. Cô bé nghĩ tôi sống trong nhà tù và hẳn khoản không biết tôi đã phạm tội gì, và tôi nghĩ cô ấy nghĩ cũng không sai.

Ở trường tôi chỉ tập trung ngoan ngoãn vâng lời, tránh gây rắc rối. Với tôi chuyện này quan trọng hơn việc học nhiều, vì tôi cảm thấy mình sẽ mất rất nhiều nếu không ngoan hoặc phạm quy. Trong lớp, tôi là một trong những đứa không được chú ý. Dù sao tôi cũng chẳng có gì nổi bật. Chẳng có ai quan tâm tôi học hành thế nào, miễn là tôi đừng gây rắc rối. Cũng chẳng có ai động viên khuyến khích tôi, giúp đỡ tôi hay thậm chí tin tưởng tôi. Người ta không kì vọng tôi làm gì với đời mình hay đạt được thành tựu gì. Nói tóm lại, tôi là một đứa đến từ trại trẻ. Và điều đó nói lên tất cả.

13 - Alan

Ngồi ở ghế sau của một chiếc xe nữa, tôi tự hỏi cuối cùng mình sẽ bị đưa đến đâu. Một giờ sau chúng tôi đến trước một dãy có vài toà nhà lớn, được bao quanh bởi bức tường cao. Chúng tôi đi qua cổng trước và dừng lại bên ngoài toà nhà cao nhất. Ở đó tôi được dẫn vào một căn phòng chắc là kiểu phòng chờ. Trên tường có những tấm áp phích, trong phòng thì có ghế và một chiếc bàn cà phê trên đó đặt mấy tờ báo.

Sau khi tôi ngồi một mình ở đó một lúc thì cánh cửa bật mở và một quý bà to lớn mặc đồng phục y tá bước vào. Bà đứng trước mặt tôi, hai tay khoanh trước ngực, nhìn khá đáng sợ.

“Ta là quản lý ở đây”, và nói, “và quy định ở đây là cháu sẽ phải luôn im lặng, chỉ được nói khi người khác hỏi. Cháu phải làm những gì được bảo ngay lập tức và không được thắc mắc. Cháu sẽ gọi các nhân viên là Ngài hoặc Cô, ngoại trừ ta; cháu phải gọi ta là Quản lý. Chuyện không nghe lời sẽ không được dung thứ và nếu phạm lỗi sẽ bị trừng phạt ngay và rất nghiêm khắc. Bây giờ hãy đứng dậy đi theo ta.”

Lúc đó, vì sợ hãi và băn khoăn không biết đây là nơi nào, tôi đi theo bà ấy vào một căn phòng đầy những giá chứa đầy chai lọ. Ở đó bà ta bảo tôi cởi đồ ra và cho quần áo của tôi vào một cái túi. Bà ta kiểm tra từ đầu đến chân tôi một lượt, viết gì đó lên giấy và bảo tôi mặc vào một bộ đồng phục gồm áo sơ mi và quần dài màu xám. Đẩy tôi ngồi xuống một chiếc ghế gỗ, bà đeo một đôi găng tay cao su và lấy ra một vốc kem màu trắng từ một cái bình lớn. “Hãy nhớ,” bà ta nói trong lúc thoa kem vào đầu tôi, “im lặng nếu không sẽ bị phạt.”

Chải kem đều lên tóc tôi, bà nói thêm, “Đừng có chạm vào bọt. Phải để trên đầu ít nhất 4 tiếng, hiểu chưa?”

“Vâng, thưa cô.”

“Gọi ta là Quản lý”, bà gắt lên.

“Vâng, thưa Quản lý.”

Sau đó bà ta dẫn tôi tới một căn phòng lớn nơi có khoảng 20 cậu bé khác, tầm chín, mười tuổi - đang ngồi cuối phòng sau một chiếc bàn. Hai cậu bé trước mặt tôi cũng bị bôi bột trắng trên tóc và một đứa đang khóc, trong khi đứa còn lại đang nhăn nhó như thể có gì đó đã làm nó bị đau. Bà ta hét vào mặt đứa bé đang khóc “đừng có làm ồn”. Tôi tự hỏi tại sao nó lại khóc và cái thứ kem này là gì vậy.

Chúng tôi xếp hàng đợi khoảng 10 phút, trong lúc đó tôi cảm thấy da đầu của mình bắt đầu ngứa và bỏng rát. Đến khi chúng tôi được dẫn tới phòng ăn để ăn bữa xế thì đầu tôi đã cảm giác như đang bị thiêu, nhưng tôi quyết tâm sẽ không khiến họ thoải mái khi thấy tôi khóc. Tôi nghĩ loại kem bôi trên đầu đó là một hình phạt vì tôi đã cư xử không tốt. Tôi không hề biết mình đã bị dẫn đến một trại tạm giam cho trẻ con, và thứ kem đáng sợ đó là bắt buộc dùng cho mọi đứa trẻ mới đến đây.

Chúng tôi ăn trong im lặng. Sau đó tôi được dẫn đến phòng ngủ để sắp xếp đồ đạc. Tôi đã phải chịu đựng sự đau đớn trên da đầu mình suốt vài giờ, nên đến khi được đi tắm tôi gần như chạy như bay vào nhà tắm để giữ sạch đồng kem đó ra khỏi đầu. Cậu bé nhỏ vừa khóc lúc trước cũng chạy vào và vò đầu. Tóc cậu bé cũng màu trắng đến nỗi ngay cả khi đã gội đầu xong nhìn cậu ta cũng như thể vẫn còn đầy kem trên đầu. Ngoại trừ chuyện đó thì giờ có thể thấy da đầu cậu đã đỏ ửng và trầy cả da.

Tắm xong chúng tôi được dẫn lên lầu uống trà và ăn bánh quy trước khi lên giường đi ngủ. Tôi không ngủ được nhiều vì đầu vẫn đau nhức, và tôi có thể nghe thấy tiếng khóc của cậu bé tóc màu trắng ở phòng bên, chắc chắn không chỉ vì đau.

Đến hôm sau, sau bữa sáng, chúng tôi được lặng lẽ dẫn vào một phòng học lớn, có những bộ bàn ghế gỗ cổ lỗ. Người ta đưa cho chúng tôi bút chì và sách bài tập, sau đó bảo chúng tôi làm bài tập trong sách. Cửa phòng có một thầy giáo ngồi sau bàn, vừa đọc sách vừa trông chừng chúng tôi. Việc chúng tôi có làm bài tập hay không không quan trọng, miễn là chúng tôi ngồi đó sao cho nhìn có vẻ bận bịu cho đến giờ ăn trưa và rồi lại tiếp tục như thế cả buổi chiều cho đến giờ bữa xế, không được nói gì hết. Khi làm hết sách rồi người ta mới kiểm tra một lượt, và cứ viết đầy đủ những câu trả

lời là ổn. Tôi đã vẽ nguệch ngoạc ra sách của mình, và khi thầy giáo không nhìn tôi lại liếc ra ngoài cửa sổ, mơ mộng về những ngọn đồi, những cánh đồng và những ngày ngập tràn nắng ấm.

Đó là những ngày dài lê thê với những đứa trẻ, và chắc chắn không tránh khỏi sẽ có ai đó bị bắt quả tang đang nhìn ra ngoài cửa sổ, hoặc đang thì thầm hay lên cười thầm. Chỉ cần có ai đó gây ồn - ho hay đánh rơi bút thôi - thầy giáo sẽ la lên “Đứng lên!” và tất cả chúng tôi phải đứng dậy, dời tất cả bàn tới bên kia phòng. Sau đó từng đứa sẽ nâng ghế của mình lên, giơ lên trên đầu, vừa giơ vừa đi hoặc chạy vòng trong quanh phòng. Thầy giáo sẽ đứng đó, như một người dạy sư tử, cầm một cây gậy trong tay và khi có ai đó thăm mọt lỗ hạ thấp ghế xuống, ông ta sẽ chạy đến vụt gậy vào chân hoặc lưng họ. Cứ như vậy cho đến khi cả những đứa to khoẻ cũng không thể giữ ghế trên đầu được nữa, và chúng cũng bị ăn đòn, để tất cả tóm lại đều ăn một hoặc hai cú đánh, hoặc có khi nhiều hơn nếu bạn không tránh xa ông ta. Sau một tháng tôi đã có những vết sọc vàng, xanh và thâm đen trên chân và lưng tôi.

Tôi chẳng bao giờ kết bạn với ai ở đó, và những đứa khác cũng vậy. Chúng tôi biết rất ít về nhau vì phần lớn thời gian chúng tôi bị buộc phải im lặng. Đó là một nơi tồi tệ đáng sợ dạy chúng tôi phải phục tùng.

Đến một ngày khi đang ăn bữa xế, tôi bị gọi ra và được thông báo rằng bác Kennedy ở Esplanade đã chết vì lên cơn đau tim. Dù tôi không mấy thân thiết với ông nhưng tôi vẫn thấy buồn, và còn có chút tội lỗi. Tôi tự nhủ không biết dì Matron sẽ cảm thấy thế nào khi chồng bà đã qua đời. Tôi biết dì ấy sẽ nhớ ông. Tôi tự hỏi không biết liệu giờ đây mọi thứ có tốt hơn không, và tôi bắt đầu mong mỗi được trở về. Nếu không còn bác Kennedy ở đó trừng phạt tôi thì cuộc sống hẳn sẽ rất khác. Dì Matron luôn quan tâm tới chúng tôi và tôi thích bà. Tôi sẽ nỗ lực ngoan ngoãn, tôi quyết tâm như vậy, vì tôi không muốn làm bà buồn.

Khoảng sáu tuần sau đó tôi được đưa đến phòng y tế, ở đó người ta đưa lại cho tôi quần áo cũ của tôi và bảo tôi thay đồ. Một chiếc ô tô tiến đến cổng chính, và người đàn ông đã đưa tôi đến trại giam dẫn tôi ra xe và đưa tôi đi. Thật sự tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi đã thoát khỏi nơi tồi tệ nhất, chẳng đâu kinh khủng như nơi này,

chắc chắn là như vậy.

Trên đường đi tôi lại bị hỏi những câu hỏi thường lệ. “Cháu có biết cháu đang đến đâu không?”

“Nhà Esplanade”, tôi trả lời.

“Không”, người đàn ông nói, đoạn ông ta thông báo rằng tôi đang được đưa đến một trại trẻ khác ở bên kia thị trấn. Tôi rất buồn, tôi đã nghĩ mình sắp trở về với dì Matron, thế mà giờ tôi lại chuẩn bị đối mặt với một trại trẻ khác, một trường học khác, và một đám trẻ khác.

Khi đến nhà mới, ở Grindon, dì và bác ở đó đã đợi để chào đón tôi. Họ có vẻ tốt bụng, và sau khi tôi đã được nếm trải cuộc sống ở trại giam thì nơi đây giống như thiên đường - chúng tôi được cho phép chơi ngoài đường với những đứa trẻ khác. Chỉ có một chuyện. Không lâu sau khi tôi đến, một trong những cậu bé hỏi tôi “Cậu đã bị bác nhìn chưa?”

Tôi không biết ý cậu ta là gì, vì thế cậu ta bảo tôi hãy cảnh giác vì bác thường thích “kiểm tra” những đứa con trai mới đến. Nếu ỏn thì ông sẽ “chọn” người đó. Cậu ta nhắc tôi “cố gắng đừng bao giờ ở một mình với ông ấy”.

Khi đó tôi không biết ý cậu ta là gì, nhưng không lâu sau tôi đã sớm hiểu ra. Ngày hôm sau đó, khi dì không ở nhà, bác đã gọi tôi lên lầu tới phòng ông và nói rằng ông làm việc ở bệnh viện. Điều đó nghĩa là ông cũng gần giống như bác sĩ và người ta thì luôn tin tưởng bác sĩ. Ông ta bảo ông luôn kiểm tra các cậu bé mới đến để đảm bảo họ khỏe mạnh và ông ta bảo tôi cởi quần ra. “Quá trình kiểm tra” của ông ta liên quan đến cơ quan sinh dục của tôi, điều đó khiến tôi rất khó chịu. Sau đó ông ta bảo tôi rằng ông ta có thể giúp nếu ai đó muốn thủ dâm để chắc chắn người đó không thủ dâm quá nhiều. Ông ta bảo tôi khi nào làm thế thì hãy đến nói với ông ấy.

Lúc đó, tôi đã không làm gì cả. Tôi mới chín tuổi và chẳng hiểu những gì ông nói. Nhưng tôi biết mình không thích những gì ông ấy làm, vì thế tôi giăng ra, kéo quần lên và đá vào ống chân ông ta. Ông ta nổi giận và tát dúp vào sau đầu tôi. Nhưng sau đó ông ta không bao giờ gọi tôi đến nữa. Một tuần sau đó tôi mới biết có một vài cậu bé đã ở trong phòng ông ta rất lâu. Đặc biệt có một đứa thỉnh thoảng còn tới phòng ông ta vào buổi tối khi mà các dì đã đi

ngủ, và sau đó rất muộn mới trở về và khóc ròng cho đến lúc thiếp đi. Thịnh thoảng cậu bé đó còn vắng mặt cả hai ngày cuối tuần, và cậu ta không bao giờ kể cho chúng tôi những chuyện đã xảy ra với cậu.

Không ai dám tố giác ông ta. Tôi ước chúng tôi có thể nói ra điều đó biết bao nhiêu, nhưng chúng tôi không có người lớn nào có thể tin tưởng. Chúng tôi chỉ gặp những người cùng làm trong hệ thống những trại trẻ, và chúng tôi biết việc nói ra sẽ chỉ đổ thêm một đồng rắc rối lên đầu mình. Có một số đứa cũng thường về thăm gia đình họ, nhưng chúng cũng không dám kể với gia đình vì kết quả chắc chắn là sẽ bị mất quyền về thăm nhà. Những người quản lý luôn biết cách kiểm soát chúng tôi.

Ban đầu Grindon có vẻ là một nơi thoải mái hơn. Nhưng tôi không thể ở yên ở đó. Tôi biết mình không nên trốn, bởi gì tôi sẽ không tránh khỏi rắc rối. Nhưng cuối cùng sự thôi thúc phải lên đường tìm lại Irene đã trở nên quá mạnh mẽ.

Dì và bác đều đã đang trong kì nghỉ phép và có một người dì mới đến thay họ trông nom chúng tôi. Dì mới rất tốt với chúng tôi, nhưng khi đó tôi đã quyết định sẽ đi, và một buổi sáng tôi đã bước ra khỏi cổng trước khi những người khác thức dậy. Tôi đã lấy một ít đồ ăn trong bếp cho vào cặp sách rồi lên đường.

Cách đó không xa có một bãi đỗ xe, và có một cửa hàng di động thường dừng ở đó. Ngày hôm đó, khi tôi nhìn thấy nó, tôi đã quyết định vào mua một ít kẹo để làm lương thực lấy sức. Cửa hàng vẫn chưa mở cửa vì còn quá sớm, vì thế tôi đi ra phía sau để mở cửa sau của nó ra. Tôi lục lọi ở những giá để kẹo bên trong và nhét đầy kẹo vào cặp sách. Tôi còn lấy một cái bánh khá đẹp và rồi rời đi, băng qua đường, nhét nó vào miệng. Tôi không nghĩ đó là ăn trộm, đó chỉ là cách để tôi tiếp tục cuộc hành trình phía trước.

Tôi đi thẳng băng qua những cánh đồng ngô dẫn về phía cuối dòng sông và rồi đi bộ qua rừng, tận hưởng sự ấm áp của mùa hè. Tôi nhìn những con nhạn biển bay là là trên mặt nước đang gọi nhau, thỉnh thoảng cánh của chúng khẽ chạm vào mặt nước làm gợn lên những đợt sóng lăn tăn. Đôi khi một con cá hồi sẽ nhảy lên trên mặt nước. Tôi đã nghĩ nó thật hạnh phúc vì không phải kiềm chế bản thân khi muốn nhảy. Và lúc đó tôi cũng cảm thấy như vậy

khi chạy qua những cánh đồng, tôi cũng được tự do như loài chim, loài cá.

Tôi ngồi bên bờ sông và nghĩ đến Irene, tự hỏi không biết bây giờ cô ấy đang ở đâu. Đã gần hai năm kể từ lần cuối chúng tôi nhìn thấy nhau, nên tôi chắc chắn họ có thể đã chuyển cô ấy tới một nơi nào khác. Nhưng tôi biết rằng, dù ở đâu, cô ấy cũng sẽ ngẩng nhìn lên cùng một bầu trời xanh với tôi.

Tôi lang thang qua những khu rừng, những cánh đồng, ngủ trong những ruộng ngô ẩm áp. Tôi tự hỏi những con bướm đến từ đâu và sao chúng có thể sống được những khi có gió to. Tôi nhìn ánh mặt trời soi xuống làn nước lấp lánh, khiến tôi chói mắt, nên khi nhìn vào đó tôi sẽ bị mất thị lực rất lâu mới nhìn rõ lại được. Ngập tràn quanh tôi là những mùi hương và những âm thanh của mùa hè, và tôi nuốt trọn chúng.

Được bốn ngày thì hai cảnh sát bắt được tôi khi tôi đang đi bộ dọc một ngôi làng nằm bên một con sông nhỏ của Coxgreen – nơi có kí ức ám ảnh tôi. Tôi bị đưa tới đồn cảnh sát, ở đó họ tìm thấy đám kẹo bị mất trộm trong cặp tôi. Người chủ cửa hàng đã trình báo việc có người đột nhập, và tôi bị kết tội trước khi họ đưa tôi về Grindon.

Người dì mới đang đợi ở cửa và khi tôi bước lên bậc thềm bà giao tay ra. Tôi nhắm lại, đợi bị tát. Khi bà nắm lấy người tôi và dành cho tôi một cái ôm thật chặt, tôi đã chết lặng. Lần đầu tiên kể từ khi bị đưa vào trại trẻ tôi mới được ai đó ôm. Tôi há hốc miệng vì ngạc nhiên. Khi buông tôi ra, bà ấy nói, “Đừng tỏ vẻ bất ngờ thế chứ, cháu chưa từng được ôm à!”

“Lạy Chúa cháu không sao”, bà nói thêm. “ta đã rất lo cho cháu”. Tôi lại ngạc nhiên thêm lần nữa, cũng chưa ai từng thể hiện bất kì sự lo lắng nào dành cho tôi. Tôi đang được yêu thương!

Một trong những người cảnh sát đưa tôi về nói, “Sao cháu lại bỏ trốn khi ở đây có người yêu thương cháu chăm lo cho cháu như vậy?” Tôi hoàn toàn đồng ý.

Có vẻ như từ khi phát hiện tôi biến mất dì ấy chưa từng chợp mắt. Lúc đó tôi đã thề với bản thân mình sẽ không bao giờ bỏ trốn nữa. Tôi muốn ở đây với dì ấy và ngoan ngoãn. Dì không hề phạt tôi. Dì ấy không cần làm thế, vì nhìn thấy dì ấy bị tổn thương đã đủ

với tôi rồi. Tôi bắt đầu nghĩ cách làm dì ấy vui và cải thiện tính cách của mình.

Ngày hôm sau mọi thứ trở về quy trình như ngày thường, nhưng đã có sự thay đổi: Tôi cảm thấy hạnh phúc. Tôi thoải mái làm việc nhà và quyết tâm thứ hai tới khi đi học tôi sẽ bảo cô giáo giúp tôi học đọc và viết. Đó là một chuyện rất lớn với tôi, vì tôi chưa từng nhờ cô giúp. Nhưng trước ngày tôi đi học trở lại một chiếc xe màu đen tiến đến và một người đàn ông rất cao bước xuống. Dì khóc và tôi nhận ra chuyện gì đang xảy ra. Dì lại đến chỗ tôi, trao cho tôi một cái ôm nồng nhiệt nữa. “Dì xin lỗi”, đó là tất cả những gì dì ấy có thể nói.

Tôi nhanh chóng bị đưa lên xe đi. Sau đó lại là câu hỏi “Cháu có biết cháu đang đi đâu không?”

“Không,” tôi nói.

“Cháu chuẩn bị đến nơi mà cháu sẽ không thể gây rắc rối cho bất kì ai được nữa,” ông ta nói, và ông ta dựa người vào lưng ghế, cố gắng tát tôi bằng một tay trong khi tay kia vẫn điều khiển vô lăng.

Tôi thực sự sợ hãi. Ý ông ta là sao? Có phải tôi sắp vào tù không?

Không lâu sau, chúng tôi lại dừng lại ở trại giam. Trái tim tôi chùng xuống. Chẳng có nơi đâu tệ như nhà giam. Tôi tự nhủ phải mạnh mẽ kiên cường trước những chuỗi ngày khó khăn sắp tới, bắt đầu sẽ là kem của bà Quản lý.

Cậu bé có mái tóc màu trắng vẫn ở đó. Và tôi tự đặt nickname cho cậu ta là Đầu trắng. Cậu ta không còn khóc nữa. Cậu ta đã thay đổi, gương mặt đanh lại và trở nên cáu bẳn giận dữ hơn. Ngày hôm đó chúng tôi đã có những cuộc ẩu đả đầu tiên. Chẳng có lý do gì thực sự, đơn giản vì hầu hết chúng tôi thấy đánh nhau là một cách tốt để giải tỏa cảm xúc.

Nhiều tuần trôi qua, và sau khi rời phòng học tôi gần như chẳng bận tâm đến những trận đòn nữa. Sau đó một hôm người ta mang đến một chiếc ti vi và họ bảo rằng chúng tôi được phép xem ti vi một tiếng đồng hồ mỗi tối. Tuyệt vời! Chúng tôi được dẫn vào một căn phòng tối nhỏ có ghế đặt thành hình cung quanh một cái ti vi màu nâu có một cái màn hình rất nhỏ. Chúng tôi vẫn phải tuân theo những quy tắc im lặng như thường. Chúng tôi chỉ được xem hai

chương trình: tin tức và một show truyền hình mới tên là Coronation Street. Chúng tôi phải ngồi và xem Ena Sharples quần mớ lưới bao tóc của cô ấy, mặc đồ trắng đen lộng lẫy. Thật quá khó với trí tưởng tượng của những cậu bé chúng tôi. Ít nhất ở Esplanade và Grindon chúng tôi còn được xem The Lone Ranger hoặc Robin Hood. Nhưng ở đây chúng tôi buộc phải im lặng ngồi đó và xem Ena cho đến khi tới giờ uống cacao và đi ngủ.

Có những ngày chúng tôi được đưa ra ngoài chơi bóng đá. Sau nhiều giờ đồng hồ im lặng nghiêm ngặt thì thật sung sướng khi được ra ngoài. Chúng tôi thường chơi với một casey - một quả bóng làm bằng da, và khi trời mưa nó sẽ ngấm nước nên càng nặng thêm. Lần đầu tiên tôi làm một cú đội đầu, quả bóng ướt sũng nước và nó suýt chút nữa khiến tôi bổ ngửa ra sau. Lúc đá cũng suýt ngã như vậy nên cuối cùng tôi đã phải đi khắp khiêng. Sau lần đó chiến lược của tôi là vừa chạy quanh vừa hô to “ở đây, ở đây”, sau đó tránh quả bóng khi nó được đá đến chân mình, để tôi không phải đá nó.

Thường cứ vài tuần lại có người mới đến, tóc họ lại bị ngâm trong bột kem, nước mắt lại chảy dài trên má họ. Có hai kiểu con trai. Một loại không thực sự thuộc về nơi này, họ gặp rắc rối nhưng sẽ sớm được về nhà và sẽ không trở lại. Còn một loại sống trong hệ thống các trại trẻ và thường là những đứa cứng đầu hay phạm những tội lặt vặt như một cách sống.

Hầu hết những đứa trẻ sống trong các trại trẻ đều vô hại và chúng chỉ hành động thô bạo để bảo vệ chính mình. Nhưng có một số đứa mà bên trong chúng ẩn chứa sẵn những thứ đen tối. Những đứa này sẽ đánh người khác chẳng cần lý do và có vẻ điều đó làm chúng vui thích. Đầu Trắng là một trong số đó. Dù nó mới chỉ chín tuổi nhưng chúng tôi đều nhìn thấy sự tức giận phùng phùng ở nó và tránh nó bất cứ khi nào chúng tôi có thể.

Chẳng có ai trong số chúng tôi biết mình sẽ ở đó bao lâu, hay chúng tôi sau đây rồi sẽ đi về đâu. Nhưng sáu tuần sau đó tôi bị đưa đi. Sáng hôm đó người ta đưa tôi tới phòng y tế, lại bảo tôi thay quần áo, sau đó không được nói lời tạm biệt với ai, tôi phải lên một chiếc xe đợi sẵn bên ngoài và thế là đi.

Tài xế là một người đàn ông trung tuổi mở cửa kính xe và hút thuốc suốt dọc đường. Ông ta không nói gì với tôi, vì thế tôi chỉ ngồi nhìn những cánh đồng lướt qua bên ngoài cửa sổ và tự hỏi không biết chuyện gì sắp đến.

Cuối cùng chúng tôi cũng đến nơi. Nơi tôi đến trông có vẻ giống như một bệnh viện. Nó có một hành lang dài với một mặt sàn bóng loáng chạy khắp toà nhà, một bên hành lang có rất nhiều cánh cửa. Tôi được dẫn tới phòng Hiệu trưởng, ở đó người ta bảo tôi đây là Trung tâm đánh giá Aycliff và nơi tôi được đưa đến tiếp theo sau đây sẽ tùy thuộc vào hành xử của tôi. Tôi ngạc nhiên khi thấy có người giải thích cho tôi rằng tôi đang ở đâu và chuyện gì sẽ xảy đến tiếp theo. Chuyện này chưa từng xảy ra trước đó.

Toàn bộ nơi này nhìn còn rất mới. Tôi sớm được biết một bên là Trung tâm an toàn dành cho những đứa trẻ nhỏ phạm phải những tội nguy hiểm như giết người. Đầu bên kia là rất nhiều những ngôi nhà lớn nối với nhau bằng những con đường bê tông. Ở giữa là các phòng học và một sân bóng.

Một thầy giáo dẫn tôi tới nhà của tôi. Ông hỏi tôi về chuyến đi của tôi tới đây, và tôi vốn không quen với việc được hỏi chuyện một cách thoải mái dễ chịu như thế nên tôi gần như không biết nói chuyện nói thế nào.

Có khoảng 10 cậu bé sống cùng nhà với tôi, tất cả đều sên sên tuổi nhau. Mỗi đứa chúng tôi có một phòng ngủ nhỏ và hàng đêm người ta sẽ khoá cửa phòng ngủ từng đứa. Mỗi một thầy giáo đều có một xâu chìa khoá giắt ở thắt lưng và mỗi đêm sẽ có một thầy trực ở dưới lầu. Nếu ai đó muốn đi vệ sinh thì ấn nút trong phòng. Ở đầu bên kia của ngôi nhà có một phòng giam có cửa thép và một cửa sổ kính hẹp. Bên trong phòng có một cái chăn và một tấm đệm trần. Thỉnh thoảng khi có đứa nào nổi khùng hoặc đánh nhau, nó sẽ bị lột hết quần áo tống vào đó vài tiếng đồng hồ, hoặc có những trường hợp là ở trong đó cả ngày.

Tôi cố gắng tránh không phải vào trong phòng giam đó. Nếu được tôi không muốn phải quay lại trại giam hay bất cứ nơi nào tệ hơn nữa. Tôi muốn được đến nơi nào đó tử tế, vì thế tôi quyết tâm phải tránh xa mọi rắc rối và thật ngoan ngoãn.

14 - Irene

Đi học xong lớp năm, trượt kì thi lên trung học, nghĩa là tôi sẽ phải vào trường phổ thông. Nhưng trước khi vào năm học mới lại là chuỗi ngày nghỉ hè trải dài trước mắt, và hơn tất cả là lại một chuyến đi nữa tới Whitby.

Một lần nữa tôi lại ngồi đếm ngày. Đã hai năm tôi ao ước được gặp lại Alan. Lần này tôi tự hứa với bản thân mình sẽ phải tìm thấy cậu ấy. Nếu cần tôi sẽ hỏi từng người ở Whitby.

Tôi dành tất cả thời gian trong tuần đó để tìm kiếm. Bất cứ khi nào có thể tách ra khỏi đám trẻ và các dì, tôi đều đi dọc những con đường rải sỏi và những bãi biển, nhìn vào các cửa hàng, nói chuyện với những người đánh cá và đuổi theo bất cứ cậu bé nào tầm cỡ mười tuổi - chỉ để nhận lại một núi thất vọng khi họ quay mặt lại. Đến cuối tuần đó, tôi chỉ còn lại một trái tim đau khổ, biết rằng lại mất một năm nữa tôi mới có thể lại đi tìm Alan. Và chẳng có ai giúp tôi hết.

Vậy nên, tôi lại trở lại Rennie Road, về với những ngày ngu ngốc kéo dài vô tận, những việc nhà giống hệt nhau ngày này qua ngày khác, và lại đến trường.

Trước khi vào trường mới, dì Doris dẫn tôi tới cửa hàng bán đồng phục trường học ở trung tâm thành phố để chuẩn bị đồng phục: áo cộc tay màu xanh nước biển có gắn phù hiệu tên trường trên túi ngực và một chiếc váy xếp li cùng màu dài qua đầu gối một chút. Trên phù hiệu có hình một lâu đài, có thể nó dựa trên hình ảnh lâu đài Hylton ở chân đồi Bunny. Tôi còn có một chiếc áo sơ mi màu xanh nhạt và một chiếc cà vạt màu xanh biển với những sọc kẻ màu xanh lá, vàng, đỏ, và xanh biển nhạt. Mỗi sọc tượng trưng cho một trong số bốn ngôi nhà trong trường; người ta bảo của tôi là nhà Bắc và biểu tượng bằng màu xanh biển nhạt. Cuối cùng để tươi tắn tôi còn có thêm một đôi giày da màu đen rất cứng - thứ tôi đặc biệt ghét.

Margy cũng vào trường phổ thông cùng tôi nên buổi sáng đầu tiên đi học tôi đi cùng cô ấy. Trường cách đó khoảng hai dặm nhưng chúng tôi không được đi xe buýt trừ khi trời mưa. Quãng đường đi bộ phải mất đến một giờ đồng hồ, và tôi sung sướng khi Margy chỉ tôi một con đường tắt có thể tiết kiệm được ít nhất 15 phút. Vấn đề duy nhất là chúng tôi phải đi qua những cánh đồng nên tôi phải cẩn thận để không khiến đôi giày kinh khủng của tôi nhìn quá bẩn, không thì tôi sẽ gặp rắc rối với các dì.

Tôi đến ngôi trường Redhouse của mình vào tháng Chín năm 1962, trong bộ đồng phục mới, hi vọng rằng mình có thể có cơ hội kết bạn với những người bạn mới. Trường học rất rộng đến nỗi mất vài ngày tôi mới biết hết các lối đi. Tôi chưa bao giờ thấy các môn học ở trường dễ dàng gì, nên tôi luôn thuộc tốp đứng cuối ở hầu hết các môn học, thêm vào đó cũng nằm trong nhóm học sinh luôn gặp khó khăn và gây rắc rối.

Tôi ao ước được là một người hòa vào trong đám đông. Những cô gái lớn tuổi hơn tôi thường mặc đồng phục rách rưới mà họ tự chỉnh sửa bằng cách cắt ngắn váy lên hoặc may phù hiệu lên áo khoác. Họ thường thả tóc và đeo những chiếc cặp màu sắc sặc sỡ chéo qua vai. Tôi sẽ tình nguyện đánh đổi bất cứ thứ gì để được tham gia vào nhóm đó và có thể làm cho đồng phục của mình nhìn có vẻ “rách rưới” để trông thật ngẫu và có chút nổi loạn. Nhưng các dì luôn muốn tôi ngày nào nhìn cũng phải sạch sẽ không tì vết, quần áo không có cả một nếp nhàu, giày phải sáng bóng và tóc vẫn phải cắt theo quy định, kiểu tóc như cái mũ nồi chụp lên. Trong khi những người khác được mặc những bộ đồng phục được để lại từ người này cho người khác hàng năm trời, thì chính quyền địa phương, tôi đến chán ghét khi họ cứ bỏ tiền để năm nào tôi cũng có một bộ đồng phục mới hoàn toàn.

Với vẻ ngoài chẳng có gì là ngẫu của mình thì cách duy nhất tôi có thể kết bạn với những người khác là phải chứng minh rằng tôi dữ dằn hơn vẻ bề ngoài. Tôi bị thu hút bởi sự ngang bướng của các cô gái, bị cuốn hút bởi cá tính nổi loạn của họ, và tôi thuyết phục họ để tôi nhập hội với họ bằng cách đứng cạnh giúp họ khi họ hút thuốc đằng sau bức tường bê boi. Tôi vẫn còn quá đạo đức nên không thực sự dám làm điều gì đó chứng tỏ bản thân mình thật

ngịch ngợm - chắc chắn tôi không dám hút thuốc - nhưng tôi tha thiết mong mỗi được chấp nhận tham gia vào hội đến nỗi tôi vờ như mình chẳng quan tâm đến chuyện có thể gặp rắc rối.

Sau giờ học các cô gái đó sẽ gặp nhau ở cửa hàng bánh ngọt gần trường và nói chuyện về âm nhạc và thời trang trong khi mắt vẫn để ý tới các chàng trai đi ngang qua. Tôi cố gắng tham gia, đi cùng họ tới cửa hàng bánh. Nhưng tôi chỉ có thể ở lại vài phút vì tôi phải về Rennie Road đúng giờ, không thì sẽ bị phạt.

Phù hiệu mới là cái khó nhất. Cái phổ biến nhất là “Ban the Bomb” (Cấm ném bom) viết theo hình chữ Y. Tất cả các Hippie đều sử dụng biểu tượng đó vì hoà bình. Sao tôi có thể mong thêm một cái lên đồng phục của tôi mà không để các dì biết được cơ chứ?

Cuối cùng, tôi đã tìm ra cách. Tôi tự làm cho mình một phù hiệu kim loại, in biểu tượng “Ban the Bomb” lên trên và gắn mắc cài phía sau. Tôi gắn nó bên dưới cổ áo ngắn tay của mình, để khi tôi lật cổ áo lên người ta sẽ thấy nó, và thế là đủ. Những cô gái khác sẽ bị bắt quả tang khi đeo phù hiệu của họ và gặp rắc rối, nhưng tôi thì không!

Tôi không được phép cho bạn đến nhà hay ở lại nhà các bạn, và tôi thấy chuyện này thật khó khăn. Sao tôi có thể hoà nhập với hội nhóm nếu tôi không thể đến nhà một cô bạn gái, dù chỉ một hoặc hai giờ đồng hồ? Các cô bạn khác sẽ hẹn hò nhau mỗi ngày sau giờ học, trong khi tôi phải đi về với những công việc thường nhật thì thăm kéo dài bất tận. Chuyện đó khiến tôi buồn, tức giận và đôi khi còn cảm thấy cô đơn.

Margy cũng thế. Cô ấy lớn hơn tôi một tuổi, nhưng vẫn phải tuân theo những quy tắc đó và không bao giờ được phép đến chơi với một bạn khác hay tự chỉnh sửa đồng phục của mình. Tôi biết cô ấy cũng tức giận khi phải đứng bên ngoài thế giới đổi thay đầy thú vị đó. Nhưng, có lẽ cũng thật kì lạ, chúng tôi không bao giờ tâm sự chia sẻ với nhau về chuyện đó. Mỗi người trong chúng tôi tự gặm nhấm nỗi cô đơn thống khổ của mình trong im lặng.

Giáng sinh năm đó, sau khi tôi bước sang tuổi 12, tôi được tặng một lọ nước hoa rẻ tiền nhỏ từ chương trình Giáng sinh của một trong những tổ chức xã hội của tầng lớp lao động. Tôi sung sướng tột độ; được sở hữu nó khiến tôi cảm thấy mình đã trưởng thành và

có rất nhiều cảm xúc phức tạp. Rất không muốn phải chia sẻ món quà của mình, tôi đã giấu nó dưới gối. Tôi biết chắc chắn các dì sẽ tịch thu nếu tôi xit nó, vì thế tôi chỉ mở nó vào ban đêm và ngửi mùi hương của nó. Nó khiến tôi nhớ đến những người phụ nữ quyến rũ vẫn đi quanh thị trấn trên những đôi giày cao gót, tay mang một chiếc túi mua từ những cửa hàng sành điệu nhất ở Sunderland.

Tôi giữ lọ nước hoa đó suốt nhiều năm, giấu nó cùng với cái vòng cổ thẻ tên quý giá của tôi. Chỉ có hai thứ quý giá đó là thực sự của riêng mình tôi, và tôi lo lắng bảo vệ chúng. Mỗi ngày giặt đồ cuối tuần tôi lại chuyển chúng vào một trong những chiếc dép đi trong nhà của tôi, rồi sau đó khi đồ đạc ga gối được giặt xong, tôi lại giấu chúng xuống bên dưới gối.

Khi chúng tôi đến tuổi thiếu niên, những cô gái ở trường bắt đầu rủ nhau đi chơi tối ở những trung tâm cộng đồng, hoặc tới những bữa tiệc, những màn nhảy hoặc các vũ trường. Lúc nào họ cũng kể về chuyện đó - họ mặc gì, họ nhảy với ai và những thứ khác nữa. Tôi ghen tị với họ khi nghe họ kể về những khoảng thời gian vui vẻ mà họ có và cố gắng hình dung ra mọi thứ qua lời kể của họ. Họ biết tôi đến từ "trại trẻ" nên họ không bao giờ rủ tôi đi cùng: họ biết câu trả lời sẽ là không. Vì thế tôi thu mình lại, buồn bã vì sự xuất hiện của tôi chẳng khác gì một kẻ ngoài cuộc, như thể cả thế giới này đều đi ăn tiệc, nhảy nhót và vui vẻ vậy.

Xu hướng âm nhạc mới xuất hiện để phục vụ cho một nhóm người mới nổi lên trong xã hội - đám thanh thiếu niên! Những nhóm nhạc lớn thịnh hành vào thập kỷ năm mươi giờ nhường chỗ cho những ban nhạc nhỏ như "Freddy and the Dreamers". Trong khi Elvis nổi lên ở Mỹ, những ca sĩ đầy gợi tình như Billy Fury và Adam Faith dần thay thế các ca sĩ nhạc sến xưa kia.

Cho tới cuối những năm 50 mới chỉ có một kênh truyền hình duy nhất, nhưng sau đó xuất hiện thêm một kênh thứ hai, gọi là iTV, chuyên phát những chương trình âm nhạc như là Ready Steady GO! và Thanh Your Lucky Stars. Đây là một sự phát triển mới hay ho, vì nó khiến các ngôi sao nhạc nhẹ có mặt trong phòng khách của mỗi nhà.

Hầu như chúng tôi đều không được phép xem những chương trình này ở Rennie Road, nhưng tôi đã tìm cách để được phép tới

nhà chị Joan vào những tối thứ Sáu. Chúng tôi sẽ xem Ready Steady Go! cùng nhau, nhảy nhót trên sàn nhà và lắng nghe nhạc. Khi tôi đến nhà chị ấy vào những ngày khác, chị Joan lúc nào cũng mở radio và chúng tôi nghe những bản nhạc được phát trên đó. Có vài cô gái sống ở các ngôi nhà gần đó đã sở hữu một chiếc đài bán dẫn xách tay: lần đầu tiên có những chiếc đài chạy bằng pin và có thể sạc, người ta có thể mang chúng ra ngoài. Họ sẽ ngồi trên đồi Bunny, nghe đài Luxembourg và sau đó là kênh Caroline - một trong những sóng phát thanh hải tặc được phát sóng từ những con tàu đang chu du trên biển.

Vào năm mới 1964, không chịu thua kém, BBC cũng tung ra bảng xếp hạng các bài hát được yêu thích. Đó ngay lập tức là một cú hit đình đám, và có tất cả các ban nhạc nổi tiếng nhất nằm trong danh sách, trong đó có hai nhóm thực sự tôi rất thích - Rolling Stones và Animals. Với ngoại hình phong trần và giọng hát đầy gai góc, họ là hai nhóm thu hút phần muốn nổi loạn trong tôi.

Và sau đó là Beatles, nhóm nhạc nổi lên thứ hạng số 1 vào năm 1963 và giữ vững ngôi vị suốt nhiều năm sau đó. Họ không phải kiểu tôi thích, nhưng không ai có thể bỏ qua Fab Four và tất cả mọi người đều yêu mến Paul, John, Ringo hoặc George.

Không giống như tất cả các cô gái chúng tôi biết, ở Rennie Road chúng tôi không được phép dán bất cứ cái gì lên tường phòng ngủ, vì thế chuyện mang poster thần tượng về không cần hỏi cũng biết không được phép. Cả trang điểm hay váy ngắn cũng vậy. Trong khi các mép váy ngày càng ngắn lên vùn vụt xung quanh chúng tôi, ngay cả chuyện nói chuyện về chuyện mặc váy siêu ngắn cũng khiến các dì nổi cơn giận dữ điên cuồng chỉ trích đạo đức về “loại con gái đó”. Điều tốt nhất tôi có thể làm là mỗi buổi sáng khi ra khỏi tầm mắt các dì tôi sẽ gấp thêm nếp gấp váy đồng phục để nó có thể cao qua đầu gối. Nhưng chỉ được một lúc rồi nó lại tự tuột ra trở về độ dài bình thường. Khi váy ngắn hơn một chút tôi cảm thấy mình cũng có chút giống các cô gái khác, nhưng chuyện đó khá mạo hiểm với tôi. Khi các cô gái ở trường ăn tiệc, mặc váy siêu ngắn và kẻ mắt đen như Dusty Springfield, thì thế giới của tôi hầu như cũng chẳng thay đổi gì.

Quyền lợi duy nhất tôi có được khi lớn thêm một chút nữa là các dì cho tôi xem tivi khi có các chương trình ca nhạc. Bù lại tôi bị giao thêm nhiều việc nhà hơn, phải giúp các dì chăm sóc những đứa trẻ nhỏ hơn. Tôi không ngại chuyện đó, tôi thích tắm cho những em bé gái và đưa chúng lên giường đi ngủ. Biết rằng mình sẽ không được quá thân thiết với chúng hay thể hiện tình tình cảm với chúng, tôi thường cố gắng kìm nén cảm xúc. Nhưng chúng còn quá nhỏ và tôi rất buồn khi thấy chúng đã mất mẹ, nên đôi khi khi chúng đã ngủ, tôi lại dành cho chúng những cái ôm và bảo chúng phải giữ bí mật đừng nói với ai.

Khoảng thời gian này tôi đã gặp một chuyện rất buồn. Một buổi chiều tôi ở trong phòng chơi nhìn ra cửa sổ thì thấy cha và bác Bob đang đi rất chậm ở bên kia đường. Thông thường nếu họ đi ngang qua, trên đường tới nhà chị Joan hoặc ở đó về, họ sẽ nhìn lên và vẫy tay với tôi, nhưng lần này họ không làm thế. Tôi rất bối rối và lo lắng? Tại sao họ lại đi chậm như vậy? Và tại sao họ không ngẩng nhìn lên để xem có thấy tôi đang nhìn họ hay không?

Vài ngày sau khi tôi đang nhìn qua cửa sổ thì lại thấy chị Greta xuất hiện trên đường. Tôi chạy tới chỗ dì Doris, xin phép ra ngoài gặp chị. Và khi dì ấy đồng ý tôi chạy ra chỗ chị Greta.

Chị quàng tay qua vai tôi, và tôi cảm giác có chuyện gì đó đã xảy ra. Sau đó chị nói với tôi rằng bác Bob đã mất. Tôi đau điếng. Tôi yêu mến bác ấy rất rất nhiều. Tôi không thể quen với ý nghĩ rằng bác ấy không còn sống trên đời nữa. Tôi quay về nức nở và ngồi một mình trong phòng ngủ cho đến khi nước mắt ngừng rơi. Không ai nói với tôi tại sao bác Bob mất và tôi không được tới dự đám tang bác ấy. Và thời đó khi có ai chết, người ta sẽ không nhắc đến người đã mất nữa. Nhưng ngày nào tôi cũng nghĩ đến bác và thường cầu mong mình có thể lại thấy bác bước đi trên đường, đến đón tôi ra ngoài chơi với chiếc mũ đội trên đầu và một nụ cười rộng mở trên khuôn mặt hiền lành.

15 - Alan

Sau nỗi kinh hoàng với trại tạm giam, Acliff có thể nói là nơi nhân đạo hơn. Và quyết tâm ngoan ngoãn của tôi cũng đã được đền đáp xứng đáng, vì những tháng sau đó cuộc sống của tôi có vẻ tốt hơn.

Chúng tôi tới những phòng học trong khu nhà dạy học và được giảng dạy một cách đúng nghĩa. Chúng tôi chơi trên sân bóng, ở đó có đèn nên ngay cả trời tối chúng tôi cũng vẫn chơi được. Và một nhóm chúng tôi đến nhà một trong những thầy giáo và vợ thầy nướng bánh cho chúng tôi và chơi nhạc jazz. Có một cậu bé biết tất cả các bài mọi người nói tên. Tôi thì bị ngợp bởi những âm thanh điên rồ này và chẳng sao giờ thích chúng. Nhưng ngồi trong nhà thầy, được ăn bánh vợ thầy nướng, tôi cũng sẵn lòng nghe nhạc.

Có một ngày tôi được gọi lên phòng Hiệu trưởng và ông ấy nói với tôi về ngôi trường mới sắp tới tôi sẽ theo học. Nghe thật tuyệt! Nó ở đâu đó ở Wales và mọi thứ về nó nghe đều tốt đẹp, nhưng tôi thích nhất là nó có hệ thống đường sắt nhỏ riêng. Tôi đã ngoan ngoãn, Hiệu trưởng nói thế, và nếu tôi cứ tiếp tục như vậy thì chắc chắn tôi sẽ được đến đó.

Hình dung ra hệ thống đường sắt nhỏ đó, tôi quay trở lại phòng học với một nụ cười toe toét. Tất nhiên tôi sẽ tiếp tục ngoan ngoãn, nếu như đó là nơi tôi sẽ được đến.

Lần đầu tiên được giới thiệu về môn bóng bầu dục tôi đã thích nó. Tôi nghĩ nó có chút giống như British Bulldog, nhưng còn hay hơn. Chúng tôi chơi trên sân vận động sáng đèn vào buổi tối đêm Halloween, và trước sự ngạc nhiên của tôi, một trong những thành viên mới của đội bên kia chính là Đầu trắng. Chúng tôi đụng độ khi tôi ôm quật cậu ta để truy cản vì cậu ta đã tiến tới vạch - và Chúa ơi, cậu ta bùng bùng nổi điên! Cậu ta không thích bị đụng chạm đến, dù đó chỉ là một trò chơi.

Ngày hôm sau, có khoảng năm người chúng tôi đang đứng chờ thầy trước toà nhà chính thì Đầu trắng xuất hiện. Nhìn thấy tôi cậu ta liền gầm gừ và chạy về phía tôi. Có một bức tường nhỏ giữa chúng tôi, nhưng cậu ta tức giận đến nỗi không nhìn thấy nó và chạy tới nhảy lên nhằm đá cho tôi một cú. Chân sau của cậu ta đập vào tường và cậu ta đập vào nền bê tông nghe cái huých. Một cậu bé đứng gần cậu ta bật cười, và ngay lập tức Đầu trắng đứng dậy và bắt đầu đá cậu bé đó trong tức giận. Lúc này Đầu trắng đã nổi tiếng chuyên đi những đôi giày cứng và đá bất kì ai cậu ta không thích, mà một khi đã bắt đầu cậu ta sẽ không dừng lại.

Chúng tôi đã phải vội lao vào can thiệp. Chúng tôi nhảy lên người cậu ta, cố gắng giữ lấy tay chân cậu ta để cậu ta đứng im. Cậu ta gào thét tức giận nhưng chúng tôi giữ chặt cho đến khi cậu ta không còn sức lực. Cậu bé bị cậu ta đá đang chảy rất nhiều máu trên mặt, và không may thay trong khi chúng tôi vẫn còn đang giữ chặt Đầu trắng thì cậu bé đó đã chạy lại và đá vào chân Đầu trắng - đúng lúc Hiệu trưởng đi ngang qua.

Đầu trắng phát điên, và với sức mạnh điên cuồng khi vùng vẫy thoát được ra cậu ta đã khiến tất cả chúng tôi đều bị đâm đá vào đầu đó trên người. Trong lúc thầy Hiệu trưởng đang la mắng tất cả thì Đầu trắng tiến đến cũng tấn công ông luôn, và cắn vào chân ông. Hai thầy giáo khác đi qua lúc đó đã phải chạy đến giữ chặt lấy cậu ta và đẩy cậu ta nằm im xuống sàn cho đến khi thầy thuốc của trường đến và tiêm cho cậu ta một mũi, sau đó họ khiêng cậu ta tới nhà thương.

Đó cũng là lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy cậu ta. Chúng tôi đều biết Đầu trắng rất nguy hiểm và điên loạn, nhưng ngày hôm sau khi chúng tôi bị gọi lên phòng Hiệu trưởng và giải thích thì những người lớn không tin chúng tôi. Hiệu trưởng - với cái chân được băng bó - đã rất tức giận, ông cho rằng mọi chuyện là do chúng tôi đã giữ chặt một cậu bé vô tội và khiến cậu ta lên cơn - hoá ra Đầu trắng bị động kinh. Chúng tôi cố gắng giải thích rằng chúng tôi vô tội, nhưng Hiệu trưởng không nghe và chúng tôi bị nhốt trong những căn phòng giam. Sinh nhật 11 tuổi của tôi đã cô đơn như vậy, nằm trên tấm đệm xộp, trần trỗng và co quắp trong một cái chăn màu xám ngửa ngáy.

Sau 48 giờ đồng hồ tôi được đưa lại tới phòng Hiệu trưởng và ông thông báo với tôi rằng tôi sẽ tới một ngôi trường khác: tôi sẽ được đưa đến nơi nào hợp với tôi hơn. Những cậu bé khác cũng như vậy, trường học dự kiến của họ đều bị thay đổi, nhưng không ai trong chúng tôi biết mình sẽ đi đến đâu.

Tôi cảm thấy ruột gan đau đớn. Tôi đã cố hết sức để ngoan ngoãn trong suốt thời gian ở đây, và tất cả công sức của tôi bị thổi bay chỉ bởi một sự cố - dù rằng tôi chỉ làm điều đúng đắn. Bây giờ tôi sắp phải đến một nơi mới mà có lẽ sẽ rất kinh khủng - và tôi sẽ không bao giờ được thấy tuyến đường sắt thu nhỏ ở xứ Wales nữa.

Vài ngày sau tôi bị gọi lên gặp thầy Hiệu trưởng, ông nói với tôi rằng ngày hôm đó tôi sẽ bị chuyển đi. Tôi có một tiếng đồng hồ để chào tạm biệt những người khác. Tôi khá ngạc nhiên - tôi chưa từng được thông báo như vậy. Tôi về phòng, tạm biệt mọi người và lại bước lên một chiếc xe màu đen để bắt đầu cuộc hành trình đến điểm đến thứ tám trong bảy năm qua.

Đó là thứ Sáu ngày mùng 9 tháng 11 năm 1963. Tôi nhớ ngày đó bởi vì nó vừa đúng một tuần sau sinh nhật lần thứ 11 của tôi và hai tuần sau đó thì Tổng thống Kennedy đã bị ám sát.

Lần này lái xe là một người nói rất nhiều, ông làm việc ở ngôi trường nơi tôi sắp đến. Ông ấy nói với tôi rằng tôi sẽ sống trong một lâu đài và vẽ nên cảnh tượng về một ngôi nhà ấm áp và thân thiện. Nghe thật ảo diệu, giống như những câu chuyện trong sách: một lâu đài trên đồi nhìn xuống một dòng sông và một thung lũng màu xanh, bao quanh bởi những ngọn đồi cao. Và các cậu bé ở đó năm nào cũng được đi cắm trại. Tôi đã có chút lo lắng! Tôi quá háo hức được tới đó!

Mất một vài giờ đồng hồ băng qua những con đường quê lộng gió, qua những ngọn đồi và những cánh đồng hoang, băng qua những bức tường đá, những cánh rừng, những ngôi làng nhỏ, những cây cầu bé con và những đàn cừu và đàn gia súc trên đồng. Tôi tận hưởng suốt chuyến đi, nó có vẻ giống hết như những câu chuyện kể trong sách vậy.

Chiều hôm đó chúng tôi tới một ngôi làng nhỏ có một khu mua sắm và một nhà thờ cổ có một cái tháp vuông ở một bên. Chúng tôi men theo con đường hẹp bên dưới một cây cầu đá thấp, tiến tới

đường vào tới cổng một ngôi nhà. Bánh xe kêu lạo xạo trên con đường rải sỏi phía dưới khi chúng tôi từ từ tiến vào lâu đài.

Phía cuối toà nhà thực sự trông giống một lâu đài, Phần còn lại là một căn nhà ba tầng rộng lớn được phủ kín cây leo từ thời Victoria. Bên phải có một bãi cỏ, bao quanh bởi những cây lớn và có đường đi qua. Toàn bộ nơi này được xây dựng trên một ngọn đồi, và nó đúng là nhìn xuống thung lũng và các ngọn đồi bao quanh.

Chúng tôi xuống xe và tôi được dẫn tới một dãy những cánh cổng lớn bằng gỗ, giống như cổng của các lâu đài trong sách. Bên ngoài cổng có một cánh cửa treo một thanh gỗ bằng kim loại cũng lớn. Chúng tôi đi qua cánh cửa đó, bước vào một con đường tối dẫn ra một cái sân bao quanh bởi những bức tường đá màu xám cao, trên tường là nhiều ô cửa sổ nhỏ.

Tôi cảm thấy mình thực sự ở trong một lâu đài khi có vài cậu bé hành quân ngang qua và giọng nói vang vọng khắp các bức tường. Họ đều mặc những chiếc quần soóc ngắn cũ, đi những đôi tất dài đến đầu gối màu xám và mặc những chiếc áo cổ chữ V. Và họ đều đi những đôi giày màu đen có gấn đinh tán dưới đế nên khi bước đi họ tạo nên âm thanh ồn ào trên mặt đất. Đây có phải là lâu đài cổ tích mà người lái xe đã miêu tả? Tôi không chắc chút nào - những cậu bé nhìn như thể họ đang ở trong một doanh trại quân đội. Tôi cực kỳ lo lắng khi chờ đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Vài phút sau giáo viên phụ trách kí túc xá đến. Ông dẫn tôi tới cửa hàng quần áo ở tầng hầm, ở đó tôi được nhận một bộ đồng phục và giày đen cùng với giày cao cổ, một chiếc áo mưa màu xanh biển, một bộ quần áo ngủ kẻ sọc và một chiếc mũ đi học có gắn phù hiệu ở trên. Người phụ trách lấy ra một đồng khuôn thép sập và khắc số 45 lên giày của tôi. Ông ấy nói từ nay trở đi đó là số của tôi.

Tôi nhận ra mình đang ở Trường cải huấn Lâu đài Stanhope, kiểu mô hình trường học kết hợp trường công và trại quân đội. Hiệu trưởng là một người từng học ở trường công và cũng là một thiếu tá quân đội đã tham gia chiến đấu trong thời chiến tranh. Quản lý kí túc xá của tôi, tên ông là Maddison, là một trung sĩ-thiếu tá đã về hưu và hầu hết các thầy ở đây đều là người trong quân đội hoặc đã tham gia phục vụ trong quân đội cùng với ông ấy.

Tối hôm đó tôi được dẫn tới phòng nhà mình để gặp các cậu bé khác. Mỗi nhà có khoảng 20 đứa, hầu hết đều cỡ tám tuổi. Mỗi ngôi nhà được đặt tên theo tên một ngọn đồi địa phương, nhà của tôi là Horsley.

Thứ Sáu hoá ra là một tối “tổng hợp”. Có nghĩa là có một cuộc thanh tra toàn diện. Bạn phải mặc tất cả quần áo vào, cả áo mưa và đội mũ, và tới phòng nhà mình báo cáo. Ở đó có một thầy quản lý ngồi sau bàn cùng với một vài cậu bé lớn tuổi hơn chúng tôi đứng bên cạnh. Lần lượt từng người chúng tôi sẽ đến đứng trước bàn, đọc họ tên đầy đủ và số của mình. Các anh lớn kia sẽ kiểm tra quần áo của chúng tôi xem có bị hỏng gì không và thầy quản lý sẽ thông báo cho chúng tôi về những hình phạt hay phần thưởng cho tuần đó; rồi ông ấy sẽ kiểm đếm số tiền đưa cho chúng tôi sau khi đã trừ đi các khoản đóng góp và đền cho bất cứ sự hỏng hóc nào gây ra đối với quần áo hay toà nhà.

Số tiền còn lại được đưa cho từng đứa. Nhưng chúng tôi không được nhận tiền thật. Bên cạnh thầy quản lý là một thùng lớn đầy kẹo và truyện tranh và ông ấy sẽ lấy ở đó cho bạn thứ mà ông ấy nghĩ bạn xứng đáng, tùy theo số lượng tiền bạn có.

Chúng tôi phải im lặng vào đêm tổng kiểm tra cho đến khi thầy quản lý làm xong hết. Nhưng đêm đầu tiên không ai nói với tôi điều đó. Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra, vì mỗi cậu bé đều đi tới bàn khi được gọi tên. Tôi hỏi cậu bé đứng bên cạnh mình là chuyện gì thế. Cậu ta nhìn tôi, mắt mở to như một chú thỏ hoảng sợ, và thì thầm “Suytttt”.

Một trong những anh lớn đứng cạnh thầy quản lý bước đến và la “Im lặng!”, và chẳng nói chẳng rằng dùng một chùm những chiếc chìa khoá rất nặng đập vào đầu tôi. Giận dữ và đau đớn, tôi nhảy dựng lên và đâm vào mũi anh ta. Trong một khoảnh khắc anh ta đã giật mình, rồi anh ta tóm lấy tôi, vài phút sau chúng tôi đã ôm nhau vật lộn trên sàn, cố gắng đâm đá, cắn nhau hoặc ném ghế.

Tất cả chỉ kết thúc khi một bàn tay tóm lấy cổ áo tôi và tôi bị nhấc lên lơ lửng trong không trung. Đó là thầy quản lý, ông vô cùng khó chịu trước cảnh tượng lộn xộn này. “Ta sẽ dạy mày thế nào là không vâng lời!”. Ông ấy đã nói như vậy, và tôi bị lôi vào trong phòng ông ta, nhận được 6 đòn roi gậy tre.

Tôi không thể tin lại có những đứa trẻ khác được phép đánh mình. Ở những nơi khác tôi từng ở, một đứa trẻ không được phép đánh những đứa khác. Nhưng sau đó tôi được dạy rằng đó là anh trưởng của khu nhà và các anh trưởng gần như điều hành toàn bộ ngôi nhà; nếu một trong số họ ra lệnh cho bạn, bạn phải tuân lời họ, vì họ có quyền đưa ra bất kì nhục hình nào khác ngoài đánh đòn.

Vì thế đêm đầu tiên là thảm họa với tôi. Tôi nằm trên giường, người thâm tím và lòng đau khổ, nghĩ rằng lâu đài trên đồi này là một nhà tù kiểu Nottingham hay Sheriff, còn hơn cả Camelot mà tôi đã tưởng tượng.

Sau khi đèn tắt có vài cậu bé bò ra khỏi giường đến chỗ tôi. Họ bảo tôi đây là nơi nào và nói cho tôi những ai tôi cần phải tránh. Tóm lại là phải làm những gì người ta bảo bạn làm để tránh bị thầy giáo và các anh trưởng phạt. Và phải cẩn thận thầy Hiệu trưởng, họ bảo tôi như vậy.

Sáng hôm sau, bữa sáng diễn ra trong một phòng ăn rộng ốp gỗ. Những chiếc bàn dài đặt sẵn dao đĩa và các món ăn, những kệ để bánh mì nướng và các bình nước cam. Một cậu bé dẫn tôi đến chỗ của tôi và chúng tôi ngồi đó tập trung, khoanh tay, hoàn toàn im lặng.

Phía bên kia cuối căn phòng là một ô cửa sổ từ thời vua Geogre lớn nhìn ra bãi cỏ, và trước nó là một bục gỗ có chân cao bên trên đặt một cái bàn ăn. Trên bàn là một bình cà phê và một tờ báo được gấp cẩn thận. Bên cạnh đó là một cây gậy chống lò xo.

Cánh cửa mở ra và một người phụ nữ trung niên to lớn bước vào. Đây là bà Matron, vợ của thầy Hiệu trưởng. Bà chịu trách nhiệm tất cả các vấn đề liên quan đến y tế, giặt là, bếp, phòng may và tất cả các nhân viên điều hành những việc đó.

“Chào buổi sáng các cậu bé”, bà nói.

“Chào buổi sáng, bà Matron”, tất cả chúng tôi đồng thanh trả lời.

Cánh cửa lại mở ra lần nữa và thầy Hiệu trưởng bước vào. Ông ta thấp, hói và to béo, đeo một cặp kính mã não dày. Ông ta bước đi với chân hất sang hai bên, giống một con vịt, và tay ông vung cao kiểu hành quân. Ông ta cười rất vui vẻ. Tôi nghĩ hẳn ông đang vui.

“Chào buổi sáng, các chàng trai”, ông nói trước.

“Chào buổi sáng, thưa Ngài.” Chúng tôi lại lặp lại.

Ông ta sải bước tới chỗ cái bục và ngồi xuống bên bàn cùng với bà Matron.

Phía bên kia phòng, đối diện với ô cửa sổ bên này là một cánh cửa lớn dẫn vào trong bếp, và ở đó có những món ăn ngon nhất trên đời - thịt nướng tuyệt vời, bánh nướng, đồ hầm và bánh tráng miệng. Có vẻ như thầy Hiệu trưởng đã yêu cầu đồ ăn phải luôn được cung cấp ở chuẩn mực cao nhất. Ông sẽ vào bếp mỗi ngày và ném thử những thứ đã được đầu bếp chuẩn bị sẵn cho ông, mặc dù kì lạ ở chỗ ông không ăn cùng đồ ăn với bọn trẻ chúng tôi. Bữa trưa và bữa ăn nhẹ được làm riêng cho ông và bà Matron, và được chuyển tới khu họ sống bằng xe đẩy. Chỉ có duy nhất bữa sáng là ông ăn cùng với chúng tôi, là bữa ông ăn bánh mì nướng, mút cam, cà phê và mận khô!

Về phần cái gậy chống đặt trên bàn, tôi không biết nó dùng làm gì cho đến tận hai hay ba ngày sau khi tôi đến, khi một cậu bé làm rơi đĩa xuống sàn. Cậu ta bắt đầu run rẩy khi cúi xuống găm bàn nhặt nó lên, và những cậu bé khác phải chuyển ra chỗ khác, khiến ghế của họ lộp cộp trên sàn gỗ.

“Lại đây,” thầy Hiệu trưởng la lớn.

Mọi người đều ngừng ăn và ngồi sững lại. Cậu bé kia rõ ràng đã quá run sợ khi bước đến chỗ cái bục. Thầy Hiệu trưởng đứng dậy, cầm lấy cây gậy và bắt đầu vụt vào chân và sau lưng cậu bé, vừa đánh vừa la “Mày - phải - im - lặng!”. Ông lặp lại câu đó hai lần, đồng nghĩ với 8 lần vụt đau đớn. Cậu bé đó ngã khụy, khóc tức tưởi và Hiệu trưởng lại la lên “Đứng dậy, phải là một người đàn ông.” Cậu bé đứng dậy là nói “cảm ơn Ngài”, nghẹn ngào trong nước mắt.

Bà Matron cầm cánh tay cậu bé đang nức nở đó và dẫn cậu ta ra ngoài. Có lẽ nếu bà ấy không làm thế sự thốn thức của cậu bé sẽ khiến thầy Hiệu trưởng đánh đòn cậu ta tiếp. Trong khi đó thầy Hiệu trưởng tiếp tục ăn sáng như thể chưa có chuyện gì xảy ra và chúng tôi cũng chậm rãi quay về với phần ăn của mình. Tôi tự hỏi không biết ông ta sẽ làm gì nếu chúng tôi phạm phải lỗi gì đó thực sự nghiêm trọng.

Các cậu bé bảo tôi rằng thầy Hiệu trưởng thường xuyên nóng nảy như vậy. Họ kể với tôi rằng trước bữa sáng hành lang bên ngoài văn phòng ông luôn có một hàng những đứa chờ “phán xét”. Có lẽ điều đó khiến ông ta cảm thấy ngon miệng. Và ông ta muốn tất cả đều phải nói nói “cảm ơn” sau khi bị phạt vì hình phạt đã giúp họ nhận ra lỗi lầm, nên màn xin lỗi luôn được lặp lại mọi lúc.

Chắc chắn chúng tôi đã được nuôi ăn rất tốt. Thậm chí chúng tôi còn có một bữa ăn nhẹ gồm có cacao và một miếng bánh ngọt hay bánh nướng trước khi đi ngủ. Nhưng hoá ra đồ ăn là thứ tốt đẹp duy nhất ở nơi này.

Sau ngày đầu tiên, anh trưởng ngôi nhà và các bạn của anh ta quyết định cho tôi thấy tôi đứng ở vị trí nào. Chuyện này cũng thường gặp ở những ngôi nhà tôi từng ở, và từ lâu cũng đã biết rằng nắm giữ vị trí cầm đầu sẽ phận được sự kính trọng của những người khác, nhưng nó cũng có nghĩa là nếu không thể đánh bại người đó thì bạn phải luôn chui cúi. Lần này thì tôi không thể. Tôi đã kết thúc cuộc chiến với những vết bầm tím và một con mắt thâm đen.

16 - Irene

Khi bước sang tuổi 13 tôi bắt đầu nhận ra có thể tôi không bao giờ bị chuyển khỏi Rennie Road. Tôi vừa cảm thấy tiếc nuối vừa cảm thấy nhẹ nhõm vì chuyện đó. Tiếc nuối là vì tôi sẽ không bao giờ được chuyển đến nơi nào có thể có Alan nữa. Nhưng cũng nhẹ nhõm vì tôi sẽ không bất ngờ bị chuyển tới một nơi nào đó lạnh lẽo và tàn nhẫn, như tôi đã nghe nói. Và sau nữa, tất nhiên là vì ở đây có chị Joan, ở ngay góc phố đằng kia. Chị ấy và các cháu của tôi đã cho tôi một nơi trốn thoát khiến tôi có thể chịu đựng được mọi thứ, và tôi cảm thấy rất biết ơn trời đất khi đã cho tôi được gần gũi với họ như vậy.

Dù sao đi nữa, Rennie Road cũng có vẻ như đã trở thành nhà của tôi, và sẽ như vậy cho đến khi tôi 15 tuổi và rời đi, giống như tất cả những đứa trẻ khác. Tất nhiên không ai nói với tôi rằng tôi sẽ được ở đây mãi - và tôi không đời nào dám hỏi điều đó. Chỉ đơn giản là, khi thời gian qua đi, tôi nhận ra tôi có thể không bao giờ phải chuyển đi nơi nào khác. Nhưng luôn luôn có khả năng tôi sẽ làm sai điều đó rồi một ngày thức dậy sẽ bị bắt thu dọn đồ đạc, vì thế tôi cẩn thận trong mọi hành xử, ngoan ngoan vâng lời hết mực có thể.

Chỉ có duy nhất Margy, Silvy và các anh của họ - Joe và Kenny là ở đây suốt một thời gian dài, còn những người khác đến và rồi lại biến mất nên gương mặt họ đã trở thành một kí ức nhạt nhòa trong tôi.

Bây giờ khi đã 13 tuổi tôi phải giúp bà Margaret dọn dẹp nhà cửa mỗi khi tôi có thời gian rảnh sau giờ học ở trường. Tôi sẽ đẩy máy hút bụi quanh nhà, dọn dẹp cùng với bà ấy, trong lúc những đứa nhỏ hơn ra ngoài chơi. Vào cuối tuần tôi sẽ giúp các dì làm rau cho bữa tối, làm sandwich và xếp đồ ăn ra bàn. Tôi cũng dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc những đứa trẻ nhỏ, chuẩn bị cho chúng đi ngủ và giúp chúng mặc đồ vào buổi sáng. Tôi luôn thích việc này,

vì nó khiến tôi có cơ hội làm một bà mẹ nhỏ.

Tôi thích được giao cho nhiều trọng trách hơn. Nhưng dù tôi có nhiều việc hơn, tôi cũng không có quyền tự do gì hơn. Sau giờ học tôi vẫn không được tới nhà bạn dù chỉ để uống trà và cuộc sống của tôi vẫn bị giới hạn như khi tôi chín tuổi. Quyền nhỏ nhoi duy nhất là tôi được phép đi tới nhà thờ một mình vào những chiều Chủ nhật, để giúp đỡ công việc ở Trường Chủ nhật. Thường thì chúng tôi sẽ bị các dì dẫn đi điều hành khắp mọi nơi, điều này lập tức chỉ ra chúng tôi là những đứa sống trong trại trẻ. Thời gian được đi bộ một mình, dù chỉ vài phút tới nhà thờ, khiến tôi cảm nhận được chút hương vị cuộc sống của những đứa trẻ khác.

Tôi đã rất luôn muốn nói cho mọi người rằng tôi là một giáo viên ở Trường học Chủ nhật. Được giúp đỡ những công việc và những đứa trẻ ở đó khiến tôi cảm thấy hạnh phúc. Tôi đọc cho những em nhỏ nghe những câu chuyện trong Kinh thánh về chúa Giê-su và Đức mẹ Maria, hoặc giúp những đứa trẻ nhỏ hơn cầu nguyện hoặc tô màu những bức tranh để chúng mang về cho bố mẹ chúng xem. Tôi quyết tâm không hách dịch hay ra lệnh cho chúng như cách các dì đã đối xử với chúng tôi.

Từ khi tôi đến Rennie Road, dì Nan luôn ở đó, và tôi nghĩ dì cũng đã ở đó từ trước khi tôi đến rất lâu rồi. Vì thế khi được thông báo dì ấy sắp chuyển đi, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên. Chúng tôi không được biết gì trước, chỉ tới hôm dì ấy chuyển đi mọi chuyện mới được thông báo, thành ra chúng tôi chẳng có thời gian kịp quen với chuyện đó. Và đương nhiên cũng chẳng ai cho chúng tôi biết dì ấy đi đâu, dù có lẽ dì ấy chỉ đơn giản là nghỉ hưu.

Dì Nan là người nghiêm khắc, lạnh lùng và xa cách nhất và luôn luôn là người tuân theo những quy tắc rất khắt khe. Cũng chính dì ấy là người đã bắt gặp tôi và Alan ở kì cắm trại mùa hè và chắc chắn đã xếp đặt mọi thứ để chuyển cậu ấy đi. Dì ấy có thể bỏ qua chuyện hai đứa trẻ chơi đùa với nhau vào ngày cuối cùng của kì nghỉ, nhưng dì Nan vốn chẳng bỏ qua điều gì cả, dì luôn khiển trách chúng tôi cả những lỗi lầm nhỏ nhất. Vì thế có lẽ cũng chẳng ngạc nhiên khi dì ấy đi rồi, bầu không khí bừng sáng hẳn. Không ai nói gì - chúng tôi không dám - nhưng cảm giác đó giống như là tất cả chúng tôi đều dễ thở hơn khi không còn bị dì ấy quan sát nữa.

Đặc biệt, với tôi, đó thực sự là một sự thờ phào nhẹ nhõm. Tôi không bao giờ tha thứ cho dì Nan chuyện đã chia cách Alan đi xa khỏi tôi. Tới tận 4 năm rồi tôi vẫn còn tức giận và buồn bã vì chuyện đó. Suốt khoảng thời gian ấy tôi đã phải kìm nén những cảm xúc đó, không dám thể hiện ra với dì ấy tôi cảm thấy thế nào. Khi dì ấy rời đi, những nỗi đau và sự giận dữ trong tôi dường như đã được xoa dịu, và đột nhiên tôi cảm thấy hạnh phúc hơn. Với tất cả sự vui sướng của chúng tôi, người dì mới đến khác hoàn toàn. Dì Joyce trẻ hơn, thân thiện hơn và dễ tính hơn dì Nan rất nhiều. Tôi thích dì ấy ngay tức khắc, và những đứa trẻ khác cũng thế. Lúc nào dì ấy cũng cười, và thay vì ra lệnh dì ấy thường lịch sự nhờ chúng tôi làm gì đó. Cảm giác dì Joyce giống con người hơn chứ không phải chỉ là một người máy tuân theo những quy tắc. Dì ấy thường ngồi xuống trò chuyện với chúng tôi, thậm chí còn ôm những đứa trẻ nhỏ và chẳng bao lâu sau mỗi khi đến ca trực không phải của dì ấy là tôi đều nhớ và mong chờ dì ấy.

Dì Doris không nghiêm khắc như dì Nan, nhưng bà là kiểu người quy tắc cổ lỗ. Bà thường gọi dì Joyce ra và răn đe dì ấy phải “tránh xa” việc có tình cảm với bọn trẻ. Nhiều tháng sau, sự căng thẳng giữa họ cho thấy họ đã có nhiều cuộc nói chuyện trong văn phòng, điều đó khiến dì Joyce ức chế và buồn bã. Tôi lo sợ dì ấy sẽ bị chuyển đi, nhưng trên thực tế dì ấy đã không sao: hai năm sau đó khi tôi rời đi, dì ấy vẫn ở Rennie Road. Có thể dì Doris đã nhận thấy phong cách âm áp thoải mái của dì Joyce cũng không hoàn toàn xấu.

Người tiếp theo rời khỏi Rennie Road là Margy, khi cô ấy 15 tuổi. Cô ấy có một người chị không sống trong trại trẻ, và một ngày chị cô ấy xuất hiện đón cô ấy và đưa cô ấy về nhà sống cùng mình. Tôi biết Margy thật may mắn, vì hầu hết những đứa trẻ rời khỏi đây đều chẳng có nơi nào để đi. Tôi tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra khi đến lượt tôi phải đi, vì tôi biết chẳng có chị nào của mình có thể cho tôi sống cùng.

Silvy rất nhớ Margy, và tôi cũng vậy. Chúng tôi thân thiện với nhau hơn và tôi đã hỏi dì Doris xem liệu Silvy có thể giúp tôi một ít việc nhà. Silvy và tôi sẽ nói chuyện cùng nhau trong lúc làm sandwich, hay rửa bát, lau sàn nhà bếp. Cô ấy là người bạn thân

thiết nhất với tôi, và sau một thời gian dài cảm thấy cô độc không bạn bè, tôi cảm thấy thật vui khi có người để trò chuyện.

Sự chuyển đi của dì Nan, sự chuyển đến của dì Joyce và tình bạn nảy nở với Silvy - tất cả đã mang lại trong tôi một sự thay đổi lớn. Tôi vui vẻ và thân mật với mọi người hơn, và dù tôi vẫn khá nghiêm túc và rất có trách nhiệm, tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm và hạnh phúc hơn.

Mặc dù vẫn thường xuyên cảm thấy mình đơn độc và là cô gái sống ở trại trẻ mà mọi người coi thường, tôi cũng đã có ba người bạn ở trường - Denise hay chúng tôi thường gọi cô ấy là Denny, và hai người bạn cùng tên là Margy, không phải là Margy người từng sống ở Rennie Road. Denny là một người ngoan ngoãn và trầm tính, tình bạn của chúng tôi kéo dài rất lâu ngay cả sau khi tôi rời trường học. Hai người bạn tên Margy thì có tính cách khá nổi loạn và thường gây chuyện - đó chính là điều khiến họ thu hút tôi. Tôi sẽ trông chừng giúp họ khi họ lén hút thuốc sau tường hay làm những trò bị cấm khác.

Tôi khao khát mau lớn lên và có thể ăn mặc thời trang hơn, giống như những cô gái khác. Nhưng có vẻ dì Doris vẫn không thay đổi quan điểm. Tôi đã hỏi dì ấy liệu tôi có thể nuôi tóc dài một chút không, vì tôi đã lớn hơn rồi sẽ sớm rời khỏi trại trẻ. Nhưng dì ấy nói quy định là chúng tôi phải cắt tóc ngắn để tránh bị cháy và sẽ không có ngoại lệ nào hết. Tôi rất bức bối vì tôi biết chẳng có ai trong trại trẻ có cháy cả, và tôi chắc chắn đó chỉ là một mảnh khoé để buộc tôi phải giữ kiểu tóc kinh khủng thường thấy này. Cứ cách sáu tuần một lần, người cắt tóc sẽ đến và tất cả chúng tôi, dù gái hay trai, sẽ xếp hàng trong phòng chơi để đến lượt cắt tóc. Cuối cùng tất cả chúng tôi sẽ đều trông giống hết nhau - những cô gái với quả đầu như cái bánh úp lên phổ biến toàn cầu còn những chàng trai thì cắt ngắn hết phía sau và hai bên.

Ngoại trừ việc được giao nhiều việc hơn, còn lại tôi vẫn bị đối xử hệt như những đứa trẻ nhỏ hơn và càng ngày tôi càng cảm thấy buồn và thất vọng hơn. Tệ nhất là chuyện tắm rửa xảy ra mỗi tối. Tất cả chúng tôi vẫn phải xếp thành hai hàng dài bên ngoài hai phòng tắm, quần khăn tắm và đợi đến lượt. Đám con gái chúng tôi sẽ luôn phải đập những cậu con trai khi họ cứ cố kéo khăn tắm của

chúng tôi khi đi không để ý. Tôi sẽ quấn chặt khăn tắm quanh ngón tay cái, cố gắng hết sức hoàn thành việc tắm rửa.

Khi có thể bắt đầu, những đứa nhỏ nhất sẽ vào trước, sau đó lần lượt tới những đứa lớn hơn và cứ tiếp tục như vậy. Nước không được thay, nên những đứa lớn vào sau cùng sẽ phải dùng nước bẩn nhất. Đến khi 14 tuổi tôi đã phải đợi khoảng một giờ đồng hồ và sau đó sẽ tắm bằng chậu nước đã được dùng năm, sáu lần. Và tôi không được phép khoá cửa, ngoại trừ những ngày tôi ở trong kỳ kinh nguyệt - khi đó tôi mới có một chút riêng tư.

Quy trình tắm rửa này càng lúc càng trở nên kinh khủng và thiếu tôn trọng cá nhân. Nhưng rõ ràng là người ta sẽ không thay đổi quy tắc. Giờ đi ngủ cũng vậy, tôi vẫn phải lên giường lúc 8 giờ 30 phút mỗi tối. Nó như thể tra tấn, đặc biệt vào mùa hè. Tôi sẽ nằm thao thức cả vài tiếng đồng hồ, bực bội vì bị đối xử như một đứa trẻ lên bảy.

Điều duy nhất thay đổi trong quy trình hàng ngày của chúng tôi là chúng tôi được phép xem ti vi một giờ đồng hồ vào buổi tối, miễn là chúng tôi đã giặt xong đồ lót và hoàn thành việc nhà của mình - chỉ còn chờ tắm và lên giường đi ngủ. Chuyện này tôi nghĩ là kết quả sự xin phép của dì Joyce, và dù không có nhiều lựa chọn xem chương trình gì, đây cũng là điều tốt lắm rồi.

Ở trường việc học của tôi vẫn tệ như thế. Tôi không thể tập trung lâu vào bất cứ cái gì, và hầu hết thời gian tôi chỉ ngồi mơ mộng và nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi không thấy việc học có tác dụng gì. Chẳng ai nói với tôi những gì tôi có thể làm với cuộc đời mình, hay giúp tôi cải thiện kết quả học tập. Tôi chỉ cứ đến trường, không có bất kì định hướng, tham vọng hay ý nghĩ nào về tương lai.

Năm đó có một tin mới khiến tôi rất quan tâm. Chị Joan của tôi mang bầu em bé thứ ba. Tôi rất hào hứng. Tôi thích được chạy tới nhà chị ấy để nhìn xem bụng chị đã to đến thế nào, và đến lúc chị ấy sắp sinh tôi giúp đỡ chị ấy chăm sóc Elaine và Alan hết sức có thể. Elaine có mái tóc màu vàng hoe và đôi mắt màu xanh xám. Con bé rất xinh đẹp, luôn mỉm cười hoặc cười khúc khích, và tất cả mọi người đều yêu mến nó. Alan cũng có mái tóc màu vàng như vậy và cặp mắt xanh biếc, tuy có chút trầm tính hơn nhưng nó cũng là một đứa bé luôn vui vẻ.

Em bé được sinh ra vào tháng 10 năm 1964, ngay trước sinh nhật lần thứ 14 của tôi. Đó là một bé gái nữa, và mọi người đặt tên nó là Joan, theo tên mẹ. Tôi chạy tới nhà chị ngay khi được cho phép để gặp em bé mới và giúp hai đứa nhỏ còn lại trong khi chị Joan cho em bé bú. Em bé là một thứ nhỏ bé tuyệt vời, và bất cứ khi nào được bế em bé tôi đều nhìn chăm chú vào gương mặt và những ngón tay cong cong nhỏ xíu của nó.

Chị tôi chỉ mới 27 tuổi, nhưng buồn thay chị bắt đầu có những vấn đề về sức khỏe và được chẩn đoán bị viêm khớp nhẹ. Chuyện đó khiến chị ấy cầm nắm mọi thứ đều khó khăn và dần dần tay chị bắt đầu biến dạng và đau hơn. Do đó chị rất vất vả và gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc tụi nhỏ, và lúc nào tôi cũng mong có thể sống cùng để giúp đỡ chị. Ít nhất tôi cũng được phép tới nhà chị ấy thường xuyên hơn, vì thế khi đã làm xong hết mọi việc ở trại trẻ, trong khi những đứa trẻ khác ra ngoài chơi thì tôi sẽ chạy nhanh tới nhà chị Joan để xem có việc gì cần tôi làm giúp không. 15 tháng sau, vào tháng 1 năm 1966, chị Joan sinh em bé thứ tư, một bé trai được đặt tên là Robert. Nó cũng là một đứa bé dễ thương, và tôi yêu nó nhiều như ba đứa nhỏ còn lại.

Chị gái thứ hai của tôi, chị Greta, khi cháu Joan ra đời chị ấy mới 24 tuổi, và khi đó đã có hai đứa con - Paul và Sue. Chị ấy đã chuyển tới một ngôi nhà lớn hơn nằm trên đồi Carley. Thỉnh thoảng chị ấy có đến thăm tôi, đưa hai đứa trẻ đi cùng và cũng có lần cha hoặc chị Joan sẽ tới đón tôi đến thăm chị ấy. Tôi cũng thích được gặp chị Greta và những đứa nhỏ.

Chị Pat giờ đã 17 tuổi và đã rời trường, làm trợ lý bán hàng ở một chi nhánh của Woolworths ở Sunderland. Chị ấy vẫn sống ở Seaham với bác Jen, và ngày nào chị ấy cũng đi xe buýt từ Seaham đến chỗ làm. Chị ấy yêu thích công việc của mình, và giờ vì đã có tiền riêng và theo cùng đó là sự tự do, chị ấy sẽ đến quán rượu trong ga tàu để gặp tôi và cha vào mỗi lần ông đưa tôi đến đó vào thứ Bảy. Trong lúc cha ngồi uống rượu, chị Pat và tôi sẽ cùng nhau đi bộ quanh thị trấn, ghé vào các cửa hàng. Chị Pat luôn mặc những bộ quần áo kiểu dáng thời trang mới nhất, tóc cũng được làm kiểu rất đẹp; chị ấy rất nổi tiếng và chúng tôi thường gặp bạn chị trên đường. Tôi thích những cuộc hẹn hò này, mặc dù tôi cảm

thấy mình như một cô em gái lồi thối lệch thếch. Tôi thích ở cùng chị Pat, thích nghe những câu chuyện chị ấy kể về những tình bạn của chị, những cuộc chơi đêm của chị, và tôi cũng thích được lang thang quanh những cửa hàng, nhìn ngắm những bộ đồ thời trang sành điệu.

Thế giới của tôi thì hoàn toàn khác. Tôi không có bất kì bộ đồ nào của riêng mình, khi cởi bỏ đồng phục trường học tôi phải mặc những bộ đồ mà người ta phân phát vào cuối tuần. Silvy và tôi có cỡ người giống nhau nên chúng tôi thường trao đổi qua lại, cố gắng kết hợp để có được một bộ quần áo ổn nhất. Nhưng dù có cố gắng thế nào, chúng tôi nhìn vẫn như một mớ hỗn độn trong những bộ quần áo secondhand đó. Rất hiếm khi chúng tôi tìm thấy thứ gì mình thích, và dù có tìm được thì những lần sau chúng tôi sẽ không tìm được bộ đồ đó nữa, hoặc có người khác đã lấy nó trước.

Một ngày thứ Bảy cha bảo tôi rằng ông thấy tôi đã lớn và nên có quần áo của riêng mình. Chúng tôi đều biết đó phải là một điều bí mật vì nếu như các dì biết chuyện, họ sẽ tịch thu đồ của tôi. Nhưng tôi không bận tâm, dù có phải giấu diếm chúng đi chẳng nữa thì chỉ cần có quần áo của riêng mình, có quần áo mới cũng đã quá tuyệt vời rồi. Tôi và cha thống nhất sẽ để đồ ở nhà chị Joan.

Cha dẫn tôi đi vòng quanh chợ và hỏi tôi thích gì. Tôi chọn một đôi giày da sơn màu rậm nắng, một đôi giày cao gót hiệu Cuban và một chiếc váy nhỏ có in hình những vòng tròn màu sắc. Đó là kiểu mới nhất, và lần đầu tiên tôi cảm thấy thực sự đã sở hữu chúng. Tất cả những gì tôi cần là nơi nào đó đặc biệt để mặc chúng.

Trong thị trấn có một club cho thanh niên gọi là Rink. Tất cả các cô gái ở trường tôi đều nói về nó, và đương nhiên nó trở thành nơi tôi cần phải xem. Rink mở vào những chiều thứ Bảy, và chị Pat thường xuyên tới đó sau khi chúng tôi đi mua sắm để gặp bạn chị. Hai người bạn tên Margy của tôi cũng đã bắt đầu đến đó và tôi rất muốn đi cùng họ, vì thế chúng tôi ấp ủ một kế hoạch.

Lần tiếp theo cha đến đón tôi ra ngoài vào thứ Bảy, tôi đã hỏi ông mình có thể tới Rink gặp chị Pat được không. Cha nói được, nhưng bảo tôi đừng nói với các dì chuyện này. Ông không cần nhắc - tôi cũng biết họ sẽ nổi điên nếu biết chuyện. Cha dẫn tôi tới quán rượu ở ga tàu như thường lệ, và tôi đi vào nhà vệ sinh thay váy ngắn và

đi giày của tôi vào. Tôi đưa cha đám quần áo cũ đựng trong một cái túi xách và bắt đầu tiến đến Rink, chỉ cách đó 5 phút đi bộ. Đó là một chân trời thế giới mới với tôi. Tôi cảm thấy trở thành một cô gái khác khi được mặc bộ đồ mới của mình đến nơi đó. Khi tôi bước vào bên trong, tôi thấy những bậc cầu thang dẫn lên sàn nhảy và tôi đứng trên bậc trên cùng, cảm thấy quá phấn khích, lắng nghe những giai điệu và không khí âm rung của nhạc bật rất to. Trên sàn nhảy, những ánh đèn lấp lánh và hàng trăm thanh niên đang uốn éo và những người khác đang nhảy những điệu nhảy tôi đã từng thấy trên TV.

Hai người bạn Margy của tôi cũng đến và chúng tôi đã vào cùng nhau. Tôi rất mừng vì đã hẹn gặp họ - tôi không dám đi nếu không có họ. Ở trong đó tôi đã gặp chị Pat cùng các bạn chị. Họ đều lớn hơn tôi nên tôi chơi với các bạn ở trường mình và nhảy suốt cả buổi chiều. Tôi cũng uốn người, và nhảy nhót và quay vòng xung quanh như mọi người khác, và tôi không hề muốn dừng lại chút nào. Nó thật tuyệt vời.

Cuối cùng cũng đến lúc tôi phải trở lại quán rượu để gặp cha. Chị Pat đi cùng tôi về và suốt đoạn đường tiếng nhạc vẫn lừng bùng trong đầu tôi. Tôi lại chui vào nhà vệ sinh, mặc lại bộ quần áo trại trẻ kinh khủng của mình và cho đồ mới của tôi vào lại túi. Sau đó cha và tôi tới nhà chị Joan và tôi để chiếc túi cùng đồ quý giá của mình ở nhà chị.

Trở về Rennie Road tôi cứ hình dung lại mãi về buổi chiều hôm đó rất nhiều lần. Lần đầu tiên kể từ khi Alan rời đi tôi cảm thấy mình tràn đầy sức sống đến như vậy. Ít nhất tôi cũng đã là một trong số những cô gái bình thường giống như tất cả các cô gái khác, những người được ra ngoài vào mỗi chiều thứ Bảy. Sau lần đó tôi xin cha đến đón tôi mỗi chiều thứ Bảy, và hầu như tuần nào ông cũng đến. Chúng tôi vẫn sẽ làm như cũ - lấy túi đồ của tôi ở nhà chị Joan, tới quán rượu ga tàu để tôi thay đồ ở đó, và rồi cha sẽ uống rượu trong lúc tôi tới Rink để tham gia cùng hội bạn. Những ngày thứ Bảy đó khiến tất cả những quy tắc và cuộc sống trẻ con nhàm chán khủng khiếp ở Rennie Road được bù đắp. Tôi đã có một thời gian tuyệt vời, và tiếng nhạc vẫn vang vọng trong đầu tôi tới tận sáng thứ Hai tuần kế tiếp.

Năm sau đó dì Doris cuối cùng cũng đã cho tôi hai đặc quyền nữa. Bà cho phép tôi vắng mặt trong cuộc gặp người thợ cắt tóc mỗi sáu tuần và nuôi tóc dài hơn một chút. Và trước sự ngạc nhiên của tôi, bà cho phép tôi mua một số đồ lót màu sắc thay vì vải cotton màu trắng như quy định. Bà đã đưa tôi tới cửa hàng Joplings trên phố hai lần trong năm để mua đồ lót, và thường không bao giờ hỏi tôi muốn gì. Nhưng trong chuyến đi lần cuối cùng của tôi bà đã cho phép tôi mua một chiếc áo ngực màu hồng và một chiếc quần lót cùng bộ, cùng một quần lót màu vàng chanh nữa. Bà lẩm bẩm rằng bà sẽ phải ghi vào sổ là màu trắng để Văn phòng Trại trẻ - nơi giám sát những chuyện đó - sẽ không biết chúng tôi đã vi phạm quy định.

Mùa hè năm 1965 là kì nghỉ cuối cùng của tôi tới Whitby. Lần này chúng tôi không ở trong những lều trại quân đội ở Staithes nữa mà chuyển tới một khách sạn ở West Cliff, nằm chính trong Whitby. Như vậy tốt hơn nhiều so với việc ở trong những lều trại gió lùa suốt ngày. Chúng tôi ở chung trong những phòng khách sạn lớn có những chiếc giường lớn rất dễ chịu, những tủ quần áo để quần áo và một chiếc tủ ngăn kéo đặt bên cạnh mỗi giường. Những chiếc rèm cửa dài chạm tới tận sàn nhà và được buộc lại bằng một sợi dây đẹp để có tua ở hai đầu, tất cả những điều đó khiến chúng tôi cảm thấy thật đặc biệt.

Tất cả các trại trẻ đều đưa bọn trẻ nhà mình tới ở trong khách sạn này, vì thế nơi này tràn ngập những đứa trẻ như tôi, và cảm ơn trời đất cũng chẳng có người khách nào khác tới quấy rầy. Và không giống như ngày trước, khi chúng tôi diễu hành trong im lặng, các dì thoải mái hơn nhiều và để chúng tôi được phép chạy.

Trong suốt tuần đó tôi thường ngồi trên chiếc ghế đặt bên cạnh cửa sổ phòng tôi, nhìn ra ngoài bến cảng, nhìn những chiếc thuyền đi qua và những người phía dưới, họ đang ngồi trên ghế hoặc ngồi trên cát, với kem cầm trên tay. Tôi vẫn tìm Alan, vẫn chắc chắn cậu ấy ở đâu đó quanh đây và tin rằng nếu tôi tiếp tục tìm kiếm tôi sẽ thấy cậu ấy.

Trong suốt năm năm, tôi luôn trông chờ tới kì nghỉ hàng năm để có thể tìm Alan. Và trong suốt năm năm tôi đã thất bại trong việc tìm kiếm cậu ấy. Thật khó để chấp nhận sự thật, rằng khi chúng tôi đi về

lần cuối cùng, tôi có thể sẽ không bao giờ quay trở lại đây được nữa, để tìm lại người bạn đặc biệt của tôi.

17 - Alan

Sau bữa sáng của ngày đầu tiên của tôi ở Stanhope, thầy Hiệu trưởng gọi tôi tới phòng. Ông bảo tôi rằng hành xử của tôi tối hôm trước cho thấy tôi cần phải được kiểm soát chặt chẽ và họ sẽ làm như vậy. Sau khi nhận được một trận đòn từ thầy quản lý ký túc, và nghĩ đến thái độ của anh trưởng, tôi nghĩ đúng là họ đã làm như vậy.

Suốt cả ngày hôm đó tôi được học về những luật lệ, luật lệ và luật lệ - và cố gắng tìm đường. Ngôi trường này có chút giống như một mê cung và phải mất một thời gian để học về bố cục các toà nhà, phải nhớ rằng sân ở giữa và các toà nhà khác ở xung quanh. Những kí túc xá nằm ở tầng một của các toà nhà, nối với nhau bằng một hành lang mở, vì thế để tới một phòng nào đó bạn phải đi qua các phòng khác.

Mỗi sáng tất cả các cậu bé sẽ tập hợp ở hội trường, tập trung theo 4 nhóm của 4 nhà và theo thứ tự từ bé đến lớn. Những đứa nhỏ nhất đứng trước để các anh trưởng sẽ nhìn thấy được tất cả mọi người. Những cậu bé nhỏ tuổi hơn sẽ tới phòng học - ở đó chúng tôi được dạy những thứ cơ bản như đọc, viết, khoa học và toán học, được dùng những chiếc bút mực bằng gỗ vót đầu với những lọ mực và giấy thấm. Ở đây không có kì thi nào, nên rời khỏi đây chẳng ai có bằng cấp gì cả. Tất cả chúng tôi đều được xác định sẽ làm những ngành nghề lao động chân tay. Khi 13 tuổi, việc học sẽ bị cắt bỏ và mỗi người chúng tôi sẽ được giao cho những công việc trong trường - làm việc ở xưởng giặt là, trong bếp hoặc ngoài vườn, hoặc bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa và lau dọn - những công việc được coi như để chuẩn bị hành trang cho chúng tôi sau này ra ngoài kiếm sống.

Có rất nhiều bài tập - thầy Hiệu trưởng lúc nào cũng muốn bọn trẻ chúng tôi phải hoạt động. Chúng tôi có một sân chơi rất rộng chia làm 3 sân bóng đá, và hầu hết mọi người đều thường xuyên

chơi ở đó. Nhưng Ngài Maddison thích đi bộ, vì thế khi những nhà khác chơi bóng đá hay các trò chơi khác thì chúng tôi lại phải đi bộ - bất chấp thời tiết có thể nào. Ông ấy và thầy Hiệu trưởng tin rằng các cậu bé cần những kỉ luật nghiêm ngặt và những công việc nặng nhọc để rèn luyện bản thân. Thỉnh thoảng tôi tự hỏi sao hai người họ không nghĩ rằng họ đang rèn luyện để chúng tôi đi chiến đấu thì đúng hơn.

Chúng tôi phải hành quân rất lâu, thường kéo dài cả vài tiếng đồng hồ. Ngài Maddison thường mặc một chiếc áo mưa chùng cổ lỗ, đi đôi giày đi bộ màu nâu sẫm và đội một chiếc mũ y hệt như trong những bộ phim thời 1930. Đương nhiên ông lúc nào cũng mặc com lê và thắt cà vạt, trang phục luôn đúng chính xác như vậy.

Phần lớn thời gian chúng tôi phải đi hành quân, nhất là đi qua các ngôi làng. Chúng tôi xếp thành hàng theo thứ tự, đứa nhỏ nhất đứng phía trước, một bên là anh trưởng hô to “Trái! Phải! Trái! Phải!”. Ngài Maddison sẽ đi phía sau với cây gậy trong tay. Những người dân trong làng nghĩ ông ta ở đó trợ giúp chúng tôi, nhưng chúng tôi đều biết đó không phải mục đích thật sự của ông ta.

Khi đã tới vùng quê bên ngoài, chúng tôi sẽ được phép dừng hành quân và chỉ đi bộ thôi. Và dù những chặng đường rất dài, chúng tôi luôn làm tôi thích thú. Tôi yêu những ngọn đồi, những làn hơi nước và thích được nhìn ngắm những bóng mây đuổi nhau bên kia đồi. Chúng tôi nhìn thấy những thác nước và trên những cánh đồng hoang chúng tôi nhìn những con điều hâu sà xuống săn mồi, lắng nghe những tiếng kêu đơn côi của chim dẻ và sự hoảng loạn của những con gà gô khi chúng tôi đến gần. Thỉnh thoảng bọn cú sẽ nhào qua và chúng tôi sẽ nghe thấy tiếng sữa của những con cáo đuổi theo chúng ở phía xa. Tất cả những âm thanh đó thật thần kì đối với thính giác của tôi, và tôi dần thân thiết với những ngọn đồi, những thung lũng và cả những mùa thay đổi nơi đây.

Ngay bên ngoài khu làng là một ngọn đồi dốc đến nỗi đường lên đồi phải xây thành những hình vòng cung từ bên này sang bên kia, giống con đường chúng tôi nhìn thấy trong những bức hình về dãy núi Alps ở Thụy Sĩ. Con đường đó dẫn tới một cánh đồng hoang ở trên cao và Bollihope Common, rồi sau đó tới một thôn làng nhỏ gần đó, phía trên thung lũng, trước khi xuống đến trường học. Thường

thì một ngày chuyến hành trình này sẽ khiến chúng tôi mất ba đến bốn tiếng đồng hồ. Nhưng một ngày mùa đông lạnh giá, dù tuyết đã rơi, ngài Maddison quyết định chúng tôi vẫn phải hành quân trên chặng đường này như chúng tôi đã lên kế hoạch từ trước.

Tất cả chúng tôi đều mặc áo mưa, bên trong là áo khoác, áo sơ mi, áo chui đầu và bên dưới mặc quần ngắn, không có găng tay và chỉ có mũ đồng phục trường học. Ngay khi được biết sẽ phải đi đâu, đã có những tiếng thì thầm lén lút giữa mọi người, vì chúng tôi đều biết trời rất lạnh và cuộc hành quân sẽ rất khó khăn. Khi chúng tôi lên tới đồi, tuyết rơi càng nhiều hơn, nên khi đến được chỗ một mỏm đá bỏ hoang ở trên cánh đồng có gà gô để dừng nghỉ, thì chúng tôi đã ở trong tình trạng đối mặt với bão tuyết.

Ngài Maddison hẳn đã nhận thấy thời tiết dần trở nên nguy hiểm nên ông đã nhanh chóng gọi chúng tôi vào lại hàng và đi tiếp. Nhưng không được bao lâu thì cuộc hành quân không thể tiếp tục được nữa vì tuyết quá dày. Chúng tôi phải phá vỡ hàng lối và cố hết sức bước đi. Con đường đã bị tuyết lấp hết không còn nhìn thấy nữa và chúng tôi phải chập vạt tìm hướng, dựa vào những mỏm đá cũ và những điểm đánh dấu dọc theo cánh đồng. Nhưng một quãng đường bốn dặm vẫn còn phía trước và bão tuyết vẫn hoành hành, khi ấy chúng tôi đã đóng băng và kiệt sức. Chúng tôi cố ấn người xuống, đầu cúi xuống để tuyết khỏi bay vào mắt, nhưng bước đi trong cấp gió này thật vất vả quá sức, khi mà mỗi bước đi của chúng tôi giờ đã chìm trong lớp tuyết dày. Lớp da ở đầu gối chúng tôi chạm vào lớp băng tuyết phía dưới lạnh buốt và chúng tôi rất muốn dừng lại, nhưng dừng lại hẳn sẽ bị phạt đến chết. Các cậu bé lớn hơn động viên những đứa nhỏ bằng cách hát, rồi hét to cổ vũ hoặc đỡ chúng.

Mất gần sáu tiếng đồng hồ chúng tôi mới về tới trường. Kiệt sức, đói kinh khủng và tê cứng người vì lạnh, chúng tôi đến phòng ăn - ở đó có một người phụ nữ chịu trách nhiệm nấu bữa tối sẽ bày biện mọi thứ - nhưng khi đó đã là mấy tiếng sau giờ ăn bình thường. Do vậy thay vì những đĩa đồ ăn nóng hổi chúng tôi khao khát là những đĩa thức ăn đã đông cứng và lạnh lẽo chẳng còn ngon lành gì. Thêm vào nữa, khi chúng tôi cố gắng ăn thì tay chúng tôi đã đông cứng vì lạnh đến nỗi không sử dụng dao đĩa được nữa.

Đêm đó chúng tôi lên giường đi ngủ trong cơn đói, đau nhức ê ẩm và buốt lạnh. Đầu gối, má và tay chúng tôi đau rát và nứt nẻ cả hàng tuần sau đó. Chúng tôi đã phải đến bệnh xá mỗi sáng để các y tá bôi i-ốt lên trên những vết thương nặng. Nó xót đến nỗi từ ngoài đường cũng nghe thấy tiếng thét của chúng tôi. Dù sau đó chúng tôi đã phải tham gia vào nhiều cuộc hành quân vất vả khác nữa, nhưng không lần nào kinh khủng như lần đó.

Giữ vững lòng tin rằng càng cho chúng tôi ra ngoài bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, các nhân viên đã tổ chức những chuyến cắm trại cho tất cả đám con trai chúng tôi vào mỗi tháng sáu hàng năm. Chúng tôi luôn luôn tới một khu cắm trại nhỏ phía trên thung lũng, nơi đó gần với một con suối rộng. Có hai chiếc lều kiểu quân đội làm bằng vải bạt, một cho bọn trẻ và một cho các thầy. Mỗi đứa chúng tôi có một chiếc túi ngủ cũ kĩ, một chiếc chăn gậy ngựa, một bộ quần áo để thay đổi, giày đế mềm nhưng không có tất, bộ đồ ngủ và quần soóc thường ngày, và trừ khi thời tiết ẩm áp bất thường còn không thì phần lớn thời gian chúng tôi đều rét run.

Bữa sáng là cháo nóng. Nhưng để được ăn sáng chúng tôi phải chạy xuống đồi, lội qua suối và chạy sang ngọn đồi bên kia. Chuyện này khó khăn hơn bạn nghĩ, vì một bên đồi phủ đầy những cây thạch nam và chúng tôi phải giẫm lên nó, chân trần sẽ bị lá cây chạm vào cào rát. Nếu đi chậm quá thầy giáo sẽ giao các nhiệm vụ khác, thường liên quan tới việc mang vác những hòn đá nặng.

Bên kia đồi thì hơi cong, do vậy các thầy đợi ở dưới chân đồi không quan sát được chúng tôi. Vì thế để chứng minh đi đúng con đường yêu cầu, chúng tôi phải mang về một chiếc lá từ một cái cây trên đường. Chúng tôi nhanh chóng nghĩ ra một mảnh lới cho chuyện đó. Một đứa được chọn sẽ chạy đi và hoàn thành nhiệm vụ, hái về một vốc lá để chia ra, còn những đứa còn lại đợi, tránh không để các thầy trông thấy. Khi đứa được chọn đi trở về, một số đứa khác sẽ cố gắng nó đi xuống nếu nó quá mệt để chạy tiếp. Chuyện này rất hiệu quả và các thầy không bao giờ phát hiện ra, dù sự thật là chân của một đứa sẽ xước xát còn những đứa còn lại chẳng làm sao.

Thỉnh thoảng ở Stanhope có những phần thưởng để bù đắp lại cho chế độ hà khắc. Một trong số đó là chuyến đi hằng tuần của

chúng tôi tới bể bơi ở thành phố Durham. Chúng tôi ngồi trên những chiếc xe buýt một tầng kiểu cũ, đi cả một chặng đường dài hàng tiếng đồng hồ. Nắp ca-pô của xe bị kẹt cứ mở ra đằng trước, và giữa những cái đèn pha có một lỗ đặt tay quay. Nếu pin hết - chuyện này thường xuyên xảy ra - chúng tôi sẽ thấy người tài xế dồn hết sức giận dữ quay tay nắm để khởi động máy. Đó là một chuyến hành trình chậm rãi và đẹp như trong tranh một cách quá tuyệt, vì chúng tôi chạy ình ình qua những thung lũng và những ngọn đồi. Nhưng bạn phải cầu Chúa nếu muốn đi vệ sinh, vì người tài xế sẽ không dám dừng lại vì sợ chiếc xe sẽ không thể khởi động trở lại.

Phần thưởng lớn nhất của chúng tôi là chuyến đi tới rạp chiếu bóng mỗi tháng một lần, vào tối thứ Bảy. Tất cả chúng tôi sẽ xếp thành hàng và bị kiểm tra xem đã ăn mặc đúng chưa. Đúng có nghĩa là đi giày, mặc áo mưa và đội mũ nếu trời mưa, hoặc đi giày và mặc áo thun nếu trời không mưa. Sau đó chúng tôi sẽ hành quân tới cổng chính và bước lên đường để tới hội trường của thị trấn, nơi những hàng ghế gỗ giống như ở nhà thờ đã được sắp sẵn. Phía trước là một sân khấu, trên đó có một màn hình lớn được hạ xuống từ trên trần.

Tất cả trẻ con trong khu làng cũng tới rạp chiếu bóng. Chúng luôn được ngồi phía trước, còn chúng tôi bị dẫn vào những hàng ghế phía sau. Trước khi tới đó chúng tôi được dặn không được nói chuyện với bọn chúng. Nếu chúng hỏi gì chúng tôi chỉ được trả lời có hoặc không mà không được nói gì thêm, và có một thầy giáo sẽ ở đó để ngăn chặn bất cứ cuộc nói chuyện nào.

Một ngày những đứa trẻ sống trong làng quyết định bày chút trò vui, vì thế có vài đứa trong số chúng ngồi ở những hàng ghế sau, nơi chúng tôi đã được định sẽ ngồi. Điều đó có nghĩa là chúng tôi phải tách ra, và một số đứa trong chúng tôi phải ngồi cạnh những đứa trẻ trong làng và thậm chí - lạ Chúa trên thiên đường - đó là con gái. Thầy giáo không vui về gì vì chuyện đó, nhưng họ không thể ra lệnh cho bọn trẻ trong làng, nên dù mặt đầy tức khí nhưng họ vẫn không nói gì.

Tôi là một trong những đứa trẻ may mắn ngày hôm đó, tôi ngồi ở giữa một hàng ghế phía trước, cạnh một cô bé trong làng nhìn có

về trạc tuổi tôi. Những người bạn ngồi bên cạnh cô bé đều thì thầm và cười khúc khích khi tôi ngồi xuống bên cạnh cô bé ấy.

Đèn tắt và bộ phim bắt đầu. Ngay sau đó cô bé quay sang tôi và thì thầm “Cậu thích phim này không?” và đặt tay lên đầu gối trần của tôi. Tôi có thể cảm thấy tim mình dựng lên khi tôi thốt ra một câu trả lời trong âm giọng cao vút “Có”. Cô bé bỏ tay ra và quay sang đám bạn của cô ấy tiếp tục thì thầm và cười khúc khích. Nhưng chỉ vài phút sau cô ấy lại đặt tay lên trên đầu gối tôi và một lần nữa nhiệt độ trong người tôi lại lên cao đến mức tôi hẳn đã phát sáng trong bóng tối.

Đến giờ giải lao, những cậu bé lớn tuổi hơn đã tranh giành nhau và thoả thuận đổi chỗ với những đứa chúng tôi. Chuyển xuống ghế sau cạnh một anh lớn tuổi hơn, tôi đắm mình trong hồi tưởng về cuộc gặp gỡ bất hợp pháp của mình.

Trở lại trường, đã có những lời đồn đến tai thầy Hiệu trưởng về việc chúng tôi tiếp xúc với những đứa trẻ địa phương. Chắc chắn sẽ có hành động ngăn chặn chuyện này, nhưng đó là gì? Chúng tôi sớm được biết. Trong cuộc tập hợp thầy Hiệu trưởng đã tuyên bố rằng “Thay vì tới rạp chiếu phim, rạp chiếu phim sẽ tới chỗ chúng ta!” - Lúc đó một màn chiếu lớn được một chiếc xe đẩy đưa vào. “Sau này chúng ta sẽ chiếu những bộ phim của chúng ta ở hội trường vào mỗi tháng. Thế có tốt không nào, các chàng trai?”, ông phấn khích hỏi. “Vâng, thưa Ngài”, tất cả chúng tôi đều trả lời, nhưng trái tim đã tan nát.

Vào một buổi tối được định trước, màn chiếu lớn trong hội trường sẽ được thả xuống và chúng tôi sẽ ngồi thành hàng, nhìn vào màn chiếu. Chúng tôi ngồi trật tự trong lúc một trong số các thầy mò mẫm với chiếc máy chiếu, cố gắng tải cuộn băng đầu tiên. Ngay khi bộ phim chuẩn bị bắt đầu, thầy Hiệu trưởng đứng dậy tuyên bố, “Ta hi vọng các cậu sẽ thích bộ phim này. Ta chọn nó đặc biệt dành cho các cậu và ta đang sắp xếp cho một số người trong số các cậu sử dụng nó như một máy chiếu ở trường.” Bạn có thể cảm nhận được sự trầm lắng đột ngột tràn qua đám đông khán giả. Nếu ông ấy chọn phim hẳn nó sẽ là bộ phim chán nhất trên đời, chúng tôi đều hiểu rõ người đàn ông này.

Trong không khí im lặng bao trùm chúng tôi nhìn màn chiếu bắt đầu chạy và dòng tên phim xuất hiện trên màn hình: Man of Arran. Đó là một bộ phim tài liệu đen trắng về cuộc sống ở đảo Arran ở Scottish Hebrides. Một tư liệu giáo dục tuyệt vời, chẳng cần nghi ngờ gì. Nhưng không phải kiểu chúng tôi nghĩ mình sẽ được xem vào một tối thứ Bảy.

Chúng tôi đã sợ rằng chuyện này có nghĩa là niềm vui xem phim của chúng tôi đã chấm dứt, nhưng may cho chúng tôi là thầy Hiệu trưởng sau đó không bao giờ xuất hiện ở những buổi chiếu phim nữa và thầy quản lý luôn có một danh sách những bộ phim khá khảm để chọn chiếu.

Sau khi ở trường đó được khoảng 18 tháng, tôi lại nảy sinh ý định bỏ trốn đi tìm Irene.

Có hai anh lớn đến gặp tôi, lên kế hoạch bỏ trốn. Họ biết tôi đã đi bộ cả hàng dặm trong vùng này, nên họ hỏi tôi liệu tôi có thể chỉ cho họ cách đi qua đồi để đến Gateshead không. Tôi biết đường đi, và tôi còn biết chìa khoá khoá cửa sổ có đường đi lên trên mái trường học nằm ở chỗ nào, nên tôi hứa sẽ giúp. Sau đó tôi quyết định mình sẽ thực hiện một cuộc bỏ trốn tốt hơn, và đi cùng họ. Tôi đã mơ về chuyện được trở lại Sunderland để tìm Irene. Đây là cơ hội của tôi.

Vài đêm sau đó ba chúng tôi trèo ra ngoài cửa sổ và bước vào làm không khí buổi đêm lạnh lẽo. Tôi vẫn nhớ mình đã dừng lại một chốc để ngược nhìn lên vô số những vì sao lấp lánh trong đêm tối và cảm nhận không gian chúng dành cho tôi. Chúng tôi len lỏi qua cửa sổ phòng thầy hiệu trưởng, chui qua đường ống thoát nước và cẩn thận đi qua lối đi cho xe để ra khỏi cổng chính. Đi trên những con đường ngách sau, chúng tôi đã lên được tới cánh đồng hoang phía trên đồi cao.

Khi đã ở trên cánh đồng chúng tôi bắt đầu chạy. Gió thổi rất mạnh ở trên đỉnh đồi và tôi đã đánh rơi mắt mũ của mình ở đâu đó, nhưng cứ chạy như vậy khiến tôi thấy nóng người và khi ấy những cơn gió lạnh khiến tôi rất sẵn sàng thoát. Màn đêm khá trong trẻo, và trên bầu trời sao tôi nhìn thấy một ngôi sao băng. Và giây phút đó tôi nhận ra tôi đang đi một chuyến đi ngốc nghếch. Lần cuối tôi nhìn thấy Irene đã cách đây cả năm năm, và tôi gần như chắc chắn giờ hẳn cô ấy đã rời khỏi Rennie Road. Tôi cũng kiệt sức khi cố chạy

theo hai người kia và có thể sẽ không đi xa thêm được nữa. Vì thế tôi bảo họ dừng lại, và sau khi thảo luận chúng tôi đồng ý rằng tôi sẽ quay lại và cố gắng xoá dấu vết bỏ trốn của họ.

Việc quay về mất ít thời gian hơn một chút, vì đó là chặng đường chạy xuống đồi. Khi đó bình minh đã lên, vì thế tôi vội vã bỏ trôi lại theo đường ống nước, trèo qua cửa sổ, khoá nó lại phía sau tôi, trước khi lặng lẽ trở lại giường. Tôi mệt đến nỗi có thể ngủ cả tuần, nhưng chỉ vài phút sau thầy giáo đã tới gọi chúng tôi dậy. Mặc dù tôi đã hoàn toàn kiệt sức, tôi vẫn cảm thấy mình đã thắng lợi lớn khi xuất hiện được ở bữa sáng. Tôi đã làm được những điều tưởng như không thể.

Cả ngày hôm đó chủ đề duy nhất là cuộc bỏ trốn trong đêm và tin tức rằng cảnh sát đang lùng sục cánh đồng hoang để tìm những cậu bé mất tích. Tôi cảm thấy may mắn sao mình đã trở lại được. Nhưng ngày hôm sau, trong bữa sáng, hai thầy giáo bước vào và thì thầm gì đó với thầy Hiệu trưởng. Sau đó một trong số họ giơ ra một chiếc mũ đồng phục, và tôi biết tôi đã xong đời rồi.

Không lâu sau đó tôi đã đứng bên ngoài văn phòng thầy Hiệu trưởng. Ông gọi tôi vào và ngay khi tôi quay lại đóng cánh cửa sau lưng mình tôi đột nhiên nhìn thấy một luồng ánh sáng khi một cơn đau rất tốt cùng ập đến sau gáy, rồi sau đó là trên lưng tôi. Sự choáng váng làm tôi mất phương hướng và tôi ngã khuỵu về phía trước. Tôi cảm thấy có nhiều tiếng bình bịch lên lưng và chân mình, và sau đó có một tiếng gãy vỡ lớn và một âm thanh bong tróc khi cơn đau không thể tả nổi ập lên lưng tôi và dưới chân tôi.

Tôi nghe thấy tiếng thầy Hiệu trưởng la lối ở đâu đó và có những âm thanh khác nữa tôi không còn nhận thức rõ. Sau đó toàn bộ cơn đau ghê gớm ập tới và tôi bắt đầu la khóc. Có một cảm giác tê buốt từ sống lưng tới tận những ngón chân tôi. Những tiếng bình bịch dừng lại và tôi thoáng nhìn thấy chiếc gậy trong tay ông ta. Nó đã vỡ làm đôi.

Sau đó tôi không nhớ gì nhiều, ngoại trừ chuyện một thầy giáo đã cố bế tôi lên giường bệnh - khiến tôi hét lên kinh khủng hơn nữa. Tôi không được chạy chữa gì hết và bị để cho tự hồi phục. Đó là một khoảng thời gian đau đớn đáng sợ. Tôi biết lưng mình đã bị thương nặng, nhưng tôi không thể làm gì. Bằng cách nào đó tôi đã

cố gắng đứng dậy và bước đi, nhưng tôi đi khắp khiêng suốt vài tuần và cổ và cột sống của tôi đã phải chịu những tổn thương vĩnh viễn.

Đó là lần cuối cùng tôi cố gắng về với Irene. Vết thương của tôi đồng nghĩa với việc tôi không thể đi đâu suốt một thời gian, và hẳn giờ cô ấy đã không còn ở Rennie Road nữa. Tôi sẽ chẳng biết phải tìm cô ấy ở đâu. Dù bằng cách nào đó, sâu trong lòng tôi vẫn tin rằng một ngày nào đó tôi sẽ gặp lại cô ấy.

Nhiều tuần sau lần bỏ trốn đó, chúng tôi nghe nói hai chàng trai bỏ trốn đã bị bắt ở Newcastle, nhưng họ không bao giờ trở lại trường. Chúng tôi chỉ có thể đoán xem liệu họ đã gặp phải chuyện gì.

Một hôm có một thầy giáo khoa học mới đến trường. Ông được giới thiệu là thầy Bumby và chúng tôi nhận thấy ngay rằng thầy ấy rất khác biệt. Tóc thầy ấy dài hơn kiểu cắt ngắn đằng sau và hai bên thông thường của các thầy giáo khác, và phong cách của thầy ấy thoải mái hơn nhiều. Đó là những năm 60, và bên ngoài cánh cổng trường tôi cuộc cách mạng xã hội đang diễn ra. Và thầy ấy mang theo hơi thở của cuộc cách mạng ấy trong mình. Thầy ấy luôn nói chuyện với chúng tôi và giải thích mọi thứ thay vì giao cho chúng tôi những thứ để học rồi đánh đập chúng tôi khi chúng tôi không làm. Thầy ấy truyền cảm hứng cho chúng tôi và cho chúng tôi thấy rằng thế giới tràn ngập những người hiểu biết và những người không có học, và rằng những người có kiến thức luôn có quyền thế, vì thế để có quyền lực bạn phải là người có kiến thức. Chúng tôi từng nghĩ những bài học thật chán nản và chẳng có tác dụng gì, nhưng thầy ấy khiến chúng tôi thấy rằng mình cần phải hiểu được thế giới xung quanh. Đột nhiên chúng tôi muốn học tập, nhưng hầu hết chúng tôi đều không có những kiến thức căn bản, vì thế tất cả chúng tôi đều bắt đầu học hành chăm chỉ hơn.

Chúng tôi yêu mến thầy Bumby, nhưng những giáo viên già hơn thì không lấy gì làm vui vẻ. Chúng tôi từng thấy thầy ấy giữ tay của một giáo viên khác khi ông ta đang định đánh một cậu bé bằng gậy của mình. Họ đều bỏ đi, nhưng chúng tôi đã nghe nói về một cuộc tranh cãi sau đó về trẻ em và sự ngược đãi, và giờ đây thế giới đã đổi thay.

Không lâu sau đó lại có thêm một giáo viên mới nữa. Đó là một thầy giáo dục thể chất, và thầy ấy cũng rất khác biệt. Khi đó chúng tôi chỉ chơi bóng đá vào mùa đông và cri-kê vào mùa hè, nhưng thầy giáo mới đã giới thiệu về bóng bầu dục, phóng lao, nhảy cao và nhảy xa, và đề nghị có thêm những cơ sở vật chất mới - mà cuối cùng chúng tôi cũng có. Khoảng một năm sau đó, phòng thể chất trong nhà được xây dựng, với cơ sở vật chất cho cầu lông và tennis cũng như sân cri-kê dành cho 5 người một đội.

Các trường khác được mời đến đá bóng giao hữu - điều không thể tưởng tượng được cách đó một năm. Buồn thay, đội bóng trường tôi quá kém cỏi, vì thế chúng tôi đã đưa ra một kế hoạch để cải thiện khả năng của mình. Một đàn cừu được đưa vào sân bóng, và khi cần chúng tôi sẽ dồn quay chúng lại vào cuối sân. Kết quả là có một đồng cừu chạy khắp nơi và bạn phải trông chừng chúng khi chơi bóng. Nếu chúng tôi thua trong một trận đấu với một đội khác, chúng tôi sẽ lẩn bóng trong bùn trước khi đá sang phía bên kia. Sẽ có những tiếng than khóc “khốn kiếp” khi quả bóng trúng vào họ, và sẽ tệ hơn nữa nếu không may quả bóng trúng vào đầu ai đó. Sau đó các thủ môn đội họ sẽ thường tránh xa quả bóng. Phương pháp này thực sự đã mang lại cho chúng tôi một vài lần chiến thắng.

Tới kì nghỉ dài mùa hè, hầu hết mọi người dành 10 ngày về nhà, nhưng tôi đã mất liên lạc với gia đình, và có lẽ các nhà chức trách đã quyết định không cần thiết phải nổi lại, vì thế tôi ở lại trường. Tôi không lầy gì làm phiền muộn, tôi đã quen với việc ở một mình, không có sự liên hệ của gia đình. Nhưng sau đó tôi nghĩ đó là do cảm giác mất mát quá lớn với tôi và tôi chỉ đơn giản chôn giấu mọi thứ trong lòng.

Giáng sinh cũng vậy, hầu hết mọi người về nhà. Chính lúc đó thầy Hiệu trưởng thể hiện chút hào phóng của mình khi làm một con gà tây rất lớn mời tất cả những người già trong làng tới ăn bữa tối Giáng sinh miễn phí, và chúng tôi sẽ giúp phục vụ bữa tiệc.

Vào kì nghỉ hè, khi tất cả các chàng trai đã trở về sau kì nghỉ ở nhà, chúng tôi sẽ đi cắm trại. Tôi rùng mình khi nghĩ đến lần cắm trại trước của chúng tôi trên đồi, nhưng bất ngờ và sung sướng làm sao khi chúng tôi được thông báo sẽ được tới Whitby. Tôi hy vọng, tràn ngập phấn khích, nghĩ rằng Irene cũng sẽ đi cắm trại và tôi có

thể tìm thấy cô ấy.

Chúng tôi tới bằng xe khách và cắm trại trên trận địa của một lũy đoàn nằm trên ngọn đồi nhìn xuống thị trấn. Chúng tôi ở trong những chiếc lều hình quả chuông, giống lều của người da đỏ ở Mỹ nhưng cái cột chống giữa dày hơn. Cứ tám người ở một lều, khi ngủ thì đầu hướng ra ngoài và chân hướng vào cột. Những túp lều của chúng tôi xếp thành một vòng tròn quanh trận địa và ở giữa có một cột cờ màu trắng với lá cờ quốc gia pháp phối - chúng khiến tôi nhớ đến Custer và những người Ấn Độ. Mỗi buổi sáng chúng tôi tập trung ở đó, được phát tiền tiêu vặt và chỉ dẫn trước khi bắt đầu một ngày “tuần tra”.

Chúng tôi sung sướng tận hưởng, thật tuyệt làm sao khi được tự do, ngay cả khi chúng tôi đi đến đâu cũng nổi bật vì mặc đồ màu xanh lá từ đầu đến chân. Quần soóc màu xanh, áo sơ mi màu xanh và tất cũng màu xanh.

Tôi thích lang thang trên những con đường rải sỏi và vào những cửa hàng kì lạ. Chúng tôi trèo lên những bậc thang nổi tiếng để lên tới Tu viện ở bên kia thị trấn, đứng dưới mái vòm làm bằng phiến sừng ở hàm cá voi, và chơi trên bãi biển. Mọi nơi tôi đến tôi đều tìm kiếm Irene, hi vọng sẽ bắt gặp cô ấy. Tôi cố tưởng tượng xem bây giờ cô ấy trông thế nào, và ngoái nhìn tất cả những cô gái tóc đỏ để xem liệu đó có phải chính là cô ấy, nhưng buồn thay chẳng bao giờ tôi gặp may.

Trong suốt năm năm ở Stanhope, hè năm nào chúng tôi cũng tới Whitby - từ năm 1963 tới năm 1967. Và năm nào tôi cũng ngồi trên bờ biển, nghĩ tới Irene, tự hỏi không biết bây giờ cô ấy đang ở đâu. Nhưng mặc dù không tìm thấy cô ấy, những kì nghỉ đó cũng là những điểm nhấn trong suốt cả năm của chúng tôi.

Sau kì nghỉ chúng tôi lại trở về chế độ hà khắc ở Stanhope. Và khi đủ 13 tuổi, tôi được giao những công việc ở trường, bao gồm lấy và mang vác đồ cho các bà ở phòng may đồ và phòng giặt là, hoặc làm việc trong bếp hoặc trong vườn trường. Những công việc bảo trì bảo dưỡng bao gồm tìm và mang vác đồ cho những quán gia, xúc than vào lò, sơn và trang trí, cắt cỏ trên đồng, quét lá và giúp bơm nước và bảo dưỡng đồ điện.

Công việc thú vị nhất là làm vườn. Trường học có một khu vườn rộng cỡ ba hay bốn lần sân bóng và có tường xây từ thời Victoria bao quanh. Ở đó trồng rau cho trường và có hầu hết các loại cây ăn quả. Chúng tôi hái táo ở những cây trồng dọc theo bờ tường, sau đó đặt chúng lên những khay gỗ lớn ngoài cửa hàng nằm trên những chòi ban công lớn. Công việc khá vất vả, mất nhiều giờ làm cỏ và đào xới, nhưng đó là việc khiến chúng tôi có thể “ở đâu đó khác” nhiều nhất, khiến cho thời gian ở trường thoải mái hơn. Tôi dành nhiều thời gian làm việc trong vườn, tay chân lấm bẩn, đầu óc mơ mộng và trái tim đi lạc tới nơi nó vẫn hướng về - nơi có Irene.

18 - Irene

Sau khi đủ 15 tuổi, sau lễ Phục sinh cũng là lúc tôi sẽ rời trường học. Đó là năm 1966 và các bạn học của tôi hào hứng nói về những gì họ sẽ làm. Hầu hết bọn họ đều đã có công việc để làm và mong chờ đến khi được bước ra ngoài xã hội. Nhưng khi họ hỏi tôi sẽ đi đâu tôi nói mình cũng chưa biết chắc chắn. Thực ra tôi không hề biết mình sẽ làm gì sau đó. Chẳng có ai nói đến chuyện này với tôi, và chắc chắn tôi cũng không biết làm thế nào để kiếm được một công việc, hay thậm chí tôi có thể làm việc gì thì được. Tôi lo lắng về chuyện đó và tự hỏi liệu có nên nhắc đến vấn đề này với các dì.

Trước khi tôi có thể làm thế, thì dì Doris đã thả một quả bom xuống đầu tôi. “Khi cháu rời trường cháu cũng phải rời khỏi đây,” một buổi sáng bà thông báo với tôi như vậy.

Tôi nhìn dì chăm chăm, chết lặng. “Vậy cháu sẽ đi đâu?”, tôi hỏi dì ấy.

“Cháu cần tìm một nơi để sống”, dì ấy bảo tôi như vậy. “Một khi rời trường, chính quyền địa phương sẽ không chịu trách nhiệm về cháu nữa.”

Tôi bị sốc. Tất nhiên tôi biết mình sẽ không ở đây mãi mãi, nhưng tới tận lúc đó tôi vẫn còn nghĩ chuyển đi là chuyện gì đó sẽ xảy ra trong tương lai. Và giờ thì tương lai đột nhiên đã đến, còn tôi hoàn toàn không có ý niệm gì về nơi mình sẽ đến sau đây.

Cuộc sống ở Rennie Road đã không trang bị cho tôi nhiều kiến thức. Tôi không có bằng cấp chính thống, cũng không có kiến thức hay hiểu biết gì về thế giới bên ngoài. Tôi không biết nấu ăn, không biết quản lý tiền bạc hay coi sóc một ngôi nhà. Tất cả những gì tôi được học trong sáu năm ở trại trẻ, ngoại trừ việc làm những gì được ra lệnh miễn thắc mắc, là cách dọn dẹp và giặt rửa - những thứ tôi không bao giờ muốn phải làm lại nữa. Ngoài việc đó ra thì tôi chỉ biết may; vì một trong những công việc của tôi những năm sau này là giúp các dì may vá và tôi đã rất thành thạo chuyện kim chỉ.

Tôi chẳng có kế hoạch gì và chẳng có hình dung gì về tương lai. Trong khi những cô gái khác háo hức được vào đại học, đi làm và kiếm chồng, thì tôi không thể tưởng tượng tương lai sẽ dành cho mình những gì. Cả dì Doris hay dì Joyce cũng chưa từng ngồi lại cùng tôi và thảo luận về những tác động của việc rời khỏi trại trẻ đối với tôi và những gì tương lai có thể mang lại. Tất cả mọi thứ đều mù mờ, và tôi không nhận thức được sẽ có những thay đổi lớn nào ở phía trước. Tôi cảm thấy hoảng sợ khi nghĩ đến nó, vì thế tôi chẳng làm gì cả và chỉ đơn giản là xua đuổi những ý nghĩ về tương lai.

Một vài tuần trước khi tôi rời trường học, dì Doris nói người ta đã sắp xếp cho tôi một buổi phỏng vấn ở tiệm may Jackson, một doanh nghiệp địa phương chuyên may những bộ đồ cho nam giới. Tôi không chắc mình có muốn làm công việc của một thợ may hay không, nhưng đó là một công việc và tôi biết mình phải chấp nhận những gì đã được sắp đặt. Vài ngày sau đó dì Doris dẫn tôi đi mua sắm lần cuối cùng và tôi được phép chọn một cái đầm, một cái áo choàng và một cái chân váy, thêm một chiếc áo khoác mỏng, vài đôi giày và ít đồ lót. Tôi chưa bao giờ được sở hữu nhiều quần áo đến thế.

Vào ngày phỏng vấn tôi mặc chiếc váy mới và bắt xe buýt tới nhà máy nằm ở vùng East End của thị trấn. Đó là một nơi rất rộng có khoảng 300 cô gái làm việc. Tôi tới văn phòng của người phỏng vấn và ngồi bên ngoài cùng với năm, sáu cô gái khác. Đến lượt mình tôi được hỏi có biết may không, và khi tôi trả lời là có, tôi đã được nhận vào làm việc. Tôi sẽ làm việc như một thợ may thực tập ngay tuần đầu tiên sau khi rời trường học.

Tôi rất tự hào rằng mình đã có việc làm, và tôi sung sướng nghĩ đến chuyện mình sẽ tự kiếm được tiền của riêng mình - tổng cộng là 13 bảng một tuần, thời đó là một mức lương khởi điểm không tồi. Nhưng tôi vẫn sợ phải tự sống một mình. Tôi sẽ đi đâu đây? Hầu hết những cô gái tôi biết đều sống ở nhà mình khi họ bắt đầu đi làm, nhưng tôi thì phải rời khỏi ngôi nhà duy nhất mà tôi biết.

Dì Doris cho tôi một danh sách những chủ nhà được phê duyệt bởi chính quyền địa phương để tôi tìm hiểu xem liệu họ còn phòng trống không. Tôi gọi điện cho một số người và một trong số họ bảo họ còn một chỗ ngủ nếu tôi muốn. Tôi nói tôi muốn. Vài ngày sau tôi

tới xem nhà mới của mình. Đó là một căn phòng trên căn gác nhỏ trên tầng cao nhất của một ngôi nhà bốn tầng từ thời Victoria nằm trong một khu gồm toàn những căn phòng và những căn hộ như vậy. Giá thuê phòng nhỏ của tôi là 5 bảng một tuần.

Tôi bắt xe buýt trở lại Rennie Road và cảm thấy lo sợ. Tôi có vài ngày để gói ghém đồ đạc, chuyển tới sống ở căn phòng nhỏ đó và sống cuộc sống một mình, mỗi ngày sẽ ra ngoài đi làm và tự mình xoay sở mọi thứ. Tôi hôm đó, khi xếp hàng chờ đi tắm cùng những đứa trẻ khác và sau đó lên giường đi ngủ lúc 8 giờ rưỡi, tôi nghĩ ít nhất sau này mình sẽ được quyết định khi nào thì đi ngủ. Ý nghĩ đó an ủi nỗi lo của tôi đôi phần và tôi cố gắng gạt đi những giọt nước mắt khi nghĩ đến chuyện mình sắp chỉ có một mình trên thế giới.

Vài ngày trước khi rời Rennie Road, tôi lấy chiếc vòng thẻ kim loại quý giá của tôi ra. Tấm thẻ đã bị cong gãy, lớp kim loại mỏng đã mòn nứt, nhưng vẫn có thể nhìn ra tên tôi và tên Alan khắc trên đó. Tôi sẽ luôn luôn nhớ những ngày hạnh phúc khi tôi còn là một cô gái nhỏ và có Alan là bạn. Nhưng giờ đã đến lúc phải lớn lên và bước tiếp, và để chiếc vòng ở lại. Tôi không thể chịu được ý nghĩ sẽ vứt bỏ nó, nên tôi mang nó lên đỉnh đồi Bunny và chôn nó. Khi làm thế xong, tôi nhìn khắp ngọn đồi lần cuối cùng, nhìn về những khu rừng ở phía xa, và trong một khoảng khắc ngắn ngủi tôi nhớ lại những ngày ấm áp và rừng hoa chuông diệu kỳ.

Ngày ra đi tôi dậy rất sớm và thấy Silvy đang khóc. Cô ấy nói tôi là người bạn duy nhất của cô, và sau khi tôi đi cô ấy sẽ không có ai để trò chuyện hay chơi cùng nữa. Tôi hiểu cảm giác của cô ấy. Tôi cũng lo sợ khi phải rời xa cô ấy, bước vào một thế giới mới không có một người bạn nào. Nhưng tôi cảm thấy mình cần mạnh mẽ và dũng cảm lên, vì thế tôi ôm cô ấy và nói với cô ấy rằng cô ấy cũng sẽ sớm rời khỏi đây thôi, khi đó chúng tôi có thể gặp nhau và chơi bời vui vẻ, và cô ấy vui hẳn lên trước viễn cảnh đó.

Tôi xếp đồ đạc của mình vào trong một chiếc túi da nhỏ màu nâu, đi xuống lầu và đặt túi đồ ở hành lang trước khi tới ăn sáng cùng những đứa trẻ khác. Như thường lệ, chúng tôi không được nói gì trong bữa ăn. Những đứa trẻ khác nhìn tôi, khi đó tôi đã mặc áo mới và váy, và tôi có thể thấy được nỗi buồn của chúng. Tôi cũng cảm thấy buồn. Tôi ước mình có thể nói gì đó với chúng, nói một lời tạm

biệt đúng nghĩa, hứa rằng sẽ gặp lại chúng. Nhưng tôi không dám: chúng tôi không được phép nói chuyện trong giờ ăn, và ngày hôm đó cũng không phải là ngoại lệ. Sau bữa sáng những đứa trẻ khác quay về với việc nhà. Lần đầu tiên kể từ khi tôi tới đây, một đứa trẻ khác bị giao rửa bát trong khi tôi đi cùng dì Doris tới văn phòng và được đưa cho một ít tiền để mang theo.

Không lâu sau, một chiếc xe màu đen đến bên ngoài. Dì Doris ôm tôi - cái ôm đầu tiên tôi nhận được từ bà - bà bảo tôi hãy bảo trọng, sau đó tiễn tôi ra xe. Tôi cảm thấy có gì đó dâng lên nghẹn ngào trong cổ mình khi tôi vẫy tay chào những gương mặt nhỏ nhìn theo tôi từ cửa sổ phòng chơi. Tôi muốn khóc. Tôi cảm thấy sợ hãi, hào hứng và buồn nữa, nhưng trên tất cả tôi cảm thấy mình đã bị vứt bỏ. Đây là ngôi nhà thân thiết nhất của tôi. Dù sau sáu năm ở đây tôi chẳng có gì và phải bước ra ngoài thế giới.

Mất khoảng nửa giờ để đến nhà mới. Tôi ngồi ở ghế sau, ruột gan còn cào lo lắng khi chúng tôi đi qua thành phố. Khi đến nơi người lái xe thả tôi xuống, gạt đầu rồi lái xe đi. Tôi lấy ra chìa khoá mà chủ nhà đã đưa, mở cửa vào nhà và bước lên cầu thang.

Tôi ngồi trong phòng mình, túi đồ đặt ngay bên cạnh trên sàn nhà và tự hỏi nên làm gì tiếp theo. Chính là đây. Giờ tôi đã lớn và cô đơn giữa thế giới này. Căn phòng nhỏ này - giường, bàn, ghế, lò than nhỏ và ô cửa sổ đơn nhìn ra mái nhà - bây giờ là nhà của tôi. Vấn đề là tôi không muốn ở đó. Tôi cảm thấy cô đơn và trống vắng. Tôi sẽ làm gì tiếp theo? Tôi không biết. Vì thế tôi ngồi trong phòng suốt hàng giờ đồng hồ cho đến khi cuối cùng tôi nhận ra mình phải đi kiếm gì đó để ăn. Tôi lấy hết can đảm bước xuống cầu thang và ra ngoài đường, tới cửa hàng nhỏ ở góc phố. Tôi mua mấy gói súp và một ổ bánh mì cùng với bơ bằng số tiền dì Doris đã cho tôi, sau đó mang chúng về phòng.

Có khoảng 10 đến 12 người sống cùng nhà với tôi, cứ ba đến bốn người ở một tầng, ai cũng có phòng riêng. Và tất cả chúng tôi dùng chung một phòng bếp ở tầng trệt. Tới tận cuối ngày hôm đó, khi tôi mang túi đồ ăn xuống dưới tầng bếp tôi mới nhận ra phải xếp hàng để dùng bếp, khi đó tôi đã là lượt cuối cùng. Một tiếng sau tôi mới có thể hâm nóng súp của mình và cắt một ít bánh mì và bơ, sau đó tôi lại mang chúng lên phòng, ngồi bên chiếc bàn nhỏ của mình

lặng lẽ ăn bữa tối. Sau đó tôi thay quần áo và lên giường đi ngủ. Tôi nằm thao thức một hồi lâu, căng thẳng trước bất cứ âm thanh nào nghe thấy trong nhà, cảm thấy sợ hãi và cô đơn và tự hỏi không biết rồi đây cuộc sống của tôi sẽ như thế nào.

Sáng hôm sau tôi mặc váy mới và đi giày mới, ăn sáng bằng một chút bánh mì và bơ rồi ra ngoài để bắt xe buýt tới chỗ làm. Họ bảo tôi mang theo một cái áo khoác, nên tôi lấy chiếc áo khoác mới màu xanh cho vào túi xách. Tôi cần có mặt lúc 8 giờ sáng và tôi đến sớm mấy phút. Tôi được chỉ cách ghi giờ đến làm ở trong hành lang lối vào, và tôi mặc áo khoác vào trước khi được dẫn vào trong một căn phòng lớn gọi là phòng đào tạo. Tại đó tôi được giới thiệu với Dorothy, người sẽ dạy tôi cách thức làm việc. Cô ấy giải thích rằng công việc của tôi là giúp làm túi cho những bộ đồ nam giới. Tôi phải ngồi bên cạnh cô ấy trong lúc một chiếc giỏ lớn trên dây chuyền đến chỗ chúng tôi. Công việc của tôi là lấy những cái túi trong giỏ ra, lật ngược lại, khâu dọc theo mép túi và bỏ lại vào giỏ.

Đúng 12 giờ chúng tôi được nghỉ nửa tiếng ăn trưa, chúng tôi sẽ ăn trong canteen. Tôi gặp vài cô gái khác ở đó, và dù tôi khá ngại ngùng, họ vẫn nói chuyện với tôi và rất thân thiện.

Đến bốn giờ chiều khi kết thúc công việc, tôi đã hiểu cách làm những cái túi. Tôi rất thích ngày đầu làm việc và công ty này: những cô gái khác rất thân thiện và tôi không có vấn đề gì với công việc.

Tôi bắt xe buýt trở về nhà trọ và dành cả buổi tối ngồi một mình tự hỏi nên làm gì với bản thân mình. Tôi đi xuống cầu thang để làm ít đậu ăn cùng bánh mì nướng, đi qua một người đàn ông ở cầu thang người bốc mùi bia, anh ta nháy mắt với tôi. Tôi đỏ mặt và chạy vội vào nhà bếp. Anh ta theo tôi tới đó và hỏi tôi có muốn ra ngoài đi uống rượu cùng với anh ta không. Sợ hãi, tôi trả lời “Không, cảm ơn” và chớp lấy thức ăn của tôi rồi nhanh chóng chạy lên cầu thang, khoá chặt cửa phòng. Hoá ra ngôi nhà tôi đang ở có những người chỉ ở tạm một thời gian. Sinh viên và những thuỷ thủ nước ngoài đi qua thì ở lại vài tháng, còn những người khác chỉ ở vài tuần, do vậy tôi thường gặp những người đàn ông lạ đến từ bến tàu xuất hiện ở hành lang hoặc trong bếp. Mỗi lần tôi đi qua họ đều nhìn chằm chằm nên tôi phải chạy để tránh những sự chú ý không mong muốn mỗi khi về nhà hoặc xuống bếp làm đồ ăn. Tôi thường

vừa nấu ăn vừa cảnh giác cao độ, sau đó mang đĩa đồ ăn chạy như bay lên gác và khoá chặt cửa phòng ngủ ăn một mình. Tôi ghét phải như vậy và lúc nào cũng lo sợ một trong những người đàn ông đó sẽ đột nhập vào phòng tôi vào ban đêm.

Vào cuối tuần đầu tiên của tôi ở nhà trọ, chị Joan đến thăm tôi. Chị ấy mua cho tôi một tấm ga trải giường và mấy chiếc khăn tắm, sau đó chỉ cho tôi chỗ mua những vật dụng trong nhà mà tôi cần. Chị ấy cũng khuyên tôi nên lập kế hoạch ngân sách để dành tiền và chỉ cho tôi những loại thức ăn cần mua. Tôi cần từng chút lời khuyên như vậy. Tôi mới chỉ 15 tuổi, còn hoàn toàn ngây ngô, và không biết gì về cuộc sống. Tôi chưa bao giờ đi mua thức ăn, hay tự xoay sở tiền của riêng mình hay thanh toán hoá đơn. Tôi không biết mình nên mua loại quần áo nào hay mua chúng ở đâu, không biết tôi nên tiết kiệm bao nhiêu tiền mỗi tuần để phòng khi cần, cũng không biết giá tiền của mọi thứ.

Nhưng tôi yêu thích công việc của mình. Tôi học rất nhanh và sau một tuần tôi đã được chuyển từ phòng đạo tạo ra làm trong nhà máy - ở đó tôi phải làm 400 cái túi một ngày. Ngày đó tất cả đàn ông đều mặc suit, dù nghèo cỡ nào, vì thế lúc nào cũng có một lượng cầu suit lớn và 300 cô gái chúng tôi phải làm việc tám tiếng một ngày, máy may của chúng tôi chạy suốt, sản xuất ra một số lượng quần áo rất lớn. Những cô gái ở nhà máy rất tốt với tôi, nhưng tôi luôn ngại ngùng và băn khoăn về bản thân mình nên mất một thời gian dài tôi mới kết bạn được với họ. Nhưng ngoài giờ làm tôi cũng không gặp gỡ bất kì ai trong số họ. Mỗi thứ Sáu là ngày được trả lương, chúng tôi sẽ xong việc sớm hơn ngày thường một tiếng và một nhóm đông các cô gái sẽ tới cửa hàng kẹo ở thị trấn để mua kẹo ăn cùng nhau. Họ rủ tôi đi cùng, và cuối cùng, sung sướng vì là một phần trong nhóm, tôi đã mua một túi lớn cam thảo và kẹo chanh để đóng góp. Sau lần đó tôi luôn mong ngóng đến phần thưởng vào mỗi thứ Sáu hàng tuần.

Nhưng trong khi công việc rất ổn thì sự chú ý không mong muốn từ những người đàn ông sống cùng nhà khiến tôi rất sợ đến nỗi tôi gần như không dám rời khỏi phòng mình. Tên tôi tệ nhất là người đàn ông Thổ Nhĩ Kỳ sống ở căn phòng tầng trệt ngay trước cửa ra vào. Mỗi lần tôi về đến nhà anh ta sẽ nhảy ra, cố gắng rủ tôi vào phòng anh ta. Tôi thường phải chạy nhanh lên cầu thang để tránh

anh ta. Rồi đến một ngày anh ta giới thiệu tôi với một người bạn của anh ta, người đó có vẻ dễ chịu và lịch sự. Bị dụ dỗ bởi sự an toàn giả mạo, tôi đã đồng ý uống trà cùng họ. Thật là một sai lầm! Ngay khi tôi vừa bước qua cánh cửa phòng họ, kẻ si tình đã lao tới tôi. Tôi nhảy lên bàn, dùng chân đá anh ta, cùng lúc đó hét lên bảo bạn anh ta giúp tôi. Người kia đứng bên cạnh cửa, kinh ngạc và có chút lo lắng bởi những gì đang diễn ra nhưng rồi anh ta cũng mở cửa và tôi nhảy xuống chạy ra ngoài, đóng chốt cửa bên ngoài. Sau đó tôi chạy ra khỏi cửa trước nhanh nhất có thể.

Đó là những ngày cô đơn với tôi. Khi làm xong việc tôi chẳng có nơi nào để đi. Tôi dành hết tối này sang tối khác ngồi trong căn phòng nhỏ của mình. Bạn đồng hành duy nhất của tôi là một chú chuột nhỏ sống trong cái hốc đằng sau lò sưởi. Nó sẽ bò ra khi không gian đã yên tĩnh và sẽ chạy quanh phòng tìm những mẩu vụn đồ ăn. Sau vài tuần nó trở nên mạnh bạo hơn, nó mặc kệ tôi để ngang nhiên chui ra khi tôi vẫn nằm trên giường hoặc ngồi trước lò sưởi, và tôi lặng lẽ trò chuyện với nó. Dần dần tôi rất thích chú chuột nhỏ của mình.

Mùa đông đến và trời trở nên buốt giá. Tôi có một lò sưởi nhỏ trong góc phòng và tôi phải mua một túi than từ cửa hàng ở góc phố rồi phải khiêng nó qua bốn dãy bậc thang để lên đến phòng mình - cố tránh những người tự nguyện bê lên giúp tôi - không thì sẽ kéo theo những hậu họa khôn lường. Các cô gái ở chỗ làm đều nói tôi được ở riêng như vậy thật tuyệt, có thể tự do làm bất cứ điều gì mình thích. Hầu hết bọn họ đều sống cùng gia đình và phải tuân theo những quy định của cha mẹ. Nhưng họ không biết tôi cô đơn như thế nào và tôi tha thiết mong mỗi cảm giác được thuộc về một gia đình nào đó đến mức nào.

Cuộc sống của tôi đã thay đổi khi tôi quen một cô gái tên là Pauline. Cô ấy bằng tuổi tôi và rất xinh đẹp với mái tóc vàng bù xù. Cô ấy rất thoải mái và tự tin, và cô ấy mời tôi tới nhà cô ấy, ở đó tôi đã gặp cha mẹ cô - những người rất thân thiện và tốt bụng.

Pauline bắt đầu dạy tôi rất nhiều về thế giới xung quanh. Cô ấy trang điểm cho tôi, cho tôi quần áo và chúng tôi vào thị trấn cùng nhau vào những thứ Bảy, ở đó cô ấy chỉ cho tôi những cửa hàng nên tới. Cuối cùng tôi cũng cảm thấy mình đang sống một cuộc

sống bình thường, giống những cô gái khác. Tôi có một người bạn, và chúng tôi cùng nhau vui vẻ. Chúng tôi tới rạp chiếu phim, cùng đi mua sắm, đi tản bộ, và sự cô đơn của tôi dần vơi bớt. Thỉnh thoảng chúng tôi sẽ tới Rink, ở đó tôi gặp lại những người bạn học cũ như hai cô nàng Mary. Nhưng giờ chúng tôi tự cho rằng mình đã trưởng thành, nên chúng tôi thường tới một vài câu lạc bộ đêm, như là Annabel và Wetherall. Ở đó chúng tôi nhảy nhót hàng giờ đồng hồ, uống rượu táo và cả rượu anh đào.

Đến một ngày Pauline nói với tôi rằng cha mẹ cô ấy đi vắng và cô ấy định tổ chức một bữa tiệc, tôi có thể đến và ở lại qua đêm. Tôi rất hào hứng. Tôi đến khá sớm và chúng tôi cùng nhau chuẩn bị mọi thứ, cùng làm bánh sandwich. Cô ấy có tất cả những bản nhạc mới nhất, và khi các bạn cô ấy đến chúng tôi đã nhảy suốt cả đêm.

Chính Pauline cũng là người nói với tôi về chuyện các chàng trai và cách nói chuyện với họ, có nói một chút về vấn đề tình dục, dù tôi vẫn còn rất ngây thơ và không thực sự hiểu lắm vài chỗ trong những gì cô ấy nói. Một buổi tối, khi Pauline và tôi ra ngoài nhảy nhót với vài người bạn khác, một chàng trai trẻ bước đến và mời tôi nhảy. Anh ấy rất cao và mảnh khảnh với mái tóc dày màu đen cắt theo kiểu Beatle. Chúng tôi đã có một khoảng thời gian vui vẻ, và khi anh ấy rủ tôi ra ngoài vào cuối tuần, tôi đã đồng ý. Tên anh là Robert, lớn hơn tôi hai tuổi và anh rất quyến rũ và thu hút. Những tuần sau đó mỗi tối thứ Sáu và thứ Bảy anh đều rủ tôi đi chơi. Tôi rất hạnh diện vì có rất nhiều cô gái thích anh ấy.

Tôi rất vui sướng khi có bạn trai. Chuyện đó khiến tôi có cảm giác mình đã lớn và đặc biệt. Vì thế khi Robert rủ tôi ở lại qua đêm ở căn hộ nhỏ của anh, tôi đã đồng ý, không thực sự hiểu những gì tôi sẽ làm hay hậu quả của chuyện đó. Tôi vẫn rất ngây ngô, tôi ngủ với anh ấy để làm anh ấy hài lòng, tôi chỉ nghĩ có vậy.

Vài tuần sau đó tôi thức dậy với cảm giác rất mệt mỏi, và nôn khan vài lần trước khi vào làm. Tôi nghĩ mình đã mắc bệnh gì đó, nhưng đến cuối ngày thì tôi lại cảm thấy bình thường, chỉ lại nôn vào sáng hôm sau - và sáng hôm sau nữa cũng thế. Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng cuối tuần đó tôi đã nói với chị Joan. Chị bảo tôi rằng có thể tôi đã có bầu. Tôi sốc đến nỗi không nói nên lời. Tôi chỉ mới 17 tuổi và cảm thấy thế giới của mình đã sụp đổ.

Những ngày đó, dù thuốc ngừa thai đã ra đời, việc có bầu vẫn có nghĩa là cưới hoặc chịu ô nhục. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến chuyện phá thai, nên tôi chẳng có gì để xem xét suy tính. Đầu óc tôi quay cuồng. Tôi thích Robert, nhưng tôi không yêu anh. Tôi đã làm gì thế này?

Chị Joan có ý kiến rất rõ ràng về chuyện này. Chị bảo tôi phải nói thẳng với anh ấy để xem anh ấy có cưới tôi không. Chị Joan là người có ảnh hưởng rất lớn với tôi, gần như là mẹ tôi, và tôi không nghĩ có gì phải nghi ngờ chị ấy. Gác những băn khoăn của mình sang một bên, tôi gọi điện cho Robert và chúng tôi gặp nhau ở nhà thờ gần căn hộ của anh.

Mặc dù bản thân tôi bị sốc trước chuyện mình có bầu, nhưng tôi đã hi vọng anh sẽ hạnh phúc khi nghe tin, nhưng anh chỉ cúi gằm và nói “Em phải gặp mẹ anh và nói với bà”. Tôi nhận ra anh cũng miễn cưỡng giống như tôi, nhưng chuyện đã bắt đầu và chúng tôi phải vượt qua nó. Chúng tôi tới nhà cha mẹ anh ấy và thấy mẹ anh đang nướng bánh trong bếp còn cha anh đang đọc báo. Robert giới thiệu tôi, sau đó anh thông báo chúng tôi sắp có con. Cha anh chúc mừng chúng tôi, còn mẹ anh thậm chí không rời mắt khỏi khay bánh bà đang làm trên chiếc bàn gỗ khi bà lạnh lùng nói, “Cô không phải người đầu tiên và cũng sẽ không phải là người cuối cùng bước qua cửa nhà tôi.” Tôi thật sự choáng váng. Tôi biết tin này không làm bà vui lòng nhưng những lời nói đó ám ảnh tôi tới tận hàng năm sau.

Mặc dù mẹ anh không chấp thuận, Robert cũng đã đồng ý cưới tôi và chúng tôi bắt đầu lên kế hoạch cùng dựng nhà. Cả hai chúng tôi đều cố gắng xử lý tốt nhất tình huống mà chúng tôi không mong gặp phải. Robert làm việc ở nhà máy chế tạo đồ thủy tinh Pyrex ở địa phương và lương của anh ấy đủ nuôi sống chúng tôi nếu chúng tôi chi tiêu dè sẻn, vì thế chúng tôi thuê một ngôi nhà có hai phòng ở tầng trệt và hai phòng ở tầng trên nằm ngay bên ngoài trung tâm thị trấn mà chúng tôi tìm thấy.

Cả hai chúng tôi đều cần có sự đồng ý của cha mẹ mới có thể kết hôn vì chúng tôi đều dưới 21 tuổi. Tôi đã lâu không gặp cha tôi - khi đó ông đã sống ở nhà trọ của riêng ông được vài tháng. Ông chưa từng gặp Robert và cũng không biết là tôi có bầu, và tôi rất lo lắng nếu gặp ông mà ông không cho phép tôi kết hôn. Nhưng rồi

Robert và tôi cùng tới gặp ông, và may thay mọi thứ thuận lợi, cha đã kí vào giấy cho phép. Cha mẹ Robert cũng đồng ý, vì thế chúng tôi tới Phòng Đăng kí để sắp xếp hẹn lịch. Chỉ còn lại đúng ngày lễ Giáng sinh và chúng tôi không muốn đợi đến năm mới nên chúng tôi chọn luôn ngày đó.

Chúng tôi đã mời cha và các chị của tôi và cha mẹ của Robert, thêm một vài người bạn của Robert. Chị Pat và chị Greta nói với tôi rằng họ đã lên kế hoạch cho Giáng sinh mất rồi. Tôi rất buồn và muốn đổi ngày, nhưng vì tôn trọng mọi người tôi biết chúng tôi không thể. Chúng tôi phải cưới trước khi bụng tôi to lên.

Mặc dù hoàn cảnh khá là miễn cưỡng, khi đám cưới đến gần tôi vẫn háo hức về việc sẽ trở thành một người vợ và một người mẹ, bắt đầu một cuộc sống mới. Tôi sung sướng được rời khỏi phòng trọ bé nhỏ ẩm đạm nơi tôi đã sống suốt hai năm rưỡi và chờ đợi tới lúc được có một căn nhà riêng. Tôi mua một chiếc váy ren ngắn màu trắng của một cô gái ở chỗ làm và vì Robert nói anh không có thời gian đi cùng tôi, tôi đã tự mua nhẫn cưới cho mình ở cửa hàng đồ trang sức với giá 2.15 bảng. Rõ ràng trái tim Robert không muốn có lễ cưới này. Nhưng tôi gác lại sự thờ ơ của anh và tự nhủ với mình rằng mọi thứ rồi sẽ ổn.

Tôi dành cả đêm trước lễ cưới ở nhà chị Joan. Chị ấy rất hồi hộp cho tôi, vì thế tôi gác lại mọi mối nghi ngại và cố gắng chờ đợi cuộc sống mới. Cả tối đó chúng tôi im lặng, và ngày hôm sau chúng tôi bắt taxi tới Văn phòng Đăng kí, tôi mặc chiếc váy trắng ngắn của mình. Chị Joan đến cùng bọn trẻ. Khi tới đó tôi đã ngó quanh, hi vọng chị Greta và Pat đã nghĩ lại mà đến. Nhưng họ không đến và cha cũng vậy. Tôi hẳn không nên ngạc nhiên, vì ông là người không thể tin tưởng được. Nhưng tôi đã bị tổn thương khi cả cha ruột cũng không tới sự lễ cưới của mình.

Cha mẹ Robert cũng không đến, nhưng ít ra họ cũng đã có lý do là phải chuẩn bị cho bữa tiệc buffet mà họ đã định mời khách khứa sau đó.

Tôi nuốt những giọt nước mắt thất vọng và chúng tôi tiến vào trong, tổ chức lễ cưới nhanh chóng trong yên lặng, chỉ có chị Joan cùng bọn trẻ và vài người bạn của Robert tham dự. Sau đó chúng tôi bắt một chiếc taxi về nhà bố mẹ của Robert để ăn tiệc và nâng

vài cốc rượu chúc mừng. Kết thúc bữa tiệc chị Joan đưa bọn trẻ về nhà còn chúng tôi đi chơi đêm với đám bạn của Robert.

Cuối buổi tối hôm đó là lần đầu tiên chúng tôi về căn nhà nhỏ mới của mình. Ngay từ đầu Robert đã rất xa cách và lạnh lùng với tôi. Nhưng mặc kệ tất cả những vấn đề đó, tôi ngây thơ cho rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Tôi mới 18 tuổi và tràn đầy hy vọng, thêm nữa lại sắp có một đứa con. Chắc chắn đứa bé ra đời sẽ khiến mọi thứ ổn thoả.

19 - Alan

Những kỉ luật hà khắc của các thầy và sự bắt nạt không ngừng từ các anh trưởng là cách cuộc sống diễn ra ở Stanhope. Nhưng sâu trong lòng bọn trẻ chúng tôi đều tức tối và mong muốn được phản kháng lại. Vì thế khi một cậu bé bị tổn thương nghiêm trọng, mọi thứ như giọt nước tràn ly.

Đó là một cậu bé mới đến, cậu mới chỉ chín tuổi và đã bị thầy Hiệu trưởng đánh đòn vì vi phạm lỗi nhỏ nào đó. Sau khi đèn tắt chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng cậu bé ấy nức nở, và sáng hôm sau khi thức dậy chúng tôi nhận ra cậu đã biến mất. Cậu bé đã trèo ra ngoài cửa sổ để bước lên mái nhà, chui xuống đường ống thoát nước và trốn đi, chỉ mặc mỗi bộ quần áo ngủ khi mà ngoài trời đang bão tuyết. Ngày hôm sau người ta tìm thấy cậu bé trên đồi, đang co quắp trong tuyết lạnh, gần như chỉ còn thoi thóp, và cậu được đưa đến bệnh viện trong tình trạng thân nhiệt hạ thấp và người đã tê cứng.

Chuyện đó đã châm ngòi cho cuộc chiến. Chúng tôi không có ai đứng ra bảo vệ hay đấu tranh cho mình, thậm chí cũng chẳng có ai nghe chúng tôi than phiền, nên chúng tôi quyết định thế là quá đủ rồi. Vài đứa chúng tôi tổ chức một cuộc họp bí mật nói về chuyện làm cách nào để chống lại bọn họ. Chúng tôi quyết định sẽ bắt đầu một chiến dịch phá hoại trong nỗ lực khiến việc điều hành thông thường của ngôi trường này bị dừng lại, và chúng tôi bắt đầu vận động các thành viên bí mật, vận động những đứa mà chúng tôi tin tưởng.

Chiến dịch bắt đầu thuận lợi. Chúng tôi mở cửa sổ, tắt đèn, để cửa ra vào đóng hoặc mở, đặt đồ đạc lộn xộn sai chỗ, mở vòi nước và khiến những bóng đèn mất tích. Sau vài ngày đội ngũ giáo viên nhận thấy vấn đề không đơn giản chỉ là sự trùng hợp vô tình và thầy Hiệu trưởng bắt đầu một loạt những thông báo. “Có người đang làm trò trong trường học. Hừm, tôi nói với những trò có trách nhiệm đó,

rằng các cậu biết các cậu là ai, và phải dừng trò này lại ngay lập tức. Nếu không chúng tôi sẽ bắt cậu và cậu sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Hiểu lời tôi nói không?” - ông thét lên ầm ầm. “Vâng, thưa Ngài”, tất cả chúng tôi đồng thanh trả lời. Nhưng chiến dịch vẫn tiếp tục.

Ngày càng nhiều cậu bé tham gia chiến dịch, vì thế thầy Hiệu trưởng đã trả đũa bằng cách trừng phạt toàn trường. Ông ta bắt đầu bằng cách bỏ đi một số quyền lợi của chúng tôi như là chơi trò chơi trong nhà vào buổi tối hay được phát kẹo trong túi vào ngày kẹo. Chúng tôi phải ngồi yên lặng cả buổi tối, đánh bóng giày hoặc cánh cửa trước khi phải lên giường đi ngủ rất sớm. Một quy định im lặng đã được áp dụng - có nghĩa là bạn chỉ có thể nói khi được hỏi, và nhiều cậu bé đã bị bạt tai hoặc ăn đòn vì vi phạm.

Thầy Hiệu trưởng mong rằng bằng cách trừng phạt như vậy, số đông sẽ gây áp lực lên kẻ làm trò khiến cậu ta phải dừng lại. Nhưng ông ta đã sai: chúng tôi càng quyết tâm đoàn kết hơn và tiếp tục chiến dịch.

Chuyện này khiến tôi nhớ đến bộ phim Spartacus. Khi các vị lãnh đạo đế chế La Mã yêu cầu đám đông tù nhân chỉ ra người cầm đầu nhóm nổi loạn Spartacus nếu không sẽ bị xử chết hết, họ đã lần lượt từng người một đứng dậy, hô vang, “Tôi là Spartacus”. Chúng tôi cũng như thế, chúng tôi đoàn kết lại và không ai bỏ cuộc.

Một hôm vào giờ ăn sáng, thầy Hiệu trưởng đã dùng một chiến thuật khác. Lần này ông thông báo rằng chúng tôi có thể xem TV vào buổi tối, và ngày mai ông sẽ bỏ quy định phải im lặng. Ông còn nói thêm rằng từ nay trở đi chúng tôi có thể biểu quyết chọn bộ phim mà chúng tôi muốn xem mỗi tháng. Cuối cùng để kết thúc ông ta nói, “Hãy để mọi thứ trở lại bình thường và dừng những trò ngớ ngẩn này lại và tất cả chúng ta sẽ quên chuyện này đi.”

Từ giây phút đó chúng tôi biết mình đã thắng. Chúng tôi tổ chức một cuộc họp nữa, quyết định chúng tôi sẽ tiến hành một nhiệm vụ lớn cuối cùng. Mục tiêu của chúng tôi là những nồi hơi phục vụ hệ thống sưởi của trường học, bao gồm cả khu nhà ở của thầy Hiệu trưởng. Tất cả chúng tôi đều biết ông ta luôn muốn có nhiệt độ ổn định cho những cây trồng trong nhà mà ông hết mực chăm chút.

Phòng nôi hơi ở đằng sau trường, dưới khu bếp và bị khoá. Nhưng tôi có đường vào. Ở sân sau có một đường trượt đầy than đá vào, có nắp đậy bằng thép khá nặng. Họ dùng đường trượt đó để chuyển than tới hai tuần một lần. Nó có đường kính khoảng 14 inch, nhưng nó dẫn thẳng vào trong phòng nôi hơi.

Khi cả trường đã ngủ bốn đứa chúng tôi bắt đầu hành động. Chúng tôi mượn gối và đệm lên giường bốn đứa giả vờ như có người đang nằm đó, sau đó đi tới tủ bát đĩa nơi chúng tôi đã giấu vài bộ đồ ngủ cũ và thay đồ, để những bộ quần áo sạch sẽ của chúng tôi lại đó. Chúng tôi trèo ra ngoài từ cửa sổ tầng hai, chui xuống một đường ống thoát nước dẫn ra sân sau, và mở cái nắp ống bằng thép trên ống trượt than bằng một mảnh kim loại tôi đã giấu sẵn.

Tôi là đứa đầu tiên trượt xuống cái ống đó, vòng tay ôm đầu để tránh bị va quệt nếu có vật cản. Tôi không hề biết đường ống dài bao nhiêu, nên tôi thử phào khi thấy nó chỉ cỡ 10 feet và đầu ống bên này cách đồng than bên dưới khoảng 5 feet. Khi tắt cả đã vào hết, chúng tôi cào quét xung quanh trong bóng tối, tay và đầu gối đều chạm vào than, lần tìm cánh cửa. Khi tìm thấy cửa chúng tôi đẩy mở nó ra và vào bên trong phòng chứa nôi hơi. Chúng tôi đã làm được rồi.

Ở đó có hai nôi hơi lớn, bên trên có hai mặt đồng hồ. Có thể nghe thấy tiếng đồng hồ tích tắc. Chúng tôi quyết định cài lại đồng hồ, nghĩ rằng hơi nóng sẽ tăng lên hoặc giảm đi vào những lúc khác nhau giống như kế hoạch. Chúng tôi cũng lăn những bánh xe trên đường ống lớn tới những vị trí mới, hi vọng những thứ đang tắt thì giờ bật lên, còn những thứ đang bật thì đã bị tắt đi.

Ra khỏi đường trượt than khó hơn lúc trượt vào. Cậu bé nhỏ nhất trèo ra trước và dù nhỏ nhất cậu vẫn phải ép chặt người mới ra khỏi đường ống. Lúc ra ngoài cậu nằm hằn xuống trên nền đất, chìa tay kéo người tiếp theo và những người phía sau hỗ trợ đẩy sau lưng. Hai đứa đã ra trước buộc áo ngủ của chúng với nhau và nép sát xuống thành ống kéo tôi ra tiếp theo, và với nỗ lực kéo cuối cùng, chúng tôi đã lôi được cậu bé còn lại ra khỏi đường ống.

Chúng tôi đứng đó, trần truồng, đen như vừa trèo ra từ mỏ than. Mất và rằng chúng tôi ánh lên màu trắng dưới ánh trăng và nhìn

nhau chúng tôi phải cố gắng kiềm chế để không cười.

Chúng tôi cẩn thận đặt lại nắp đường ống, sau đó tháo nút buộc ở các áo ngủ ra và mặc lại. Trèo lại vào cửa sổ là phần khó nhất. Chúng tôi đã mệt, và trèo 30 feet ngược lên trên đường ống trên đôi dép đi trong nhà không dễ chút nào, nhưng bằng cách nào đó chúng tôi đã làm được điều đó. Chúng tôi trèo qua cửa sổ và đến phòng tắm, ở đó chúng tôi tắm rửa, giặt sạch đồ ngủ và dép đi trong nhà. Sau đó chúng tôi quay lại cửa sổ, dùng cây lau nhà và những miếng vải lau bát đĩa lau sạch bụi than dính ở mọi chỗ, bao gồm cả vết chân dẫn vào nhà tắm.

Cuối cùng chúng tôi mặc lại bộ đồ ngủ sạch sẽ của mình và vứt những bộ đồ ướt vào giỏ đồ giặt chuyên dành cho những đứa bị đái dầm, để những người chịu trách nhiệm giặt giũ sẽ xử lý. Chúng tôi dành một ít thời gian dùng khăn tắm lau khô đầu tóc và trở lại giường ngủ.

Khi một thầy giáo bước vào và la lối đã đến giờ thức dậy, tôi gần như vẫn chưa thể chớp mắt. Sáng hôm đó trời lạnh bất thường và khi chúng tôi làm vệ sinh cá nhân, nước cũng lạnh. Những lời thì thầm nhanh chóng được truyền đi, và các cậu bé nhận ra rằng có ai đó đã vào phòng nôi hơi - điều tưởng chừng như không thể.

Thầy Hiệu trưởng lớn tiếng ngay khi bước vào phòng ăn. “Có ai đó đã suýt giết chết tất cả chúng ta đêm qua. Kẻ ngu ngốc nào đó đã di chuyển điều khiển nôi hơi và suýt chút nữa hấp chín chúng ta. May mà thiết bị an toàn đã cứu chúng ta. Kẻ đó là ai? Ta muốn biết. **NGAY BÂY GIỜ!**” Sau đó giữa giờ ăn sáng một thầy giáo bước vào, đi tới bàn thầy Hiệu trưởng và thì thầm điều gì đó. Gương mặt ông ta sáng lên. Bụng tôi cuộn trào vì sợ hãi. Chúng tôi hẳn đã sợ hở chỗ nào đó, phải không?

Vào cuối bữa sáng, cánh cửa phòng ăn lại mở ra và 4 thầy quản lý của 4 nhà bước vào. Mỗi người bọn họ đều mang theo một đôi dép đi trong nhà. Tim tôi đập thành thịch. Sau đó chúng tôi biết rằng một cuộc truy tìm đã được thực hiện trên 80 đôi dép đi trong nhà, và có 4 đôi trong số đó có bụi than dính trong các khe đế dép. Không nhiều, nhưng đủ để kết tội chúng tôi.

Thầy Hiệu trưởng dùng hai cây roi để tráo đổi khi ông thấy mình chưa nhận được đủ sự đau đớn từ cậu bé đang gào thét trước mặt.

Ông còn đẩy bàn sang một bên để lấy chỗ vung gậy. Mỗi đứa tôi lãnh đủ 12 đòn. Mãi nhiều ngày sau đó chúng tôi thậm chí vẫn không thể ngồi, không thể đặt lưng xuống giường hay thậm chí là ngủ vì đau nhức. Với tôi nó còn đau hơn vì lưng tôi vẫn còn đau từ trận đòn trước. Sau đó chúng tôi bị phạt lau hành lang mỗi tối, từ 6 giờ tới 11 giờ.

Dù vậy, chiến dịch vẫn tiếp tục. Thầy Hiệu trưởng đã thành thối, vì ông nghĩ mình đã tóm được những kẻ cầm đầu. Nhưng khi ông đang ở cùng 4 đứa chúng tôi thì nhà vệ sinh bị lụt.

Khoảng một, hai tuần sau đó, khi đang lau cầu thang, tôi bỏ dở cái máy đánh bóng của mình và chạy theo một cậu bé khác tới góc hành lang. Ở đó có một công tắc điện kì lạ ở trên góc tường ngay trên tầng nhà. Tôi vừa ngồi lên vai một cậu bé khác, chạm tay vào công tắc chuẩn bị tắt nó đi thì đúng lúc thầy Hiệu trưởng đi qua. Tôi chưa bao giờ thấy ông mừng rỡ như vậy. Ông ta lăm bắm “Phải rồi, phải rồi!” và nắm chặt hai tay đặt trước ngực.

Chúng tôi lại nhận một trận đòn nữa. Vài ngày sau, khi tôi lại đang đánh bóng sàn thì thầy Hiệu trưởng lại đột nhiên bước ra từ góc hành lang, nhìn rất hoan hỉ. “Ah, cậu đây rồi,” ông nói. “Đi với ta. Ta có bất ngờ dành cho cậu đấy.”

Ông vui vẻ ngân nga khi chúng tôi đi bộ một quãng đường ngắn tới văn phòng của ông. Tôi bước vào và đứng trước bàn ông. Lúc đó ông đi tới lục lọi trong tủ cồng lớn nơi ông vẫn để những cây roi của mình. Ông ta tìm thấy những gì cần tìm và quay sang tôi. “Cậu thích dây, phải không?”, ông ta nói như vậy rồi nhanh như chớp vung tay và tôi nghe thấy một tiếng “ộp” khi cảm thấy một sợi dây vụt qua cổ mình. Ông ta đã đánh tôi bằng một sợi dây điện mềm, và trước khi tôi kịp phản ứng, ông lại quất thêm một roi nữa. Hắn ông ta đã nung nấu suốt nhiều ngày nay, và cuối cùng ông ta đã chộp được cơ hội.

Ông ta đã đánh tôi vài đòn nữa, và tôi có thể cảm thấy vết thương đau đớn tột cùng và máu chảy xuống cổ tôi. Đó là lúc tôi cũng khùng lên. Tôi lao cả người vào ông và cả hai chúng tôi đổ nhào xuống bàn làm việc của ông ta, lật đổ ghế. Tôi biết tôi đã khiến ông ta bị thương khi ông ta kêu lên lúc chúng tôi ngã xuống đất, và tôi có thể thấy sự bàng hoàng trong mắt ông ta. Chúng tôi vật lộn và

tôi đâm vào mắt trái của ông ta. Khi đó ông ta thậm chí đã phát điên, đã kích tôi với sợi dây cầm trên tay. Đúng lúc đó cửa phòng bật mở và ngài Maddison chạy vào, nhìn tôi và túm lấy cổ áo thầy Hiệu trưởng, hét lớn “Ông đang làm gì vậy?”

Ngài Maddison quay sang tôi và nói “ra ngoài ngay.” Tôi ra ngoài và khi đứng bên ngoài hành lang tôi có thể nghe thấy tiếng cãi lộn trong văn phòng. Tôi nhìn xuống và thấy áo sơ mi của mình đã thấm đẫm máu nên tôi cởi áo ra rịt lên cổ để cầm máu. Một lúc sau trong phòng yên ắng và thầy quản lý của tôi bước ra ngoài, đưa tôi tới phòng ý tế. Ngài Maddison lau sạch máu và băng bó cổ cho tôi - và chỉ có vậy. Chuyện đó không bao giờ được nhắc đến lần nữa.

Ngày hôm sau, thầy Phó Hiệu trưởng đến vào bữa sáng và nhiều tuần sau nữa cũng vậy. Ông là người ôn hoà hơn, có thái độ tuân thủ nguyên tắc theo cách hợp lý hơn, và tận dụng cơ hội này ông cho phép một số sự thay đổi linh hoạt hơn. Chúng tôi không cần phải ngồi tập trung lúc ăn nữa và được nói chuyện nhỏ như những đứa trẻ bình thường. Tôi nghe nói sau khi tôi rời đi, ông đã lên tiếp quản trường này, ông đã tập hợp tất cả các cậu bé vào trong hội trường, bảo họ cởi hết cả đồ lót ra. Những giỏ quần áo giặt là được mang tới, và tất cả quần áo, cả những chiếc quần soóc nhung đáng ghét đều bị bỏ đi. Những giỏ quần áo mới được mang vào, có cả đồ vải jean và quần dài, khiến tất cả các cậu bé đều vui sướng!

Từ hôm đó những cuộc phá hoại cũng chấm dứt. Sau sáu tuần vụ nổi loạn đã hoàn toàn qua đi và không có ai trong số các thầy nhắc đến chúng nữa. Chúng tôi không nhìn thấy thầy Hiệu trưởng suốt nhiều tuần. Có vài cậu bé thì nghĩ ông ta đã bị thâm tím một bên mắt và muốn đợi cho nó bình thường trở lại rồi mới xuất hiện lại trước mặt chúng tôi. Về phần tôi thì vết thương trên cổ tôi không quá sâu nên nó nhanh chóng lành lại.

Khoảng hai tháng sau vụ việc, ngay sau khi thầy Hiệu trưởng trở lại, tôi lại bị gọi tới văn phòng ông ta. Tôi rất cảnh giác khi gõ cửa phòng ông. “Mời vào”, ông nói. “Ngồi đi. Ta nghĩ đã đến lúc cậu nên ra ngoài một chút. Nhưng vì cậu không về nhà vào kì nghỉ như những người khác, nên ta có một ý này. Giờ cậu đã là một chàng trai lớn rồi, cậu có muốn ra ngoài chơi một ngày không?”

Tôi sững sờ buột miệng, “Có, thưa thầy.”

Vì thế từ đó trở đi, vào mỗi ngày thứ Bảy, tôi lại được cho vài bảng và bắt xe buýt tới Bishop Auckland. Những tháng tiếp theo sau đó tôi dành cả buổi chiều lang thang trong công viên, không thực sự hứng thú với cái gì, vì tôi chẳng biết phải làm gì. Nhưng chỉ việc được ở đó, tự do trong vào giờ, cũng tốt rồi.

Tháng 11 năm 1967 tôi tròn 15 tuổi và được thông báo rằng tháng Năm tới tôi sẽ rời trường học. Vui vẻ vì được ra khỏi đây, tôi chẳng hề biết mình sẽ làm gì tiếp theo, viễn cảnh tương lai với tôi thật mù mờ.

Ngay trước khi rời đi tôi nhận được thông báo rằng thầy Hiệu trưởng đã nghỉ hưu, và Ngài Maddison cũng thông báo ông cũng sẽ rời đi sớm. Cả ông và thầy Hiệu trưởng đều là những người cổ hủ đã hết thời, và họ biết điều đó.

Ngày khởi hành đến với tôi với một chút bối rối, như một câu đố chứ không phải một sự bùng nổ. Không ai thực sự quá để tâm đến chuyện có một người nữa rời đi. Sau năm năm rưỡi ở Stanhope, bị trừng phạt vì những tội lỗi tôi đã sớm quên hết, tôi chẳng biết gì khác. Và khi tôi xách túi đồ nhỏ có vài bộ đồ lót và một bộ suit cổ lỗ được tặng mừng cuộc sống mới, chào tạm biệt mọi người xong, tôi tự hỏi không biết rồi tôi sẽ trở thành người thế nào.

Tôi gần như đã không được học hành và chẳng có bất kì kĩ năng hay định hướng nào cho cuộc sống. Bây giờ sao tôi có thể sống đây, người ta nghĩ tôi có thể sống và cư xử như những người lớn à? Tôi chưa được dạy sự tự kỉ luật, dạy cách suy nghĩ độc lập, cách ra quyết định cũng chưa từng biết một cuộc giao dịch thực sự. Tôi chưa trưởng thành, vẫn còn ngây ngô và bốc đồng. Tôi rất muốn có một công việc, một ngôi nhà và một gia đình - nhưng tôi không biết làm thế nào mới có được những điều đó.

Đó là năm 1968 và thế giới đang thay đổi. Beatles và Stones đã bùng nổ trên màn ảnh, phong cách hip-pi thống trị, chiến tranh xảy ra ở Việt Nam và có một cuộc du hành lên Mặt Trăng. Nhưng tôi chẳng biết gì về những chuyện đó. Tôi đã bị giam giữ trong hệ thống hà khắc đó quá lâu, tách biệt khỏi thế giới bên ngoài đến nỗi tôi cũng không biết gì về cuộc cách mạng văn hoá đang diễn ra xung quanh mình.

Ngài Maddison lái xe đưa tôi tới Sunderland. Hành lí của tôi để ngay dưới chân và tôi có 5 bảng trong túi - số tiền có vẻ đủ cho tôi đi đường. Tôi không biết chúng tôi sẽ đi đâu, vì chẳng ai nói gì với tôi và tôi cũng không dám hỏi. Tôi chỉ cảm thấy giống như tất cả những hành trình tôi đã đi trong quá khứ, chẳng biết cái gì đợi mình phía trước.

Chúng tôi dừng lại bên ngoài một ngôi nhà liền dãy ở phía tây thành phố và thầy Maddison bước xuống gõ cửa. Một người đàn ông cao lớn xuề xòa khoảng gần 70 tuổi ra mở cửa. Ông ta nhìn y hệt Fagin trong Oliver Twist, trong tư thế cúi mình và mặc chiếc áo đã sờn. Tôi nhìn thầy Maddison và nghĩ “Thầy ấy không thể để mình lại đây chứ?”. Nhưng thầy ấy đã có thể, và đã làm thế. Với một câu “Tạm biệt, và chúc may mắn” vội vã, thầy ấy trở lại xe và lái đi.

Chủ nhà chỉ cho tôi lên một phòng ngủ có giường đôi trên tầng hai, ông ta bảo tôi sẽ ở chung phòng với một chàng trai nữa. Căn phòng cũng giống như chủ của nó, có phần bừa bộn và không được sạch sẽ lắm. Giấy dán tường cũ đến nỗi những hoa văn trên đó đã phai hết từ lâu và thảm trải sàn cũng đã sờn. Nhưng chí ít thì giường cũng rộng rãi và dễ chịu một cách đáng kinh ngạc. Tiền thuê phòng theo như ông chủ nhà nói là 5 bảng một tuần, có thể trả trước, đã bao gồm bữa sáng và bữa tối. Và vì thế 5 bảng của tôi ra đi.

Ngôi nhà này rất rộng và có nhiều người thuê nhà. Hầu hết các phòng đều được thuê bởi những thủy thủ ghé vào cảng, họ chỉ ở lại một hoặc hai tuần. Nhưng căn phòng tôi ở là dành cho một chàng trai cũng giống tôi, mới ra khỏi trường cải huấn và không có nơi nào để đi. Ông chủ nhà có một người vợ nằm liệt giường trong một căn phòng ở tầng hai, nhưng tôi cũng không để ý tới bà trong suốt thời gian tôi ở đây. Ngôi nhà có một phòng bếp nhỏ với một chiếc nồi từ thời cổ đại nào đó và một chiếc bàn ăn có bốn ghế. Trên bàn đặt một chiếc đài phát thanh, và lần đầu tiên tôi đến, nó đang phát ra bài “Wonderful World” của Louis Armstrong. Còn có một phòng khách có TV, nhưng chủ nhà đã nói rõ nó phục vụ những người khách khác, không phải kiểu như tôi.

Chiều hôm đó tôi đã tới Sở Lao động Thanh niên để ký giao kỳ. Sau khi hỏi tôi những thông tin cá nhân, người phụ nữ ở đó đưa cho tôi thẻ Bảo hiểm Quốc gia của tôi. Tôi không biết nó là gì hay nó dùng để làm gì nhưng chị ta nói đừng làm mất nó nên tôi cất nó đi. Sau đó chị ta tìm kiếm trong chồng thẻ trên bàn, lấy ra một cái và nói “À, có việc cho cậu đây, học việc nhồi đồ nhé.” Chị điền những thông tin liên quan lên một tờ giấy, đưa nó cho tôi rồi hướng dẫn tóm tắt đường đi tới đó, sau đó nói “Người tiếp theo” và thế là tôi đã xong.

Tôi đi về phía bến cảng - nơi chị ấy bảo tôi đến, và được chỉ tới một nhà kho rất cao và cũ kĩ, kiểu nhà kho người ta thường thấy ở bất kì cầu cảng nào thời Victoria. Tôi gặp người quản đốc, ông ta chỉ vào một hộp gỗ nặng trên mặt đất và bảo “Nhấc nó lên”. Tôi làm như vậy, và ông ta nói “Cậu được nhận. Bắt đầu từ ngày mai, có mặt đúng 8 giờ.”

Tối đó tôi đã gặp bạn cùng phòng của mình, một chàng trai bằng tuổi tôi tên là Robinson. Cậu ta mới ở đây trước tôi vài ngày và cũng tới từ trường cải huấn. Cậu ta có mái tóc màu vàng hoe và rất gầy, sở hữu một giọng nói nghe như thể giọng mũi khiến mỗi khi cậu ta nói đều gây cho người nghe cảm giác cậu ta đang lo lắng điều gì đó.

Sáng hôm sau tôi có mặt ở chỗ làm đúng 8 giờ sáng. Công việc buổi sáng của tôi là vận hành máy “xé”. Tôi sẽ phải ép bông để nhồi vào ghế tựa và sofa, và cái máy ồn ào này sẽ xé chúng ra bằng những trục quay có bánh răng, xới tung chúng lên. Công việc khác trong buổi sáng là khoan lỗ lên những tấm gỗ nhỏ dùng để nối các phần của ghế lại với nhau. Buổi chiều tôi sẽ cùng với một chàng trai trạc tuổi tôi vác những chiếc ghế đã hoàn thành đi ba dãy cầu thang xuống tầng hầm, sau đó lại nhặt những khung gỗ trần mang về chuẩn bị cho công việc hôm sau. Đó là một công việc nóng bức nặng nhọc, và dù tôi còn trẻ khỏe - ngoại trừ những vết thương ở lưng vẫn nhói đau - thì đến cuối ngày tôi cũng mệt lử.

Trong xưởng được sưởi bởi lò sưởi đốt bằng khí ga cũ treo trên tường. Nó được điều khiển bật tắt bởi dây kéo - một dây để bật tắt ga và một dây để mở khoá ga. Không khí lúc nào cũng đầy bụi và những mẩu bông dễ cháy, và tôi lúc nào cũng nghĩ sẽ nguy hiểm

biết bao nếu có ai đó quên tắt lò sưởi. Không may là, sau khi tôi bỏ việc ở đó, có người đúng thật đã quên và toàn bộ chỗ đó đã bị thiêu rụi.

Thứ Sáu là ngày trả lương và lương của tôi được 5 bảng. Số tiền đủ trả tiền thuê nhà nhưng đương nhiên tôi cũng cần tiền cho những thứ khác nữa. Để giải quyết vấn đề này, người ta sắp xếp để Văn phòng tập sự trả cho tôi thêm 10 si-linh mỗi tuần. Tôi phải hoàn thành công việc vào thứ Sáu và vào thị trấn kịp giờ để tới Văn phòng Tập sự trước giờ nó đóng cửa. Tôi được chào đón bởi một người đàn ông đưa cho tôi giấy biên nhận để tôi kí và kí xong tôi sẽ được nhận một tờ 10 si-linh trước khi ông ta khoá cửa.

Quần áo lao động của tôi cũng được cung cấp bởi Văn phòng Tập sự. Tôi được đưa cho một mảnh giấy để mang đến một cửa hàng địa phương. Ở đó họ sẽ trang bị cho tôi một bộ quần áo, thêm giày và áo đi mưa của công nhân. Lúc nào tôi cũng mặc bộ đồ đó, vì tôi ghét bộ đồ cổ lỗ đã được trường tặng trước khi rời đi và tôi cũng chẳng còn quần áo khác để mặc. 10 si-linh ít ỏi mỗi tuần không cho phép tôi mua những thứ xa xỉ như áo quần.

Cuối tuần tôi cũng phải làm việc chăm chỉ như những ngày trong tuần. Chủ nhà yêu cầu tôi và Robinson phải dọn dẹp phòng của những khách trọ khác, dọn cầu thang, bếp và phòng khách, dọn giường, rồi tới cửa hàng mua xì gà về cho ông ta và gói 200 điều thuốc lá mang về cho vợ ông ta, và bất kì công việc nhà nào khác cần làm. Trong khi những người khách khác ngồi tùm tùm trước màn hình TV và uống bia thì chúng tôi là những nô lệ không được trả công trong ngôi nhà đó.

Tại sao chúng tôi không bỏ đi chỗ khác? Bởi vì sau nhiều năm sống trong trường, chúng tôi không nghĩ mình thực sự được tự do bỏ đi. Dù chúng tôi có trả tiền thuê nhà, chúng tôi cũng không nghĩ mình giống những người khách trả tiền khác và chẳng có ai khai sáng cho chúng tôi. Vì thế chúng tôi đi làm vất vả ở nhà máy, nộp hết tiền lương cho chủ nhà, rồi lại làm việc cho ông ta cả ngày thứ Bảy. Ngày nghỉ duy nhất của chúng tôi là Chủ nhật, nhưng thời đó mọi nơi đều đóng cửa vào Chủ nhật, vì thế tất cả những gì chúng tôi có thể làm là lang thang qua thị trấn vắng vẻ hoặc ngồi trong công viên ngay cả khi trời mưa, chỉ để không phải ở nhà.

Tôi đã sống trong nhà trọ đó vài tháng, cho tới một ngày thứ Bảy, khi tôi và Robinson chuẩn bị làm việc nhà, Robinson phát hiện một ít tiền ở trên giường trong phòng của một trong những thủy thủ. Cậu ấy chạy vội đến thông báo với tôi và cả hai chúng tôi đi đến, nhìn vào một hàng những đồng 20 bảng trên giường. Tôi chưa từng nhìn thấy dù chỉ một đồng tiền loại đó, và giờ tôi nhìn thấy 10 tờ như vậy. 200 bảng là món hời nhỏ với chúng tôi, tương đương với 40 tuần lương. Robinson và tôi nhìn nhau và có cùng ý nghĩ - tự do! Không phải chúng tôi nhìn thấy tiền mà chúng tôi còn nhìn thấy cơ hội trốn thoát. Chúng tôi có thể lấy tiền và thoát khỏi cuộc đời nô lệ.

Vài phút sau chúng tôi đã giấu xong tiền vào túi, gói ghém đồ đạc và rời khỏi ngôi nhà. Chúng tôi chạy nhanh hết sức tới trạm xe buýt và bắt chuyến xe đầu tiên vào thị trấn.

20 - Irene

Robert làm việc ở nhà máy thủy tinh Pyrex ở địa phương, chuyên đóng gói ly, đĩa và khay nướng. Ngay từ đầu tôi đã biết rất ít về anh. Anh làm việc theo ca, và có vẻ như anh luôn buồn ngủ, ở chỗ làm hoặc ở trong quán rượu - những nơi anh đến bất cứ khi nào tiện thời gian.

Ngay cả lúc ở nhà anh cũng ủ rũ, xa cách và lạnh lùng với tôi. Anh thường ngồi cả tối trong quán rượu rồi mới về nhà và lên giường đi ngủ, hầu như không nói với tôi lời nào. Tôi đã từng tự hỏi liệu có phải mọi phụ nữ trẻ mới cưới đều cảm thấy cô đơn giống như tôi không.

Nhà mới của chúng tôi rất nhỏ và đơn giản, nhưng tôi sắp xếp để sao nó trông xinh xắn ưa nhìn nhất có thể, tiết kiệm chất bốp chỉ mua những đồ nội thất cũ đã qua sử dụng, chỉ có giường và rèm cửa là mới. Tôi đi làm cho tới khi mang bầu được 6 tháng thì nghỉ, giống như mọi phụ nữ thời đó, và sau đó tôi bắt đầu chuẩn bị cho ngày sinh, mua tất cả những thứ mình sẽ cần. Tôi đã mua một cái chiếu và đặt tất cả các vật dụng cần thiết lên đó, từ tã lót đến những chai lọ. Và tôi vung tiền mua một chiếc xe đẩy có hai tông màu xanh lá của hãng Silver Cross. Các bạn tôi nghĩ tôi thật kì lạ khi mua một chiếc xe đẩy màu xanh lá - có lẽ bởi vì những chiếc xe màu xanh lá vốn được coi là không may mắn - nhưng đó là màu tôi thích và Silver Cross là hãng sản xuất xe đẩy tốt nhất.

Khi những cơn ốm nghén buổi sáng đã qua đi, tôi ăn nhiều gấp đôi, cho cả hai người. Bữa ăn ưa thích của tôi là lát cá tẩm bột và thịt xông khói - ăn hai thứ đó cùng nhau. Và tôi cố gắng tận dụng những khoảng thời gian chỉ có một mình. Tôi sống gần trung tâm thị trấn Sunderland nên tôi có thể đi bộ tới những cửa hàng và khi trời ấm áp tôi có thể đi vòng quanh công viên để cho vịt ăn. Tôi chờ được làm mẹ, nhưng tôi nhớ các bạn ở chỗ làm và cuộc sống xã hội đi cùng với nó. Thỉnh thoảng vài cô gái sẽ gọi tôi đi uống trà và

trò chuyện, và tôi thực sự mong đợi tới những khoảng thời gian tụ họp cùng bạn bè gần gũi đó.

Tôi tới thăm các chị tôi bất cứ khi nào có thể. Họ giúp tôi bằng cách kể cho tôi nghe kinh nghiệm của chính họ và hứa hẹn sẽ tới thăm và chỉ dạy cho tôi mọi thứ khi đưa trẻ chào đời. Bây giờ tất cả các chị đều đã làm mẹ - một năm trước chị Pat đã sinh con đầu lòng - một cậu bé đặt tên là Gary.

Nhưng cho dù tôi cố gắng khiến mình luôn bận rộn và ra khỏi nhà, phần lớn thời gian tôi vẫn ở nhà một mình, thường là thời gian buổi tối. Tôi ước sao Robert là một người chồng yêu thương tôi như tôi đã từng hy vọng, nhưng tôi thường xuyên cảm thấy anh ấy chẳng muốn ở bên tôi chút nào.

Tôi ngày càng buồn hơn và chúng tôi bắt đầu cãi nhau rất nhiều. Tôi nghĩ anh ấy đã uống quá nhiều và bảo anh ấy rằng chúng tôi cần dành tiền cho em bé, rằng tôi muốn anh ấy ở nhà với tôi. Tôi biết anh cần gặp bạn bè giải tỏa cảm xúc nhưng không lẽ anh ấy không thể dành thời gian cho tôi? Robert nổi khùng lên, mắng chửi tôi và ném mọi thứ có trong phòng trước khi bỏ ra ngoài, và tôi luôn cảm thấy bàng hoàng và rất rất buồn.

Vào những ngày Chủ nhật chúng tôi sẽ tới nhà cha mẹ anh ấy để ăn trưa. Tôi đã thân thiết với với cha anh, còn mẹ anh thì vẫn xa cách và gắt gỏng với tôi. Có một hôm khi tôi đang giúp bà trong bếp bà đã nói với tôi rằng “Nếu cô có mẹ cô sẽ chẳng tử tế gì với tôi.” Chuyện đó khiến tôi bị tổn thương, bởi vì tôi đã rất cố gắng để thân thiết với bà.

Ngày tôi lâm bồn tình cờ lại đúng lúc Robert có mặt ở nhà và một người hàng xóm - một trong số ít những người hiếm hoi có ô tô - đã lái xe đưa chúng tôi đến bệnh viện Sunderland. Ngày đó đàn ông không được hiện diện lúc sinh nở, nên Robert ra một hành lang khác đi đi lại lại chờ đợi. Khoảng sáu đến bảy giờ sau, tôi sinh một bé trai xinh xắn. Em bé có rất nhiều tóc đen và đôi mắt màu xanh biển lạnh lùng nhìn giống hệt cha nó. Robert cũng tới thăm con ngay sau đó. Chúng tôi đặt tên cho bé con là Michael.

Khi đó phụ nữ sinh xong phải ở lại bệnh viện một tuần hoặc lâu hơn, và thời gian đó tôi rất vui khi được học cách cho con ăn và chăm sóc con. Nhưng dù vậy, ngày đầu tiên đưa bé con về nhà, tôi

vẫn cảm thấy có chút hoảng sợ. Tuy nhiên tôi nhanh chóng làm quen được với cuộc sống mới. Và cân nặng thời mang thai cũng đã giảm dần - trong vòng vài tuần sau đó tôi chỉ còn 55 cân và lại mặc vừa chiếc váy ngắn của mình.

Tôi thích được làm mẹ. Tôi cảm thấy tự hào khi mặc đồ cho Michael và cho em bé vào xe đẩy đưa ra ngoài. Tôi thường xuyên đưa nó đến thăm các chị tôi. Và khi thằng bé được vài tháng tuổi tôi đưa nó tới gặp cha. Tôi đã không gặp ông kể từ lễ cưới, nhưng bây giờ ông đã chuyển tới sống trong một căn phòng đơn ở góc phố ngay gần nhà chị Greta. Ông thì thăm với bé con, và chuyện đó khiến chúng tôi có cùng thứ để sẻ chia, vì thế tôi bắt đầu tới thăm cha thường xuyên hơn. Căn hộ nhỏ của ông rất ấm áp, nhất là những khi ông đốt lò sưởi. Ông luôn có một xô than đặt bên cạnh lò sưởi, và ngoài ra thì giữa nhà luôn có một đụn than lớn. Tôi hỏi ông tại sao lại để nó ở đó, và ông bảo Paul - con trai của chị Greta - đã tặng nó cho ông vào Năm mới vì ông là người may mắn.

Vài năm sau đó, khi Michael đã chập chững biết đi và tôi đưa nó tới thăm cha, thằng bé đột nhiên nhặt một viên than may mắn của cha ném vào trong lò. Cha đang ở trong bếp pha trà và tôi hoảng sợ. Tôi lục trong xô than tìm một viên tương tự và đặt nó thế vào chỗ cũ. Cảm ơn trời đất cha không nhận ra!

Với chỉ một nguồn thu nhập và phải nuôi một đứa trẻ, tiền nong của tôi rất eo hẹp. Điều đó có nghĩa là Robert phải giảm tần suất xuất hiện ở quán rượu. Chúng tôi vẫn tới nhà cha mẹ anh ăn trưa vào mỗi ngày Chủ nhật, và khi trở về nhà mình vào chiều muộn chúng tôi đều đi qua quán rượu ưa thích của Robert, rồi anh sẽ buồn vì không có đủ tiền vào uống một cốc bia. Khi về đến nhà chúng tôi sẽ cãi vã, và sau đó ngày nào chúng tôi cũng ở trong tình trạng chiến tranh. Tôi sợ những chuỗi ngày ấy, tôi hoàn toàn không có kĩ năng giải quyết chuyện này, tôi không biết phải làm thế nào. Tôi muốn Robert vui vẻ với gia đình nhỏ của anh, nhưng anh không thấy hạnh phúc và có vẻ như tôi chẳng có thể làm gì để thay đổi điều đó.

Khi Robert đi làm, tôi dành nhiều giờ đồng hồ đẩy Michael trong xe đẩy đi tới công viên, đi thăm bạn bè hoặc ghé vào những cửa hàng. Một trong những cửa hàng yêu thích của tôi là tiệm đồ cũ nho

nhỏ ở góc phố gần nhà. Cửa tiệm đó chỉ có một phòng ở tầng trệt trong một toà nhà ba tầng nằm ở góc đường Laura, đối diện với nhà máy bia. Đó là một ngôi nhà kì lạ, vì nó nằm quay mặt ra góc phố, nhưng cửa ra vào lại ở bên hông nhà. Tôi thường vào đó mua những bộ đồ cũ của trẻ con, và tôi dần thân quen với người chủ cửa hàng. Chị ấy là Anita, và chúng tôi thường dừng lại chuyện trò hay uống trà. Chị ấy sống ở tầng trên cửa hàng cùng chồng và năm đứa con, và chị thường kể cho tôi nghe về họ.

Robert rất gần gũi với ông ngoại của anh ấy, người cũng tên là Robert, và khi ông bị ốm và cần người chăm sóc, mẹ của Robert gợi ý rằng vì bà ấy phải đi làm, còn tôi thì ở nhà cả ngày trông con, nên chúng tôi nên chuyển tới sống cùng ông. Tôi quý ông và không ngại chuyện đó, dù tôi biết sẽ có lúc vất vả vì tôi cũng còn phải chăm sóc bé con nữa.

Ông ngoại của Robert sống trong một ngôi làng ở Silksworth, ở ngoại ô thành phố. Nó cách nhà máy Pyrex khá xa, vì thế Robert phải nộp đơn xin thôi việc ở đó và chuyển sang làm thợ mỏ ở lò Dawdon, chỉ cách Silksworth có vài dặm. Nhà ông ngoại có rất nhiều phòng và so với điều kiện sống chật chội ở nhà cũ của chúng tôi thì ở đây rộng rãi hơn rất nhiều. Chúng tôi có lửa sưởi than, vào mùa đông chúng tôi đốt lửa suốt đêm để trong nhà luôn ấm áp và cảm giác rất ấm cúng, không lạnh lẽo như nhà cũ của chúng tôi.

Ông ngoại Robert là một người rất đáng mến. Ông dành hàng giờ kể cho tôi nghe chuyện về những ngày xưa cũ và mọi thứ thời xưa. Chúng tôi đều chú ý chăm sóc ông. Robert sẽ giúp ông tắm và cạo râu, trong khi tôi nấu ăn, rửa bát và sắp xếp các loại thuốc của ông. Mẹ của Robert sẽ đi mua sắm sau giờ làm và cháu gái của ông, Betty - người tôi rất mến - sẽ ghé qua hai lần một tuần để giúp nữa, vì thế chúng tôi cùng nhau san sẻ công việc. Chỉ buồn là, dù tôi chăm sóc ông, mẹ Robert vẫn chẳng bao giờ đón nhận tôi. Bà vẫn cứ lạnh lùng và xa cách như vậy, và dường như chẳng có gì tôi làm khiến bà hài lòng.

Một ngày, khi Robert đang làm ca ở mỏ than, tôi bước vào phòng khách và thấy ông trông rất mệt mỏi. Khi đó ông gần như không thể ăn và nuốt được nữa, vì thế tôi cho ông ăn một chút kem - mà thường thì ông vốn rất thích. Nhưng ngày hôm đó cả kem cũng quá

sức với ông. Tôi bảo ông rằng “hắn là ông đang chán nản”, và ông nói rằng “Ông ước gì mình chết đi rồi”. Tôi rất buồn khi nghe ông nói thế nên tôi ngồi xuống cạnh ông một lúc, vuốt ve đầu ông - khiến ông bình tĩnh lại và ông bắt đầu gà gât.

Tôi quay lại bếp để làm nốt việc. Nửa giờ sau đó khi tôi nhìn ra ngoài để xem ông thế nào thì thấy đầu ông đã ngoẹo sang một bên và da ông đã hơi ngả vàng. Tôi chạy vội đi gọi xe cấp cứu, nhưng khi tôi ngồi đợi, cố gắng ủ ấm hai tay ông, tôi biết đã muộn rồi. Ông đã mất khi đang ngồi trên ghế bên cạnh lò sưởi, đúng như ông vừa mong muốn. Tôi cảm thấy tim mình như vỡ vụn. Tôi chưa từng biết ông bà mình thế nào, và tôi đã rất yêu mến ông.

Chúng tôi vẫn ở lại trong căn nhà ở Silksworth đó và tôi nhớ ông rất nhiều. Không có ông tôi càng cô đơn hơn.

Nhìn bề ngoài thì cuộc sống khá là ổn. Tôi có một người chồng, chồng tôi có một công việc tạm ổn - ở lò than Robert kiếm được nhiều tiền hơn so với lúc anh ở nhà máy Pyrex. Tôi có một đứa con trai và một ngôi nhà đẹp. Chúng tôi bắt đầu tới club địa phương vào mỗi tối thứ Bảy và dần thân thiết với những người hàng xóm. Cha tôi thường xuyên ghé thăm bé con vào mỗi cuối tuần và cũng thường ở lại qua đêm. Tôi thích nhìn ấy ông quần quanh trong nhà mình.

Nhưng tất cả không thực sự ổn. Khi chúng tôi ra ngoài, Robert rất vui vẻ, cởi mở và là linh hồn của bữa tiệc, nhưng khi chúng tôi về đến nhà tâm trạng anh lập tức thay đổi và anh sẽ trở nên trầm lì và ủ rũ, luôn có xu hướng bùng nổ những cơn tức giận bộc phát. Tôi lo lắng không biết có phải anh đã uống quá nhiều và cố gắng bảo anh uống ít lại. Chính hơi men đã khiến anh ấy luôn tức giận và bạo lực - sau khi uống vài cốc là anh gần như trở thành một con người khác.

Tôi ước ao anh sẽ thể hiện tình yêu thương đối với tôi nhiều hơn, nhưng có rất nhiều lần anh gần như bỏ mặc tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy mình là một người vợ thất bại và sự tự tin của tôi chưa bao giờ lên cao mà trái lại còn giảm sút tột độ. Tôi tự đổ lỗi cho mình vì những sự khác biệt giữa chúng tôi bởi vì tôi biết trái tim tôi không thực sự yêu anh, và tôi cảm thấy lẽ ra mình nên yêu anh. Tôi cố gắng cải thiện tình cảm của chúng tôi, nhưng khoảng cách giữa vợ

chồng tôi đã quá xa.

Tôi đã hy vọng con cái sẽ khiến chúng tôi gần gũi hơn. Chúng tôi đã đồng ý sẽ cố gắng, và khi Michael được năm tuổi, thằng bé có thêm một đứa em gái, Joane, sinh vào tháng 11 năm 1974. Con bé có mái tóc vàng và cặp mắt xanh biếc, rất xinh đẹp. Robert đi cùng tôi tới bệnh viện, nhưng cũng đến giờ ca làm của anh ở lò than nên anh ấy phải đi luôn - chẳng có thời gian chờ đứa trẻ được sinh ra. Sau đó anh ấy đã gọi điện đến bệnh viện, và một người hàng xóm ở cùng tôi đã thông báo cho anh ấy rằng anh ấy vừa có một đứa con gái. Nghe nói anh ấy đã hét lên sung sướng để báo cho tất cả mọi người được biết!

Tôi đã tự hỏi sao mình phải đợi lâu đến thế mới sinh đứa thứ hai, vì con bé là một niềm hạnh phúc tuyệt vời với tôi. Nhưng dù tôi rất sung sướng khi lại được làm mẹ một em bé nữa thì chuyện có thêm con gái cũng không cải thiện cuộc sống hôn nhân của tôi được chút nào. Robert và tôi ngày càng xa cách hơn bao giờ hết, cả hai chúng tôi đều ước không phải ở đó, giả vờ là một gia đình hạnh phúc.

Robert nghiện rượu đến nỗi đôi lần anh còn bỏ làm để đến quán rượu. Không chỉ thường xuyên say xỉn, anh còn tiêu tốn hầu hết tiền của chúng tôi vào hơi men. Tôi bắt đầu cảm thấy mọi thứ không còn hy vọng cứu vãn được nữa. Tôi không thể khiến anh ấy hạnh phúc và tôi đã phát mệt, cô đơn và đau khổ khi phải xoay sở một mình và chịu đựng tính khí khó chịu của anh. Mỗi lần uống xong anh sẽ chầm ngời chiến tranh và chỉ trích mọi thứ tôi làm rồi bùng bùng tức giận. Tôi sẽ ôm lấy bọn trẻ, mẹ con tôi co cụm lại với nhau khi anh ném đồ đạc, lo sợ rằng tiếp sau đó chính mẹ con tôi có khi cũng bị đánh. May thay anh chưa bao giờ động tay với tôi hay bọn trẻ, nhưng điều đó cũng không khiến chúng tôi bớt hoảng sợ. Sáng hôm sau anh sẽ trở lại bình thường, như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Bằng chứng duy nhất của cơn cuồng loạn đêm trước chỉ là đồng đồ đạc vỡ nát.

Tôi đã rất rất cố gắng suốt một thời gian dài để cải thiện cuộc hôn nhân của mình. Tôi thường ra ngoài cùng Robert, với hy vọng vô ích rằng mình có thể kiểm soát từu lượng của anh hoặc làm anh vui vẻ để khi về nhà anh sẽ bình tĩnh. Tôi tha thiết muốn có một mối quan hệ ổn định yên ấm để nuôi dạy các con tôi lớn lên trong một

gia đình bình yên hạnh phúc, dành cho chúng những thứ mà đời tôi đã không có. Tôi muốn cuộc hôn nhân của chúng tôi giúp các con tôi lớn lên bình thường, nhưng đã chẳng còn hy vọng gì và cuối cùng tôi mệt mỏi bởi cứ phải nỗ lực giữ yên bình và yêu cầu chồng tôi đi đi. Anh miễn cưỡng đồng ý và tự tìm cho một một căn hộ khác.

Ở khía cạnh nào đó, sự chia tay khiến tôi thấy nhẹ nhõm. Không có anh ấy, ngôi nhà bình yên hơn. Những trận cãi vã, những sự quở trách, những cảnh phải bảo vệ bọn trẻ rồi thu dọn những mảnh vỡ đã không còn nữa. Nhưng tôi ở lại với cảm giác tội lỗi kinh khủng. Sau khi trải qua quãng thời thơ ấu của mình, tôi không hề muốn tách bọn trẻ xa khỏi cha chúng. Tôi đau đớn vì không biết liệu mình có làm đúng hay không, băn khoăn rằng nếu tôi cố gắng hơn nữa, làm mọi thứ tốt hơn, liệu có cách nào đó mọi chuyện có thể cải thiện hay không. Thậm chí tôi đã thử quay lại với Robert một thời gian khi anh cầu xin tôi cho anh một cơ hội. Nhưng vẫn chẳng có gì thay đổi, và trong những tuần đó mọi thứ còn tệ hơn trước - với cảnh Robert say xỉn, tôi tức giận và cả hai chúng tôi đều nổi xung.

Lần này khi tôi yêu cầu anh ta rời đi, Robert chấp nhận rằng mọi thứ đã thật sự kết thúc. Nhưng sau khi chuyển ra ngoài anh vẫn cố níu kéo tôi và anh nói chừng nào chưa có quyết định ly hôn trong tay thì anh còn chưa từ bỏ. Điều đó khiến cảm giác tội lỗi và nỗi trăn trở trong tôi càng thêm day dứt. Nhưng tôi biết mình đã quyết định rồi, dù rằng tôi buồn rất nhiều khi cuộc hôn nhân của mình tan vỡ. Tôi chưa bao giờ từng tưởng tượng sẽ có ngày tôi ly hôn hay tự nuôi dạy các con tôi một mình, và có những lúc tôi ngồi trong bếp, khi bọn trẻ đã đi ngủ, thầm khóc những giọt nước mắt cay đắng của sự cô đơn, của thất bại và mất mát.

21 - Alan

Lên xe buýt chưa đầy mười phút thì tôi bắt đầu hối hận về toàn bộ chuyện đã làm, và Robinson cũng vậy. Chúng tôi nhìn nhau và ước gì mình có thể quay ngược thời gian để để chỗ tiền đó lại chỗ của nó. Tôi biết những gì chúng tôi làm rồi đây sẽ chẳng có kết cục tốt đẹp gì.

Nhưng đã quá muộn rồi. Chúng tôi đồng ý là nếu bây giờ quay về chúng tôi cũng sẽ nhận được hình phạt như khi chúng tôi bị bắt sau này. Chủ nhà không phải kiểu người có thể tha thứ.

Chúng tôi bắt chuyến tàu tới Newscastle và suốt chặng đường thảo luận chuyện sẽ đi đâu tiếp theo. Chúng tôi nghĩ mình nên ra khỏi đất nước này nên chúng tôi quyết định sẽ trốn vé trên chuyến tàu băng qua kênh đào từ Dover tới Pháp và sau đó lên đường tới những nơi khí hậu ấm áp hơn ở Med hoặc tới Ý.

Ở Newcastle chúng tôi mua một cái lều, túi ngủ, quần áo mưa và đồ dùng nấu ăn để phục vụ cho hành trình bỏ trốn. Tôi cũng mua chiếc quần jean đầu tiên trong đời. Nó là kiểu dáng thời trang mới nhất và rất được yêu thích. Mặc nó vào tôi cảm thấy cuối cùng mình cũng đã có vẻ ngoài giống như những người xung quanh và được hoà nhập vào với đám đông. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy mình cũng bình thường như bao người khác, đến nỗi tôi luôn nhớ cảm giác đó. Và rồi sau đó, vui vẻ hào hứng, chúng tôi hướng tới ga tàu và bắt chuyến tàu chiều với London.

Đến tối chúng tôi mới tới King's Cross. Chúng tôi sai bước ra khỏi ga tàu, bước vào một thế giới mới. Những con đường trong thành phố đông nghịt người, xe buýt, xe ô tô, xe taxi và những toà nhà cao. Đây cũng là lần đầu tiên tôi đi xa Sunderland đến thế, và tôi bị mê hoặc bởi tất cả những thứ tôi nhìn thấy. Chúng tôi tìm được một khách sạn nhỏ và đặt một phòng ở qua đêm, sau đó dành cả ngày tiếp theo đi ngắm cảnh. Tôi bị ấn tượng bởi những con đường rộng và những toà nhà cao tầng, tưởng tượng rằng Nữ

hoàng sẽ đi xe qua đây, được hộ tống bởi đội bảo vệ mặc lễ phục và những dàn nhạc vang rộn. Chúng tôi đến Toà tháp Bưu điện - nơi cũng là một điểm thu hút khách du lịch. Quang cảnh nhìn từ trên đỉnh tháp thật hùng vĩ và chúng tôi đã đứng lại đó rất lâu.

Chúng tôi muốn ở lại London lâu hơn, có quá nhiều thứ để ngắm và để làm. Nhưng chúng tôi biết mình nên tiếp tục kế hoạch, thế nên chiều hôm đó chúng tôi lên tàu tới Dover. Trong toa tàu chỉ có hai chúng tôi và suốt chặng đường tôi chỉ nhìn ra ngoài cửa sổ để nhìn thấy đầu tàu mỗi khi đi qua một khúc quanh. Hôm đó là một ngày nắng ấm và tôi nhìn thấy hàng dặm những vườn táo trải dài vút qua, có rất nhiều người lấp ló giữa những tán cây để hái trái. Tôi nghĩ đến chú Rex và người phụ nữ đã tới thăm tôi ở, nghĩ đến những gì chú ấy nói về vườn táo của tôi, tưởng tượng ra mình và Irene sống giữa những cây táo nặng trĩu trái đỏ ối.

Khi đến Dover, chúng tôi leo lên một ngọn đồi để nhìn ngắm toàn bộ bến cảng, và quyết định cắm trại ở đó đợi cho đến khi sẵn sàng đến nước Pháp. Chúng tôi đã sống hai tuần trên sườn đồi, thu thập thông tin về những con tàu và cách làm thế nào để có thể lên một con tàu. Có một ngày khi đang uống cà phê trong thị trấn, chúng tôi gặp một chàng trai làm việc trên một trong những con tàu dưới bãi biển Folkstone. Anh ta bảo chúng tôi rằng chỉ mất 10 bảng anh ta có thể đưa chúng tôi vào phía sau một trong những toa chở hàng được đưa lên tàu và chúng tôi có thể trốn trong đó để tới Pháp.

Chúng tôi đã dùng số tiền lấy trộm được để đi tới đây và sống trong hai tuần, vì thế chúng tôi đồng ý quá giang tới Folkstone và khởi hành khi chỉ còn lại một ít tiền. Mọi chuyện là như thế, cho đến khi Robinson quyết định rằng cậu ta muốn quay về. Có vẻ như chuyện này với cậu ta giống như một trò chơi vậy, ý nghĩ về việc rời khỏi đất nước có lẽ quá sức đối với cậu ấy. Vì thế chúng tôi đồng ý tách ra, chia đôi số tiền còn lại. Cậu ta đồng ý để tôi giữ những đồ cắm trại vì cậu ta sẽ không cần dùng đến chúng và rồi cậu ta đi xuống đồi.

Tôi đã mua một chiếc ống nhòm ở một cửa hàng đồ cũ ở London và tôi trèo lên hào nước gần nơi chúng tôi đã dựng lều và nằm trên đồi nhìn cậu ta đi xuống thành phố - và tới thẳng đồn cảnh sát! Tôi tự hỏi liệu có phải cậu ta đầu thú để được ăn một bữa ăn và được

đưa miễn phí về lại Sunderland không.

Tôi tiếp tục theo dõi, và khoảng một giờ sau đó tôi lại nhìn thấy cậu ta, lần này được hộ tống bởi hai cảnh sát to cao hướng thẳng lên đồi. Cậu ta đã nói với họ về tôi! Thật không thể tin được! Nhưng tôi không có ý định đầu thú, vì thế tôi gói ghém đồ đạc và bỏ chạy.

Xuống đến đường cái tôi đứng bên đường vẫy tay và đi nhờ một trong số nhiều những chiếc xe tải trên đường đang hướng đến Folkestone. Khi đến nơi tôi đi thẳng ra bờ biển để dựng lều.

Tôi dành cả vài ngày sau đó thư giãn vui vẻ trên bãi biển, nghe nhạc nhẹ từ một chiếc đài bán dẫn nhỏ tôi đã mua ở Newcastle. Qua ống nhòm, tôi nhìn thấy những con tàu đang hướng tới nước Pháp, nghĩ rằng rồi mình sẽ ở trên một trong những con tàu đó sớm thôi.

Cuối cùng cũng đến thứ Sáu, tôi gói ghém đồ đạc, đi vào thị trấn và tới quán cà phê nơi chúng tôi đã hẹn sẽ gặp chàng trai người đã nói sẽ giúp chúng tôi. Tôi đến đó từ sớm và ngồi uống cà phê, đợi anh ta đến. Rồi sau đó đột nhiên tôi có linh cảm, nếu Robinson nói với cảnh sát về cuộc gặp gỡ này thì sao? Điều đó dường như không thể nào, vì cậu ta là bạn tôi, nhưng cậu ta đã bán đứng tôi cho cảnh sát rồi đấy thôi. Tôi quyết định tốt hơn hết mình nên rời khỏi đây và đứng ở một chỗ bên kia đường để quan sát nơi này, để đề phòng. Tôi ra ngoài, tiến đến góc phố - và rơi thẳng vào tay hai cảnh sát mặc quân phục đã đứng sẵn ở đó đợi tôi. Tôi đã bị bắt. Tôi đã nghĩ đến chuyện nhìn thấy nước Pháp và sau đó là cả thế giới, và giờ đây tôi phải về lại nơi tôi đã luôn thuộc về - nơi có rắc rối.

Sau một đêm trong phòng giam, ngồi trên giường đau khổ ước gì tôi chưa từng gặp Robinson và chưa từng lấy số tiền đó, tôi được đưa ra ga và đưa lên chuyến tàu trở về Newcastle. Tôi bị còng tay vào ghế, phải chịu đựng những ánh nhìn chằm chằm từ các hành khách ngồi gần đó. Chắc chắn họ nghĩ tôi là loại tội phạm ghê gớm đến từ phương bắc chứ không phải một đứa trẻ sợ hãi còn chưa đầy 16 tuổi.

Về tới Newcastle tôi phải ở trong phòng giam đợi cảnh sát Sunderland đến áp tải về. Hai cảnh sát đến đưa tôi tới trụ sở chính ở Gill Bridge và lại nhốt tôi vào một phòng giam khác để chờ xem số phận của tôi được định đoạt thế nào. Ngày hôm sau tôi bị đưa đến

trước mặt quan toà, cùng với Robinson. Cậu ta không cả nhìn tôi và cúi gầm mặt suốt buổi hôm đó. Tôi không ghét cậu ta. Tôi chỉ nghĩ rằng cậu ta cũng giống như mình, cố gắng tìm một đường thoát. Nhưng tôi không có cách nào nói với cậu ta điều đó vì chúng tôi bị các cảnh sát tách riêng ra.

Chúng tôi bị yêu cầu được tạm giam cho đến ngày hôm sau đó. Một trong những cảnh sát viên giải thích cho tôi điều đó nghĩa là thế nào: nghĩa là ở trong tù đợi đến phiên xét xử của chúng tôi. Tôi bị đưa lên một chiếc xe tù chia làm 2 hàng gồm những ngăn nhỏ có cửa bằng kim loại và khoá bảo mật. Mỗi ngăn có một cái hộp kim loại, một chiếc ghế cũng bằng kim loại và một ô cửa kính đục nhỏ để chút ánh sáng lọt vào. Chắc chắn đó là một trải nghiệm đáng sợ với tôi, nhưng không chỉ thế ngày hôm đó trời còn rất nóng và khoang kim loại nhỏ cứ mỗi phút lại càng nóng hơn. Đến cuối chuyến hành trình hôm đó tôi đã kiệt quệ vì thèm nước và hơi mát.

Chúng tôi bị đưa tới Trung tâm tạm giam Low Newton - đây là nhà tù dành cho những tội phạm trẻ. Tôi bị lột trần, khám xét khắp người và được đưa cho một bộ đồng phục để mặc, một cái vỏ gối bên trong có những thứ đồ dùng tắm rửa và cạo râu, thêm một đồng chăn gối để mang đi. Những phạm nhân mới khác, có thêm Robinson và tôi, bị dẫn vào khu chính và lên cầu thang tới những hành lang nhỏ có một bên là dãy những cánh cửa dẫn vào các căn phòng. Từng người một sẽ bị nhốt vào buồng của mình.

Khi cánh cửa đóng sập lại phía sau tôi, tôi nhìn quanh và nhận ra mình đang ở trong một căn phòng hình chữ nhật nhỏ có một chiếc giường, một chiếc tủ đựng đồ giường, một chiếc ghế và một chiếc bàn nhỏ. Ở góc phòng là một cái xô vệ sinh bằng nhựa có tay cầm và nắp đậy. Trong phòng cũng có một ô cửa sổ nhỏ nằm phía trên tường cao.

Tôi đã bị nhốt nhiều lần trong đời, nhưng đó là đêm tồi tệ nhất của tôi. Tôi quá sợ hãi, lạc lối và cô đơn, tự hỏi không biết chuyện gì sẽ xảy đến với mình và tôi sẽ phải ở đó bao lâu. Cuối cùng tôi thiếp đi trong những giấc mơ đáng sợ, chỉ thức dậy khi người cai ngục gõ cửa.

Sáng hôm đó tôi được dạy những thứ hơi hám ghê tởm, gần như là kiểu thực hành “đổ hết ra” từ thời trung cổ - có nghĩa là phải làm

sạch cái bồ vệ sinh gồm những xú uế từ đêm hôm trước và xả sạch nó trong một cái bồn lớn. Mùi từ tất cả các bồ gần như bay ra cùng một lúc thật không thể chịu nổi.

Sau công việc kinh khủng đó chúng tôi được cho một bát nước nóng để rửa ráy, rồi lại trở lại phòng giam.

Những ngày tiếp theo tôi được giao cho giúp việc trong bếp, dọn dẹp và rửa sạch các chảo và phục vụ bữa ăn. Chuyện này khiến tôi vui mừng vì tôi thích nấu nướng. Dù khi đó nhà bếp thường xuyên trong tình trạng phải phục vụ số lượng quá tải, và vì những người làm trong bếp phải dậy rất sớm trước hết thấy những người khác nên họ cho 8 người chúng tôi vào trong một trong những căn phòng chung dọc dãy hành lang bên ngoài bếp và đưa cho chúng tôi những chiếc giường gấp để ngủ trên đó.

Ban đầu chuyện này cũng tốt, đặc biệt khi phòng đó lại có một chiếc TV. Tôi không muốn ở một mình và cũng không ngại việc nhà bếp, vì thế cuộc sống cũng không quá tệ. Cho đến một ngày kinh khủng tôi phát hiện ra Robinson, vì lo sợ bị gắn mác hai mang, đã đến trước và nói với mọi người rằng tôi chính là kẻ đã tới đồn cảnh sát tố giác cậu ta. Đây gần như là một án tử hình với tôi, vì hầu hết mọi người trong hệ thống nhà tù sẽ cho phép làm bất cứ điều gì với một kẻ hai mang.

Vì thế, những tháng ngày đau đớn của tôi bắt đầu. Trước hết là từ những người cùng phòng với tôi. Ngày nào tôi cũng bị đánh. Trong nhóm tôi có một chàng trai lớn tuổi hơn tôi rất nhiều và rất to béo, phải nặng cỡ hơn 100 cân, trong khi tôi chỉ có tầm 60 cân. Anh ta là một kẻ xấu xa chuyên bắt nạt những người khác. Đêm nào anh ta cũng thử những kĩ thuật mới lên tôi để xem kĩ thuật nào có sức sát thương mạnh nhất. Và tôi phải sợ hãi không chỉ anh ta. Nếu tôi ngủ trước những người khác, họ sẽ trùm gối lên đầu tôi và ấn chặt xuống, không để tôi nhìn thấy thủ phạm là ai. Họ nghĩ ra vô số cách để thể hiện sự gây hấn với tôi, trong khi đó không có ai giúp tôi và cũng không ai có thể đấu lại tất cả bọn họ. Tôi không còn sự lựa chọn nào khác ngoài chịu đựng. Có nhiều đêm tôi nằm thao thức với cả người đau nhức và thâm tím và trái tim tôi rỉ máu, cảm thấy chẳng có ai trên thế giới này quan tâm hay thậm chí biết tôi đang ở đâu, cũng không biết rằng tôi đang bị hành hạ bởi một đồng những

tên còn đồ.

Điều duy nhất cho tôi động lực là tôi biết ngày ra toà của tôi sẽ đến và khi đó tôi sẽ được đưa đi. Khi được thông báo ngày ra toà, tôi đã giữ bí mật. Ngày hôm đó tôi tìm cách ở một mình với từng kẻ đã hành hạ tôi và tặng cho mỗi người một trận đòn – kể cả tên một tạ kia. Tôi không hề tự hào gì về những chuyện tôi đã làm. Tôi chỉ nghĩ chuyện đó là cần thiết bởi vì dù tôi có đi đến đâu cái mác đó cũng sẽ gắn với tôi, và nếu như tôi không làm gì cả thì tôi sẽ trở thành mục tiêu của chúng trong suốt những ngày còn lại của tôi ở nơi này. Nhưng từ hôm đó mọi chuyện dừng lại như thể sự trả đũa của tôi đã được truyền tai nhau đến mọi nơi.

Một luật sư trợ giúp pháp lý đã đến gặp tôi ngay trước phiên toà. Ông ta nhìn có vẻ chẳng hứng thú gì, và ông ta nói không có nhiều sự lựa chọn ngoài việc nhận tội và nói với quan toà rằng đó là lần đầu tiên tôi vi phạm, thể hiện ra rằng tôi rất hối hận. Tôi đã làm như thế, và ông ấy cũng bảo với các quan toà như vậy, nhưng tôi nghĩ chuyện đó cũng chẳng cải thiện được gì. Tôi nhận được phán quyết “từ 6 tháng đến 2 năm”, điều này có nghĩa là tôi bị phạt ngồi tù từ 6 tháng đến 2 năm trong trại giáo hoá những tội phạm trẻ. Thời gian thực sự sẽ phụ thuộc vào thái độ và hành xử của tôi, người ta bảo tôi như vậy, dù sau đó tôi đã phát hiện ra rằng chẳng ai chỉ ngồi tù 6 tháng cả, vì thường phải đợi rất lâu mới có chỗ trong tù để bắt đầu tính thời hạn.

Không còn chỗ trống nào trong trại giáo hoá dành cho tôi, vì thế tôi được gửi tới nhà tù Durham trong lúc chờ đợi. Đó là một nơi kinh khủng. Tôi bị dẫn vào một căn phòng mà tôi chỉ có thể miêu tả nó không khác nào một cái lồng chim dành cho nam giới. Có 4 đến 5 dãy hàng lang gồm toàn các ngăn nhỏ với một loại lưới thép mỏng giăng ngăn cách giữa các tầng, khiến nơi này nhìn như một cái chuồng chim. Nơi đây cũng nồng nặc mùi thuốc lá, mùi nước tiểu và tiếng ồn gây ra bởi hàng trăm tù nhân vang vọng khắp những bức tường.

Tôi bị đẩy vào một ô trống. Cánh cửa đóng sầm và được khoá lại sau lưng tôi. Trong 3 tháng tiếp theo đó tôi chỉ được ra ngoài để đổ bỏ vào sáng và tối, và ngoài ra là để lấy phần ăn của mình. Ngăn buồng của tôi có kích cỡ độ 5 feet chiều rộng và 10 feet chiều dài,

với một ô cửa sổ nhỏ nằm phía trên cánh cửa, cách cỡ 6 feet. Nếu đứng lên ghế tôi có thể nhòm qua đó nhìn ra bên ngoài, mặc dù cũng chẳng ích gì vì tôi sẽ chỉ nhìn thấy những ô cửa sổ khác giống như phòng tôi xung quanh một cái sân rộng. Có một đường ống sưởi lớn chạy qua các phòng và nhiệt độ trong phòng luôn cao đến nỗi một người ở trong phòng này lúc trước đã đập tan tất cả các ô kính cửa sổ để không khí bên ngoài có thể tràn vào, dù cũng chẳng cải thiện được mấy.

Mỗi sáng giường ngủ của tôi phải được dựng lên, đặt dựa vào tường, vì không có chỗ để đặt chúng nằm trên mặt đất suốt cả ngày. Nhưng ngay cả khi đã dựng giường lên rồi, tất cả những gì tôi có thể làm và đi đi lại lại vài bước. Tôi được đưa cho những cuốn sách từ thư viện nhà tù để đọc nhưng chúng đều là những cuốn sách cao bồi, có vẻ như khá nổi tiếng nhưng không thực sự làm tôi thấy hứng thú, Tôi có một cuốn sổ để ghi những vấn đề của nhà tù và một cây bút chì nhưng tôi không bao giờ viết gì vào đó vì theo lịch trình người ta sẽ mở tung các cánh cửa ra, tôi sẽ bị bắt đứng dậy trong khi các nhân viên nhà tù dọn sạch mọi thứ trong phòng tôi và lật giở qua những trang sổ.

Tôi không hề biết mình sẽ ở đây bao lâu, và thời gian trôi đi chậm chạp một cách khó nhọc khi tôi phải chịu đựng hết ngày này qua ngày khác ngồi đợi trong căn phòng nóng bức ngột ngạt. Đó thực sự là một cách tra tấn. Tôi là một chàng trai và đang phải chịu đựng trong những điều kiện sống mà những người gấp đôi tuổi tôi cũng thấy vất vả. Cuối cùng mọi chuyện hé lộ rằng hoá ra những người lãnh đạo nhà tù đã mắc phải một sai lầm rất nghiêm trọng. Tôi vẫn chưa đủ 16 tuổi và lẽ ra không bao giờ bị giam giữ trong những nhà tù dành cho người lớn. Tôi là một tội phạm trẻ, được áp dụng những luật lệ riêng thích hợp với lứa tuổi vị thành niên. Tôi mau chóng được chuyển tới nhà tù Strangeways ở Manchester - nơi đó có một trung tâm đánh giá các tù nhân trẻ.

Ở đó cuộc sống cũng không khác biệt là bao. Tôi lại bị đưa vào trong một căn phòng kín và phải ở trong đó nhiều tiếng đồng hồ trong một ngày, không có việc gì làm và cũng không có gì khiến tôi hứng thú. Tuyệt vọng vì chán ngán và cô đơn, tôi xoay sở tìm được một cái vòng chun để dùng bắn nầy. Sau nhiều tuần chơi trò đó tôi đã đạt đến trình ngắm bắn hoàn hảo và có thể bắn hạ cả những con

ruồi với những mẫu giấy dùng làm đạn. Tôi cũng dùng bút chì để vẽ lên tường hình những nhân vật tí hon trong một trò chơi tôi tự nghĩ ra.

Cuộc sống đó rất dễ khiến người ta phát điên. Một sáng, có một cậu bé 16 tuổi ở cùng dãy hành lang với tôi đã cắt cổ tay mình bằng một lưỡi dao cạo cũ và khi cai tù đến đưa cậu ta đi, máu chảy dọc từ bắp tay cậu ta xuống sàn và bắn cả lên tường. Họ lôi cậu ta ra ngoài và chúng tôi không bao giờ được biết sau đó cậu ta đã trở nên thế nào. Bất kì ai trong chúng tôi đều có thể thành như vậy. Nhưng bằng cách nào đó tôi đã quyết định khiến đầu óc mình luôn được tập trung làm gì đó và phải luôn tỉnh táo. Tôi biết mình có thể vượt qua chuyện này, tôi sẽ có cơ hội khác để sống tiếp, sau khi được thả ra.

Trong thời gian ở Strangeways tôi có một lần gặp lại Robinson, trong nhà tắm công cộng. Hơi nước trong phòng khiến tôi không nhìn rõ ai trừ khi người đó đứng cách tôi vài feet. Vì thế tôi đã không nhìn thấy cậu ta cho đến khi tôi đến chỗ cây cột với một chiếc khăn tắm đã quấn quanh người.

Cơn tức giận của tôi trước sự phản bội của cậu ta đột nhiên sôi sục và tôi tóm lấy cổ họng cậu ta trước khi cậu ta kịp kêu lên.

Tôi hỏi cậu ta tại sao lại nói với mọi người tôi là người đi báo cảnh sát trong khi cậu ta biết rõ điều đó là dối trá. Cậu ta trả lời rằng vì cậu ta nghĩ tôi có thể nói với mọi người rằng người đó chính là cậu ta. Cậu ta cứ luôn miệng nói “Xin lỗi, xin lỗi” và tôi nhận ra rằng cậu ta cũng quá sợ hãi thế giới mà cậu ta đang sống này đến nỗi sẵn sàng nói bất cứ điều gì để tự bảo vệ mình. Vì thế tôi thả cậu ta ra và bỏ đi.

Nhưng khoảng 30 chàng trai trong nhà tắm đã nghe rõ lời thú tội của cậu ta, và vài phút sau một bài huyết sáo “hai mang, hai mang, hai mang” bắt đầu. Tôi nghe thấy tiếng cậu ta khóc lóc cầu xin cứu giúp và một nhân viên nhà tù chạy vào. Robinson được chuyển đi để bảo đảm an toàn cho cậu ta và tôi không bao giờ nghe tin tức gì về cậu nữa.

Sau ba tháng, một ngày cửa phòng giam của tôi bật mở và tôi được thông báo sẽ được chuyển đi. Cuối cùng Trại cải hoá ở phía nam Yorkshine đã có chỗ trống và tôi sẽ hoàn thành thời gian ngồi

tù của mình ở đó. Tôi phấn khích hẳn. Nơi đó hẳn sẽ tốt hơn những nơi tôi đã ở qua.

Hoá ra là trại cải hoá sử dụng những túp lều quân đội trên cánh đồng, giống như những lều trại chúng tôi từng ở ở Staithes nhiều năm trước, và có rất nhiều công việc bao gồm cả việc giúp những người nông dân ở đó. Tôi hi vọng mình sẽ được giao việc làm trên đồng, nhưng cuối cùng việc của tôi là làm trong bếp, rửa chảo và gọt khoai tây cho vỏ vào thùng rác. Dù sao chuyện đó cũng tốt hơn là bị nhốt trong một căn buồng nhỏ hết tuần này sang tuần khác. Ít nhất tôi cũng có thể nhìn thấy bầu trời và được tự do nói chuyện với mọi người.

Chín tháng sau tôi được thả ra khỏi trại cải hoá. Khi đó tôi đã 17 tuổi, không có nơi nào để đi, không có tiền, không có kĩ năng gì và cũng không hi vọng sẽ có một tương lai ổn định. Chẳng có ai tin tưởng hay động viên tôi, và cũng không biết mình nên làm gì, tôi trở lại Sunderland. Ở đó tôi trôi dạt vào một công ty rất tệ. Tôi thấy mình nằm trong tầng lớp đáy của xã hội, gồm những người không thể thích nghi được với thế giới này, và linh hồn đã lạc mất. Hầu hết những người này đều không phải người xấu nhưng chẳng ai thoát được khỏi cạm bẫy của nghèo đói và phạm pháp. Cũng giống như tôi, họ đều đã từng sống trong trại trẻ hoặc trong tù, có khi là cả hai.

Tôi chuyển tới sống với vài chàng trai khác và kí nhận trợ cấp thất nghiệp. Gần như không thể kiếm được một công việc khi chưa từng được đào tạo, không bằng cấp và có tiền án tiền sự. Tôi muốn tìm một lối thoát, nhưng tôi không biết tìm cách nào. Họ là “gia đình” duy nhất mà tôi có và do vậy, hoàn toàn đổ vỡ và không có hướng đi nào cho cuộc đời, tôi dễ dàng tham gia vào một cuộc đột kích cùng họ, để lấy trộm tiền của nhà máy. Sâu trong lòng tôi biết đó không phải những gì tôi muốn làm, nhưng tôi đã tự dối gạt bản thân mình rằng chỉ một lần duy nhất thôi rồi sau đó tôi sẽ có vốn để bắt đầu lại từ đầu. Nhưng tất nhiên, chẳng có đồng tiền nào kiếm được dễ dàng, chúng ta luôn phải trả giá. Chúng tôi còn quá non nớt và nhanh chóng bị bắt, và tôi lại quay lại nhà tù nơi mà tôi vô cùng căm ghét.

Tôi có thể đã nằm trong số những người dành cả cuộc đời còn lại ra vào nhà tù. Nhưng khi tôi được thả về, sau những năm ngồi sau

song sắt, có gì đó đã thay đổi tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy tức giận và thất vọng khi mình đã lãng phí quá nhiều thời gian của cuộc đời mình, và tôi quyết tâm không thể gây thêm rắc rối cho mình nữa. Tôi nhận ra rằng để có thể có một sự khởi đầu tốt đẹp tôi phải tìm cách thoát khỏi tất cả những ảnh hưởng có thể khiến tôi gặp rắc rối, vì tất cả những người tôi biết - ý tôi thực sự là tất cả mọi người - đều đã từng dính líu hoặc đang dính líu đến việc phạm tội. Tôi không hề quen biết ai bình thường, người nào đó có một tâm hồn chân chất, người có thể khuyên tôi làm thế nào để sống khác đi.

Sau khi ngồi hàng giờ nghĩ lại mọi chuyện, tôi nhận thấy bản thân tôi chính là nguyên nhân gây ra mọi rắc rối. Dù cho có chuyện gì xảy ra với mình, tôi cũng không được phép đổ lỗi cho người khác. Tôi đã tự dành nhiều ngày trong đời mình ở cùng với những người sai trái và cố gắng làm vui lòng họ trong khi chỉ nhận về những thương tổn cho mình.

Đó là lúc như thế Chúa đã hiển linh, tôi nhận ra mình cần cái gì đó hơn thế. Một gia đình thực sự, một công việc mang ý nghĩa nào đó, và một tương lai ổn định. Tôi nghĩ đến Irene. Khi tôi nhìn lại cuộc đời mình, cô ấy là thứ ánh sáng duy nhất nổi bật lên trên tất cả những năm tăm tối, và một lần nữa tôi cầu mong bằng tất cả trái tim mình rằng tôi có thể tìm thấy cô. Tôi không biết mình sẽ bắt đầu tìm kiếm cô ấy ở đâu. Tôi thậm chí không biết tên đệm của cô ấy nữa. Nhưng điều đó không ngăn tôi nghĩ về cô ấy, tự hỏi bây giờ cô đã như thế nào, tưởng tượng ra cô ấy sẽ là một phụ nữ trẻ xinh đẹp đến nhường nào và cuộc sống của tôi sẽ như thế nào nếu lại được ở cạnh cô ấy.

Tôi lên một danh sách những thứ mình cần phải đạt được để có được sự tự do và độc lập khỏi tất cả những ảnh hưởng ngu ngốc tôi đã tuân theo suốt một thời gian dài. Tôi cần phải đi khỏi nơi ở hiện tại của mình và không cho ai biết nơi tôi sẽ đến. Ban đầu việc phải rời bỏ bạn bè và bắt đầu tiến tới một tương lai chưa có gì chắc chắn hẳn sẽ rất khó khăn, nhưng tôi phải làm thế. Và tôi cần từ bỏ khoản viện trợ và tìm một công việc. Quan trọng nhất là, tôi cần phải được đào tạo dù bằng bất kỳ hình thức nào, tôi phải học để có thể cải thiện số phận của mình và hiểu hơn về thế giới này. Kết quả của những mục tiêu đó, nếu như tôi đạt được, là tôi sẽ kiểm soát được cuộc sống của mình. Không ai có thể chịu trách nhiệm với cuộc

sống của tôi ngoài chính tôi.

Đầu năm 1972, khi tôi ra khỏi nhà tù lần cuối cùng, tôi vừa mới bước qua tuổi 19 và đã quyết tâm bắt đầu cuộc sống mới. Tôi luôn ghi nhớ hình ảnh Irene trong tâm trí, để làm động lực cho mình. Nếu tôi trở lại tìm kiếm cô ấy, tôi muốn làm cô ấy tự hào về tôi.

22 - Irene

Dù không muốn, bây giờ chỉ có mình tôi với bọn trẻ, và hơn bất cứ điều gì khác tôi cố gắng hết sức để trở thành một người mẹ tốt. Tôi đã 27 tuổi, và khi Robert rời đi lần thứ hai, hai đứa trẻ đã lần lượt lên 8 và lên 3 tuổi. Tôi không mấy hiểu biết về cuộc sống nhưng tôi đã tự hứa với bản thân mình rằng tôi sẽ là chỗ dựa cho các con tôi, dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa. Và 20 năm tiếp sau đó tôi đã làm như vậy, mặc dù có những lúc thật khó khăn, và khi bọn trẻ đã lớn tôi vẫn là một bà mẹ đơn thân.

Sau lần phân chia tài sản, tôi ở lại trong ngôi nhà ở Silksworth, khi đó Michael đã đi học ở trường địa phương và Joanne đã đi nhà trẻ nên tôi không muốn làm xáo trộn cuộc sống của chúng khi chuyển tới nơi khác. Tôi vẫn luôn muốn dành cho chúng một cuộc sống gia đình ổn định, có mẹ và có cha. Và bây giờ tôi đã thất bại. Tôi ngồi hàng giờ đồng hồ tự hỏi mình liệu đã sai ở đâu, và lòng tự tin của tôi đã mất hẳn. Tôi không hề nghĩ tới những tính cách tồi tệ của Robert hay sự thật rằng anh đã khiến cuộc sống của tôi gần như không thể chấp nhận được. Tôi tự đổ lỗi cho chính bản thân mình và tôi thường nghĩ rằng chắc chắn mẹ Robert cũng sẽ đổ lỗi cho tôi về sự tan vỡ này.

Tôi nhận ra rằng làm mẹ đơn thân thật khó khăn và tiền thì phải rất dè sẻn. Cố gắng đáp ứng đủ các nhu cầu vật chất luôn là một thách thức. Trong năm năm sau đó tôi đã tập trung vào nghĩa vụ của một người mẹ. Trước mặt mọi người tôi vẫn tươi cười, không bao giờ để ai đến gần. Tôi kìm nén tất cả cảm xúc trong lòng mình, và các con là niềm an ủi của tôi. Tôi thường xuyên cảm thấy cô đơn nhưng tôi không nghĩ tới chuyện tái hôn với ai đó khác. Tôi không nghĩ mình muốn rơi vào bất cứ mối quan hệ tồi tệ nào nữa.

Dần dần tôi bắt đầu rơi vào gần như một trạng thái trầm cảm nặng. Sau đó có một ngày tôi nhìn thấy tin quảng cáo trên báo địa phương về một chuyến du lịch giá rẻ kéo dài một ngày tới Whitby -

đó là một lời đề nghị từ YMCA dành cho các gia đình địa phương. Trái tim tôi nhảy dựng lên và đột nhiên tôi có thể nhìn thấy kì nghỉ hè nhiều năm về trước khi tôi ở đó cùng Alan. Sau ngàn ấy năm liệu cậu ấy có còn ở đó? Tôi cố gắng tưởng tượng xem bây giờ trông cậu ấy sẽ như thế nào. Khi đó tôi đã 33 tuổi, nên cậu ấy hẳn đã 31. Tôi nghĩ có thể cậu ấy đã trở thành một ngư dân sở hữu những con tàu của riêng cậu, và tự hỏi không biết cậu ấy có còn nhớ tôi nữa không.

Tôi đăng kí đi du lịch, dẫn theo cả Michael và Joanne. Chúng tôi lên xe cùng với rất nhiều các bố mẹ và các con. Ban đầu tôi đã có chút ngại ngùng vì tôi không quen với việc ở trong một nhóm nhiều người như thế. Nhưng bọn trẻ đã kết bạn với nhau và không lâu sau tôi cũng tán gẫu với những bà mẹ khác, nhiều người trong số họ cũng có hoàn cảnh giống như tôi.

Chúng tôi có một ngày rất vui đến nỗi tôi tự hỏi sao trước đây mình chưa từng đi du lịch như thế này. Nó giống như một kì nghỉ thực sự dành cho bọn trẻ nhà tôi - một đứa đã 14 tuổi và một đứa đã 9 tuổi, và tôi cũng phấn khích như chúng khi chúng tôi chạy quanh bến cảng, chạy qua những con phố rải sỏi cũ kĩ. Trái tim tôi đập loạn nhịp khi nhìn thấy nơi tôi đã từng chơi với Alan. Như thể thời gian đã ngừng trôi ở góc phố nhỏ ấy, và dù tôi tự bảo mình thật ngốc nghếch, tôi vẫn nhìn quanh tìm kiếm bóng dáng cậu ấy. Tôi chưa từng nói với ai, ngay cả với các con tôi, về chàng trai tôi đã quen trong trại trẻ. Đó đã trở thành một bí mật quý giá tôi chôn giấu suốt một thời gian quá dài đến nỗi tôi không biết làm thế nào để tiết lộ cho người khác.

Chuyến du lịch đó là bước ngoặt với tôi. Tôi giữ liên lạc với một số bà mẹ trong nhóm ngày hôm đó và trở thành bạn tốt với một người, Eileen. Cô ấy sở hữu một cửa hàng cho thuê băng đĩa nhỏ và tôi đề nghị ra đó giúp cô ấy, chỉ để có việc gì đó để làm. Tôi không được trả tiền, nhưng cô ấy cho tôi mượn những cuộn băng mang về nhà cho bọn trẻ.

Tôi bắt đầu nhìn ra cuộc sống bên ngoài và tôi thích nói chuyện với những khách hàng và những cô gái khác cũng làm việc trong cửa hàng. Vì thế nên hai năm sau đó, khi Eileen mở một salon chăm sóc sắc đẹp và bảo tôi tới làm việc cho cô ấy, tôi nhảy cẫng

lên sung sướng trước cơ hội lại có thể có một công việc để kiếm sống. Salon được trang bị những chiếc máy tập thể dục và những cái bọc màu sắc hỗ trợ các tư thế tập luyện. Sau đó người cung cấp thiết bị mở một khoá đào tạo cho các nhân viên. Tôi đã vượt qua các khoá học này để có được chứng chỉ Hướng dẫn viên thể hình và dù đó là một sự khởi đầu nhỏ thôi nhưng là một bước đi tích cực đối với tôi. Cuối cùng tôi bắt đầu cảm thấy mình có thể chịu trách nhiệm cho chính cuộc sống của mình, và tương lại có vẻ tươi đẹp. Thậm chí tôi còn đi hẹn hò vài lần. Tôi tha thiết mong mỗi có thể lấp đầy khoảng trống trong lòng, nhưng nỗi sợ của việc biết đâu sẽ sai lầm lần nữa không cho phép tôi nảy nở thêm bất kì mối quan hệ nào với những người đàn ông khác.

Tiền chỉ có hạn và tôi thường xuyên không đủ khả năng đưa bọn trẻ đi đâu. Nhưng thỉnh thoảng tôi đăng kí cho chúng những chuyến đi trong ngày tới Whitby. Tôi tự bảo mình phải quên Alan thay vì bám víu vào niềm hi vọng có thể tìm lại cậu ấy và mối quan hệ giữa chúng tôi vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng tôi không thể ngăn bản thân mình: Tôi phải tiếp tục tìm cậu ấy.

Đôi khi tôi đưa bọn trẻ tới bãi biển ở Seaburn. Đó là nơi tôi luôn đến. Tôi từng tới đó khi tôi vẫn chưa ly hôn, để trốn chạy khỏi bầu không khí căng thẳng ở nhà, và tôi cũng đã từng nhìn thấy có ai đó ở đó gợi nhắc cho tôi nhớ đến Alan.

Đó là khi bọn trẻ mới chập chững biết đi và chúng tôi đang chơi đùa và chèo thuyền ở mép bờ biển, giống như hàng chục những gia đình khác. Những nhân viên cứu hộ mặc áo thun đỏ và quần soóc ngắn sẽ tuần tra trên bãi biển và họ thường tụ tập ở một toà nhà nơi có trạm cứu hộ. Ngày hôm đó tôi đã thấy một trong số họ đứng nhìn ra biển và không hiểu sao tôi cứ nghĩ người đó có nét gì đó giống Alan. Tôi chỉ có thể nhìn thấy dáng người đó, vì anh đứng cách tôi một khoảng rất xa, nhưng tôi có thể thấy anh có nước da rám nắng và mái tóc màu vàng sáng.

Nhưng ngay lúc đó bọn trẻ làm tôi nhãng đi, và khi tôi quay lại anh ấy đã đi mất rồi. Dù cho hình bóng ấy chỉ thoáng qua, vẫn có những thứ ở lại trong tâm trí tôi nhiều năm sau ngày hôm đó, và tôi đã thường quay trở lại nơi ấy, tự hỏi không biết người cứu hộ đó có thể là Alan không và một phần trong tôi hy vọng biết đâu sẽ gặp cậu

ấy đi dạo trên bãi biển.

Nhiều năm trôi qua, nỗi buồn lớn nhất trong đời tôi là mối quan hệ khó khăn giữa tôi với con trai mình. Bước vào thời kì mới lớn, thằng bé rất hay gây rối, hay cãi và tôi thấy thật khó để đối phó với nó. Khi 15, 16 tuổi, nó kết bạn với những người bạn xấu và tranh thủ mỗi lần tôi ra ngoài lại rủ bạn về nhà chơi. Tôi đi làm về và sẽ thấy phòng khách đầy những cậu bé cầm lon bia trong tay và ngồi nhà ở trong một mớ hỗn độn. Tôi phát mệt vì phải đuổi chúng ra ngoài và lo rằng Michael cũng sẽ nghiện rượu, giống như cha thằng bé.

Tôi đã thử mọi cách để giúp con trai mình nhưng chẳng cách nào có tác dụng, và tôi lại tự trách bản thân mình vì đã chia cách con trai tôi khỏi cha nó. Sau khi chúng tôi ly hôn, Michael và Joan không bao giờ đến thăm cha chúng thường xuyên và tôi đã tin rằng Michael cần có một người cha trong nhà. Đó là điều duy nhất tôi không thể dành cho nó. Vì thế dù rất buồn nhưng khi nó bỏ học và đi làm công nhân ở một cửa hàng nội thất, tôi đã yêu cầu nó chuyển ra ngoài sống. Nó tự tìm cho mình một căn hộ và sau đó tự sống cuộc sống của mình, và rất hiếm khi tôi nhìn thấy nó. Đó là một nỗi buồn ghê gớm đối với tôi, nhưng tôi phải vượt qua và chấp nhận mong muốn của nó là được sống theo cách của mình.

Joanne vẫn còn đi học, và sau khi Michael chuyển ra ngoài, chúng tôi sống những ngày bình yên. Tôi tiếp tục công việc của một Hướng dẫn viên thể hình, và dù sâu trong lòng tôi vẫn cảm thấy cô đơn, thì tôi đã có một nhóm nhỏ bạn bè và gia đình bù đắp lại.

Một trong những niềm vui lớn nhất của tôi là tới thăm các chị mình. Bốn người chúng tôi thường xuyên gặp nhau và lúc nào cũng rất vui vẻ. Chị Joan cũng đã chia tay chồng chị. Chuyện đó rất bất ngờ, và chị ấy không bao giờ nói chuyện gì đã xảy ra giữa họ. Chị Greta, chị Pat và tôi lúc nào cũng cảm thấy chị ấy còn yêu và nhớ anh rể rất nhiều. Hơn nữa buồn thay sức khoẻ của chị Joan đã giảm sút. Bệnh viêm khớp của chị đã chuyển biến xấu đi và đôi tay tội nghiệp của chị đau đớn và biến dạng đến nỗi chị phải phẫu thuật để thay các ngón tay và khớp nối. Nhưng dù vậy, chị ấy vẫn giữ được tính hài hước của mình và lúc nào cũng là người pha trò. Chị ấy là một người có khả năng truyền cảm hứng cho người khác và

tôi cảm thấy những vấn đề của tôi chẳng là gì so với những chuyện chị ấy gặp phải.

Có những ngày chúng tôi cùng vào thị trấn mua sắm, gặp gỡ chị Pat và chị Greta. Chị Pat giờ đã là quản lý của một câu lạc bộ đêm, vì thế mỗi sáng thứ 6 khi chị ấy chuẩn bị đồ ăn và phân loại hàng giao chúng tôi sẽ gặp nhau để uống cà phê.

Vào ngày sinh nhật của chị Greta, chị Pat mời tất cả chúng tôi tới câu lạc bộ nơi chị làm việc để chúc mừng. Chị Greta chưa bao giờ uống bia rượu, nhưng hôm đó chúng tôi đã cho vào cốc nước ngọt của chị ấy vài giọt vodka và chị ấy đã có một đêm tuyệt vời, nhảy nhót suốt hàng giờ đồng hồ. Đó là những khoảng thời gian hạnh phúc. Tuổi thơ của chúng tôi đã mất quá nhiều thời gian bị chia cách và thật tuyệt khi bốn chị em chúng tôi được trở lại ở bên nhau, cười nói và tận hưởng những niềm vui.

Nhiều năm trôi quá, con gái Joanne của tôi đã lớn và gặp Dan - chồng tương lai của nó. Khi con bé 17 tuổi, hai đứa chúng chuyển tới một ngôi nhà nhỏ sống cùng nhau và tôi mừng cho chúng, bởi vì tôi có thể thấy chúng yêu nhau nhiều đến mức nào.

Khi bước sang tuổi 40, tôi lại sống một mình. Tôi nhớ bọn trẻ, đặc biệt là Joanne dù tôi vẫn thường xuyên gặp con bé và công việc cũng khiến tôi bận bịu suốt cả ngày. Nhưng không may là tôi lại có những vấn đề về sức khỏe. Tôi có vấn đề với lưng mình từ những năm 20 tuổi, nhưng đã mặc kệ nó. Tuy nhiên cuối cùng nó cũng đau đến nỗi tôi phải đi gặp bác sĩ và tôi rất buồn khi một chuyên gia chẩn đoán tôi đã bị viêm khớp xương mãn tính và thoái hoá đốt sống cổ cũng như đau cơ mãn tính. Bác sĩ nói với tôi rằng có rất nhiều bệnh của tôi là do stress. Những bệnh đó cũng chẳng có cách nào cải thiện được nhiều, ngoại trừ việc uống thuốc chống viêm. Dù vậy, tôi vẫn tự hào vì có một công việc liên quan tới sự khỏe mạnh thể chất và sự dẻo dai, và tôi quyết tâm sẽ tiếp tục công việc đó.

Một năm sau, chị Joan bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư phổi. Tin đó khiến tất cả chúng tôi suy sụp. Chị Joan đã chuyển tới một căn nhà ở Washington, ngay ngoại ô Sunderland, sống cạnh nhà con gái lớn của chị, Elaine. Chị Greta, chị Pat và tôi thường xuyên tới thăm chị ấy và tôi thường ở lại qua đêm để chăm sóc chị. Vài tháng sau thì chị mất, ở độ tuổi 54, vẫn còn quá trẻ và chúng tôi tưởng

như tim mình cũng đã tan nát theo. Chị Joan là thành viên trong gia đình gần gũi với tôi nhất trong suốt thời thơ ấu của tôi, lúc nào tôi cũng nhớ chị da diết.

Dù tôi và cha không thực sự gần gũi nhưng trong suốt nhiều năm thỉnh thoảng tôi vẫn đến thăm ông. Vài năm sau khi chị Joan mất, ông bị ngã và không còn tự chăm sóc cho mình được nữa nên ông được nhận vào trại dưỡng lão. Lúc đó tôi đã lên chức bà. Joanne và Dan đã sinh một bé gái - Fayer và một bé trai - Liam, và cả hai đứa cháu nhỏ mang đến một niềm hạnh phúc vô bờ cho cuộc đời tôi.

Bố muốn là một người ông tốt, nên mỗi tuần một lần tôi sẽ đưa ông về nhà một ngày để gặp các cháu. Ông mê mẩn chúng, và tôi tin khoảng thời gian ở cùng chúng đã ảnh hưởng sâu sắc tới quan điểm sống của ông và khiến ông hiểu rõ hơn những cô con gái của ông đã như thế nào vào độ tuổi đó. Thái độ của ông với tất cả chúng tôi cũng mềm mỏng hơn. Nhưng bất ngờ là vào một lần tôi đến thăm ông, ông đã bảo tôi rằng ông rất xin lỗi về những năm chúng tôi phải sống trong xa cách và nói ông rất yêu tôi.

Điều đó rất có ý nghĩa đối với tôi đến nỗi tôi không thể cầm được nước mắt. Tôi quá xúc động vì tôi đã đợi cả cuộc đời chỉ chờ để nghe những lời này. Cảm giác như tất cả những ao ước và cô đơn vỡ oà trong lòng tôi khi ông nói “Cha yêu con”. Tôi biết điều đó không thể thay đổi bất cứ chuyện gì đã xảy ra, nhưng nghe ông nói xin lỗi đã trút đi gánh nặng nào đó trong lòng tôi mà tôi đã chôn giấu suốt bao nhiêu năm qua.

Ngay sau đó, thật là một sự trùng hợp kì lạ làm sao khi tôi nghe tin từ những nhân viên trong trại dưỡng lão của cha nói rằng dì Doris ở Rennie Road sống trong một ngôi nhà bên kia sông. Tôi quyết định tới thăm bà, hi vọng rằng biết đâu bà có thể biết chuyện gì đã xảy ra với Alan và có thể giúp tôi làm sáng tỏ những chuyện còn mơ hồ thời gian qua.

Hôm tới thăm bà tôi rất lo lắng. Tôi đã mua tặng bà một bó hoa và ngồi trong phòng khách, tự hỏi liệu mình sẽ tìm thấy gì đây và khi chúng tôi gặp nhau không biết phản ứng của dì ấy sẽ như thế nào.

Dì ấy xuất hiện trên một chiếc xe lăn máy. Đã 32 năm kể từ lần cuối cùng tôi nhìn thấy dì ấy, và dì ấy nhìn vẫn như những ngày còn ở Rennie Road, dù tóc dì đã chuyển sang màu xám tiêu. Dì nhìn tôi,

bối rối, và khi tôi nói tên mình thì nghĩ ngợi trong giây lát. Sau đó có vẻ như dì đã nhớ ra tôi là ai, và trước sự ngạc nhiên của tôi, dì giờ tay ôm tôi. Tôi cũng ôm lại dì ấy. Tôi chưa từng nghĩ chuyện này sẽ xảy ra. Nhưng tôi đúng là đã ôm dì ấy và chúng tôi ngồi nói chuyện một lúc. Tôi nói với dì ấy tôi đã có một công việc tốt, có những đứa con và cả những đứa cháu.

Khi tôi hỏi dì về Alan, dì nói từ khi cậu ấy bị chuyển đi thì không nghe được tin tức gì của cậu ấy. Tôi cảm thấy thất vọng vô cùng vì tôi đã hy vọng dì ấy hẳn có thể biết gì đó về những chuyện đã xảy ra với Alan. Nhưng, với dì Doris, Alan chỉ là một đứa trẻ đã bị chuyển đó. Đó lại là một ngõ cụt, và tôi ra về mà trong lòng cảm thấy rất rất buồn.

23 - Alan

Ngay sau khi trở về Sunderland tôi quyết định liên lạc lại với cha. Tôi đã không gặp ông kể từ khi lên 9, từ lúc tôi bị cấm về thăm nhà sau lần bị ngã xuống sông. Nhưng sau khi rời trại trẻ, thỉnh thoảng tôi vẫn gặp các anh trai tôi nên họ cho tôi biết ông đang ở đâu.

Thật không dễ dàng gì khi lại trở về, xuất hiện trong cuộc sống của cha và dì Anita, nhưng tôi muốn nối lại liên lạc với gia đình. Cha và dì Anita giờ đã có tổng cộng năm đứa nhỏ: Sonia và Yvonne là hai đứa tôi đã gặp khi chúng còn nhỏ, một bé gái thứ ba là Alison, và hai cậu bé nữa tên là Tony và Paul. Dì Anita có một cửa hàng đồ cũ nho nhỏ bán những thứ đồ cũng nhỏ như là quần áo trẻ con, và họ sống ở tầng trên của cửa hàng. Đó là một căn nhà nằm ở góc đường Laura.

Họ đã ngạc nhiên khi thấy tôi, thậm chí còn có chút cảnh giác. Dì Anita không mấy nhiệt tình trước sự xuất hiện của tôi và tôi hiểu lý do, hẳn họ đã nghe tiếng xấu về tôi, rằng tôi là đứa luôn gây rối. Nhưng mặc dù lúc đầu cả hai bên đều lúng túng, lần ghé thăm này của tôi cũng tiến triển khá tốt. Họ thở phào khi biết tôi sẽ không chuyển tới sống cùng họ mà chỉ ghé qua để chào hỏi.

Sau đó thỉnh thoảng tôi lại tới gặp họ, chạy lên lầu để ngồi uống trà cùng cha. Ông rất yêu thương bọn trẻ, luôn cười đùa với chúng và ông lúc nào cũng thích xem đua xe trên TV. Nhưng với tôi ông rất xa cách. Tôi cảm thấy mình không phải một thành viên trong gia đình và luôn phải cố gắng để được ông chú ý.

Khoảng một năm sau đó thì cha và dì Anita thông báo rằng họ sẽ chuyển tới một ngôi nhà hội đồng mới, vì thế tôi lấy lại căn hộ trên lầu cửa hàng và thuê nó một thời gian. Tôi thích đường Laura, nhưng đám đông tôi quen biết ngày trước bắt đầu lảng vảng quanh đó. Họ không phải người xấu, hầu hết bọn họ đều đã trải qua mất mát và chỉ đơn giản là tìm kế sinh nhai. Nhưng họ thường phạm

những tội nhỏ, và chừng nào tôi còn ở cùng họ tôi sẽ không thể có một khởi đầu mới mà tôi hằng mong muốn. Vì thế tôi lại chuyển đi.

Tôi tìm thấy một nhà trọ ở bên kia thị trấn, nằm trong một khu rất đẹp đẽ và hợp lý tên là Belle View Park, và tôi chuyển tới đó, cảm thấy lần này thực sự đúng là một sự khởi đầu mới. Ngày hôm sau tôi đi xuống bãi biển Roker và tìm được một công việc làm trong mùa hè là làm việc cho Chính quyền địa phương với vai trò là người dọn bãi biển. Việc này nghĩa là đi bộ dọc bãi biển cả ngày để nhặt rác bị du khách bỏ lại. Công cụ làm việc của tôi là một cái túi màu đen, một đôi găng tay và một bộ áo mưa màu vàng tươi dành cho những ngày mưa.

Đó là một khởi đầu khiêm tốn, nhưng tương lai nằm trong tay tôi và tôi sẽ tự đứng trên đôi chân mình. Một phòng trọ và một công việc dọn dẹp không có gì đáng nói, nhưng tôi biết nếu có Irene ở đây cô ấy sẽ hiểu chúng có ý nghĩa thế nào.

Nhưng điều không vui lắm là tôi bị mắc kẹt với công việc này. Tôi thích được ở ngoài trời, tận hưởng không khí tự do và nhìn những người khách du lịch chơi trên bãi biển. Trong suốt mùa hè đó, tôi hẳn đã nhặt hàng ngàn vỏ hộp khoai tây chiên và vỏ chai bị bỏ lại.

Đến cuối tháng Chín thì tôi hết việc, dù tôi được hứa hẹn tới tháng Ba hoặc tháng Tư năm sau tôi có thể nhận công việc này tiếp. Tôi khá sung sướng vì được nghỉ đông, vì tôi còn có những kế hoạch khác. Đầu tiên tôi lấy lều ra và tới Lake District cắm trại. Tất cả khoảng thời gian đi bộ và cắm trại ở Stanhope đã cho tôi cảm giác tuyệt vời khi được ở ngoài trời. Tôi không thể miêu tả cảm giác bình yên và mãn nguyện tôi đã có khi thức dậy vào buổi sáng, thấy mình nằm trên đỉnh một ngọn núi và nhìn ra bên ngoài lều. Tôi cảm thấy như mình có thể nhìn thấy cả thế giới. Tôi thường đi đến một khu rừng gỗ sồi nhỏ gần Keswick - ở đó tôi sẽ đốt lửa, tự nấu cho mình một bữa ăn và hít thở trong những giây phút tự do tuyệt vời.

Sau khi đi cắm trại vài tuần, tôi về nhà và đăng kí vào trường cao đẳng giáo dục địa phương để cải thiện khả năng tiếng Anh và Toán học. Tôi thực sự nhận thức sâu sắc được mình đã thiếu sự đào tạo chính thống và tôi hiểu rằng để vươn lên trong thế giới này tôi cần phải bắt đầu từ những điều cơ bản. Tôi thực sự thích học, và giờ tôi học vì tôi muốn. Tôi học rất nhanh, kết quả là mùa hè sau đó khi tôi

trở lại làm việc trên bãi biển, tôi đã được thăng chức lên vị trí thu ngân, là người chuyên cho thuê ghế nằm và lều trại trên biển. Bước đi khiêm tốn đó là một thay đổi tích cực tới cuộc đời tôi. Tôi quá sung sướng khi được nhận thêm nhiều trách nhiệm hơn.

Vài mùa hè tiếp theo tôi vẫn làm việc trên bãi biển Roker - đã được lên phụ trách một đội gồm những người cho thuê ghế nằm và những người dọn bãi biển, và sau đó tôi cũng giúp điều hành bãi đỗ xe thành phố. Mùa đông tôi lại tới trường cao đẳng, tham dự lại những kì thi ngày trước tôi đã bỏ lỡ. Trong suốt mùa hè nóng nực kéo dài năm 1976, em gái Yvonne của tôi đã cùng đưa bạn tới bãi biển. Cô bé là một cô gái xinh đẹp vô cùng và tất cả các chàng trai đều thích con bé, vì thế tôi cố tình nói với họ con bé là em gái tôi để họ cư xử chừng mực. Tôi rất bảo vệ con bé, dù tất nhiên tôi chưa từng nói cho nó biết chuyện đó. Nếu biết hẳn nó sẽ cười tôi.

Sau vài năm, tôi được chuyển tới bãi biển Seaburn, nơi tôi sẽ ngồi trên bậc thang cao nhất đằng sau bãi biển, mặc chiếc áo thun và quần sooc màu đỏ tất cả chúng tôi đều mặc, nhìn mọi người bơi lội và tắm nắng. Tôi đã nhìn tất cả những bà mẹ và những đứa trẻ chơi đùa trên cát và nghĩ đến lúc tôi và Irene chơi cùng nhau ở Whitby.

Năm 1980, lúc này tôi đã 28 tuổi, tôi cưới Julie - con gái của một đồng nghiệp làm cùng tôi ở bãi đỗ xe ô tô. Cô ấy mới 19 và rất dễ thương, nhưng lẽ ra tôi không bao giờ nên lấy cô ấy. Tôi chỉ muốn có một người đồng hành, một người để sống chung và để gần gũi. Nhưng tôi không yêu cô ấy theo cách tôi lẽ ra phải yêu, và sâu từ trái tim mình tôi hiểu rõ chuyện đó trước khi chúng tôi lấy nhau. Vấn đề là tôi không biết làm cách nào nói ra cảm xúc của mình, và một khi đã đồng ý làm đám cưới tôi không thể tự thay đổi bảo thôi. Nếu tôi có thể thì bây giờ mọi thứ đã khác. Một lần tổn thương và thất vọng còn tốt hơn là phải dành cả cuộc đời sống trong cảm giác sai trái. Nhưng phải trải qua rất nhiều bài học khắc nghiệt của cuộc sống tôi mới học được điều đó.

Khi đã lập gia đình, tôi quyết định phải biến đó thành cuộc hôn nhân hiệu quả và là người đàn ông của gia đình, có trách nhiệm với gia đình, vì thế tôi rời bãi biển để tới làm việc ở nhà máy thủy tinh Pyrex. Đó là một sự thay đổi khi chuyển từ việc làm việc dưới ánh

mặt trời tới làm việc trong nhà máy theo những ca làm khác nhau và trong cái nóng dữ dội. Tôi được đào tạo để trở thành một người kiểm tra các chỉ số đo lường và đóng gói hàng trăm lọ thủy tinh rất nóng trong suốt một ca làm việc, trao đổi ca với hai người khác nữa. Sau đó một trong số hai người đó bị ốm, và để lại 2 chúng tôi lo cả 3 ca. Hết tuần này đến tuần khác tôi làm việc 12 tiếng một ngày, sáu ngày một tuần trong điều kiện khắc nghiệt đó.

Cuối cùng tôi cũng phát ốm vì kiệt sức và phải nghỉ làm. Tôi quay về làm việc trên bãi biển, nơi tôi thấy hạnh phúc. Hơn tất cả tôi thích được khám phá những con tàu, tôi thích chúng từ kì nghỉ đầu tiên ở Whitby cùng Irene, và tôi dành mọi thời gian rảnh rỗi để xuống nước. Vì thế khi tôi được yêu cầu làm chút việc nhỏ liên quan với những chiếc tàu cứu hộ trên bờ biển, như một thành viên của đội sẵn sàng ứng cứu, tôi run lên vì sung sướng. Có một lần khi một ngọn lửa đỏ được đốt lên từ một chiếc du thuyền lớn, chúng tôi đã tập hợp nhanh như cắt lên tàu ứng cứu.

Hoá ra đó là một báo động giả, nhưng chẳng ai nói cho chúng tôi biết và cuối cùng chúng tôi đều đã mặc áo phao, dập dềnh như một cái nút chai giữa vùng biển sâu 30 feet. Biển giống như một cái vạc nước sôi, có lúc chúng tôi đã ở giữa những con sóng khổng lồ và đi xuyên qua chúng. Tôi nửa chìm nửa nổi, phải dùng sức nặng của mình cố hết sức giữ mũi cúi xuống trước sức bật của gió, và cuối cùng nuốt phải cả một ngụm lớn nước biển. Mất một tiếng rưỡi đồng hồ cũng tôi mới trở về bến cảng an toàn.

Để trang trải cho cuộc sống, tôi cũng nhận làm thêm việc cuối tuần. Công việc là đứng canh gác trong một nhà máy địa phương ngay bên dưới đường, và vì tôi đã quên mất bài học khi làm việc bán mạng ở nhà máy Pyrex nên cuối cùng tôi lại một lần nữa làm việc bảy ngày một tuần. Nhà máy dần phát triển thành một đơn vị kinh doanh nhỏ và có những khoản tài trợ dành cho những người khởi nghiệp, và tôi quyết định thử một lần. Cùng với các anh Michael và Geogre, tôi bắt đầu kinh doanh làm những đồ chơi bằng gỗ để bán cho những trường mẫu giáo địa phương. Lúc đầu việc làm ăn rất suôn sẻ, nhưng cuối cùng chúng tôi gặp phải nhiều vấn đề và tôi quyết định trở lại trường đại học.

Lúc đó tôi đã có khoản tiết kiệm và tự mua một con tàu của riêng mình, cả một chiếc xuồng cứu hộ nhỏ chạy bằng động cơ diesel và có một khoang nhỏ. Nó được sơn màu xanh và tôi gọi nó là Sirius - theo tên một vì sao. Tôi rất thích nó và nó khiến tôi có cảm giác được tự do trên sông và trên những bãi biển địa phương. Tôi lái nó chạy trên con sông đi qua làng Coxgreen nhỏ bé - nơi tôi đã bị bắt hai lần khi chạy trốn khỏi Esplanade để tìm Irene. Lúc thủy triều lên, khi sương mù bắt đầu bao phủ, lái con tàu dọc suốt bảy dặm trên sông vào ban đêm, soi sáng đường đi bởi những chùm sáng loá của đèn điện, cảm giác chẳng khác nào một cuộc hành trình.

Dù làm bất kì công việc nào, tôi cũng đã chăm chỉ không thể tin nổi suốt hàng nhiều giờ đồng hồ. Vì thế không thể tránh khỏi việc tôi và Julie không gặp nhau nhiều. Cô ấy không có cùng sở thích về tàu thuyền giống tôi, vì thế ngay cả những lúc rảnh rỗi chúng tôi cũng hiếm khi ở cùng nhau, và cô ấy không vui. Trong khi tôi không muốn làm cô ấy bị tổn thương thì tôi cũng ngày càng nhận ra mình không hề yêu cô ấy. Tôi có một lỗ hổng lớn sâu trong tâm hồn, và tôi đã nghĩ bằng cách nào đó cô ấy có thể lấp đầy nó. Những dĩ nhiên cô ấy không thể, không ai có thể. Và miễn là lỗ hổng còn đó, tôi sẽ không bao giờ có một mối quan hệ thực sự, bởi vì khi tôi cảm thấy trống rỗng tôi chẳng thể dành cho người khác điều gì cả dù tôi có cố gắng nhiều đến mức nào.

Không chỉ thế, Julie muốn có con còn tôi thì không. Sau những trải nghiệm thời thơ ấu của chính mình, tôi rất sợ mình sẽ gặp phải chuyện gì đó khiến các con tôi phải gánh chịu hậu quả hoặc bị tống vào trong trại trẻ, và tôi sẽ không thể đối mặt với trách nhiệm. Tôi đã thấy quá nhiều ông bố bà mẹ hay những người có nghĩa vụ chăm sóc bọn trẻ gặp phải vấn đề gì đó - làm sao tôi có thể biết mình có thể không gặp chuyện gì?

Sau 5 năm kết hôn, chúng tôi đồng ý chia tay. Julie ở lại trong căn hộ, vì thế tôi cần chỗ nào đó khác để ở. Tôi tới thăm một người bạn, hy vọng có thể ở nhà cậu ta, và nhận ra cậu ấy đã đi lao động nước ngoài và để nhà mình cho một người phụ nữ tên là Margaret thuê. Cô ấy nói với tôi rằng cô cũng đang tìm người chia tiền phòng. Đó có vẻ là một ý hay, vì thế tôi chuyển vào sống ở đó.

Đó là năm 1985, tôi 32 tuổi. Những năm sau đó tôi tới trường cao đẳng học tiếp. Tôi trở thành người đào tạo những người lớn - một thầy giáo của những học trò lớn tuổi - và trước sự ngạc nhiên của mình, tôi thấy tôi làm chuyện đó rất tốt. Tôi còn tham gia một khoá đào tạo về đảm bảo chất lượng trong kinh doanh. Không lâu sau tôi được đề nghị làm một công việc rất thú vị và đầy thử thách - đó là làm việc với những người quản lý đã bị thất nghiệp với vai trò tư vấn quản lý. Quá khứ của tôi đã lùi xa vào dĩ vãng và tôi kinh ngạc khám phá ra những khả năng tôi chưa từng nghĩ mình có. Tôi càng làm việc chăm chỉ hơn nữa và sau vài năm tôi lại nghỉ việc để bắt đầu khởi nghiệp lại lần nữa. Lần này công việc kinh doanh của tôi là đào tạo cho những nhân viên ở các doanh nghiệp trong vùng. Mọi thứ khá ổn, và trong vòng vài năm tôi đã có 12 cộng sự cùng làm việc với mình.

Khi bước sang tuổi 40, tôi cảm thấy mình đã đi được một chặng đường dài. Tôi có bằng cấp, có kinh nghiệm, và tôi đã tự thành lập nên một công ty tôi rất thích, làm gì đó có giá trị.

Một năm sau cha tôi mất, sau một chuỗi những cơn đau tim. Tôi rất buồn khi mất ông, và tôi ước rằng trước khi ông đi chúng tôi có thể trò chuyện nhiều hơn về quá khứ. Có quá nhiều thứ tôi muốn biết. Tôi không ở lại lễ tang của ông lâu. Tôi cảm thấy, như tôi đã cảm thấy nhiều lần trước đó, rằng ông đã có một gia đình mới có những người yêu ông rất nhiều, còn tôi chỉ là một phần trong quá khứ của ông.

Mặc dù sự nghiệp của tôi ngày càng phát triển, cuộc sống cá nhân của tôi lại bế tắc. Sau cuộc hôn nhân thất bại, tôi không muốn dính líu tới ai khác nữa vì tôi không muốn gây thêm bất cứ tổn thương nào cho người khác. Nhưng cuối cùng không hiểu sao tôi dần bước vào mối quan hệ với Margaret. Chúng tôi đều cô đơn và sống cùng nhà, nên có lẽ điều đó là chuyện không thể tránh khỏi. Trong những năm sau đó chúng tôi sống cùng nhau một cách khá hoà thuận, đủ để cả hai đều thấy thoải mái, nhưng lại một lần nữa, tôi biết mối quan hệ này đến vì thuận tiện hơn là vì tình yêu thật sự, và Margaret cũng biết điều đó. Tôi đã luôn mong mỏi tìm được một tình yêu sâu sắc, lấp đầy mọi khoảng trống, nhưng đến lúc này tôi đã phải chấp nhận rằng có thể tôi sẽ không bao giờ có được một

tình yêu như vậy. Đôi lúc tôi tự hỏi liệu Irene có như vậy không, và liệu chúng tôi có thể tìm lại nhau được không? Suốt những năm chúng tôi xa cách tôi vẫn luôn nghĩ đến cô ấy với những khát khao đau nhói, nhưng cũng trong suốt thời gian đó tôi không nghe được tin tức gì về cô, vì thế tôi tự bảo mình rằng có lẽ tôi đã quá ngốc nghếch, và tránh nghĩ đến chuyện phải giải quyết những vấn đề cá nhân của riêng mình.

24 - Alan & Irene

Irene

Bước sang tuổi 47, tôi cảm thấy mình đã tự tạo dựng cho mình được một cuộc sống. Tôi yêu công việc của mình, tôi thích nhìn các cháu của tôi và tôi có vài người bạn tốt. Tôi vẫn sống một mình vì dù có một, hai mối quan hệ, tôi chưa từng gặp người khiến tôi muốn gắn bó cả quãng đời còn lại. Đó thật sự là một chuyện đáng buồn và có đôi lúc tôi cảm thấy mình thật cô đơn. Mặc dù tôi có một gia đình dễ thương và những người bạn, đến cuối ngày tôi sẽ về nhà, và khi đó chỉ còn lại tôi với bốn bức tường. Tôi chưa từng chuyển đi tới chỗ nào khác ngoài ngôi nhà nhỏ ở Silksworth này - tôi không có lý do gì để chuyển đi, và tất cả kỉ niệm với các con tôi đều ở đó. Vì thế tôi sẽ tự tưới nước quanh khu vườn nhỏ của mình hoặc tự nấu một bữa ăn cho một người, và tự hỏi liệu có phải sẽ luôn như thế này không - rằng tôi sẽ luôn chỉ có một mình? Có vẻ như chắc chắn sẽ là như vậy.

Tôi vẫn dạy những lớp thể hình ở trung tâm thể hình vài ngày một tuần, và rất tự hào rằng dù có những vấn đề về lưng, tôi vẫn có thể làm việc. Tôi thân thiết với những nhân viên còn lại ở trung tâm và thường có những trận cười vui vẻ với những người phụ nữ tôi dạy trong lớp.

Một ngày tôi trò chuyện với một trong những khách hàng, một người phụ nữ thỉnh thoảng mới tới đây, tên cô ấy là Margaret. Cô ấy nói với tôi rằng cô ấy làm quản lý một khu dân cư trong vùng. Cô ấy có nhắc đến bạn trai của mình và kể rằng anh ấy làm việc ở cách rất xa nhà. Sau đó cô ấy tình cờ đề cập đến chuyện anh ấy đã từng sống trong trại trẻ.

Tôi nói với cô ấy rằng mình cũng từng sống trong trại trẻ, một nơi gọi là Rennie Road.

“Không biết Alan có biết nó không,” cô ấy nói.

Tôi cảm thấy tim mình hẫng đi một nhịp và mặt tôi đỏ cả lên. “Chị vừa bảo tên anh ấy là Alan à?”

“Vâng”, cô ấy nói, nhìn tôi tò mò. “Bạn trai tôi tên là Alan.”

Dù tim đập thình thịch, tôi vẫn cố nói giọng bình thường. “Tôi có quen một Alan ở đó. Không biết có phải cùng là một người không”.

“Thỉnh thoảng anh ấy cũng đến đây đón tôi.” Cô ấy nói. “Lần tới tôi sẽ giới thiệu cô với anh ấy.”

“Được”. Tôi đã trả lời như thế, nhưng trong lòng tôi đang cuộn trào. Tôi tự bảo với mình rằng mình thật nực cười. Chỉ vì cô ấy biết một người tên Alan đã từng sống trong trại trẻ không có nghĩa đó chính là Alan của tôi. Hẳn là có hàng ngàn Alan sống trong hệ thống trại trẻ thời đó. Nhưng sâu trong lòng mình, tôi cảm giác đó chính là cậu ấy. Tôi cố gắng không hy vọng quá nhiều, nhưng tôi không thể không phấn khích. Suốt vài ngày sau đó tôi gần như không thể ngủ nổi. Nghĩ đến chuyện mình có thể sắp gặp lại Alan sau hơn 39 năm xa cách, tôi cảm thấy thật kì lạ và tuyệt vời. Liệu chúng tôi có thể nhận ra nhau? Tôi không thể chịu nổi cảnh ngồi đó suy đoán nữa.

Khi Margaret tới tham gia buổi tập tiếp theo, tôi tự hỏi không biết cô đã nói chuyện với cậu ấy chưa. Nhưng tôi không có thời gian hỏi cô ấy vào trước buổi học. Sau khi học xong, tôi rời khỏi lớp còn các học viên cùng nhau đi lấy đồ của họ. Khi tôi bước qua cánh cửa phòng tập, một người đàn ông ăn mặc bảnh bao trong bộ vest và thắt cà vạt đang đi qua cửa trước, bước qua khu vực lễ tân.

Đó là Alan.

Mái tóc vàng của cậu ấy đã đậm màu hơn nhưng đôi mắt xanh đó thì giống hệt, và trong vài giây chúng tôi cứ đứng đó nhìn nhau, cả hai đều không thể nói nên lời.

Khoảnh khắc đó tôi như thấy hiện ra trước mắt mình hình ảnh Alan của ngày xưa, tóc vàng rẽ ngôi, mặc chiếc quần nhung kẻ ngắn, mặc chiếc áo thun màu xám và đi đôi giày đen bền chắc. Và khi tất cả những kí ức ủa về tôi cảm thấy như đầu mình muốn nổ tung. Tôi muốn nắm tay cậu ấy, chạy ra khỏi đây, giống như khi chúng tôi nắm tay nhau chạy vào rừng.

“Irene?” - cậu ấy nói.

Lúc đó tôi nhận thấy những học viên trong lớp, bao gồm cả bạn gái của cậu ấy, đã ra đến ngay phía sau tôi. “Đây là chàng trai tôi đã chơi cùng khi còn là một cô gái nhỏ”, tôi nói với họ như vậy. Mọi người đều cười, và Margaret nói “Vậy là hai người biết nhau. Thật ngạc nhiên nhỉ?”

Những phút sau đó vừa đau đớn vừa tuyệt vời. Tôi tha thiết muốn hỏi Alan quá nhiều câu hỏi - chuyện gì đã xảy ra với cậu ấy sau khi cậu ấy rời khỏi Rennie Road, từ lúc đó cậu ấy đã ở đâu và liệu cậu có nhớ tôi như tôi đã nhớ cậu. Nhưng thay vào đó cậu ấy, Margaret và tôi trò chuyện lịch sự và Margaret hỏi chúng tôi đã không gặp nhau từ khi nào và trại trẻ thì như thế nào.

Tôi cố hết sức để trả lời. Nhưng chuyện đó không dễ. Tôi có thể thấy Alan cũng đang cố gắng.

Sau vài phút, Margaret nói, “Chúng ta nên về thôi.”

“Hy vọng sẽ gặp lại Irene và trò chuyện nhiều hơn”, Alan nói. Cậu ấy nhìn tôi đầy triu mến và ấm áp đến nỗi tôi chỉ muốn ôm chầm lấy cậu. Nhưng tôi chỉ mỉm cười và gật đầu, nhìn cậu ấy quay lưng đi ra khỏi cửa cùng Margaret.

Alan

Khi tôi đẩy cánh cửa trung tâm thể hình và nhìn thấy Irene đang bước ra từ phòng tập, tôi cảm giác như thể thời gian đã ngừng trôi. Chúng tôi đứng đó nhìn nhau. Trong một giây tôi không chắc liệu đó có phải là Irene nhưng sau đó như thể màn sương mù tan ra và tôi có thể tua lại 40 năm qua, về một ngày tháng 5 năm 1960 khi mặt trời bừng sáng và tôi cảm thấy thực sự hạnh phúc. Dưới những gốc cây mùa xuân, tôi đã tay trong tay với tình yêu đã thất lạc rất lâu của mình trong rừng hoa chuông. Và chính khoảnh khắc đó tôi nhận ra rằng, mặc cho tất cả những gì tôi đã trải qua suốt những năm qua, cảm xúc của tôi vẫn còn vẹn nguyên và không hề phai nhạt, vẫn như ngày hôm đó. Trong giây phút sững sờ tôi như trở lại là một đứa trẻ lên bảy, tuyệt vọng mong mỏi được gặp lại cô ấy. Và dù theo thời gian cô ấy cũng đã thay đổi, tôi vẫn có thể thấy màu đỏ trên tóc cô và những nốt tàn nhang vẫn còn ở đó. Tôi chỉ muốn ôm chầm lấy cô ấy ngay lập tức, ôm cô thật chặt. Nhưng một phút sau Margaret đã bước ra khỏi phòng tập phía sau Irene và tới đứng cạnh tôi, và mọi học viên tụ tập thanh chúng tôi khi Irene nói với họ

chúng tôi đã biết nhau từ khi còn nhỏ.

Tôi đứng đó mỉm cười và trò chuyện trong khi lòng tôi đang đau đớn. Tôi đã tìm thấy Irene, và tôi lại chuẩn bị quay người bước đi, xa khỏi cô ấy.

Tôi cảm nhận được nỗi đau của mình khi nhìn cô và nói lời tạm biệt - thật không thể nào miêu tả nỗi. Sao cuộc đời có thể độc ác như vậy? Từ giây phút nhìn thấy cô ấy, tôi biết tôi muốn ở bên Irene, giống như tôi đã luôn muốn ở bên cô ấy từ xưa. Nhưng tôi không thể: tôi đang trong mối quan hệ với một người phụ nữ khác.

Suốt một thời gian dài tôi đã cảm thấy khổ sở vô cùng. Liệu tôi có nên chấm dứt với Margaret và sau đó quay lại tìm Irene? Tôi không thể làm như vậy. Tôi không phải kiểu đàn ông có thể bỏ rơi một người tôi đã ở cùng hơn 10 năm. Và dù tôi khao khát ở bên Irene, tôi cũng sợ nữa. Liệu cô ấy có cảm thấy như vậy không? Cô ấy sẽ muốn có tôi chứ? Hay tôi chỉ đang bầu víu vào một niềm hy vọng xưa cũ?

Lúc nào tôi cũng nghĩ đến Irene, và không lâu sau lần gặp đầu tiên tôi lại đề nghị tới đón Margaret để được gặp lại cô. Khi tôi bước vào, cô ấy đang đứng ở quầy lễ tân, và khi nhìn thấy cô ấy tôi đã cảm thấy tình yêu dâng trào trong lòng mình. Tôi có vài phút trò chuyện với cô ấy trước khi Margaret bước ra - đủ để nói với cô ấy rằng tôi hy vọng chúng tôi sớm có thể trò chuyện nhiều hơn.

Sau lần đó tôi biết rằng việc trở lại đó và gặp cô ấy ở trung tâm thể hình còn tệ hơn là không gặp cô ấy. Tôi không thể nói chuyện với cô ấy khi có người xung quanh, không thể nói được những lời tôi tha thiết muốn nói.

Vì những suy nghĩ và cảm xúc này hỗn loạn trong lòng tôi nên mối quan hệ giữa tôi và Margaret ngày càng trở nên căng thẳng. Dù tôi đã cố gắng xử sự như bình thường, cô ấy cũng cảm nhận được có gì đó đã thay đổi và cô ấy trở nên xa cách với tôi. Gần như cô ấy không nhìn tôi hay nói gì với tôi nữa, và tôi tự hỏi không biết chúng tôi sẽ tiếp tục thế nào đây. Lúc đó tôi đã định ra ngoài, tới tìm Irene, nhưng rồi tôi biết nếu tôi làm thế, cả cuộc đời còn lại của tôi sẽ phải giải quyết hậu quả.

Đúng lúc đó đột nhiên tôi bị sa thải và sự kiện đó mang đến một bước ngoặt. Tôi đã bán công ty của mình vài năm trước và nhận

một công việc quản lý được trả lương khá cao, vì thế chuyện mất việc là một cú sốc lớn. Không lâu sau tôi được đề nghị nhận một công việc hợp đồng ở Scotland. Margaret không vui về gì, và nói rằng nếu tôi đi cô ấy sẽ không đi cùng, dù rằng nếu không nhận công việc này tôi sẽ phải sống nhờ vào tiền trợ cấp thất nghiệp. Cuối cùng tôi quyết định đi. Nó cho tôi một lối thoát khỏi mối quan hệ đang xấu dần đi của tôi với Margaret và cũng cho tôi thoát khỏi sự hỗn loạn trong tâm trí mình khi nghĩ đến Irene. Nó cũng cho tôi thu nhập - thứ mà tôi cần phải có - và chút khoảng không.

Trong khi tôi thử phào vì tới sống ở Scotland và tránh được những căng thẳng triền miên với Margaret, thời gian đó khá ảm đạm với tôi. Tôi sợ rằng cơ hội duy nhất được ở bên Irene của mình đã biến mất, và tôi cảm thấy mình đã mất tất cả mọi thứ. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy suy sụp như vậy.

Những tháng tiếp theo đó tôi tập trung vào công việc, và trong thời gian này Margaret và tôi đã đồng ý chấm dứt mối quan hệ của chúng tôi. Dù sao mọi chuyện cũng đã kết thúc lâu rồi, chỉ là chúng tôi không nói ra. Những tháng sau đó chúng tôi mất liên lạc. Vì thế nên hai năm sau, khi nghe tin cô ấy đã mất vì biến chứng của bệnh tiểu đường khởi phát muộn, tôi đã choáng váng và rất đau buồn. Trước khi mất cô ấy đã ốm suốt nhiều tháng, và tôi cảm thấy rất buồn - nếu như biết sớm tôi đã có thể tới thăm cô ấy.

Cái chết của Margaret và những vấn đề với những cơn đau ngày càng gia tăng trên cổ và lưng tôi khiến cho bệnh suy giảm nhận thức của tôi trầm trọng hơn. Tôi được chẩn đoán bị thoái hoá đốt sống, thoái hoá khớp và những đĩa cột sống thấp hơn của tôi có vấn đề - có một dây thần kinh bị mắc kẹt ở đó, tôi cảm thấy chắc chắn là do những trận đòn tôi đã phải chịu đựng khi còn nhỏ, cụ thể là một lần đánh đập dã man của thầy Hiệu trưởng ở Stanhope khi tôi 12 tuổi, lần đó ông ấy đã đánh tôi đến gãy cả gậy đi bộ của mình.

Khi cơn đau ở lưng tôi ngày càng tệ hơn đến nỗi tôi phải nghỉ việc, tôi biết đã đến lúc mình phải trở lại Sunderland để tìm lại Irene. Đã ba năm kể từ ngày chúng tôi gặp nhau ở phòng gym và trong thời gian đó dường như tôi đã đánh mất linh hồn cuộc sống của mình. Tôi đã ngu ngốc làm sai. Tôi đã không đi theo con đường mà tôi biết là đúng, tôi đã ném đi cơ hội được hạnh phúc cùng Irene, và

từ đó chẳng có gì đúng đắn cả.

Irene là người duy nhất dành cho tôi - tôi đã luôn biết điều đó và tôi sẽ tìm lại cô ấy. Tôi không biết liệu bây giờ cô ấy có còn làm việc ở phòng tập không, nhưng bằng cách nào đó tôi sẽ tìm cô ấy. Và lần này, tôi sẽ không buông tay.

Irene

Việc Alan không quay trở lại phòng tập nữa khiến tim tôi tan nát. Ngày qua ngày tôi trông ngóng ra cửa, hy vọng cậu ấy sẽ bước vào, và tôi quần quanh sau giờ học thể hình của Margaret, hi vọng biết đâu cậu ấy có thể đến đón cô ấy. Nhưng cậu ấy không bao giờ đến nữa.

Cậu ấy chỉ quay lại đúng một lần sau lần gặp lại đầu tiên, và khi nhìn thấy cậu ấy tôi hạnh phúc đến nỗi chỉ muốn thời gian ngừng trôi ngay lúc đó. Cậu ấy hỏi tôi giờ thế nào và khi cậu ấy ghé xuống bàn lễ tân tay chúng tôi đã khẽ chạm nhau trong một giây. Nhưng sau đó cậu ấy biến mất.

Tôi tự nhủ mình chỉ muốn gặp cậu ấy để cùng đi uống một cốc trà, nhớ lại những ngày xưa cũ. Chẳng hại gì cả. Nhưng tôi biết mình đang lừa dối chính bản thân mình. Khoảnh khắc tôi nhìn thấy cậu ấy tôi đã biết đây là người đàn ông tôi muốn ở bên, và tôi sẽ không bao giờ có cảm giác đó với bất kỳ ai khác nữa.

Tôi không thể liên lạc với cậu ấy. Cậu ấy đã có người khác. Tôi không có quyền hi vọng cậu ấy sẽ chia tay Margaret để đến với tôi. Nhưng điều đó không ngăn tôi ước ao và hy vọng rằng bằng cách nào đó, mà không có ai bị tổn thương, chuyện đó có thể xảy ra. Mỗi khi nghĩ đến cậu ấy và nhớ cậu ấy tôi đã rất tuyệt vọng. Bây giờ tìm lại được cậu ấy và lại để mất cậu ấy lần nữa thì thật đau đớn vô cùng. Và có vẻ như tôi đã mất cậu ấy thật. Nhiều tháng trôi qua, cậu ấy không bao giờ quay lại nữa, và khi Margaret tới phòng tập tôi nghe nói Alan đã đi làm ở Scotland. Tôi rất thất vọng, và khao khát được biết câu trả lời. Có phải cậu ấy đã chia tay với cô ấy rồi không? Nếu đúng là như vậy, thì tại sao cậu ấy lại tới Scotland?

Với tất cả nỗ lực, tôi giải quyết mọi chuyện bằng cách tiếp tục cuộc sống của mình, dành tâm trí cho công việc và dành thời gian với con gái và các cháu tôi. Khi tinh thần ủ rũ, tôi lại tự nhắc mình tôi đã hạnh phúc biết bao khi có họ.

Lưng tôi ngày càng tệ thêm, và vài năm sau đó tôi cuối cùng cũng phải rời bỏ công việc của mình. Tôi nhớ phòng tập, nhớ bạn bè ở đó rất nhiều. Ngay sau đó tôi nhận được cuộc gọi từ trại dưỡng lão nơi cha tôi sống. Họ nói với tôi rằng ông đã rất yếu rồi, và khi tôi đến đến nơi cha đã qua đời. Tôi đau đớn tột cùng, vì tôi cảm thấy chúng tôi chỉ vừa mới bắt đầu hiểu nhau hơn và vẫn còn rất nhiều điều chúng tôi chưa kịp nói.

Không bao lâu sau thì chị Greta của tôi qua đời vì căn bệnh ung thư vú, tôi suy sụp và không thể ngừng khóc. Cứ như thể có một cái giếng lớn chất đầy đau buồn mở ra trong lòng tôi, vì tất cả những người tôi đã mất và tất cả những sự cô đơn tôi đã phải chịu đựng. Tôi đã bị suy sụp nghiêm trọng và phải viện đến sự trợ giúp của một bác sỹ tâm lý. Với sự giúp đỡ của anh ấy, tôi bắt đầu hiểu được những vấn đề của tôi bắt nguồn từ việc tôi mất mẹ. Trong những năm sau đó, khi tôi được chuyển cho hết người này đến người kia nuôi nấng và rồi cuối cùng phải vào trong trại trẻ, tôi đã chôn chặt mọi nỗi sợ hãi, mọi đau buồn và mất mát của mình. Điều này khiến tôi bị stress và căng thẳng liên tục, giống như một bàn tay nắm chặt mà không bao giờ được thả lỏng ra, và chắc chắn không thể tránh khỏi đến một lúc nào đó mọi thứ sẽ tràn. Mất Alan lần thứ hai, rồi công việc, rồi tới cha và chị gái khiến tôi không thể chịu đựng thêm được nữa, và khoảnh khắc ấy đã đến. Tôi đã trải qua một sự suy sụp lớn, may thay với sự trợ giúp tôi nhận được và tình yêu thương và sự ủng hộ từ Joanne và chị Pat, tôi đã vượt qua được.

Khi đã cảm thấy ổn hơn, tôi nghĩ mình cần có một sự bắt đầu mới mẻ. Thậm chí tôi đã hẹn hò với những người mới. Nhưng sâu trong tim mình tôi biết mình chỉ là đi qua những bước của một mối quan hệ. Bởi vì dù có định làm gì đi nữa, tôi cũng không thể quên được Alan.

Alan

Mất thêm một năm để tôi tiết kiệm đủ số tiền cần có và trở về Sunderland, chuyển tới một căn hộ gần trung tâm thành phố. Toà nhà có hai căn hộ nữa, và may thay hàng xóm của tôi đều rất tốt bụng. Tôi thường nói chuyện với Jan - người sống ở tầng trên, và cảm giác như có một sự trùng hợp kì diệu khi cô ấy nói với tôi rằng chị cô ấy cũng từng sống ở Cottage Homes và Rennie Road, dù

không cùng thời gian tôi ở đó. Có vẻ như có rất nhiều người giống như chúng tôi ở xung quanh đây.

Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp các anh mình, nhưng tôi đã không gặp những người còn lại trong gia đình suốt nhiều năm. Vì thế lại là một sự trùng hợp lớn nữa khi tôi tình cờ gặp Sonia, đưa em gái cùng cha khác mẹ đầu tiên của tôi và hoá ra con bé sống ở con phố bên cạnh.

Thật tốt khi gặp lại con bé và tôi quyết định phải liên lạc với những thành viên khác trong gia đình. Nhưng trước hết tôi muốn tìm Irene. Tôi biết cô ấy sẽ bị sốc khi gặp lại tôi sau một thời gian dài như vậy, và tôi biết có thể bây giờ cô cũng đã có ai đó khác, nhưng tôi vẫn muốn tìm xem liệu có còn cơ hội nào cho chúng tôi hay không. Tôi hy vọng cô vẫn còn làm việc ở trung tâm thể hình vì tôi không biết cách nào khác để tìm cô ấy. Nhưng khi tôi đến đó hỏi, người ta nói với tôi rằng Irene đã nghỉ việc được một thời gian rồi. Người ở trung tâm cũng không biết địa chỉ của cô ấy, và trái tim tôi lại tan vỡ. Giờ sao tôi có thể tìm được cô ấy đây?

Tôi nhận ra mình sẽ phải dựa vào số phận mang chúng tôi lại với nhau lần nữa. Nhưng tôi có thể giúp ông trời một tay. Tôi đã suy luận rằng hẳn cô ấy phải đi mua sắm ở trung tâm thành phố, vì thế tôi dành thời gian rảnh rỗi đi vòng quanh những con đường trong thành phố với hi vọng khi cô ấy đến, tôi đã đang ở đó tìm cô ấy.

Vài ngày sau khi tôi đang ở trong một cửa hàng cùng với Sonia, tôi nhìn thấy Irene. Nơi này quá đông nên tôi chạy xuống một lối đi và tìm cách lách tới chỗ cô ấy vừa xuất hiện. Khi đã đến gần cô ấy, tôi vẫn còn hơi nghi ngờ. Tôi đặt tay lên vai cô ấy, và khi người đó quay lại, hóa ra lại không phải là Irene. Đỏ mặt vì xấu hổ, tôi xin lỗi và giải thích rằng tôi đã nhận nhầm người.

Em gái tôi hỏi tôi rằng tôi đã tưởng đó là ai vậy, vì thế khi chúng tôi về tới căn hộ tôi kể với nó và cả với Jan - khi đó đang bước xuống cầu thang - câu chuyện của tôi và Irene. Đó là lần đầu tiên tôi kể cho ai đó về Irene và tôi ngạc nhiên nhận thấy cảm giác được kể ra thật tuyệt. Họ có vẻ thực sự bị xúc động bởi câu chuyện của tôi và họ muốn biết nhiều hơn. Nhưng tôi vẫn còn thận trọng trong việc tiết lộ cảm xúc của mình vì điều đó khiến tôi cảm thấy mình sẽ dễ bị tổn thương hơn.

Không lâu sau đó tôi đến thăm anh Geogre. Thật tốt khi được gặp anh ấy và sau khi rời khỏi nhà anh, tôi quyết định đi bộ trên một tuyến đường khác về lại căn hộ của mình vì tôi cần mua ít đồ ở một cửa hàng trong thị trấn. Khi tôi đến vòng xoay St Michael's, bất chợt tôi ngẩng lên và thấy một chiếc xe đi qua vòng xoay - và Irene đang ngồi ở ghế hành khách. Tôi bắt đầu vẫy và cô ấy nhìn thấy tôi và bắt đầu vẫy lại. Tôi có thể thấy cô ấy nói gì đó với tài xế nhưng chiếc xe không dừng lại và trong khoảnh khắc cô ấy lại biến mất. Tôi đứng đó nhìn theo cô, tự hỏi tại sao cô ấy không dừng lại. Có phải cô ấy đã có người khác? Có phải giờ đây tôi là người phải chờ đợi cô ấy không?

Được, tôi sẽ chờ. Tôi sẽ chờ dù cho có mất bao lâu đi chăng nữa. Và nếu tôi gặp cô ấy một lần, lần sau tôi có thể sẽ lại gặp lại cô ấy. Tôi chỉ cầu nguyện cho lần sau mau đến, và khi đó tôi sẽ không để mất cô ấy như năm năm trước.

Tôi kể về những gì đã xảy ra ngày hôm đó cho Jan và Sonia và bảo họ tôi sẽ không bao giờ có thêm một mối quan hệ nào khác nếu người đó không phải là Irene. Tôi sẽ đợi, và chắc chắn khi chúng tôi gặp lại nhau tôi đang hoàn toàn tự do và đợi chờ cô ấy. Tôi không hạnh phúc chút nào khi gắn bó với những người khác đột nhiên xuất hiện trong đời tôi, tôi chỉ cảm thấy biết ơn khi biết người ta muốn gắn bó với mình và rồi dần thân vào bị kịch. Irene là người phụ nữ tôi sẽ đi cùng tới cùng trời cuối đất, người phụ nữ tôi đã luôn yêu và sẽ luôn yêu. Bằng cách nào đó, tôi sẽ tìm lại cô ấy lần nữa và nói ra hết với cô ấy những cảm xúc của mình.

Irene

Khi tôi nhìn thấy Alan đang bước đi gần vòng xoay, tôi đã chết sững. Cậu ấy đeo một chiếc túi sau lưng và vẫy tay với tôi, và tôi điên cuồng vẫy lại. Tôi đã hét lên với người tài xế “Bấm còi đi! Dừng lại” nhưng ông ta nói “Tại sao? Có chuyện gì?”. Chỉ trong vài phút chúng tôi đã bỏ Alan lại phía sau và vì tôi cảm thấy không thể giải thích được nên chúng tôi không thể quay ngược lại. Nhưng tâm trí tôi hỗn loạn. Cậu ấy đã trở lại! Cậu ấy sống ở đâu? Tôi phải đi tìm cậu ấy! Đột nhiên mọi thứ thay đổi. Alan không ở Scotland, cậu ấy đã trở lại Sunderland. Tôi chỉ cần tìm cậu ấy.

Ngay khi về đến nhà, tôi lấy hết can đảm để kết thúc mối quan hệ mà tôi đang có. Tim tôi vốn vẫn không nằm ở đó. Và giờ đây khi tôi đã thật sự nhìn thấy Alan, tôi biết chắc chắn tại sao lại như vậy.

Ngay lúc đó tôi quyết định rằng mình sẽ không bao giờ hẹn hò với ai khác nữa. Phải là Alan hoặc không ai cả. Nếu tôi không tìm thấy cậu ấy, ít nhất tôi vẫn còn có gia đình. Nhưng nếu tôi muốn gắn bó với ai đó, thì tôi biết người đó phải là Alan.

25 - Cuối cùng

Irene

Những ngày sau tôi lái xe trở lại con đường đó, đi qua vòng xoay St Michael's, hy vọng biết đâu Alan sống ở đâu đó gần đây và tôi có thể bắt gặp cậu ấy lần nữa. Nhưng chẳng thấy bóng dáng cậu ấy. Tôi quyết tâm từ sau mỗi khi đi đâu tôi cũng sẽ để ý tìm cậu ấy, hy vọng rằng chúng tôi đủ may mắn để có thể tình cờ gặp lại nhau. Buồn cười là hóa ra phải tới tận 3 tháng sau, khi tôi đi bộ vào thành phố, vừa đi vừa nói chuyện với một người bạn của tôi thì tình cờ tôi quay đầu đúng lúc nhìn thấy Alan đang đứng bên kia đường.

Trái tim tôi choáng váng, và trước khi kịp suy nghĩ tôi đã hét to gọi tên cậu ấy.

Tôi không chú ý rằng những cái đầu trên đường đều ngoảnh nhìn chúng tôi khi tôi hét to như vậy, cũng không biết mọi người đã đứng lại xem chuyện gì xảy ra. Tất cả những gì tôi nhìn thấy là hình ảnh Alan chạy một vòng, băng qua đường tới chỗ tôi. Chúng tôi quàng tay ra ôm lấy nhau. Tôi cười đến mức sắp khóc, nói với cậu ấy rằng “Mình đã luôn tìm cậu. Mình không ở bên ai khác cả.” Khi cậu ấy cũng nói với tôi những điều tương tự tôi cảm thấy như tất cả những mảnh vỡ trong tim mình đã liền lại với nhau. Tôi biết cuối cùng chúng tôi cũng có thể ở bên nhau rồi.

Cậu ấy ôm chặt tôi, rồi quay sang bạn tôi cậu ấy nói “Tôi đã yêu người phụ nữ này trọn cuộc đời tôi”, và tôi nghĩ khoảnh khắc đó là điều tuyệt vời nhất tôi từng được nghe thấy trên đời. Bạn tôi chỉ có thể đứng đó, há hốc miệng nhìn chăm chăm. Khi đó tôi mới thấy có một đám đông nhỏ đã đứng quanh chúng tôi, tất cả đều nhìn chúng tôi và cười. Đổ mắt, tôi nhận ra mình hẳn đã hét quá to.

Alan ghi lại số của tôi vào lòng bàn tay rồi nói cho tôi biết nơi cậu ấy đang sống, nhưng mọi thứ nghe vẫn chưa thể tin nổi. Tôi cảm thấy như mình đang mơ, một giấc mơ tuyệt vời. Cậu ấy cứ nói đi

nói lại, rằng “Anh sẽ không để mất em nữa”. Rồi cậu ấy bảo tôi tối nay có thể ghé qua nhà cậu ấy ăn tối không, bảy giờ cậu ấy sẽ gọi lại để xác nhận.

Chúng tôi bất đắc dĩ phải buông nhau ra và chào tạm biệt. Trên đường về tôi đã hỏi bạn mình “Anh ấy nói anh ấy sống ở đâu nhỉ?”. Tôi đã hoàn toàn không nghe thấy, tôi quá choáng váng khi tìm thấy cậu ấy. Bạn tôi chỉ cho tôi địa chỉ nhà Alan. Tôi không thể tin nổi hóa ra tôi gần như đã đi qua nhà cậu ấy mỗi ngày, thường xuyên đứng đợi đèn báo hiệu sang đường chỗ cuối vườn nhà cậu ấy.

Đầu óc tôi quay cuồng và tất cả những gì tôi có thể nghĩ là tối đó tôi sẽ gặp lại cậu ấy. Nhưng rồi tôi đột nhiên nhớ ra rằng tôi đã hẹn tối đó tới trông bọn trẻ giúp Joanne, và tôi phải có mặt ở nhà con gái lúc sáu rưỡi. Tôi đã không lấy số điện thoại của Alan và tôi không thể chịu đựng nổi ý nghĩ rằng khi cậu ấy gọi cho tôi lúc bảy giờ tối nay thì tôi lại không thể đến đó.

Tôi nhắm mắt lại, thầm cầu nguyện Alan sẽ gọi sớm. Tôi thì thầm “hãy gọi cho em lúc sáu giờ nhé.”

Alan

Trong suốt 3 tháng kể từ khi nhìn thấy Irene ở vòng xoay, ngày nào tôi cũng đi bộ vào thành phố bất kể dù thời tiết có thế nào. Tôi đã luôn tìm kiếm cô ấy. Vì thế tôi đã hoàn toàn sững sờ khi chính Irene là người gọi tên tôi trước.

Khoảnh khắc ấy tôi biết đó là Irene, và đột nhiên chính trong giây phút ấy, toàn bộ cuộc đời tôi đã thay đổi. Như thể tôi vẫn ở trong một đường hầm và tự nhiên được ló ra gặp ánh mặt trời.

Tất cả những gì tôi nhớ là mình đã ôm chầm lấy Irene và nói rất nhiều lần rằng tôi không còn ở bên ai nữa, sau đó nói với bạn cô ấy rằng tôi yêu cô ấy, rồi ghi lại số điện thoại của cô ấy trên tay và kiểm tra lại để chắc chắn mình đã ghi đúng số.

Sau khi chào tạm biệt Irene, tôi tới cửa hàng mua một chút rượu. Tôi muốn thời khắc đầu tiên chúng tôi ở bên nhau phải thật đặc biệt. Tôi gần như không thể tin rằng chúng tôi có thể chuyện trò đúng nghĩa sau 45 năm. Tôi về nhà, và sau đó phải tới kể cho Jan và Sonia về lần gặp lại Irene vì tôi không thể không nói cho ai đó biết chuyện này. Họ đều rất vui mừng và chúc chúng tôi sẽ có một buổi tối vui vẻ.

Tôi đã nói sẽ gọi cô ấy vào lúc bảy giờ, nhưng cuối cùng tôi không thể đợi được. Đúng 6 giờ tôi đã tha thiết muốn biết cô ấy có đến không, vì thế tôi gọi cô ấy sớm hơn 1 tiếng so với giờ hẹn. Irene nói cô ấy cũng chờ tôi gọi sớm, vì cô ấy phải tới trông các cháu giúp con gái mình nên sẽ đến chỗ tôi hơi muộn.

Bây giờ tôi đã biết chắc chắn rằng cô ấy sẽ tới, và tôi cảm thấy niềm hạnh phúc ngập tràn. Tôi làm mì pasta với nước sốt Bolognese đơn giản và salad, thấp nền trên bàn. Khi chuông cửa vang lên cũng là lúc tôi đã kiểm tra mọi thứ đủ chưa hàng chục lần.

Khi tôi ra mở cửa, Irene đứng đó và nhìn thật đáng yêu đến nỗi tôi cảm thấy không thể thở nổi. Không nói gì, tôi ôm lấy cô ấy. Đứng đó cùng nhau, cảm nhận được cô ấy đã ở thật gần, cảm nhận được trái tim của cô ấy cũng dành cho tôi và cô ấy cũng quàng tay ôm lưng tôi, tôi biết mình chưa bao giờ hạnh phúc đến như thế.

Sau đó chúng tôi ngồi vào bàn, nói chuyện và tôi nắm lấy tay cô ấy đang đặt trên bàn và không thể ngừng mỉm cười. Ngắm nhìn cô ấy trong ánh nến tôi chỉ chắc chắn một điều - tôi sẽ không bao giờ để cô ấy đi nữa. Vì thế khi Irene nhẹ nhàng nói với tôi rằng cô ấy không muốn về, tôi đã bảo tôi cũng không định để cô ấy đi, dù là bây giờ hay mãi mãi về sau. Chúng tôi đã đợi chờ quá lâu nên không thể nào bị chia tách được nữa.

Irene

Thật khó để có thể miêu tả những xúc cảm mãnh liệt của đêm đầu tiên bên nhau. Tất cả những điều đó tôi đã ao ước từ rất lâu rồi. Tôi cảm thấy rất mãn nguyện, hạnh phúc và trọn vẹn. Và đó mới chỉ là khởi đầu. Ngày hôm sau chúng tôi chỉ nói chuyện và nói chuyện. Có quá nhiều thứ để kể, quá nhiều câu hỏi cần lời giải đáp.

Tôi bị sốc khi biết không phải Alan được nhận nuôi ở Whitby. Cả hai chúng tôi đã bị nói dối quá nhiều. Biết điều đó khiến tôi tổn thương sâu sắc. Các nhà chức trách thực sự nghĩ rằng tình bạn của hai đứa trẻ nhỏ lại nguy hiểm đến vậy hay sao?

Nhưng những chuyện tôi biết sau đó còn tệ hơn. Tôi buồn không thể tả nổi khi nghe Alan kể trong suốt năm đó đã làm những gì để có thể về tìm tôi. Nước mắt tôi gần như trào ra khi biết buổi sáng mùa đông năm 1960 khi tôi nghĩ mình đã mất cậu ấy thì hóa ra cậu ấy chỉ cách tôi có chưa đầy 200 mét.

Alan an ủi tôi và quàng tay qua vai tôi, nói rằng thật tốt khi chúng tôi có thể kể cho nhau nghe tất cả mọi chuyện, để có thể để những chuyện đó lại phía sau và chờ đón những gì tốt đẹp đang đợi chúng tôi phía trước.

Vì thế chúng tôi tiếp tục trò chuyện, chia sẻ những gì cả hai chúng tôi đều đã trải qua. Alan không nghĩ tôi vẫn ở Rennie Road suốt những năm về sau vì cậu ấy đã bị chuyển từ nơi này sang nơi khác quá nhiều lần.

Khi trò chuyện chúng tôi bị cuốn vào việc khám phá ra những sự trùng hợp và những lần chúng tôi đã ở gần nhau trong gang tấc. Tôi không thể tin nổi dì Anita ở cửa hàng đồ cũ lại là mẹ kế của Alan, và rằng có thể khi tôi ở đó nói chuyện với cô ấy, cậu ấy đã ở ngay trên lầu trên, đang uống trà với cha cậu. Hay là chuyện Alan đã chuyển tới một ngôi nhà chỉ cách nơi tôi sống có vài trăm mét. Suốt vài năm chúng tôi đã đi bộ trên cùng những con đường, đến cùng các cửa hàng, đi xem phim ở cùng một rạp chiếu, đi cùng một cái chợ và đến cùng những câu lạc bộ đêm. Chúng tôi đã ở gần nhau biết bao nhiêu, nhưng chưa bao giờ con đường của chúng tôi giao nhau. Thậm chí có thể chúng tôi đã đi ngang qua nhau mà không nhận ra, trên một con đường đông đúc hoặc trong bóng tối của những câu lạc bộ đêm.

Đó không phải là những lần duy nhất chúng tôi ở gần nhau. Hóa ra người tôi cảm thấy thân quen ở trên bãi biển Seaburn cũng có thể chính là Alan, trong bộ đồ quần soóc và áo thun màu đỏ của cậu ấy.

Chúng tôi đã ở quá gần để có thể tìm thấy nhau, nhưng lại không thể tìm thấy nhau, mãi cho đến tận bây giờ.

Alan

Tôi và Irene đều biết rằng một đêm tuyệt vời cũng không thể bù đắp cho 45 năm đã mất, nhưng nó thực sự có ý nghĩa! Và ngày hôm sau là ngày đầu tiên chúng tôi ở bên nhau như là những người lớn, khi cuối cùng cả hai đều đã tự do và vẫn còn vẹn nguyên tình yêu.

Đó là khi tất cả những năm chia cách và đi tìm nhau của chúng tôi tua lại trong tâm trí tôi. Người ta nói bạn sẽ nhìn thấy toàn bộ cuộc đời mình tua chậm chậm trước khi chết, nhưng bây giờ tôi đã

đang nhìn thấy nó, như thể tôi được sinh ra thêm lần nữa. Khoảng trống trong lòng tôi, khoảng trống đã ở đó quá lâu, giờ bắt đầu được lấp đầy khi cuối cùng chúng tôi có thể ở bên nhau.

Chúng tôi trò chuyện, trò chuyện và không ngừng bất ngờ khi phát hiện ra thêm nhiều những chuyện xảy ra với chúng tôi trong suốt những năm đó. Gương mặt Irene ánh lên sự choáng váng kinh hoàng khi cô ấy biết tôi chưa từng tới Whitby. Cô ấy hẳn đã bị lừa dối suốt một thời gian quá dài.

Chính tôi cũng sốc khi biết cô ấy đã nỗ lực tìm tôi vào những mùa hè ở Whitby như thế nào, và tôi nhận ra chúng tôi đã tới cùng một bãi biển, cùng đi tìm nhau, trong suốt những mùa hè đã qua.

Sáng hôm đó chúng tôi nhận ra rằng có thể chúng tôi sẽ mất hàng năm trời để khám phá những chuyện đã xảy ra suốt thời thơ ấu của cả hai. Nhưng chúng tôi đều cảm động khi biết cả hai chúng tôi đều đã cố gắng tìm nhau và chưa từng từ bỏ hy vọng sẽ gặp lại nhau. Bây giờ chúng tôi đã chắc chắn rằng mình sinh ra là dành cho nhau và không gì có thể chia lìa chúng tôi lần nữa.

Giữa những cuộc nói chuyện nghiêm túc, chúng tôi vẫn giống như những đứa trẻ của ngày xưa, cùng cười vì những thứ ngớ ngẩn nhất. Một cái gật đầu hay một ánh nhìn cũng đủ để chúng tôi quay ngược thời gian, hiểu chính xác người kia trải qua hay cảm thấy như thế nào. Chúng tôi đã trải qua và chịu đựng quá nhiều, nhưng việc được ở bên nhau sẽ là liều điều trị chữa lành những vết thương của cả hai.

Irene

Lần đầu tiên nghe tôi kể chuyện của mình và Alan, gia đình tôi đã rất kinh ngạc. Cuối cùng, sau khi chôn giấu nó trong lòng quá lâu, tôi muốn cả thế giới đều biết chuyện của chúng tôi. Joanne và các cháu tôi cùng chị Pat rất vui vì cuối cùng tôi đã tìm thấy tình yêu thực sự của đời mình và họ đều chào đón Alan với vòng tay rộng mở.

Giờ đây, những ngày ở cùng với Alan là những ngày hạnh phúc nhất trong cuộc đời tôi. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm nhận đầy đủ cảm giác thuộc về nhau. Và dù những chuyện chúng tôi kể cho nhau nghe về quá khứ đều là những câu chuyện buồn, chúng tôi vẫn cười suốt cùng nhau. Tôi chưa từng cười vui vẻ như thế kể từ

khi tôi lên chín.

Không lâu khi trở về bên nhau, chúng tôi quyết định phải trở lại Whitby và ghé thăm những nơi đặc biệt chúng tôi đã có những kỉ niệm bên nhau. Vì thế chúng tôi khởi hành lên đường tới Whitby một ngày. Ngày hôm đó đã mang lại cho chúng tôi quá nhiều cảm xúc hỗn độn. Tôi phải cố kìm nén nước mắt khi nhớ lại những lần tôi đã ở đó một mình, chạy khắp nơi đi tìm Alan. Và cậu ấy thì buồn khi nghĩ lại khoảng thời gian cậu ấy đã ở đó cùng với các cậu bé ở Standhope và chúng tôi có thể đã ở đó cùng lúc.

Chúng tôi tới một nhà hàng cá và ngồi đó nói chuyện suốt bữa trưa. Alan kể tôi nghe cậu ấy thích những con tàu đến nhường nào và tôi nói với cậu ấy về nỗi sợ nước của mình, kể từ lần tôi đi trên chuyến tàu bị chìm ở Whitby. Tôi vẫn nhớ cảnh tượng những đứa trẻ đều la hét, và tôi đã sợ hãi như thế nào.

Alan có vẻ buồn, và sau đó cậu ấy thú nhận cậu ấy chính là người khiến cái tàu bị chìm. Cậu ấy cũng ở trên con tàu ngày hôm ấy nhưng đứng ở chỗ khác cùng đám con trai, và khi nhìn thấy một thứ giống như nút chai gắn trên boong tàu, cậu ấy đã thắc mắc không biết nó là gì và giật nó lên. Cuối cùng nó bật ra và nước tràn vào. Có vẻ đó là một lỗ cấm ống thoát nước để gạt nước trong tàu ra khi tàu về bờ. Nghe đến đó tôi gần như không thể nào thở nổi!

Cậu ấy vẫn nhớ tất cả mọi người đều la hét, vẫn nhớ những người lớn cuống cuống đưa tàu về bờ trước khi nó kịp chìm. Khi đã về bờ an toàn cậu ấy trốn dưới những lều trại khi người ta truy tìm người khiến tàu chìm. Cậu ấy đã không bị bắt. Cuối cùng chúng tôi đều cảm thấy chuyện đó thật buồn cười. Và để bù đắp cho nỗi sợ nước một đời của tôi, Alan đã đề nghị sẽ dạy tôi tập bơi.

Ngày trở về Whitby hôm đó của chúng tôi thật tuyệt, và chúng tôi quyết định sẽ thường xuyên trở lại đó bất cứ khi nào có thể.

Alan

Sau chuyến đi của chúng tôi tới Whitby, tôi đã quyết định sẽ đưa Irene đi đâu đó chỉ để được ở bên nhau và khám phá thế giới. Lạy Chúa, tôi không có tiền, nhưng tôi có một chiếc lều! Và Irene có ô tô, vì thế chúng tôi tới những cao nguyên ở Scotland.

Trời cứ mưa mãi, và đám muỗi vằn thì hoành hành ghê gớm, vì thế tôi hơi chán khi nghĩ tới những khoảnh khắc lãng mạn mình đã

sớm hình dung ra. Nhưng dù có một chút khó khăn, tinh thần của chúng tôi vẫn rất phấn chấn. Chúng tôi đã có một ngày trọn vẹn trên hòn đảo Iona xinh đẹp. Nơi đó thật như một phép màu, với bầu trời xanh trong vắt, ánh mặt trời ấm áp và những bãi biển cát trắng.

Trở về nhà chúng tôi bắt đầu lên kế hoạch cho cuộc sống tiếp theo sau đó. Lúc nào chúng tôi cũng muốn được ở bên nhau, vì thế nên phải quyết định chúng tôi sẽ sống ở đâu. Đầu tiên chúng tôi cảm thấy nên tìm một nơi mới, một ngôi nhà ngay từ đầu đã là của hai chúng tôi. Chúng tôi tìm nhà suốt hàng tuần trời, nhưng không thành công. Vì thế tôi suy nghĩ lại về những ngôi nhà chúng tôi đã có. Căn hộ một phòng ngủ của tôi quá nhỏ để có thể bảo Irene rời căn hộ cô ấy đã sống 30 năm dọn tới chỗ tôi.

Irene nói cô ấy có thứ quan trọng muốn cho tôi xem, vì thế cô ấy dẫn tôi tới nhà cô ấy và chúng tôi ra vườn. Giữa những khóm hoa mọc lên những bông hoa chuông nho nhỏ. Cô ấy đã trồng nó từ lâu rồi để nó gợi nhắc cô ấy về những ngày tươi đẹp ở rừng hoa chuông. Khoảnh khắc ấy chúng tôi đã ôm nhau rất lâu và rồi quyết định nhà Irene là nơi chúng tôi sẽ cùng nhau xây dựng tương lai. Tôi rời khỏi căn hộ của mình, đóng gói đồ đạc chuyển tới nhà cô ấy. Ngay từ ngày đầu tiên chúng tôi đã cảm giác đây đúng là lựa chọn đúng đắn - căn nhà là của chúng tôi. Chúng tôi quyết định trang trí lại toàn bộ ngôi nhà để chúc mừng.

Những năm sau đó chúng tôi tiếp tục về thăm Whitby. Chúng tôi nhớ lại khoảnh khắc khi đang cù nhau trên nền đất thì bị bắt gặp và rồi bị chia xa. Thậm chí chúng tôi còn tới đứng ở chỗ mà dì Nan đã bước ra ngoài cánh cửa và bắt gặp hai đứa. Nhưng bây giờ chúng tôi đã không còn đau khổ nữa, chúng tôi đều cười.

Chúng tôi cũng đến những nơi khác trong quá khứ. Tôi chỉ cho Irene vùng East End cũ của Sunderland nơi tôi được sinh ra, và cô ấy đưa tôi đến Burdon Hall nơi cô ấy bị gửi tới khi còn là một đứa trẻ chấp chững. Nhưng chuyến về thăm Rennie Road mới khiến tôi ngạc nhiên nhất. Đó là lần đầu tiên tôi quay lại kể từ ngày tôi bị chuyển đi. Tôi đã không nhận ra nơi đó cho đến khi cảm nhận rõ sức ảnh hưởng của nó tới tôi. Cảm xúc của tôi vẫn thế, không hề thay đổi, những cảm xúc nằm đâu đó sâu trong lòng tôi và giờ chúng trào ra, vẫn mãnh liệt như ngày hôm nào năm 1960. Tôi cảm

thấy mình lại là đứa trẻ bảy tuổi năm nào – một đứa trẻ không có khả năng phản kháng và quá choáng váng đến nỗi phải rời khỏi đường Rennie. Thật sốc khi nhận ra rằng thời thơ ấu của tôi đã đau khổ hơn bất cứ thứ gì trên đời. Tôi cảm thấy như thể có một con người khác sống bên trong tôi mà cho tới tận lúc đó tôi mới nhận ra.

Chúng tôi đi bộ lên đồi Bunny và đứng trên đỉnh đồi nhìn quang cảnh xung quanh. Rừng hoa chuông đã không còn nữa, phi trường và những người nhảy dù lơ lửng cũng thế. Nhưng lâu đài cũ vẫn ở đó, và phía đồi xa tượng đài Penshaw vẫn lừng lững đầy kiêu hãnh.

Có rất nhiều nơi đã thay đổi khi chúng tôi về thăm. Cả những nhà máy đóng tàu rải rác lộn xộn trên bờ sông giờ cũng đã không còn. Không còn các mỏ than, không còn đường sắt, không còn những chiếc xe ngựa chở những thùng bia vòng quanh thị trấn. Nơi tôi sinh ra bây giờ đã là một khu dân cư thanh bình. Nhưng hồi ức về những ngày hè ngây thơ, những người nhảy dù và rừng hoa chuông vẫn ở lại mãi với chúng tôi.

Chúng tôi tới những trại trẻ khác mà chúng tôi đã từng sống, những ngôi nhà chúng tôi đã từng ở, những trường học chúng tôi đã từng học, và những nơi chúng tôi đã từng làm việc. Thậm chí chúng tôi còn đi qua thung lũng tới lâu đài ở Standhope - tôi chỉ cho Irene cửa sổ phòng ngủ của mình. Và tôi đưa cô ấy tới cánh đồng hoang có những con gà gô mà tôi đã đi qua vào lần cuối cùng đi tìm cô ấy.

Đó là một cuộc hành trình đầy khám phá, vẽ lại cuộc sống của chúng tôi suốt những năm tháng bị chia lìa. Ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra nếu như chúng tôi không bị chia cắt? Liệu ở bên nhau chúng tôi có còn cảm xúc mãnh liệt với nhau như khi chia xa? Chúng tôi sẽ chẳng bao giờ biết được. Điều duy nhất chúng tôi đều biết chắc là cuối cùng chúng tôi cũng được ở bên nhau, và chẳng còn điều gì quan trọng nữa.

26 - Em có đồng ý...?

Alan

Đó một ngày khi đi ngang qua cửa hàng du lịch, chúng tôi nhìn thấy thông báo quảng cáo một chuyến du lịch tới Tunisia trong vòng 7 ngày. Giá cả khá hợp lý. Vì vậy chúng tôi dùng số tiền đã tiết kiệm được khi không mua nhà mới mà ở nhà Irene để đăng kí tham gia chuyến đi.

Đó là một kì nghỉ hoàn hảo. Khách sạn rất đáng yêu và phòng chúng tôi cũng vậy. Trong phòng có cửa dẫn ra mái hiên nằm ngay trên một vườn cam và chà là. Con đường qua vườn sẽ đi qua hồ bơi, cuối đường là những đụn cát dẫn tới một bãi biển cát sáng lấp lánh. Chúng tôi đã có một tuần vui thú, ngắm cảnh và đắm mình trong không khí ấm áp thân thiện.

Trong lúc đó tôi cũng lên kế hoạch. Tôi biết chính xác mình muốn làm gì, và tôi chắc chắn tất cả các bạn mới của chúng tôi ở khách sạn cũng biết, chỉ có Irene là không.

Bình mình ló rạng, và ngày cuối cùng của kì nghỉ đã đến. Tôi biết phải là bây giờ, hoặc là không bao giờ.

Tôi rủ Irene đi dạo biển lần cuối, và chúng tôi đi qua những đụn cát xuống bãi biển lấp lánh. Ánh nắng chiếu trên mặt biển khiến chúng tôi bị lóa mắt. Trong suốt thời gian ở đây, ngày nào chúng tôi cũng đi dạo trên bãi biển, nhặt những mảnh gốm màu xanh nhạt đã được sóng biển rửa sạch. Chúng tôi định mang chúng về nhà cùng với đám vỏ ốc mút, để Irene làm thành một ốc đảo Tunisian của riêng chúng tôi.

Irene muốn chơi chèo thuyền. Cô ấy chạy xuống nước, đứng trong mực nước ngập cổ đến đầu gối, vùng vẫy đập nước tung tóe và cười vang. Cô ấy bắt tôi phải chơi cùng. Nhưng trong đầu tôi còn suy nghĩ những chuyện khác. Tôi quay lại bờ biển, đợi cô ấy lên và tôi hơi lo lắng một chút. Chính là khi ấy: thời khắc của tôi đã đến.

Cả hai chúng tôi đều biết chúng tôi muốn ở bên nhau, nhưng tôi vẫn có rất lo lắng khi chuẩn bị cầu hôn. Có lẽ những người sắp trở thành chú rể đều như vậy.

Cô ấy chạy lên khỏi mặt nước, hướng về bãi biển, và chúng tôi cùng đi bộ, tay trong tay. Khi đã đi cách xa mép nước một đoạn, tôi quay sang cô ấy, sau đó quỳ một chân xuống, “Irene, anh yêu em. Em có đồng ý cưới anh không?”

Cô ấy ngạc nhiên đến nỗi trong một thoáng đã đứng sững. Sau đó cô ấy trả lời, “Có chứ, có, đương nhiên em sẽ đồng ý”.

Tôi đứng dậy, đeo vào tay cô ấy một chiếc nhẫn đính hôn đơn giản bằng vàng mà tôi đã chọn, rồi chúng tôi ôm và hôn nhau, cả hai đều cười tới suýt chảy nước mắt. Sau đó, thật đúng lúc, chàng trai bồi bàn thân thiện ở khách sạn - người tôi đã giới thiệu ngắn gọn phía trên - xuất hiện trên bãi cát với một chiếc máy ảnh, chụp lại khoảnh khắc đó.

Chúng tôi về lại khách sạn, và khi chúng tôi về tới bể bơi, đám đông những người khách đã đang chờ chúng tôi. Mọi người đã rí tai nhau và đều đã biết chuyện đó, tất cả đều muốn tham gia vào bữa tiệc chúc mừng.

“Cô ấy đồng ý chứ?” - một trong số họ hét lên.

Tôi đã định trêu họ và giả vờ như cô ấy đã nói “Không”, nhưng tôi đã không thể làm được. Tôi không thể che giấu nụ cười rạng ngời trên mặt mình. Irene cười và trả lời “Cô ấy đồng ý!” và những nút sâm panh bật mở, hoa xuất hiện và tất cả mọi người chúng mừng chúng tôi.

Tôi cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm và hạnh phúc. Mọi thứ đã đúng như tôi mong muốn. Có sắp đặt một chút - nhưng đó là một kết cục đáng nhớ, vui vẻ và cảm động ở một kì nghỉ tuyệt vời. Hôm sau chúng tôi về nhà trong tư cách đã kết hôn và ngập sà vui sướng.

Irene

Khi bạn tôi - Dawn - đăng ký cho tôi tham gia vào một cuộc thi Cô dâu của năm do đài phát thanh địa phương tổ chức, tôi đã nói với cô ấy rằng cô ấy bị điên rồi. Nhưng cô ấy nói cô ấy nghĩ câu chuyện của chúng tôi là câu chuyện lãng mạn nhất cô ấy từng được nghe, và rằng những người khác cũng sẽ nghĩ thế. Tôi chỉ cười và nói cô

ấy cứ làm nếu cô muốn, nhưng tôi chẳng bao giờ nghĩ mình sẽ giành chiến thắng.

Vì thế tôi rất bất ngờ khi khoảng một, hai tuần sau đó, đài phát thanh gọi tới nói tôi đã chiến thắng. Giải thưởng là một chiếc váy cưới, hoa, bánh ngọt, xe hơi và cả váy phù dâu, và còn có một kì nghỉ trăng mật ở nước ngoài. Đó là lần đầu tiên tôi giành được chiến thắng gì đó! Alan và tôi run lên vì sung sướng, và tôi đã gửi hoa và sô-cô-la tới cho Dawn để cảm ơn cô ấy.

Việc chiến thắng ở cuộc thi khiến chúng tôi có thể có khả năng tổ chức một lễ cưới lớn hơn dự tính ban đầu. Tôi đề nghị Joanne làm phù dâu chính cho tôi và cháu gái tôi - Faye và Dawn sẽ làm phù dâu. Tôi đã chọn một chiếc váy quây màu trắng xinh đẹp đi kèm với cả voan đội đầu. Và tới lúc chọn màu váy phù dâu, tôi đã biết chính xác màu mình muốn: Nó phải là một sắc xanh đặc biệt - màu xanh của hoa chuông.

Buồn là tôi không còn liên lạc với con trai tôi - Michael nữa, vì thế chúng tôi không thể mời thằng bé. Alan đã đề nghị được chồng Joane sẽ là phù rể và cháu trai tôi - Lion sẽ là người đi cùng tôi vào nhà thờ. Chuyện đó khiến tôi rất tự hào vì tất cả những thành viên trong gia đình tôi đều đã chấp nhận Alan là người trong gia đình tôi và chính Alan cũng cảm thấy như thế.

Alan

Tính đến ngày tổ chức lễ cưới, tôi và Irene đã ở bên nhau được 3 năm - và đó là 3 năm ngập tràn hạnh phúc thiên đường. Chúng tôi đều sung sướng khi được ở cùng nhau, và tận hưởng từng khoảnh khắc. Chúng tôi hầu như chưa từng bất đồng về bất cứ điều gì, và nếu chúng tôi có những ý kiến khác nhau về chuyện gì đó, cuối cùng chúng tôi sẽ chỉ thấy thật buồn cười. Sau tất cả những gì đã trải qua, chúng tôi đều biết mình chẳng bao giờ muốn buồn bã dù chỉ một ngày. Và có quá nhiều thứ phải cảm tạ trời đất, đến nỗi ngày nào với chúng tôi cũng như một ngày cần chúc mừng.

Chiến thắng trong cuộc thi thực sự là phần thưởng hấp dẫn theo đúng nghĩa đen. Điều đó có nghĩa là chúng tôi có thể mời nhiều người tới dự lễ cưới hơn, và cuối cùng danh sách khách mời của chúng tôi đã gần chạm tới con số 100.

Chúng tôi đã tìm thấy nhau vào ngày mùng 10 tháng 5, và chúng tôi muốn cưới đúng ngày đó. Chúng tôi đã đi hỏi toàn bộ địa điểm có thể, nhưng không nơi nào còn trống lịch vào ngày đó, do vậy cuối cùng chúng tôi quyết định tổ chức ngày 12 tháng 5 năm 2007, ở Mobray Sui nằm trong trung tâm hành chính Sunderland.

Đám cưới của chúng tôi là kết quả của tình yêu chúng tôi đã luôn dành cho nhau và đó là ngày đặc biệt nhất trong đời tôi và Irene. Dường như niềm hạnh phúc của chúng tôi như có sức lan tỏa. Từ khi Irene chiến thắng trong cuộc thi đó, tất cả các tờ báo địa phương đều quan tâm và câu chuyện của chúng tôi lan rộng. Vì thế khi Irene đến lễ cưới trong một chiếc xe cổ màu trắng rất đẹp, gần như một đám đông đã tụ tập ở đó sẵn. Trong lúc đó tôi đang hồi hộp chờ đợi trong căn phòng chật kín những vị khách. Irene bước vào trong tiếng nhạc bài hát chúng tôi đã cùng chọn “At last” của Norah Jones. Không bài hát nào khác có thể đúng với chúng tôi đến thế. Irene của tôi trông thật xinh đẹp. Tôi nín thở, và khoảnh khắc đó cả thế giới như đứng lại và tôi như nghe thấy người con gái tóc đỏ của tôi nói “Có” trên đồi Bunny năm nào, 47 năm về trước.

Irene

Thật hợp khi bước vào cùng Joanne, con gái đáng yêu của tôi - người luôn là động lực cho tôi và khiến tôi có thể mạnh mẽ trước những sóng gió. Khi nhìn thấy Alan, mắt tôi đã muốn khóc đến nỗi tôi gần như không thể nhìn rõ ai nữa, chỉ thấy hàng những hàng người trong phòng. Cậu ấy nhìn thật đẹp trai.

Sau khi chúng tôi đọc xong lời thề nguyện cùng nhau, anh rể của Alan - Keith - đã đọc to một đoạn văn mà Alan đã viết. Nó có tựa đề là “Tình yêu”:

Hôm nay, chúng tôi ở đây để chúc mừng tình yêu.

Tình yêu đến trong nhiều hình hài, tình yêu với gia đình, tình yêu với con trẻ, tình yêu với bạn bè.

Ngay cả tình yêu với cái đẹp và âm nhạc cũng là những biểu hiện của tình yêu.

Tình yêu thật sự giống như một ngọn lửa, bùng cháy niềm đam mê.

Tình yêu thực sự giống như ánh sáng, đêm càng tối bao nhiêu thì ánh sáng đó càng soi rọi sáng bấy nhiêu.

Tình yêu thực sự sẽ càng vững vàng hơn khi phải đối mặt với những khó khăn của nghịch cảnh, chứ không suy tàn.

Những năm đã qua không thể nhấn chìm ánh sáng của tình yêu.

Nhưng, trong sự hối hả của cuộc sống thường ngày, tâm trí chúng ta có thể lạc khỏi nó.

Những khoảng khắc như thế này nhắc nhở chúng tôi rằng tình yêu của chúng tôi vẫn nồng nàn như vậy.

Chỉ mất một khoảnh khắc, để chúng ta nhớ rằng tình yêu của mình vẫn chưa mất đi.

Chỉ là chúng ta không chú ý tới, đã đi lạc khỏi nó.

Vì vậy, ngày hôm nay, gia đình chúng tôi và các bạn cùng chúc mừng một tình yêu thực sự mà gần như đã bị chia lìa cả một đời.

Và hôm nay, ở đây, với tình yêu vẫn nồng nàn, hai người bạn thân cuối cùng đã là một nhà!

Những lời đó dường như dành cho tất cả chúng tôi. Và thời gian còn lại ngày hôm đó, chúng tôi đã vui vẻ với gia đình và bạn bè - một đám cưới hoàn hảo. Thỉnh thoảng Alan và tôi lại bắt gặp ánh mắt nhau và cười toe toét như trẻ con. Chúng tôi hiểu những gì cả hai đều đang nghĩ, rằng "Chúng tôi đã làm được rồi! Cuối cùng người ta cũng không thể chia cách chúng tôi được nữa. Chúng tôi đã tìm lại được nhau, và không điều gì, không một ai có thể chia lìa chúng tôi lần nữa."

Ngày hôm sau chúng tôi lên xe tới nơi dành cho kì trăng mật: Whitby. Chúng tôi đã đặt một ngôi nhà nhỏ của một ngư dân - căn nhà nhìn ra bến cảng và nhìn ra bãi biển đặc biệt của riêng chúng tôi. Chúng tôi đã quyết định từ rất lâu trước đó rằng tuần trăng mật của chúng tôi cũng sẽ là một khởi đầu mới. Chúng tôi đến Whitby trong niềm hạnh phúc và gạt đi tất cả những khoảng thời gian tồi tệ cả hai đã trải qua, quên đi mãi mãi. Và từ lúc đó chúng tôi sẽ bận rộn tạo nên những kỉ ức vui vẻ để chia sẻ cùng nhau, để quá khứ chẳng là gì nữa.

Tối hôm đó chúng tôi ngồi ngoài hiên nhà nhỏ, nhìn những con tàu ra vào bến cảng. Cảm giác thật quá đối bình yên khi chỉ đơn

giản được đắm chìm trong vẻ đẹp ấy, nhất là sau chuỗi ngày bận rộn chuẩn bị cho đám cưới. Bên dưới chúng tôi là khu vườn bậc thang dựa vào vách núi và một con đường nhỏ giữa vườn dẫn thẳng tới một cánh cửa nhỏ trên tường. Mở cửa ra là sẽ tới ngay bãi biển nơi chúng tôi đã từng chơi.

Và, như để chạm tới những rung cảm tốt cùng, khi ấy chúng tôi đã nhìn thấy xung quanh khu vườn nhỏ, hòa mình vào những sắc hoa sống động, là hàng trăm đóa hoa chuông.